

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN



NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 311./QĐ-SGDHN

do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội cấp ngày 27 tháng 5 năm 2019.)

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUƠNG



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN

Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 6256 3862

Fax: +84 28 3827 4115

Website: www.masangroup.com/masanresources

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUƠNG

Địa chỉ: Tầng 10 + Tầng 21, tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3944 6368

Fax: +84 24 3944 6583

Website: www.tcbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin của Tổ Chức Niêm Yết:

Họ tên: Phạm Nguyên Hải

Chức vụ: Trưởng phòng Pháp lý

Số điện thoại: +84 24 3718 2490

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN

(Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp Công Ty Cổ Phần số 0309966889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 10 năm 2018)

Trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 6256 3862

Fax: +84 28 3827 4115

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên Trái Phiếu:	MSR092021
Loại Trái Phiếu:	Trái phiếu doanh nghiệp
Mã Chứng Khoán:	MSR118001
Hình Thức và Mệnh Giá:	Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ với mệnh giá 100.000 VND/Trái Phiếu.
Ngày Phát Hành:	24/09/2018.
Ngày Đáo Hạn:	24/09/2021.
Ngày Thanh Toán Lãi:	Lãi được thanh toán định kỳ vào ngày tròn 6 (sáu) tháng và ngày tròn (12) mười hai tháng kể từ Ngày Phát Hành, và bất kỳ ngày tròn năm nào của các ngày đó trong bất kỳ năm dương lịch nào trong suốt thời hạn bắt đầu từ Ngày Phát Hành và kết thúc vào Ngày Đáo Hạn, với điều kiện là, nếu ngày đó không phải là một Ngày Làm Việc thì sẽ là Ngày Làm Việc ngay sau đó.
Lãi Suất:	Lãi suất của 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên là 9,8%/năm (chín phẩy tám phần trăm mỗi năm); và Lãi suất của mỗi Kỳ Tính Lãi sau hai (2) Kỳ Tính Lãi đầu tiên là tổng của 3,2%/năm (ba phẩy hai phần trăm một năm) và Lãi Suất Tham Chiếu (Kỳ Tính Lãi và Lãi Suất Tham Chiếu được xác định theo Điều Khoản 7 tại phần “Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu”).
Tổng Số Lượng Niêm Yết:	10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu.
Tổng Giá Trị Niêm Yết:	1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ đồng).

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa Nhà Keangnam, Landmark Tower, E6, Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 39461600

Website: <https://home.kpmg.com>

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 10 + Tầng 21, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3944 6368

Fax: (84-24) 3944 6583

Website: www.tcbs.com.vn

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan (“**Công Ty**”, hay “**MSR**”) chịu trách nhiệm về thông tin có trong Bản Cáo Bạch này.

Công Ty chưa ủy quyền và không ủy quyền cho bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác ngoài Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thuật (“**TCBS**” hoặc “**Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết**”) cung cấp thông tin hoặc đưa ra cam đoan liên quan đến Công Ty hoặc Trái Phiếu ngoài các thông tin có trong Bản Cáo Bạch này và nếu có bất kỳ thông tin hoặc cam đoan nào do bất kỳ tổ chức, cá nhân nào ngoài TCBS hoặc Công Ty cung cấp hoặc đưa ra thì thông tin hoặc cam đoan đó sẽ không được xem là thông tin hoặc cam đoan được Công Ty hoặc TCBS ủy quyền cung cấp hoặc đưa ra.

Công Ty đã chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu Trái Phiếu trên cơ sở hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu ký ngày 21 tháng 09 năm 2018 giữa Công Ty và TCBS được đính kèm tại Phụ lục IV của Bản Cáo Bạch này (“**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”). Bằng việc đầu tư vào Trái Phiếu, nhà đầu tư được coi là đã chấp thuận việc chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như vậy.

Bản Cáo Bạch này không phải là bản chào bán hoặc đề nghị đăng ký mua hoặc mua Trái Phiếu của Công Ty, TCBS hoặc bất kỳ đại diện nào của họ và sẽ không được sử dụng để chào bán Trái Phiếu cho bất kỳ cá nhân/tổ chức nào hoặc thuyết phục bất kỳ cá nhân/tổ chức nào mua Trái Phiếu nếu việc chào bán hoặc thuyết phục mua đó không được phép hoặc bất hợp pháp tại bất kỳ quốc gia/vùng lãnh thổ nào hoặc trong bất kỳ tình huống nào.

Mỗi nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu được khuyến cáo tự mình đánh giá thông tin có trong Bản Cáo Bạch này, và nếu thấy cần thiết, nên tham khảo ý kiến của các nhà tư vấn thuế, pháp lý hoặc kinh doanh của mình để quyết định có mua Trái Phiếu hay không. Mỗi nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu chỉ nên đăng ký mua Trái Phiếu sau khi đã tự mình hoặc thông qua đại diện đầu tư của mình yêu cầu và đã nhận được tất cả thông tin để có thể đánh giá lợi ích và rủi ro của giao dịch mua Trái Phiếu dự kiến và đã hài lòng với kết quả đánh giá đó.

Khi đưa ra một quyết định đầu tư, mỗi nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu phải dựa vào kết quả kiểm tra và đánh giá của chính mình về Công Ty và Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu, kể cả lợi ích và rủi ro liên quan. Nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu cần đọc kỹ phần có tiêu đề “**CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**”, tuy nhiên, cũng lưu ý rằng phần này chưa liệt kê đầy đủ mọi rủi ro có thể xảy ra. Nhà đầu tư Trái Phiếu cần đọc Bản Cáo Bạch này cùng với các thông tin khác về Công Ty và các công ty thuộc nhóm phát triển Dự Án Núi Pháo thuộc Tập Đoàn Masan đã được công bố công khai.

Một số số liệu nhất định có trong Bản Cáo Bạch này có thể đã được làm tròn; theo đó, các số liệu được thể hiện cho cùng một danh mục xuất hiện tại các bảng biểu khác nhau có thể khác biệt rất ít và các số liệu được thể hiện là các khoản tổng trong một số bảng biểu nhất định có thể không phải là tổng số học của các số liệu trước đó.

CÁC TUYÊN BỐ VỀ TƯƠNG LAI

Một số tuyên bố nêu tại Bản Cáo Bạch này là các tuyên bố về tương lai. Trong nhiều trường hợp, nhưng không phải toàn bộ, các từ như “sẽ”, “tin tưởng”, “dự toán”, “dự kiến”, “có thể”, “kế hoạch”, “dự đoán”, “khả năng”, “rủi ro”, “nên”, “có thể sẽ” và các từ tương tự khác khi được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhằm mục đích xác định các tuyên bố về tương lai. Các tuyên bố nói trên bao gồm cả các tuyên bố liên quan đến các điều kiện và triển vọng kinh doanh và tài chính của Công Ty. Tất cả các tuyên bố mà không phải là các tuyên bố về sự kiện lịch sử (bao gồm các sự kiện lịch sử liên quan đến chiến lược, kế hoạch và mục tiêu của Công Ty và triển vọng của thị trường Việt Nam) là các tuyên bố về tương lai. Các tuyên bố về tương lai này bao gồm các rủi ro, biến động và các yếu tố khác đã được biết đến và chưa được biết đến (bao gồm cả các thay đổi chính sách và pháp luật của Nhà nước) mà có thể dẫn đến các kết quả, thành tựu hoặc thành quả của Công Ty, hoặc các kết quả của ngành công nghiệp trên thực tế có khác biệt đáng kể so với bất kỳ kết quả, thành tựu hoặc thành quả nào được thể hiện rõ ràng hoặc ngụ ý trong các tuyên bố về tương lai đó. Các tuyên bố về tương lai này dựa trên nhiều giả định liên quan đến các chiến lược hiện tại và tương lai của Công Ty và môi trường hoạt động tương lai của Công Ty.

Vì các tuyên bố này phản ánh các quan điểm và mục tiêu hiện tại liên quan đến các sự kiện trong tương lai, các tuyên bố này tất nhiên sẽ bao gồm các rủi ro, biến động và giả định. Kết quả thực tế có thể khác biệt đáng kể so với kết quả nêu trong các tuyên bố về tương lai do nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Các yếu tố bất lợi bên ngoài lãnh thổ Việt Nam như suy thoái kinh tế khu vực, suy thoái kinh tế toàn cầu;
- Các yếu tố bất lợi trong nước như giảm đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài, tăng lạm phát, tình trạng giảm phát, lãi suất tăng và biến động về tỷ giá, thị trường;
- Các ảnh hưởng của các chính sách pháp lý của Nhà nước và các thay đổi trong các chính sách đó;
- Các ảnh hưởng của việc cạnh tranh trên thị trường kinh doanh và khu vực địa lý nơi Công Ty sẽ thực hiện hoạt động kinh doanh;
- Các ảnh hưởng của việc thay đổi luật, quy định, thuế hoặc tiêu chuẩn hoặc thông lệ về kế toán;
- Khả năng duy trì hoặc mở rộng thị phần trong khi vẫn phải kiểm soát chi phí;
- Giảm lượng mua từ các khách hàng lớn;
- Việc mua, chấm dứt đầu tư và các cơ hội kinh doanh đa dạng mà Công Ty có thể theo đuổi;
- Các ảnh hưởng của sự kiện chính trị quốc tế và trong nước đối với hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- Tai nạn, thiên tai hoặc sự bùng phát các bệnh truyền nhiễm;
- Khả năng của bên thứ ba trong việc thực hiện các điều khoản và tiêu chuẩn hợp đồng;
- Kết quả của các vụ tranh tụng đang diễn ra hoặc có nguy cơ diễn ra; và
- Sự thành công trong quản lý rủi ro đối với các yếu tố kể trên.

Các yếu tố quan trọng nêu trên chưa bao quát mọi khía cạnh. Các yếu tố khác có thể dẫn đến các kết quả, thành tựu hoặc thành quả trên thực tế khác biệt đáng kể, bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, các yếu tố đã được thảo luận tại phần có tiêu đề “CÁC NHÂN TỐ RỦI RO”. Khi dựa vào các tuyên bố về tương lai, nhà đầu tư nên cân nhắc cân trọng các yếu tố nêu trên, các biến động và sự kiện khác, đặc biệt là các biến động và sự kiện liên quan đến môi trường chính trị, kinh tế, xã hội và pháp lý nơi Công Ty hoạt động. Các tuyên bố về tương lai này chỉ được đưa ra vào ngày phát hành Bản Cáo Bạch này. Trừ khi được pháp luật yêu cầu, Công Ty sẽ không có nghĩa vụ và cũng không có ý định cập nhật hoặc sửa đổi bất kỳ tuyên bố về tương lai nào được đưa ra trong Bản Cáo Bạch này, cho dù Công Ty có thông tin hoặc biết được các sự kiện tương lai hoặc các vấn đề mới khác. Tất cả các tuyên bố về tương lai bằng lời nói hay bằng văn bản do Công Ty hoặc tổ chức/cá nhân hành động nhân danh Công Ty đưa ra sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch này được giới hạn trách nhiệm toàn bộ bởi các tuyên bố mang tính chất cảnh báo có trong Bản Cáo Bạch này. Nhà đầu tư tiềm năng của Trái Phiếu không nên dựa quá

mức vào các tuyên bố về tương lai vì các tuyên bố về tương lai này được đưa ra trên cơ sở các giả định nhất định và có thể có các rủi ro hoặc biến động có thể xảy ra trong tương lai.

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	7
1. Rủi Ro Kinh Tế.....	7
2. Các Rủi Ro Pháp Lý.....	9
3. Các Rủi Ro Liên Quan Đến Hoạt Động Của Công Ty	11
4. Các Rủi Ro Liên Quan Đến Trái Phiếu.....	16
5. Rủi Ro Liên Quan Đến Biện Pháp Bảo Đảm Và Tài Sản Bảo Đảm.....	17
6. Các Rủi Ro Khác.....	17
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	19
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	20
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY	23
1. Tóm Tắt Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển Của Công Ty Và Các Công Ty Con.....	23
2. Cơ Cấu Tổ Chức Của Công Ty	29
3. Cơ Cấu Quản Lý Của Công Ty.....	29
4. Danh Sách Các Cổ Đông Lớn, Các Cổ Đông Sáng Lập Và Cơ Cấu Cổ Đông.....	31
5. Danh Sách Các Công Ty Mẹ Năm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Trong Công Ty Và Danh Sách Các Công Ty Mà Công Ty Năm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần/Phần Vốn Góp Chi Phối.....	32
6. Hoạt Động Kinh Doanh	35
7. Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	47
8. Vị Thế Của Nhóm Các Công Ty Phát Triển Dự Án Núi Pháo So Với Các Doanh Nghiệp Khác Trong Cùng Ngành	50
9. Chính Sách Đối Với Người Lao Động.....	60
10. Chính Sách Vay Nợ Trong Thời Hạn Trái Phiếu, Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Của Trái Phiếu Trong Danh Mục Nợ Của Công Ty	66
11. Tình Hình Hoạt Động Tài Chính	67
12. Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng	71
13. Tài sản	82
14. Kế Hoạch Sản Xuất Kinh Doanh Và Chỉ Tiêu Lợi Nhuận Năm Tiếp Theo Của Công Ty.....	84
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và trả lãi, gốc trái phiếu	85
16. Thông Tin Về Những Cam Kết Nhưng Chưa Thực Hiện Của Công Ty.....	86
17. Thông Tin Và Khiếu KIỆN Nổi Bật Liên Quan Công Ty Có Thể Sẽ Ảnh Hưởng Đến Giá Trái Phiếu.....	86
V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT.....	87
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.....	97
VII. DANH SÁCH PHỤ LỤC	98

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Ngoài những thông tin có tại các phần khác của Bản Cáo Bạch này, nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu nên xem xét kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro dưới đây trước khi mua Trái Phiếu. Việc xảy ra một hoặc nhiều sự kiện được trình bày dưới đây có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty và có thể ảnh hưởng đến khả năng Công Ty thanh toán tiền gốc và tiền lãi của Trái Phiếu. Ngoài ra, có thể có những vấn đề cần quan tâm và những rủi ro khác có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư vào Trái Phiếu nhưng Công Ty hiện nay chưa biết đến hoặc được cho là không trọng yếu.

1. Rủi Ro Kinh Tế

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty

Phần lớn doanh thu của Công Ty đều phát sinh từ Việt Nam, và phần lớn hoạt động kinh doanh của Công Ty nằm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của Công Ty phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam mà các điều kiện đó khác biệt so với điều kiện ở các nước có nền kinh tế phát triển hơn xét trên các khía cạnh quan trọng, bao gồm cả mức độ can thiệp của Chính Phủ, trình độ phát triển, tốc độ tăng trưởng, quản lý ngoại hối, kiểm soát lương và giá cả, và hạn chế đối với hàng hóa nhập khẩu. Mặc dù kể từ cuối những năm 1980, Chính Phủ đã thực hiện nhiều biện pháp chú trọng đến việc sử dụng tác động thị trường để cải cách kinh tế, việc giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước đối với tư liệu sản xuất và việc thiết lập bộ máy quản lý cải tiến trong các doanh nghiệp, nhưng một phần đáng kể tư liệu sản xuất ở Việt Nam vẫn thuộc sở hữu của Chính Phủ. Công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi những thay đổi chính sách và biện pháp đó.

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể trong những thập kỷ qua, tỷ lệ tăng trưởng vẫn không đồng đều, cả về mặt địa lý lẫn giữa các ngành khác nhau của nền kinh tế. Chính Phủ đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và hướng dẫn phân bổ các nguồn lực. Một số trong các biện pháp này có thể mang lại lợi ích cho tổng thể nền kinh tế Việt Nam, nhưng có khả năng tác động tiêu cực đến Công Ty. Ví dụ, việc tăng lãi suất để kiểm soát tốc độ tăng trưởng kinh tế có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Nhà nước có thể can thiệp vào nền kinh tế Việt Nam và đôi lúc tạo ra những thay đổi quan trọng về chính sách, bao gồm cả thay đổi cơ chế kiểm soát lương và giá cả, quản lý vốn và ngoại hối và hạn chế đối với hàng hóa xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu. Các thay đổi chính sách đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty.

Tình hình kinh tế Việt Nam cũng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công Ty. Các yếu tố đã và có khả năng tiếp tục ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam bao gồm những đợt bùng phát virus Dịch Cúm A (H1N1), Zika hoặc các bệnh dịch truyền nhiễm khác xảy ra gần đây và có khả năng xảy ra trong tương lai; biến động tỷ giá; tỷ lệ lạm phát cao và việc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam tăng lãi suất; thay đổi về thuế; các thiên tai, bao gồm cả sóng thần, hỏa hoạn, lũ lụt và các thảm họa tương tự khác; việc tăng giá dầu; sự phát triển về chính sách, chính trị hoặc kinh tế khác ở Việt Nam hoặc ảnh hưởng đến Việt Nam, và các xu hướng kinh tế toàn cầu mang tính tiêu cực bao gồm khủng hoảng kinh tế toàn cầu dẫn đến những đợt điều chỉnh trên thị trường bất động sản và chứng khoán, thiếu nguồn cung vốn, suy giảm mang tính hệ quả đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và đình trệ tăng trưởng kinh tế.

Công Ty không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam

trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty. Tuy nhiên, Công Ty sẽ nỗ lực tối đa trong việc kiểm soát và nhận diện sớm các rủi ro có thể xảy ra và xây dựng các biện pháp khắc phục phù hợp nhất.

Mức độ lạm phát cao và lãi suất cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty

Từ năm 2011 trở về trước, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao hai con số. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011-2018, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa góp phần quan trọng trong kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 6,81% năm 2012, 6,04% năm 2013, 1,84% năm 2014, 0,6% năm 2015, 4,74% năm 2016, 3,53% cho năm 2017 và 3,44% cho năm 2018. Mức lạm phát của năm 2018 thấp hơn năm 2017 và nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đã đề ra. Mặc dù gần đây một số ngân hàng thương mại đã có động thái tăng lãi suất huy động để cân đối nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu thanh toán và dự phòng chi trả trong mùa vụ kinh doanh cao điểm nhất của năm nhưng với mức độ tăng nhỏ và không thể hiện xu hướng tăng của thị trường. Hiện mặt bằng lãi suất huy động đồng Việt Nam phổ biến ở mức 4,3%-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng; mức 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh được ưu tiên, các dự án lớn trọng tâm, trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, Công Ty không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong thời gian tới khi giá dầu có xu hướng tăng dần trở lại và nền kinh tế được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhanh. Nếu lạm phát của Việt Nam tăng cao đáng kể thì chi phí của Công Ty, bao gồm cả chi phí nguyên liệu thô, chi phí trả lương người lao động, chi phí nhiên liệu, chi phí vận chuyển, chi phí xây dựng, chi phí bảo trì, chi phí tài chính và chi phí quản lý khác dự kiến sẽ tăng. Nếu Công Ty không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá sản phẩm bán cho khách hàng, thì các chi phí đó sẽ có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty. Hơn nữa, tỷ lệ lạm phát và mức lãi suất cho vay cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam, môi trường kinh doanh và niềm tin của người tiêu dùng nói chung, và do đó ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Ngoài ra, Công Ty không bảo đảm rằng Chính Phủ sẽ không tiếp tục thực hiện các chính sách chống lạm phát, bao gồm cả việc cấm tăng hoặc hạn chế tăng giá cả một số mặt hàng và sản phẩm do chính phủ kiểm soát.

Nền kinh tế Việt Nam vẫn còn phải chịu các rủi ro gắn liền với một nền kinh tế mới nổi

Nền kinh tế Việt Nam vẫn phải chịu các rủi ro gắn liền với nền kinh tế mới nổi. Các nhà đầu tư tại các thị trường mới nổi, như Việt Nam, nên lưu ý rằng các thị trường mới nổi này có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn các nền kinh tế đã phát triển, trong một số trường hợp bao gồm rủi ro đáng kể về kinh tế và pháp lý. Hơn thế nữa, những thay đổi chính sách quản lý của Chính Phủ cũng như việc giải thích các quy định pháp luật hiện hành có thể gây ra các hệ quả không lường trước mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh trong nước. Các nhà đầu tư cũng nên lưu ý rằng các nền kinh tế mới nổi như nền kinh tế Việt Nam thường biến đổi một cách nhanh chóng. Do đó, các nhà đầu tư nên thận trọng trong việc đánh giá các rủi ro có liên quan và từ đó đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp có tính đến các rủi ro đó. Nhìn chung, hoạt động đầu tư ở các thị trường mới nổi chỉ phù hợp cho những nhà đầu tư có tổ chức và chuyên nghiệp và có khả năng đánh giá một cách toàn diện tầm quan trọng của các rủi ro có liên quan.

Các diễn biến tại các nước khác có thể ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công Ty

Nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế và thị trường của các nước khác ở các mức độ khác nhau. Mặc dù các điều kiện kinh tế của các nước khác có thể khác nhiều so với các điều kiện kinh tế của Việt Nam, phản ứng của nhà đầu tư đối với các diễn biến bất lợi ở các nước khác có thể ảnh hưởng bất lợi đến thị trường Việt Nam.

Hiệp Định Đối Tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) ban đầu với 12 quốc gia thành viên (chiếm 12,9% tổng sản phẩm quốc nội của thế giới và 14,9% thương mại toàn cầu) đã kết thúc đàm phán vào năm 2016. Tuy nhiên, Tổng thống Donald Trump rút Hoa Kỳ ra khỏi thỏa thuận ngay sau khi ông nhậm chức khiến cho tiến trình đàm phán gặp khó khăn. Thực tế cho thấy, các điều kiện kinh tế bất lợi tại Hoa Kỳ, việc rút khỏi TPP của Hoa Kỳ (quốc gia đóng góp 60% tổng GDP của các quốc gia thành viên TPP) hoặc các sự kiện liên quan khác có thể ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam và đến giá hàng hóa của chúng tôi cũng như nguyên vật liệu mà chúng tôi nhập khẩu từ các nước ký kết hiệp định.

Tháng 11 năm 2017, 11 quốc gia thành viên còn lại của TPP (không bao gồm Hoa Kỳ) ra tuyên bố chung thống nhất đổi tên TPP thành Hiệp Định Đối Tác Toàn Diện Và Tiến Bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). CPTPP được chính thức ký kết vào tháng 3 năm 2018 bởi 11 nước thành viên còn lại nêu trên. CPTPP sẽ có hiệu lực nếu ít nhất 6 quốc gia thành viên CPTPP phê chuẩn hiệp định này.

Ngày 22-23/8/2018, vòng đàm phán thương mại Mỹ - Trung lần thứ ba đã diễn ra tại Washington (Mỹ). Đây là cuộc gặp chính thức đầu tiên giữa quan chức thương mại hai nước, kể từ sau thất bại của vòng đàm phán Bắc Kinh hồi tháng 6. Cuộc đàm phán diễn ra trong bối cảnh Mỹ đơn phương áp đặt mức thuế suất cao hơn đối với một số mặt hàng từ Trung Quốc. Đáp trả, Trung Quốc cũng áp thuế lên một số loại hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ. Tuy nhiên, vòng đàm phán mới đã kết thúc mà không đạt được tiến bộ đáng kể nào và có nguy cơ cao dẫn đến một cuộc “chiến tranh thương mại” giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới. Nếu viễn cảnh này xảy ra, nền kinh tế của các quốc gia có giao thương với Mỹ và Trung Quốc như Việt Nam sẽ bị tác động.

Không có gì đảm bảo rằng các diễn biến trong tương lai ở các nước khác mà Công Ty không kiểm soát sẽ không có ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động, tình hình tài chính hoặc triển vọng của chúng tôi.

Xếp hạng tín dụng của Việt Nam và các công ty Việt Nam giảm có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến Công Ty và khả năng huy động vốn của Công Ty

Công Ty xếp hạng tín dụng Standard & Poor's Financial Services và các cơ quan xếp hạng tín dụng khác có thể sẽ thay đổi xếp hạng tín dụng của Việt Nam hoặc của các công ty Việt Nam. Việc thay đổi xếp hạng như vậy có thể ảnh hưởng bất lợi đến tính thanh khoản trong các thị trường tài chính của Việt Nam, đến khả năng của Chính Phủ và các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm cả Công Ty, trong việc huy động vốn bổ sung, và có thể tác động đến lãi suất và những điều khoản thương mại khác mà việc huy động vốn bổ sung được thực hiện trên cơ sở lãi suất và những điều khoản thương mại khác đó. Tất cả các yếu tố đó có thể tác động bất lợi đáng kể đến Công Ty.

2. Các Rủi Ro Pháp Lý

Những thay đổi cơ bản đối với các quy định pháp luật của Việt Nam có thể tác động không tích cực đến hoạt động của chúng tôi

Các hoạt động kinh doanh chủ chốt của Nhóm công ty Masan Resources là hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản thuộc lĩnh vực chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà Nước.

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đều chịu sự điều chỉnh của luật và quy định bảo vệ môi trường của Việt Nam. Các luật và quy định này nhằm hạn chế ảnh hưởng bất lợi đến môi trường, kiểm

soát tình trạng môi trường xuống cấp và ô nhiễm môi trường và khuyến khích sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm luật và quy định đó sẽ bị phạt tiền. Ngoài ra, đối với hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, hoạt động của Nhóm công ty Masan Resources liên quan đến việc sử dụng nước, bóc dỡ đất đá, xây dựng khu chứa đuôi quặng, lưu trữ lớp đất phủ bề mặt và xả thải từ các nhà máy nghiền và lọc quặng là những hoạt động có thể ảnh hưởng bất lợi đến môi trường, sức khỏe người lao động và người dân các vùng xung quanh, nên bên cạnh các luật và quy định về bảo vệ môi trường, các công ty con của MSR còn phải chịu sự điều chỉnh của các luật và quy định về y tế, an toàn, lao động, bảo vệ rừng và các quy định khác có liên quan đến hoạt động khai khoáng. Thêm vào đó, các quy định về thuế và thương mại liên quan đến hoạt động khai thác và xuất khẩu khoáng sản cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty Masan Resources.

Chúng tôi không bảo đảm rằng các luật, quy định và quy chế điều chỉnh hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản sẽ không thay đổi trong tương lai, hoặc các luật, quy định và quy chế nghiêm ngặt hơn điều chỉnh các lĩnh vực đó sẽ được ban hành. Những thay đổi đó có thể yêu cầu các công ty con và công ty liên kết của chúng tôi phải sửa đổi cơ chế hoạt động hoặc dẫn đến việc gia tăng chi phí để tuân thủ các thay đổi đó, và do vậy ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của các công ty con, công ty liên kết đó và có thể dẫn đến ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của chúng tôi.

Hoạt động kinh doanh của Công Ty phụ thuộc vào khả năng xin, duy trì và cấp mới hoặc gia hạn các giấy phép và chấp thuận do Chính Phủ cấp

Hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty Masan Resources yêu cầu các giấy phép và chấp thuận khác nhau từ các cơ quan chính phủ có liên quan, chẳng hạn như giấy phép khai thác khoáng sản và các chấp thuận về môi trường khác do BTNMT cấp, chấp thuận của BCT về thiết kế nhà máy, cũng như các giấy phép khác cần thiết cho hoạt động khai thác và sản xuất khoáng sản. Các giấy phép này cần được nộp hồ sơ xin cấp, sửa đổi, cấp mới hoặc gia hạn tùy từng trường hợp. Công Ty không thể bảo đảm với các nhà đầu tư tiềm năng rằng cơ quan nhà nước có liên quan sẽ cấp các giấy phép mới, giấy phép sửa đổi, cấp mới hoặc gia hạn đối với các giấy phép còn hiệu lực cũng như sẽ cấp các giấy phép nói trên trong thời hạn mà Công Ty dự đoán. Việc không thể sửa đổi, xin cấp mới hoặc gia hạn bất kỳ giấy phép hoặc chấp thuận quan trọng nào cần phải có để thực hiện hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty Masan Resources đều có gây ra thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty.

Giấy phép quan trọng nhất phải có đối với hoạt động khai thác mỏ của Công Ty Núi Pháo là giấy phép khai thác khoáng sản do BTNMT cấp, và các quyền để khai thác và phát triển Dự Án Núi Pháo phụ thuộc vào khả năng của Công Ty trong việc đáp ứng các điều khoản của giấy phép đó, bao gồm việc trả cho Chính Phủ các khoản phí và thuế như quy định trong giấy phép, cũng như việc đáp ứng các điều kiện cấp phép khác liên quan đến yêu cầu về môi trường, y tế, an toàn và lao động. Nếu Công Ty không có khả năng đáp ứng các điều kiện cấp phép, quyền khai thác khoáng sản đối với Dự Án Núi Pháo có thể bị hạn chế hoặc thay đổi và kết quả là hạn chế hoặc thay đổi này có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty.

Pháp luật thuế Việt Nam thay đổi

Tất cả các luật và quy định về các khoản thuế chính ở Việt Nam (bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên và thuế xuất khẩu) đã thay đổi đáng kể kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 và vẫn đang tiếp tục được bổ sung và làm rõ để đáp ứng yêu cầu thực tiễn khi có các vấn đề phát sinh trong quá trình thu và nộp thuế. Các thay đổi về tình trạng thuế của Công Ty hoặc luật thuế hoặc các cách diễn giải khác nhau về pháp luật và chính sách thuế ở Việt Nam nhìn chung có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của Công Ty và làm tăng nghĩa vụ thuế mà Công Ty phải chịu.

Đối với các rủi ro về mặt pháp lý, Công Ty luôn đảm bảo việc theo dõi, cập nhật tình trạng của các giấy phép và luật định liên quan đồng thời có phương án xử lý kịp thời để tránh rủi ro nêu trên.

3. Các Rủi Ro Liên Quan Đến Hoạt Động Của Công Ty

Công Ty có một quá trình hoạt động còn giới hạn

Công Ty được thành lập năm 2010 khi Tập Đoàn Masan tiếp quản Dự Án Núi Pháo. Quá trình hoạt động của Công Ty và Dự Án Núi Pháo còn tương đối ngắn để có thể đánh giá được khả năng của Công Ty và Dự Án Núi Pháo trong tương lai. Mặc dù đội ngũ quản lý và người lao động thuộc Nhóm công ty Masan Resources có kinh nghiệm và chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động khai thác mỏ và tài nguyên, chúng tôi vẫn không thể bảo đảm chắc chắn sự tăng trưởng thành công và hoạt động trong tương lai của mình. Công Ty không đảm bảo chắc chắn có thể tạo ra doanh thu đủ lớn hơn chi phí trong tương lai để có lợi nhuận từ hoạt động khai thác khoáng sản, và do đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Công Ty là một công ty nắm giữ phần vốn góp (trực tiếp hoặc gián tiếp) trong các công ty khác thuộc Nhóm công ty Masan Resources

Công Ty là công ty mẹ có phần lớn tài sản là phần vốn góp và lợi ích kinh tế trong những công ty mà Công Ty trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ phần vốn góp tại các công ty con trong Nhóm công ty Masan Resources. Cụ thể, Công Ty sở hữu trực tiếp toàn bộ phần vốn góp tại MRTN, và MRTN cũng là một công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) phần vốn góp và lợi ích kinh tế trong các công ty con khác bao gồm TNTI, Công Ty Núi Pháo và MTC. Do vậy, những rủi ro ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của các công ty con cũng ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Công Ty.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công Ty phụ thuộc vào cổ tức, lợi nhuận được phân chia từ các công ty con. Khả năng các công ty con thanh toán cổ tức/phân chia lợi nhuận hoặc thanh toán các khoản tiền khác hoặc chuyển giao vốn sẽ phụ thuộc vào kết quả hoạt động của các công ty này và có thể bị hạn chế bởi các điều khoản của các hợp đồng và thỏa thuận mà các công ty này giao kết, các hạn chế pháp lý khác như được quy định trong điều lệ của các công ty và pháp luật áp dụng.

Phần lớn dòng tiền và lợi nhuận kinh doanh của Công Ty đều phát sinh từ mỏ Núi Pháo và phần lớn tài sản và hoạt động khai thác mỏ của Công Ty đều tập trung tại mỏ Núi Pháo

Công Ty vận hành Dự Án Núi Pháo thông qua Công Ty Núi Pháo. Doanh thu của Công Ty đã và sẽ tiếp tục phát sinh chủ yếu từ Dự Án Núi Pháo. Bất kỳ khó khăn đáng kể nào trong hoạt động vận hành hoặc khó khăn khác trong quá trình khai thác mỏ, chế biến, vận chuyển sản phẩm, hoặc thiệt hại đối với nhà máy, công trình, máy móc, thiết bị, nguyên liệu thô hoặc các tài sản và của cải khác của Dự Án Núi Pháo đều có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty.

Rủi ro từ chương trình đền bù và tái định cư có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất

Diện tích đất cần thiết phục vụ cho hoạt động xây dựng và vận hành mỏ của Dự Án Núi Pháo trước đây bị các hộ gia đình và doanh nghiệp chiếm dụng. Cho dù Công Ty Núi Pháo đã thu hồi toàn bộ diện tích đất cần ngay cho hoạt động xây dựng và vận hành mỏ và nhà máy, vẫn còn một số thửa đất xung quanh dự án nằm trong kế hoạch đền bù và tái định cư cần phải được thu hồi. Những người sống trên các thửa đất này cũng có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của Dự Án Núi Pháo. Do vậy, Công Ty Núi Pháo cần phải thực hiện công tác tái định cư cho các hộ gia đình và doanh nghiệp còn lại này đến một khu vực không dùng cho Dự Án Núi Pháo, và thực hiện đền bù cho họ. Việc không thu hồi diện tích đất cần thiết theo kế hoạch đền bù và tái định cư một cách kịp thời và trong phạm vi ngân sách dự kiến sẽ ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty.

Các số liệu trữ lượng của Dự Án Núi Pháo chỉ là số liệu ước tính trữ lượng tài nguyên khoáng sản thực tế và dựa trên nhiều giả định mâu chốt khác nhau mà có thể thay đổi trong tương lai

Trữ lượng khoáng sản tiềm năng đã được chứng minh trên cơ sở những phán đoán dựa trên kiến thức, kinh nghiệm và thực tiễn trong nghề khai khoáng và bất kỳ thay đổi nào đối với trữ lượng khoáng sản tiềm năng đã được chứng minh ước tính đều có thể ảnh hưởng bất lợi đến các kế hoạch phát triển và hoạt động khai thác mỏ của Nhóm công ty Masan Resources, từ đó ảnh hưởng đến giá trị khoản đầu tư của Công Ty. Trữ lượng khoáng sản của Dự Án Núi Pháo được nêu trong Bản Cáo Bạch này chỉ là số liệu ước tính về quy mô các vỉa khoáng sản nằm trong khu vực khai thác của Dự Án Núi Pháo. Tính chất của thân quặng, sự phân bố và phẩm cấp quặng cũng như tính chất của quặng trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản là những yếu tố không bao giờ có thể dự đoán đầy đủ và chính xác, và các số liệu ước tính về trữ lượng không thể được lập mà không có biến động, vì cần thiết phải dựa vào nhiều giả định khác nhau chẳng hạn như các giả định liên quan đến điều kiện địa chất, lịch sử sản xuất của các mỏ tại vùng lân cận khu vực khai thác mỏ của Công Ty, ảnh hưởng của các yêu cầu luật định và chi phí hoạt động. Những giả định này có thể cần thay đổi, chẳng hạn, dựa trên kinh nghiệm sản xuất thực tế, khi có thông tin mới làm thay đổi những giả định cơ bản hoặc thay đổi trong cách phân loại trữ lượng thành loại “đã chứng minh” hoặc “tiềm năng”. Bên cạnh đó, chất lượng và đặc tính của khoáng sản thực tế khai thác được từ Dự Án Núi Pháo có thể thay đổi đáng kể so với ước tính của Công Ty hoặc có thể không đạt yêu cầu của khách hàng.

Do những số liệu ước tính về khối lượng, phẩm cấp và hàm lượng kim loại tổng thể của một vỉa khoáng sản không phải lúc nào cũng được tính toán chính xác, trữ lượng khoáng sản tiềm năng đã được chứng minh có thể cần được điều chỉnh và bất kỳ điều chỉnh nào như vậy đều có thể ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển và khai thác mỏ và bất kỳ suy giảm đáng kể nào đối với khối lượng và phẩm cấp của trữ lượng khoáng sản thuộc Dự Án Núi Pháo có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng kinh doanh Công Ty. Mặc dù vậy, mỏ Núi Pháo có quá trình hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản lâu dài, và “Báo cáo các kết quả thăm dò chi tiết mỏ vonfram-đa kim Núi Pháo” được phê duyệt bởi Hội Đồng Đánh Giá Trữ Lượng Khoáng Sản Quốc Gia xác nhận tổng trữ lượng quặng của mỏ Núi Pháo có thể được coi là đáng tin cậy.

Chi phí hoạt động tại Dự Án Núi Pháo tăng đáng kể có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến khả năng sinh lời và lợi ích kinh tế dự tính nhận được từ hoạt động khai thác mỏ của Công Ty

Chi phí hoạt động của Công Ty có thể thay đổi phụ thuộc vào một số yếu tố, chẳng hạn như những điều chỉnh trong kế hoạch khai thác mỏ của Dự Án Núi Pháo dựa trên những thông tin địa kỹ thuật thu được khi mỏ phát triển và thông tin về giá của hàng hóa đầu vào như nhiên liệu, điện, hoá chất, chất nổ, và sắt thép. Chi phí hàng hóa có thể chịu sự biến động giá thất thường, bao gồm cả việc tăng giá dẫn đến hoạt động kinh doanh ít sinh lời hơn, và phụ thuộc vào những thay đổi của pháp luật, quy chế và quy định ảnh hưởng đến giá cả, quá trình sử dụng và vận chuyển hàng hóa. Chi phí vốn cũng có thể tăng do những yếu tố nằm ngoài tầm kiểm soát của Công Ty, bao gồm giá nguyên liệu, nhiên liệu, sắt thép, các hàng hoá khác và chi phí nhân công. Nếu chi phí hoạt động của Dự Án Núi Pháo tăng lên đáng kể có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến lợi nhuận và lợi ích kinh tế từ hoạt động khoáng sản của Công Ty. Để giảm thiểu rủi ro này, Công Ty luôn nỗ lực tối đa để theo dõi các biến động có thể ảnh hưởng đến chi phí hoạt động của Dự Án Núi Pháo để chủ động có biện pháp kiểm soát.

Rủi ro về mặt địa chất đối với Dự Án Núi Pháo

Nhà máy Núi Pháo đi vào hoạt động và thực hiện sản xuất thương mại đối với sản phẩm đầu tiên vào ngày 01 tháng 3 năm 2014. Bất ổn địa kỹ thuật có thể khó dự đoán và thường bị ảnh hưởng bởi những rủi ro và nguy hiểm ngoài tầm kiểm soát của Công Ty, chẳng hạn như thời tiết khắc nghiệt và mưa lớn, có thể dẫn đến lũ lụt, sạt bùn, lở đất và vách móng không ổn định. Mỗi một hậu quả tiềm năng này đều có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty. Tuy nhiên, ngoài việc mua và duy trì bảo hiểm đầy đủ,

ban điều hành Dự Án Núi Pháo sẽ luôn đảm bảo vận hành dự án theo đúng các quy chuẩn kỹ thuật để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng bất lợi (nếu có).

Rủi ro mất đi nhân sự chủ chốt hoặc thiếu hụt lao động có tay nghề cao

Hoạt động khoáng sản là ngành sử dụng lao động tập trung. Công Ty sẽ dựa vào một số nhân sự chủ chốt để quản lý hoạt động kinh doanh của Công Ty, bao gồm các nhà quản lý, lao động có tay nghề cao, các nhà thầu và các nhân viên khác. Công Ty không thể bảo đảm việc tuyển dụng và duy trì các nhân sự chủ chốt đó hoặc bảo đảm rằng Công Ty có khả năng thu hút và giữ chân nhân sự có tay nghề và trình độ cao trong tương lai. Ngoài ra, một số thành viên điều hành của Công Ty là người nước ngoài và họ có thể sẽ chọn nơi sinh sống khác trong tương lai. Nếu Công Ty mất đi những nhân sự quản lý chủ chốt có kinh nghiệm này hoặc phần lớn các lao động có tay nghề cao, Công Ty không thể bảo đảm rằng Công Ty có thể tuyển dụng được nhân sự thay thế phù hợp để vận hành Dự Án Núi Pháo. Bất kỳ khó khăn nào trong tương lai liên quan đến khả năng thu hút, tuyển dụng và giữ chân nhân sự có tay nghề và trình độ cao của Công Ty có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty. Ngoài ra, bất kỳ thiếu hụt lao động có tay nghề cao nào cũng có thể dẫn đến sự gia tăng chi phí sản xuất, điều đó có thể làm giảm đáng kể doanh thu thuần và khả năng sinh lời của Dự Án Núi Pháo. Hiện nay, Công Ty vẫn đang thực hiện duy trì chương trình thu hút và giữ chân nhân lực cho công ty, bao gồm chương trình lương thưởng, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, các chương trình đào tạo và sử dụng nhân sự trên địa bàn khu vực tỉnh Thái Nguyên hoặc lân cận, do đó chúng tôi có cơ sở tin tưởng sẽ giữ chân và phát triển được những nhân sự chủ chốt và nhân lực có tay nghề cao.

Rủi ro trong quá trình khai thác và vận chuyển khoáng sản do trở ngại ngoài dự kiến như thời tiết xấu ngoài dự kiến, thiên tai, tai nạn và hồng hóc

Hoạt động khai thác khoáng sản có thể phụ thuộc vào các sự kiện và điều kiện vận hành như thiên tai, tai nạn và hồng hóc mà các sự kiện và điều kiện vận hành đó có thể phá vỡ kế hoạch khai thác, sản xuất, bốc dỡ và vận chuyển vonfram, florit, đồng và bismut của Nhóm công ty Masan Resources trong một thời gian dài. Những tổn thất này có thể bao gồm những thiệt hại hoặc phá hủy nghiêm trọng đối với tài sản và thiết bị, ô nhiễm, hủy hoại tài nguyên thiên nhiên hoặc thiệt hại khác về môi trường, trách nhiệm cải tạo, phục hồi môi trường, công tác điều tra và chế tài, đình chỉ hoạt động, thương tích nghiêm trọng hoặc thiệt hại tính mạng, gia tăng chi phí giám sát, chi phí khắc phục hậu quả hoặc thậm chí có thể dẫn đến đóng cửa các hoạt động khai mỏ của Nhóm công ty Masan Resources.

Đối với những rủi ro nêu trên, Nhóm công ty Masan Resources luôn cam kết đảm bảo vận hành dự án đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động, kiểm soát vận hành, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật để hạn chế tối đa những sự kiện bất lợi nói trên. Cho tới thời điểm hiện tại, Dự án Núi Pháo đang vận hành một cách ổn định và an toàn, chấp hành đúng quy định của pháp luật

Rủi ro thu xếp chi phí khắc phục tổn thất

Công Ty và các công ty con của Công Ty duy trì bảo hiểm đối với tất cả những rủi ro bao gồm tổn thất hoặc thiệt hại vật chất đối với mỏ, công trình, nhà máy, máy móc và cơ sở hạ tầng hỗ trợ. Ngoài ra, chúng tôi cũng luôn duy trì bảo hiểm trách nhiệm cho bên thứ ba của các nhà thầu đối với những tổn thương hoặc thiệt hại. Công Ty không thể bảo đảm rằng phạm vi bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm này sẽ đủ để chi trả tất cả các tổn thất và trách nhiệm có thể phát sinh. Một số trách nhiệm và rủi ro về mặt kinh doanh, hoạt động và tài sản của Công Ty và các công ty con của Công Ty có thể không được bảo hiểm chi trả hoặc chi trả không đầy đủ vì nhiều nguyên nhân như thiệt hại do lỗi thiết kế, vật liệu hoặc tay nghề, khiếm khuyết của hàng hóa, ẩn tỳ hàng hóa, sự giảm dần giá trị, gián đoạn nguồn nước, hệ thống khí đốt, điện hoặc nhiên liệu, hồng hóc hệ thống xử lý chất thải ra và vào cơ sở, hiện tượng bốc cháy tự phát, xói mòn, sụp lún bờ biển hoặc bờ sông, chuyển dịch ngang nền đất và lở đất, dịch chuyển của trái đất, bất cóc, nguy cơ đánh bom, nguy cơ dịch bệnh, lừa đảo, tổng tiền nhưng không loại trừ những tổn thất hệ quả, chiến tranh, xâm lược, hành động hoặc kẻ thù ngoại quốc, tình trạng chiến tranh hoặc các hành động hiếu chiến, nội chiến, bạo loạn, bạo động, leo thang quân sự, nổi dậy, nổi

loạn, cách mạng, sức mạnh quân sự hoặc chiếm đoạt quyền lực, hành động khủng bố, hủy hoại tài sản theo lệnh của bất kỳ cơ quan nhà nước nào, vũ khí hạt nhân và bức xạ ion hoá hoặc nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nhiên liệu hạt nhân hoặc từ bất kỳ chất thải hạt nhân nào. Những trường hợp phát sinh không được bảo hiểm, hoặc ngoài phạm vi được bảo hiểm, có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty.

Rủi ro từ việc gia tăng chi phí bảo vệ môi trường từ hoạt động khai thác mỏ

Hoạt động của Dự Án Núi Pháo, cụ thể là nhà máy chế biến, phát sinh ra những chất thải nguy hại mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến môi trường nếu chất thải đó không được kiểm soát và quản lý một cách phù hợp. Hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản đều phải tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường, y tế và an toàn của Việt Nam. Những quy định này điều chỉnh nhiều phương diện khác nhau của hoạt động khai thác mỏ của Nhóm công ty Masan Resources, chẳng hạn như việc xả thải vào không khí và nguồn nước, việc thu gom, quản lý, lưu trữ và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và chất thải khác, vệ sinh công trường, chất lượng nước ngầm, cải tạo và phục hồi khu đất mỏ sau khi khai thác. Chi phí cho việc tuân thủ pháp luật và quy định này được dự kiến là sẽ ảnh hưởng đến chi phí hoạt động và vị thế cạnh tranh của Công Ty. Ngoài ra, bất kỳ vi phạm nào đối với, bất kỳ trách nhiệm nào theo, hoặc bất kỳ thay đổi nào của pháp luật về môi trường, y tế và an toàn có thể làm phát sinh các chi phí và chế tài đáng kể. Giấy phép và các chấp thuận phải có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản cũng có thể bị đình chỉ hoặc thu hồi trong trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn mà pháp luật yêu cầu. Công Ty không bảo đảm rằng không có rủi ro về việc Nhóm công ty Masan Resources tuân thủ các yêu cầu về môi trường trong hiện tại hoặc tương lai. Bên cạnh đó, các quy định trong tương lai có thể đặt ra nhiều yêu cầu nghiêm ngặt hơn về việc tuân thủ và phục hồi môi trường, từ đó có thể dẫn đến chi phí tuân thủ cao hơn và có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty. Tuy nhiên, đây là những chi phí bắt buộc và Nhóm công ty Masan Resources sẽ luôn tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về việc sản xuất kinh doanh đi đôi với phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Rủi ro từ khả năng mất hoặc giảm đáng kể đơn hàng từ các khách hàng lớn

Sản lượng florit và bismut của Nhóm công ty Masan Resources chủ yếu được bán cho Traxys Comets và 5N Plus theo các hợp đồng bao tiêu giữa Nhóm công ty Masan Resources với các khách hàng này. Đối với vonfram, Công Ty Núi Pháo đã ký hợp đồng với H.C. Starck để thành lập liên doanh sản xuất các sản phẩm APT và BTO/YTO từ ôxít vonfram thương phẩm do mỏ Núi Pháo sản xuất. Phần lớn các sản phẩm của liên doanh sẽ được H.C. Starck bao tiêu. Trong tháng 8 năm 2018, Công Ty Núi Pháo đã mua lại phần vốn góp của H.C. Starck trong liên doanh, liên doanh được đổi tên thành Công Ty TNHH Vonfram Masan (gọi tắt là MTC). Hợp đồng bao tiêu với H.C. Starck vẫn tiếp tục có hiệu lực như trước.

Nếu Nhóm công ty Masan Resources mất đi bất kỳ khách hàng nào trong số các khách hàng này mà không có các khách hàng khác thay thế hoặc nếu bất kỳ khách hàng nào trong số các khách hàng này không thể thực hiện đầy đủ các cam kết bao tiêu của họ với Nhóm công ty Masan Resources, thì tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể. Tuy nhiên đây là các nhà sản xuất lớn trên thế giới đã hoạt động lâu đời và có uy tín trong ngành, và các sản phẩm khoáng sản khai thác từ Dự Án Núi Pháo là những sản phẩm có tính hữu dụng cao nên có cơ sở tin tưởng về tính chắc chắn trong bao tiêu cũng như tiêu thụ các sản phẩm của Nhóm công ty Masan Resources.

Rủi ro biến động giá khoáng sản toàn cầu

Giá khoáng sản toàn cầu mang tính chu kỳ và có thể biến động mạnh, do đó nếu giá khoáng sản sụt giảm thì sẽ ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty Masan Resources.

Thị trường vonfram, florit, đồng và bismut toàn cầu khá nhạy cảm với những thay đổi trong công suất và sản lượng khai thác khoáng sản. Do nhu cầu về vonfram, florit, đồng và bismut đến từ hầu hết các ứng dụng công nghiệp, giá của các khoáng sản này thường có mối liên hệ với sự tăng trưởng kinh tế

toàn cầu.

Theo các hợp đồng bao tiêu tương ứng của Dự Án Núi Pháo đối với vonfram, florit, đồng và bismut, giá hợp đồng của các khoáng sản này nói chung sẽ được đàm phán và điều chỉnh định kỳ có tham chiếu giá thị trường hiện hành. Do vậy, sự sụt giảm và biến động đáng kể của giá các khoáng sản đã chế biến này trên thế giới, hoặc giá các thành phẩm đã qua chế biến đều có thể ảnh hưởng và tác động bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty. Đây là một rủi ro mang tính hệ thống và khó dự báo.

Gia tăng chi phí vận chuyển và việc gián đoạn vận chuyển có thể ảnh hưởng bất lợi đến chi phí sản xuất và khả năng thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực của Công Ty và các công ty con

Chi phí vận chuyển chiếm một phần đáng kể chi phí sản xuất của Công Ty và các công ty con và là một yếu tố quan trọng cần xem xét khi Nhóm công ty Masan Resources thương lượng giá mua với khách hàng. Việc gia tăng chi phí vận chuyển có thể khiến sản phẩm của Công Ty đắt hơn và do đó hoạt động kinh doanh của Công Ty sẽ giảm tính cạnh tranh so với các nhà sản xuất khác. Hơn nữa, bất kỳ gián đoạn nào xảy ra trên hệ thống đường bộ hoặc đường sắt nổi tỉnh Thái Nguyên, nơi mỏ Núi Pháo tọa lạc, với các cảng gần nhất nằm ở Hải Phòng và Quảng Ninh, nơi sản phẩm được chuyển đi cho khách hàng, chẳng hạn như vì các vấn đề thời tiết, tranh chấp lao động, bảo trì, nâng cấp, sửa chữa đường bộ và/hoặc đường sắt, đều có thể tạm thời hạn chế khả năng vận chuyển sản phẩm đến khách hàng đúng hạn của Nhóm công ty Masan Resources. Bất kỳ yếu tố nào kể trên đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Công Ty. Đây là những rủi ro khách quan nằm ngoài khả năng dự đoán của Công Ty, tuy nhiên Công Ty và Công Ty Núi Pháo luôn nỗ lực tối đa để tính toán và phân bổ hợp lý chi phí vận chuyển để tối ưu hóa kết quả kinh doanh.

Công Ty và các công ty con dựa vào các nhà thầu thứ ba trong việc cung cấp dịch vụ khai thác mỏ

Hiện tại, Nhóm công ty Masan Resources đang thuê các nhà thầu để thực hiện hoạt động khai thác mỏ và tất cả các hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ như bảo trì và sửa chữa trang thiết bị và bảo trì đường bộ. Do đó, hoạt động của Dự Án Núi Pháo có thể bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dịch vụ của các nhà thầu thứ ba này. Mặc dù Nhóm công ty Masan Resources giám sát công việc của các nhà thầu này để bảo đảm công việc được thực hiện phù hợp với kế hoạch khai thác mỏ, ngân sách và các chỉ dẫn kỹ thuật của Nhóm công ty Masan Resources, Nhóm công ty Masan Resources không thể kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và môi trường đối với công việc do các nhà thầu thứ ba thực hiện với mức độ cần trọng như đối với công việc do nhân viên của chính Nhóm công ty Masan Resources thực hiện. Nếu bất kỳ nhà thầu thứ ba nào không đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và môi trường của Nhóm công ty Masan Resources, việc đó có thể ảnh hưởng đến việc Nhóm công ty Masan Resources tuân thủ các quy định có liên quan và cũng có thể dẫn đến trách nhiệm đối với các bên thứ ba, từ đó có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, danh tiếng, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty. Nhóm công ty Masan Resources luôn nỗ lực tối đa sử dụng những nhà thầu thứ ba có uy tín, có kinh nghiệm để đảm bảo vận hành dự án đúng kỹ thuật, an toàn và hiệu quả.

Rủi ro hỏng hóc máy móc và thiết bị chính

Hoạt động của Dự Án Núi Pháo phụ thuộc vào các bộ phận trọng yếu của nhà máy chế biến, thiết bị và máy móc, bao gồm nhà máy nghiền thô; kho dự trữ và thu hồi quặng nhỏ; quy trình nghiền tinh; quy trình tuyển nổi đồng, khử nước cho tinh quặng và đóng gói; quy trình tuyển nổi sunfua số lượng lớn; quy trình tuyển trọng lực, làm giàu tinh quặng, sấy và đóng gói vonfram; quy trình tuyển nổi bismut, lọc và luyện bismut, và đóng gói bismut; quy trình xử lý chất thải từ quy trình lọc bismut; quy trình tuyển nổi florit, khử nước cho tinh quặng và lưu trữ; và quy trình trộn thuốc thử và lưu trữ. Việc bảo trì những máy móc và thiết bị có liên quan hiện được thực hiện bởi các nhân viên của Nhóm công ty Masan Resources hoặc, nếu cần thiết, bởi các nhà thầu thứ ba dưới sự giám sát của Nhóm công ty Masan Resources. Bất kỳ thiệt hại đáng kể nào hoặc hỏng hóc đối với thiết bị, máy móc hoặc nhà máy đó đều có ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh

doanh và triển vọng của Công Ty. Nhóm công ty Masan Resources luôn nỗ lực tối đa trong việc vận hành, bảo dưỡng và kiểm tra máy móc thiết bị theo đúng quy định của nhà sản xuất để đảm bảo cho các máy móc thiết bị được hoạt động tốt nhất.

4. Các Rủi Ro Liên Quan Đến Trái Phiếu

Các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được yêu cầu thanh toán trực tiếp đối với tài sản của công ty con của Công Ty

Công Ty thực hiện một số hoạt động kinh doanh quan trọng thông qua các công ty con của Công Ty, bao gồm MRTN, TNTI, Công Ty Núi Pháo và MTC. Công Ty sẽ sử dụng mọi nguồn thu hợp pháp của mình để đáp ứng các nghĩa vụ theo Trái Phiếu, trong đó có thu nhập từ các khoản phân chia lợi nhuận và các khoản thu khác từ các công ty con đó. Thu nhập từ các khoản phân chia lợi nhuận phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ phân chia lợi nhuận của công ty con và tỷ lệ sở hữu của Công Ty tại công ty đó. Mặc dù nắm tỷ lệ sở hữu chi phối tại phần lớn các công ty con, tỷ lệ chi trả cổ tức hoặc phân chia lợi nhuận của các công ty con có thể bị ảnh hưởng bởi các cam kết hạn chế tỷ lệ chia trả cổ tức hoặc phân chia lợi nhuận mà các công ty con đó đã ký kết với các đối tác (Ví dụ: các chủ nợ, các nhà đầu tư,...) và phụ thuộc vào luật áp dụng cũng như điều lệ của các công ty con đó. Ngoài ra, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng không được yêu cầu thanh toán trực tiếp đối với tài sản của công ty con của Công Ty, trừ trường hợp yêu cầu thi hành biện pháp bảo đảm phù hợp với Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu và các hợp đồng bảo đảm có liên quan mà công ty con của Công Ty là một bên bảo đảm trong hợp đồng bảo đảm đó.

Giá Trái Phiếu không ổn định và có thể biến động mạnh

Hiện tại không có thị trường giao dịch xác định cho trái phiếu doanh nghiệp và Công Ty không đảm bảo rằng sẽ có một thị trường giao dịch sôi động cho các Trái Phiếu và cũng không có gì bảo đảm được tính thanh khoản của các Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp. Giả thiết có thị trường giao dịch cho Trái Phiếu thì Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố như lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty và thị trường giao dịch của các chứng khoán tương tự. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, Công Ty Núi Pháo đã đi vào vận hành thương mại từ năm 2014, mặc dù giá khoáng sản trên thế giới có thể có những biến động tại từng thời kỳ, nhưng trong thời gian tới dự kiến sẽ được cải thiện. Qua đó, doanh thu của Công Ty cũng có thể được cải thiện một cách tương ứng và góp phần đảm bảo nguồn tài chính ổn định cho việc thanh toán lãi Trái Phiếu định kỳ.

Tiền lãi Trái Phiếu có thể bị khấu trừ thuế nếu pháp luật Việt Nam có quy định

Các nhà đầu tư cần biết rằng tiền lãi Trái Phiếu và lợi nhuận thu được từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công Ty và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ theo quy định của pháp luật khấu trừ thuế (nếu có) đối với các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu. Nhà đầu tư, khi đặt mua hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu cần lưu ý về các loại thuế có liên quan được nêu tại mục **V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT** của Bản Cáo Bạch này.

Quyền đối với Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị hạn chế

Theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu, khi xảy ra một sự kiện vi phạm, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải thực hiện quyền của mình đối với Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền này cũng phụ thuộc vào các điều kiện khác, như Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được tuyên bố xảy ra sự kiện vi phạm và yêu cầu Công Ty mua lại Trái Phiếu nếu có nghị quyết chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc chỉ được tiến hành các thủ tục tố tụng đối với Công Ty sau khi Công Ty không đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ mua lại của mình.

Đây là những quy định chặt chẽ, có thể ảnh hưởng đến quyền tự quyết của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Vì thế, Công Ty khuyến nghị nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến tư vấn đầy đủ trước khi đầu tư vào Trái Phiếu.

5. Rủi Ro Liên Quan Đến Biện Pháp Bảo Đảm Và Tài Sản Bảo Đảm

Tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm và/hoặc yêu cầu thực hiện bảo lãnh thanh toán khi xảy ra sự kiện vi phạm có thể không đủ để thanh toán các nghĩa vụ của Công Ty đối với Trái Phiếu

Khả năng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, nhân danh Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, thu giữ tài sản bảo đảm khi xảy ra sự kiện vi phạm hoặc các sự kiện khác, phụ thuộc vào tình trạng đăng ký giao dịch bảo đảm và thứ tự ưu tiên trong một số trường hợp nhất định theo quy định của pháp luật Việt Nam tùy từng trường hợp. Mặc dù các thủ tục sẽ được tiến hành để đảm bảo tính hiệu lực và khả năng thi hành các biện pháp bảo đảm, không có gì bảo đảm rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện được các quyền đối với tài sản bảo đảm.

Trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm, giá trị của tài sản bảo đảm sẽ phụ thuộc vào các điều kiện thị trường và các yếu tố khác. Hơn nữa, giá trị tài sản bảo đảm có thể giảm trong tương lai. Vì thế, Công Ty không thể cam kết với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng khoản tiền thu được từ bất kỳ việc xử lý các tài sản bảo đảm sau khi xảy ra sự kiện vi phạm theo Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu sẽ đủ để đáp ứng, hoặc sẽ không ít hơn một cách đáng kể so với, các khoản tiền đến hạn và phải thanh toán của Trái Phiếu. Nếu khoản tiền thu được từ bất kỳ việc xử lý các tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán tất cả các nghĩa vụ theo Trái Phiếu thì mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ nhận được khoản thanh toán theo tỷ lệ tương ứng giữa tổng mệnh giá trái phiếu mình đang nắm giữ với tổng giá trị khoản nợ theo các Trái Phiếu.

Bên cạnh đó, nghĩa vụ thanh toán theo Trái Phiếu của Công Ty được bảo lãnh thanh toán bởi Công Ty Núi Pháo. Các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được yêu cầu thanh toán trực tiếp đối với tài sản của các công ty con của Công Ty nếu các tài sản này không được sử dụng để làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ theo Trái Phiếu, và nghĩa vụ của Công Ty theo Trái Phiếu trên thực tế sẽ bị xếp thứ cấp so với các nghĩa vụ của công ty con của Công Ty cùng được bảo đảm bằng tài sản của các công ty con đó.

Khó khăn có thể gặp phải khi xử lý tài sản bảo đảm

Việc xử lý tài sản bảo đảm phụ thuộc vào quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm xử lý. Nếu vào bất kỳ thời điểm nào trong tương lai, pháp luật Việt Nam hạn chế việc chuyển nhượng hoặc áp đặt các điều kiện chuyển nhượng đối với tài sản bảo đảm thì Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gặp khó khăn khi xử lý tài sản bảo đảm. Đồng thời, việc xử lý tài sản bảo đảm có thể làm phát sinh các chi phí có liên quan.

Ngoài ra, tùy thuộc vào pháp luật quản lý ngoại hối của Việt Nam, tiền xử lý tài sản bảo đảm trước khi được chuyển cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ở nước ngoài để thanh toán cho các nghĩa vụ của Công Ty theo Trái Phiếu phải thỏa mãn các điều kiện về quản lý ngoại hối tại Việt Nam.

Theo quy định tại Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR, tài sản bảo đảm ban đầu là một số lượng cổ phần phổ thông của MSR thuộc sở hữu của Masan Horizon được định giá định kỳ hàng quý, nếu giá trị giảm xuống dưới cam kết về tỷ lệ bảo đảm, bên bảo đảm có liên quan sẽ phải bổ sung ngay tài sản bảo đảm. Đồng thời, giao dịch bảo đảm liên quan đến tài sản bảo đảm cũng sẽ được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng nên nhà đầu tư có thể tin tưởng vào hiệu lực đối kháng của các biện pháp bảo đảm của Trái Phiếu.

6. Các Rủi Ro Khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, hoạt động của Công Ty còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, bãi công, đảo chính, chiến tranh, v.v... là những sự kiện ít gặp

trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, khả năng phòng ngừa và dự kiến của Công Ty. Mặc dù Công Ty và các công ty con đã mua bảo hiểm rủi ro tài sản cho Dự Án Núi Pháo và các công trình, giao dịch quan trọng, các rủi ro này, nếu xảy ra, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty Núi Pháo và qua đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Niêm Yết

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN

Ông Danny Le

Chức vụ : Chủ Tịch HĐQT

Ông: Craig Richard Bradshaw

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bà: Nguyễn Thị Thanh Mai

Chức vụ: Kế Toán Trưởng

Công Ty đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Người Đại Diện : Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Văn bản ủy quyền: Số 010/2018/UQ-CT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương tham gia lập trên cơ sở hợp đồng bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết số 01/2018/BLPHTVNY/TCBS-MSR với Công Ty. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các công ty trong Tập Đoàn Masan và Nhóm công ty Masan Resources

“Masan Group” hoặc “Tập Đoàn Masan” hoặc “MSN”	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan
“Masan Horizon”	Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan
“MSR” hoặc “Công Ty”	Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan
“Nhóm công ty Masan Resources”	Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan và các công ty con của Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan, bao gồm MRTN, TNTI, Công Ty Núi Pháo và MTC
“MRTN”	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên
“MTC”	Công Ty TNHH Vonfram Masan
“TNTI”	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên
“Công Ty Núi Pháo”	Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo

Thuật ngữ chuyên môn về hoạt động của Công Ty

“AMEC”	Hiệp Hội Các Công Ty Khai Thác Khoáng Sản (“AMEC”) – Association of Mining and Exploration Companies
“APT”	Ammonium paratungstate, là muối kết tinh màu trắng amoni và vonfram.
“BTO”	Oxit vonfram tinh chế thể màu xanh (Blue tungsten oxide)
“CRU”	Công Ty tư vấn CRU, Anh Quốc
“Dự Án Núi Pháo”	Dự án mang tên “Dự án khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo” theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 17121000026 cấp lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2010 bởi Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thái Nguyên và các sửa đổi bổ sung
“Mã JORC”	Mã Báo Cáo Kết Quả Thăm Dò, Tài Nguyên Khoáng Sản Và Trữ Lượng Quặng của Úc (<i>Australasian Code for Reporting of Exploration Results, Mineral Resources and Ore Reserves</i>) do Ủy Ban Liên Tịch Trữ Lượng Quặng của Viện Khai Khoáng Và Luyện Kim Úc, Viện Các Nhà Nghiên Cứu Địa Chất và Hội Đồng Khoáng Sản Úc (<i>Joint Ore Reserves Committee of the Australasian Institute of Mining and Metallurgy, Australian Institute of Geoscientists and Mineral Council of Australia</i>) ban hành, [Ấn phẩm năm 2012]

“SGS”	Công Ty TNHH SGS Việt Nam
“ST”	Sodium Tungstate – sản phẩm trung gian giữa tinh quặng vonfram và vonfram giá trị gia tăng cao
“YTO”	Oxit vonfram tinh chế thể màu vàng (Yellow tungsten oxide)

Định nghĩa chung

“Chính Phủ”	Chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
“BTNMT”	Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường Việt Nam
“BCT”	Bộ Công Thương Việt Nam
“BCTC”	Báo cáo tài chính
“CP”	Cổ phần
“CPI”	Chỉ số giá tiêu dùng
“ĐHĐCĐ”	Đại hội đồng cổ đông
“Điều Lệ”	Điều lệ của Công Ty tháng 9 năm 2018 và các sửa đổi bổ sung (nếu có)
“GDP”	Tổng sản phẩm quốc nội – Gross Domestic Products
“HĐQT”	Hội đồng quản trị
“HĐTV”	Hội đồng thành viên
“LNST”	Lợi nhuận sau thuế
“MTV”	Một thành viên
“TNHH”	Trách nhiệm hữu hạn

Các thuật ngữ khác

“km”	Ki-lô-mét
“lb”	Pound (đơn vị đo khối lượng, 1 lb bằng khoảng 0,45 ki-lô-gram)
“m ³ ”	Mét khối
“mtu”	Metric Ton Unit, 1 mtu tương đương với 10 ki-lô-gram
“%”	Phần trăm
“USD”	Đô-la Mỹ

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này hoặc trong các điều kiện và điều khoản Trái Phiếu đính kèm tại Phụ lục I của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm Tắt Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển Của Công Ty Và Các Công Ty Con

1.1. Thông Tin Chung Về Công Ty

Tên Công Ty	:	Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan
Tên tiếng Anh	:	Masan Resources Corporation
Tên viết tắt	:	Masan Resources
Trụ sở	:	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(84 28) 6256 3862
Fax	:	(84 28) 3827 4115
Website	:	https://masangroup.com/masanresources/
Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh	:	Số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 10 năm 2018.
Vốn điều lệ đã đăng ký	:	8.993.091.220.000 VND
Vốn điều lệ thực góp	:	8.993.091.220.000 VND
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Craig Richard Bradshaw Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Ngành nghề kinh doanh	:	- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường); và - Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý).

1.2. Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển

Công Ty được thành lập ngày 27 tháng 4 năm 2010 với mục tiêu thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản và tài nguyên của Tập Đoàn Masan. Dưới đây là các mốc hoạt động kinh doanh ấn tượng của Công Ty:

2010	Ngày 27 tháng 4 năm 2010, Công Ty được thành lập dưới hình thức công ty Công Ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2010 với vốn điều lệ là 20.000.000 VND
	Tháng 5 năm 2010, MRTN được thành lập với vốn điều lệ là 10.000.000 VND và là công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ nhằm thực hiện hoạt động tư vấn và nghiên cứu thị trường.
	Tháng 7 năm 2010, Công Ty Núi Pháo được thành lập bởi Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Thái Nguyên (nắm giữ 15% vốn điều lệ) và Công Ty TNHH

Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên (MRTN) (nắm giữ 85% vốn điều lệ), với vốn điều lệ là 837.900.000.000 VND nhằm mục đích sở hữu và vận hành Dự Án Núi Pháo để khai thác và chế biến khoáng sản tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Tháng 9 năm 2010, Công ty phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 20.000.000 VND lên 1.892.875.000.000 VND. Trong đó, Masan Horizon sở hữu 79,9999995% cổ phần của Công ty.

Công Ty Núi Pháo nhận được giấy phép khai thác khoáng sản số 1710/GP-BTNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010 do BTNMT cấp.

Tháng 11 năm 2010, Tập Đoàn Masan hoàn thành việc mua lại quyền kiểm soát Công Ty Núi Pháo, thông qua việc MRTN mua lại toàn bộ phần vốn góp của Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Thái Nguyên tại TNTI (vốn được sở hữu 100% bởi Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Thái Nguyên), và sau đó TNTI mua lại 15% vốn điều lệ mà Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Thái Nguyên nắm giữ tại Công Ty Núi Pháo.

2011 Công Ty bắt đầu thúc đẩy phát triển Dự Án Núi Pháo.

Tháng 3, Công Ty phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông hiện hữu và MRC Ltd, một công ty đầu tư của Mount Kellett Capital Management L.P., nâng vốn điều lệ lên 5.406.826.290.000 VND. MRC Ltd. trở thành cổ đông nắm giữ 20% và Masan Horizon nắm giữ 65% vốn điều lệ của Công Ty.

Tháng 12, Hội Đồng Đánh Giá Trữ Lượng Khoáng Sản Quốc Gia công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên cho Dự Án Núi Pháo.

2012 Tháng 2, Công Ty Núi Pháo nhận được chấp thuận chính thức của BCT đối với thiết kế cơ bản mỏ của Dự Án Núi Pháo.

2013 Tháng 1, Private Equity New Markets II K/S, một công ty đầu tư của BankInvest trở thành cổ đông nắm giữ 2,86% trong Công Ty thông qua phương thức chào bán riêng lẻ, làm tăng vốn điều lệ của Công Ty lên thành 5.565.850.590.000 VND.

Tháng 7, MRC Ltd tăng tỷ lệ sở hữu trong Công Ty lên 21% thông qua phương thức chào bán riêng lẻ bởi Masan Resources. Đồng thời, Công Ty phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ của Công Ty lên thành 6.851.880.420.000 VND, với 63,14% sở hữu của Masan Horizon.

Tháng 8, Công Ty nhận Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 41122000131 do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

2014 Dự Án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại từ ngày 1 tháng 3 đối với vonfram và đồng, từ ngày 1 tháng 6 đối với florit và từ ngày 1 tháng 9 đối với bismut.

2015 Tháng 2, Công Ty tăng vốn điều lệ lên 7.194.473.280.000 VND thông qua phát hành cổ phần cho người lao động.

Công Ty đạt kỷ lục về sản lượng khai thác đối với tất cả 4 dòng sản phẩm. Công Ty Liên doanh được trao chứng nhận Dự án ứng dụng Công nghệ cao của Bộ khoa học và Công nghệ vào ngày 24 tháng 4;

Công Ty đạt công suất theo thiết kế, và vận hành thử thành công nhà máy chế biến sâu của Công Ty Liên doanh. Các sáng kiến tăng năng suất và hiệu quả sản xuất đã được áp dụng;

Ngày 29 tháng 07 năm 2015, UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng

Tháng 9, Công ty đã chính thức được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch trên sàn Upcom;

Tháng 9, Công Ty đăng cai tổ chức Hội nghị Thường niên lần thứ 28 của Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế (ITIA)

2016

Ngày 22 tháng 4, Công Ty tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên đầu tiên sau khi đăng ký giao dịch;

Dự Án Núi Pháo bắt đầu sản xuất Bismut Xi măng thương mại từ 1 tháng 7;

Triển khai các sáng kiến và đầu tư đổi mới quy trình và công nghệ, tiết kiệm chi phí, thay đổi quy trình nghiệp vụ, và xây dựng các mối liên kết và hợp tác mới; MTC đã đạt sản lượng và doanh thu vượt bậc đối với sản phẩm hóa chất vonfram giá trị gia tăng;

Tháng 12, Masan Group thông qua công ty con thuộc sở hữu đã hoàn thành chào mua cổ phần của Công Ty, qua đó đưa Mount Kellett rời khỏi cơ cấu cổ đông và tăng quyền sở hữu MSR lên 93,78%, mở đường cho chu kỳ cấp vốn chiến lược và tăng trưởng tiếp theo.

2017

Hoàn thành việc nâng cấp chu trình tuyển trọng lực vonfram giúp tăng tỷ lệ thu hồi vonfram lên 67% và vẫn còn khả năng cải thiện thông qua các biện pháp tối ưu hoá;

Giá của tất cả các sản phẩm của Công Ty đều tăng đáng kể cùng với nâng cao hiệu suất sản xuất đã giúp MSR đạt được kết quả kỷ lục trên tất cả các mặt từ sản xuất, doanh thu đến lợi nhuận ròng;

Việc Công Ty được công nhận là thương hiệu toàn cầu, nhờ các sản phẩm chất lượng cao và đáng tin cậy, đã dẫn đến hiện tượng số lượng đơn đặt hàng của các khách hàng mới đối với sản phẩm của Công Ty tiếp tục vượt mức cung.

2018

Tháng 8, Công Ty Núi Pháo đã mua lại 49% phần vốn góp của H.C.Starck GmbH trong Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo – H.C.Starck (“**NHTCM**”) để sở hữu 100% NHTCM và sau đó chuyển nhượng lại một phần vốn góp tương đương 1.000.000 VND cho TNTI dưới sự đồng ý của H.C.Starck GmbH. NHTCM sau đó đổi tên thành Công Ty TNHH Vonfram Masan (MTC).

Tháng 10, Công Ty hoàn thành phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ lên 8.993.091.220.000 VND, Masan Horizon sở hữu 95,99% vốn điều lệ.

Hiện tại Công Ty hoạt động theo chứng nhận đăng ký kinh doanh Số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 10 năm 2018 với vốn điều lệ là 8.993.091.220.000 VND.

1.3. Quá Trình Tăng Vốn Điều Lệ

Kể từ ngày thành lập đến nay, Công Ty thực hiện 6 lần tăng vốn điều lệ từ 20.000.000 VND lên 8.993.091.220.000 VND bao gồm các lần sau:

- **Vốn góp từ thời điểm thành lập** theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2010 là 20.000.000 VND.
- **Tăng vốn điều lệ lần 1 từ 20.000.000 VND lên 1.892.875.000.000 VND**
 - Vốn điều lệ trước khi tăng vốn : 20.000.000 VND
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn : 1.892.875.000.000 VND
 - Số vốn tăng thêm : 1.892.855.000.000 VND
 - Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn : Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ phần Tài Nguyên Masan
 - Mục đích tăng vốn : Để đáp ứng nhu cầu về vốn kinh doanh
 - Phương thức tăng vốn : Phát hành thêm 189.285.500 cổ phần phổ thông cho hai cổ đông sáng lập là Công Ty Cổ phần Tầm Nhìn Ma San và Tiberon Minerals Pte Ltd., mệnh giá 10.000VND/cổ phần
 - Ngày hoàn thành việc tăng vốn : 23/09/2010
 - Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn :
 - Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông số 0459/QĐ-ĐHĐCD-10 ngày 22/9/2010
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309966889 thay đổi lần thứ 2 ngày 23/9/2010
- **Tăng vốn điều lệ lần 2 từ 1.892.875.000.000 VND lên 5.406.826.290.000 VND**
 - Vốn điều lệ trước khi tăng vốn : 1.892.875.000.000 VND
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn : 5.406.826.290.000 VND
 - Số vốn tăng thêm : 3.513.951.290.000 VND
 - Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn : Hội Đồng Thành Viên Công Ty Cổ phần Tài Nguyên Masan
 - Mục đích tăng vốn : Để đáp ứng nhu cầu về vốn kinh doanh
 - Phương thức tăng vốn : Tăng vốn góp của các thành viên Công Ty Cổ phần Tầm nhìn Ma San và Tiberon Minerals Pte Ltd., và tiếp nhận thêm vốn góp của thành viên mới là MRC Ltd.
 - Ngày hoàn thành việc tăng vốn : 21/03/2011
 - Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn :
 - Nghị quyết của Hội Đồng Thành Viên số 00049/QĐ-HĐTV-11 ngày 15/3/2011
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309966889 thay đổi lần thứ 4 ngày 21/3/2011
- **Tăng vốn điều lệ lần 3 từ 5.406.826.290.000 VND lên 5.565.850.590.000 VND**
 - Vốn điều lệ trước khi tăng vốn : 5.406.826.290.000 VND
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn : 5.565.850.590.000 VND
 - Số vốn tăng thêm : 159.024.300.000 VND

- Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn : Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ phần Tài Nguyên Masan
 - Mục đích tăng vốn : Để đáp ứng nhu cầu về vốn kinh doanh
 - Phương thức tăng vốn : Phát hành 15.902.430 cổ phần ưu đãi cổ tức cho BI Private Equity New Markets III K/S, mệnh giá 10.000VND/cổ phần
 - Ngày hoàn thành việc tăng vốn : 24/01/2013
 - Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn :
 - Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông số 293/NQ-ĐHĐCĐ-12 ngày 27/12/2012
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309966889 thay đổi lần thứ 8 ngày 6/2/2013
- **Tăng vốn điều lệ lần 4 từ 5.565.850.590.000 VND lên 6.851.880.420.000 VND**
- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn : 5.565.850.590.000 VND
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn : 6.851.880.420.000 VND
 - Số vốn tăng thêm : 1.286.029.830.000 VND
 - Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn : Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ phần Tài Nguyên Masan
 - Mục đích tăng vốn : Để đáp ứng nhu cầu về vốn kinh doanh
 - Phương thức tăng vốn :
 - Phát hành 99.182.832 cổ phần cho cổ đông hiện hữu, mệnh giá 10.000VND/cổ phần;
 - Phát hành riêng lẻ 29.420.151 cổ phần cho MRC Ltd., mệnh giá 10.000VND/cổ phần
 - Ngày hoàn thành việc tăng vốn : 26/07/2013
 - Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn :
 - Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 057/NQ-ĐHĐCĐ-13 ngày 18/2/2013
 - Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 136/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2013
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309966889 thay đổi lần thứ 11 ngày 26/7/2013
- **Tăng vốn điều lệ lần 5 từ 6.851.880.420.000 VND lên 7.194.473.280.000 VND**
- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn : 6.851.880.420.000 VND
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn : 7.194.473.280.000 VND
 - Số vốn tăng thêm : 342.592.860.000 VND
 - Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn : Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty Cổ phần Tài Nguyên Masan
 - Mục đích tăng vốn : Để đáp ứng nhu cầu về vốn kinh doanh
 - Phương thức tăng vốn : Phát hành 34.259.286 cổ phần cho người lao động, mệnh giá 10.000VND/cổ phần
 - Ngày hoàn thành việc tăng vốn : 04/02/2015
 - Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn :
 - Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 057/NQ-ĐHĐCĐ-13 ngày 18/2/2013
 - Quyết định của Hội Đồng Quản Trị số 121/2014/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 7 năm 2014

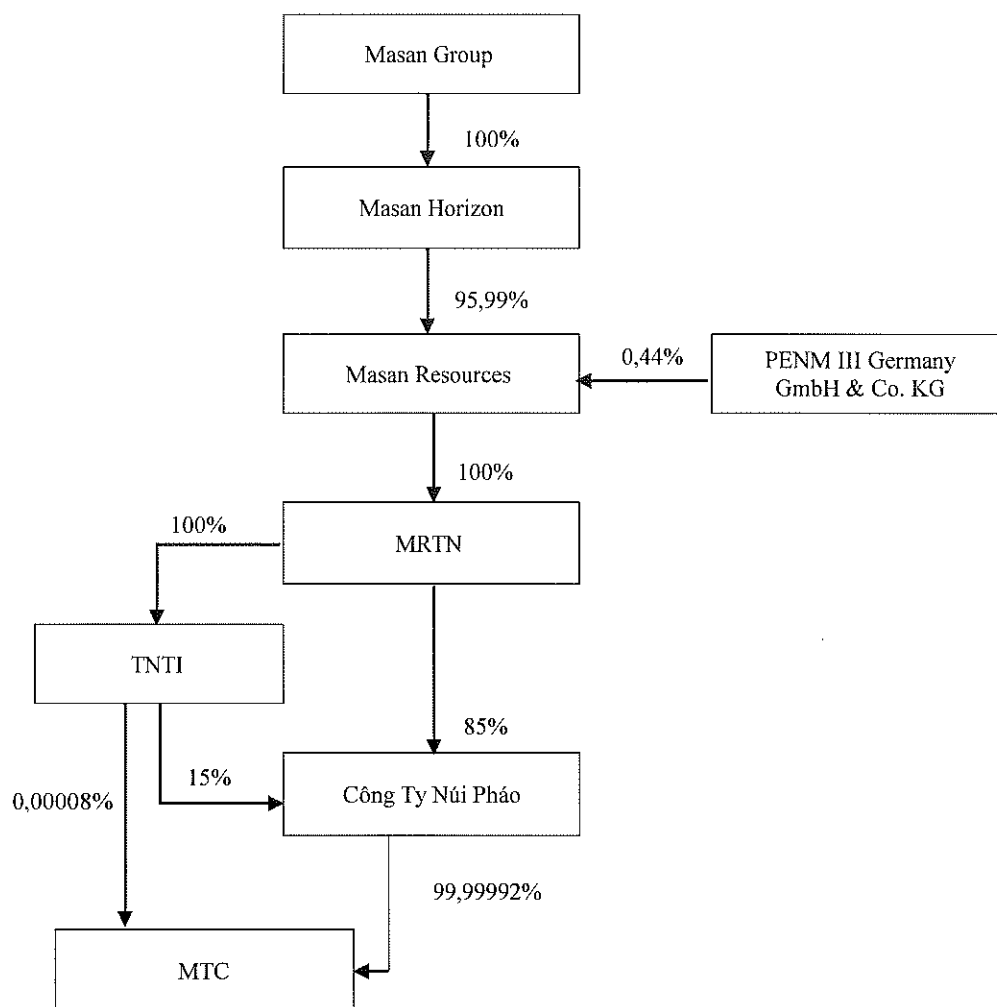
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309966889 thay đổi lần thứ 12 ngày 4/2/2015

• **Tăng vốn điều lệ lần 6 từ 7.194.473.280.000 VND lên 8.993.091.220.000 VND**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn : 7.194.473.280.000 VND
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn : 8.993.091.220.000 VND
- Số vốn tăng thêm : 1.798.617.940.000 VND
- Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Mục đích tăng vốn : Để đáp ứng nhu cầu về vốn kinh doanh
- Phương thức tăng vốn : Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 25%, số lượng phát hành 179.861.794 cổ phần, mệnh giá 10.000VND/cổ phần
- Ngày hoàn thành việc tăng vốn : 03/10/2018
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn :
 - Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông số 138/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2018
 - Báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 209/2018/MSR-TB ngày 14/6/2018 của Công Ty Cổ phần Tài Nguyên Masan
 - Công văn số 4433/UBCK-QLCB ngày 19/7/2018 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc đã nhận đủ tài liệu phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và đã công bố thông tin liên quan đến việc phát hành cổ phiếu trên website của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
 - Báo cáo Kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 338/2018/BC-MR ngày 12/9/2018 của Công Ty Cổ phần Tài Nguyên Masan
 - Công văn số 6576/UBCK-QLCB ngày 25/9/2018 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về việc đã nhận được Báo cáo Kết quả phát hành cổ phiếu của Công Ty Cổ phần Tài Nguyên Masan
 - Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị số 359/2018/NQ-HĐQT
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309966889 thay đổi lần thứ 15 ngày 3/10/2018

2. Cơ Cấu Tổ Chức Của Công Ty

Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu tổ chức của Công Ty được trình bày trong sơ đồ dưới đây:

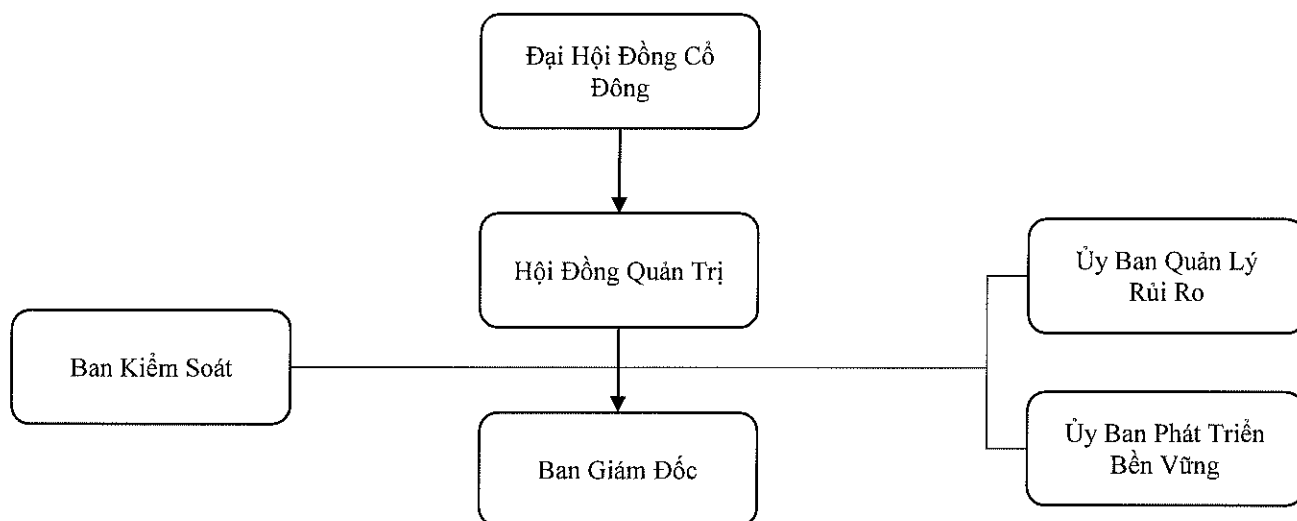


3. Cơ Cấu Quản Lý Của Công Ty

Tổ chức và hoạt động của Công Ty căn cứ vào các văn bản sau đây:

- Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều Lệ;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu quản lý của Công Ty như sau:



3.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên phải được triệu tập trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận theo đề nghị của HĐQT.

3.2. Hội Đồng Quản Trị

HĐQT chịu trách nhiệm điều hành và quản lý chung đối với Công Ty. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần hoặc khi có yêu cầu để đánh giá và giám sát tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công Ty.

HĐQT hiện tại gồm có 5 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm năm. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên HĐQT không vượt quá 5 năm, có khả năng tái bầu cử vào cuối nhiệm kỳ. HĐQT có thể bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT.

3.3. Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát chịu trách nhiệm giám sát hoạt động tài chính của Công Ty, và tính hợp pháp trong hoạt động của các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Giám Đốc và những người giữ các chức danh quản lý, và quản lý mối liên hệ giữa Ban Kiểm Soát, HĐQT, Ban Giám Đốc và các Cổ Đông.

Ban Kiểm Soát sẽ báo cáo cho các Cổ Đông và trong phạm vi nhất định, UBCKNN hoặc các cơ quan nhà nước khác tại Việt Nam khi Ban Kiểm Soát phát hiện bất kỳ hành vi nào do các thành viên HĐQT, Ban Giám Đốc, hoặc những người giữ chức danh quản lý khác thực hiện mà có thể vi phạm pháp luật Việt Nam hoặc các quy định của Điều Lệ.

3.4. Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh và quản lý hàng ngày của Công Ty, thực hiện các chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt. Thành viên Ban Giám Đốc được HĐQT bổ nhiệm.

3.5. Các Ủy Ban

Ủy ban quản lý rủi ro

- Rà soát và thảo luận với Ban Giám đốc và với công ty kiểm toán độc lập của Công ty về các báo cáo tài chính quý của Công ty;
- Đánh giá sự tuân thủ các quy tắc thực hành kinh doanh và quy tắc ứng xử của Công Ty, cân nhắc và (nếu phù hợp) chấp thuận bất kỳ sự từ bỏ nào như được quy định trong các quy tắc này.
- Rà soát định kỳ với Ban Giám đốc và bộ phận tư vấn pháp lý về sự tuân thủ của Công ty với các luật và quy định, bao gồm các chính sách mua bán chứng khoán doanh nghiệp, vấn đề pháp lý, tố tụng hay dự phòng khác có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến báo cáo tài chính của Công Ty.
- Thảo luận với Ban Giám đốc về các chính sách của Công ty liên quan đến đánh giá và quản lý rủi ro, và các hành động mà Ban Giám đốc điều hành đã thực hiện để giám sát và kiểm soát các rủi ro.

Ủy ban phát triển bền vững

- Rà soát và giám sát các hoạt động của Công Ty và sự ảnh hưởng của các hoạt động đó tới các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững, môi trường, cộng đồng và các bên liên quan quan trọng khác;
- Rà soát và hướng dẫn Ban Giám đốc các vấn đề về phát triển bền vững và việc tích hợp tính bền vững vào hoạt động kinh doanh của Công Ty, bao gồm cải tiến, sản xuất, nguồn nguyên liệu và vận hành;
- Rà soát hoạt động của các sáng kiến tác động cộng đồng của Công Ty;
- Rà soát và khuyến nghị Ban Giám đốc cách thức báo cáo cổ đông và các nhóm đối tượng khác các vấn đề về hoạt động trách nhiệm doanh nghiệp;
- Rà soát và hướng dẫn Ban Giám đốc, và báo cáo Hội Đồng Quản Trị các vấn đề vi phạm trách nhiệm doanh nghiệp trong các quyết định kinh doanh quan trọng, nhằm bảo vệ giá trị lợi thế thương mại, nhân lực và trí tuệ tài sản trí tuệ của Công Ty;
- Rà soát và khuyến nghị Hội Đồng Quản Trị về các kiến nghị của cổ đông có liên quan đến các vấn đề do Ủy ban giám sát;
- Giám sát việc quản lý rủi ro liên quan đến phát triển bền vững, môi trường, và tương tác của Công Ty với cộng đồng.

4. Danh Sách Các Cổ Đông Lớn, Các Cổ Đông Sáng Lập Và Cơ Cấu Cổ Đông

4.1. Danh Sách Cổ Đông Sáng Lập Bị Hạn Chế Chuyển Nhượng

Không có

4.2. Danh Sách Các Cổ Đông Nắm Giữ từ 5% trở lên Vốn Điều Lệ Của Công Ty

Tại ngày 20 tháng 03 năm 2019, danh sách các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Công Ty chúng tôi như sau:

Tên	Đăng Ký Kinh Doanh số	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	% vốn điều lệ
Masan Horizon	0309966871	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh	863.270.140	95,99%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công Ty chốt tại ngày 20/03/2019)

4.3. Cơ Cấu Cổ Đông

Tại ngày 20 tháng 03 năm 2019, cơ cấu cổ đông của Công Ty chúng tôi như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tổng giá trị (mệnh giá) (VND)	% cổ phần
I	Cổ đông trong nước	1.006	881.318.832	8.813.188.320.000	98,00%
1	Cổ đông tổ chức	8	863.421.420	8.634.214.200.000	96,01%
2	Cổ đông cá nhân	998	17.897.412	178.974.120.000	1,99%
II	Cổ đông nước ngoài	27	17.990.290	179.902.900.000	2,00%
1	Cổ đông tổ chức	1	3.975.607	39.756.070.000	0,44%
2	Cổ đông cá nhân	26	14.014.683	140.146.830.000	1,56%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	
	Tổng số	1.033	899.309.122	8.993.091.220.000	100,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công Ty chốt tại ngày 20/03/2019)

5. Danh Sách Các Công Ty Mẹ Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Trong Công Ty Và Danh Sách Các Công Ty Mà Công Ty Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần/Phần Vốn Góp Chi Phối

5.1. Công Ty Mẹ Nắm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần Chi Phối Trong Công Ty

- Tên công ty : Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan
- Địa chỉ : Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 6256 3862 Fax : 028 3827 4115
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0309966871 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010, thay đổi lần thứ 9 ngày 15 tháng 12 năm 2017
- Vốn điều lệ đăng ký : 11.950.000.000.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 11.950.000.000.000 VND

- Tỷ lệ góp vốn tại Công Ty : 95,99% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
 - Hoạt động tư vấn quản lý (chi tiết: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán).

5.2. Danh Sách Các Công Ty Con Mà Công Ty Nắm Giữ (Trực Tiếp Hoặc Gián Tiếp) Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần/Phần Vốn Góp Chi Phối

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÀI NGUYÊN MASAN THÁI NGUYÊN (MRTN)

- Tên công ty : Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên
- Địa chỉ : Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 6256 3862 Fax : 028 3827 4115
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0309960069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 17 tháng 6 năm 2016
- Vốn điều lệ đăng ký : 5.140.335.573.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 5.140.335.573.000 VND
- Tỷ lệ nắm giữ của Công Ty : 100% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường); và
 - Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính).

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYÊN (TNTI)

- Tên công ty : Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên
- Địa chỉ : Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Điện thoại : 028 6256 3862 Fax : 028 3827 4115
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0310352925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2014
- Vốn điều lệ đăng ký : 1.624.861.500.000 VND

- Vốn điều lệ thực góp : 1.624.861.500.000 VND
- Tỷ lệ nắm giữ của Công Ty : 100% vốn điều lệ (nắm giữ gián tiếp thông qua MRTN)
- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán);
 - Quảng cáo;
 - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường);
 - Khai thác các khoáng sản quý hiếm (không hoạt động tại trụ sở chính);
 - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (không hoạt động tại trụ sở chính);
 - Xúc tiến thương mại; và
 - Các hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, chưa được phân vào đâu (cụ thể: hoạt động tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO (CÔNG TY NÚI PHÁO)

- Tên công ty : Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
- Địa chỉ : Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Điện thoại : 024 3718 2490 Fax : 024 3718 2491
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 4600864513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 5 tháng 7 năm 2010, thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 04 năm 2019
- Vốn điều lệ đăng ký : 4.789.010.000.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 4.789.010.000.000 VND
- Tỷ lệ nắm giữ của Công Ty : 100% vốn điều lệ (nắm giữ gián tiếp thông qua MRTN và TNTI)
- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vonfram, florit, đồng, bismut và vàng);
 - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất và tài nguyên nước (thăm dò khoáng sản);
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng);
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

CÔNG TY TNHH VONFRAM MASAN (MTC)

- Tên công ty : Công Ty TNHH Vonfram Masan
- Địa chỉ : Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Điện thoại : 024 3718 2490 Fax : 024 3718 2491
- Giấy Chứng nhận : Số 4601163743 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 15 tháng 1 năm 2014, thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 10 năm 2018
- Vốn điều lệ đăng ký : 1.250.000.000.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 1.250.000.000.000 VND
- Tỷ lệ nắm giữ của Công Ty : 100% vốn điều lệ (nắm giữ gián tiếp thông qua Công Ty Núi Pháo và TNTI)
- Ngành nghề kinh doanh chính : Sản xuất kim loại màu và kim loại quý hiếm (chế biến Vonfram để xuất khẩu hoặc bán trong nước)

6. Hoạt Động Kinh Doanh

Công Ty được thành lập với mục tiêu thực hiện hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản của Tập Đoàn Masan và sở hữu các công ty được thành lập để phát triển Dự Án Núi Pháo cũng như các dự án khai thác, chế biến khoáng sản và hóa chất công nghiệp khác bao gồm Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên (TNTI), Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (MRTN), Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo và Công Ty TNHH

Vonfram Masan (MTC). Vui lòng tham khảo thông tin tại mục “Cơ Cấu Tổ Chức Của Công Ty” để biết thêm về cấu trúc các công ty con của Công Ty.

Sau khi Công Ty được thành lập vào tháng 4 năm 2010, Tập Đoàn Masan đã ký các thỏa thuận chính thức với các quỹ đầu tư do Dragon Capital sở hữu và quản lý để mua lại quyền kiểm soát trong Công Ty Liên Doanh Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (Nuiphaovica), một công ty thành lập bởi các nhà đầu tư trước đây của Công Ty Núi Pháo, được thành lập theo giấy phép đầu tư số 2377/GP do Bộ Kế Hoạch Và Đầu Tư cấp để thực hiện Dự Án Núi Pháo. Tập Đoàn Masan đã hoàn tất việc mua lại quyền kiểm soát Công Ty Núi Pháo vào ngày 23 tháng 9 năm 2010. Công Ty Núi Pháo hiện là một công ty con do Công Ty sở hữu gián tiếp 100% thông qua MRTN và TNTI và cũng là đơn vị trực tiếp vận hành dự án mỏ đa kim Núi Pháo ở Việt Nam.

6.1. Sản Lượng Sản Phẩm, Giá Trị Sản Xuất Qua Các Năm

6.1.1. Giới Thiệu Các Sản Phẩm Của Nhóm công ty Masan Resources

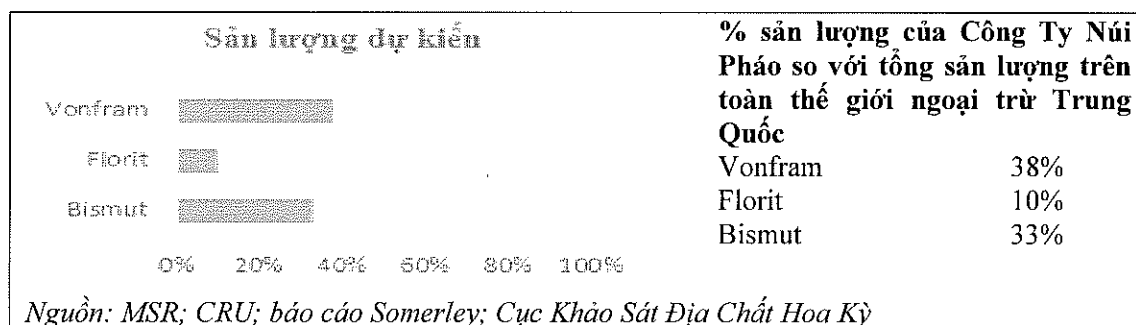
Hiện nay, các sản phẩm nằm trong danh mục của Nhóm công ty Masan Resources bao gồm vonfram, florit, đồng và bismut đều từ Dự Án Núi Pháo và được trực tiếp khai thác và chế biến bởi Công Ty Núi Pháo. Các sản phẩm này được giao dịch trên toàn cầu và được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp.

Vonfram

Vonfram là một kim loại rất cứng có điểm nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và nặng gần như bằng vàng. Vonfram cứng hơn gấp ba lần crom, cobalt và titanium và cứng hơn gấp năm lần nickel, sắt và platinum. Hợp kim vonfram có thể hàn tốt với các kim loại khác, và có nhiệt độ nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và có khả năng chống mài mòn cao.

Vonfram được sử dụng chủ yếu trong sản xuất các hợp kim các-bua cứng hoặc các kim loại cứng, được dùng làm vật liệu chống mài mòn sử dụng trong các ngành công nghiệp gia công kim loại, khai thác mỏ, dầu khí và xây dựng. Vonfram là kim loại hầu như không thể thay thế trong một loạt các ứng dụng công nghiệp như sản xuất máy công cụ hiệu suất cao và các hợp kim thép, được sử dụng trong các ngành công nghiệp như ô tô, năng lượng, xây dựng, hàng không vũ trụ... Vonfram cũng được sử dụng trong các ứng dụng đa dạng về quân sự và sản xuất điện.

Mỏ Núi Pháo là mỏ đa kim có trữ lượng vonfram lớn nhất thế giới đang hoạt động bên ngoài Trung Quốc, và Nhóm công ty Masan Resources cũng là nhà sản xuất florit và bismut hàng đầu thế giới. Quặng vonfram từ mỏ Núi Pháo được trực tiếp khai thác và chế biến thành oxit vonfram có hàm lượng vonfram trên 50% bởi Công Ty Núi Pháo. Oxit vonfram tiếp tục được tinh luyện thành các sản phẩm vonfram giá trị cao như APT/YTO/BTO tại nhà máy tinh luyện của MTC, công ty con sở hữu 99,99% của Công Ty Núi Pháo. MTC trực tiếp phân phối thành phẩm hoặc phân phối thông qua Công Ty Núi Pháo. Hiện nay, nhóm công ty Masan Resources đang xuất khẩu vonfram sang các thị trường Đức, Nhật Bản, Singapore, Mỹ, Ấn Độ...



Florit (CaF_2)

Florit được sản xuất thành 2 loại chính:

- Acidspar, chứa ít nhất 97% CaF_2 . Sản phẩm chất lượng cao này được dùng để sản xuất axit flohydric (HF), được sử dụng trong sản xuất nhôm và chất bán dẫn. HF cũng được sử dụng trong sản xuất chất làm lạnh. Mỏ Núi Pháo đang sản xuất acidspar; và
- Metspar, chứa ít nhất 60% CaF_2 và được sử dụng chủ yếu trong sản xuất thép để nâng cao chất lượng thép.

Tổng sản lượng florit của thế giới năm 2018 được ước tính vào khoảng 6 triệu tấn, trong đó Trung Quốc sản xuất hơn 60%. Công Ty Núi Pháo năm 2018 sản xuất 233.886 tấn florit tinh chất và xuất khẩu sang các thị trường Ấn Độ, Hà Lan, UAE, Nhật Bản, Canada...

Bismut (Bi)

Bismut là nguyên tố không phóng xạ tự nhiên nặng nhất. Đây là một kim loại cơ bản trên trái đất với trữ lượng trên thế giới tương tự như với trữ lượng của bạc, và hầu như không bao giờ xuất hiện ở dạng tinh khiết. Bismut gần như hoàn toàn được sản xuất như một sản phẩm phụ trong quy trình chế biến chì, kẽm, đồng và vonfram. Bismut được sử dụng nhiều trong các ngành công nghiệp nhuộm, dược phẩm và mỹ phẩm. Kim loại này được sử dụng như sản phẩm thay thế cho chì trong các ứng dụng hàn, chống thấm và bơm. Gần đây, bismut đang dần thay thế chì trong nhiều ứng dụng sản phẩm.

Trung Quốc chiếm 50% sản lượng bismut trên toàn cầu. Trong trường hợp không có thêm nhà cung cấp bismut nào đi vào hoạt động trên toàn cầu, thì sự thâm hụt cung cầu dự kiến sẽ ngày càng gia tăng, điều này sẽ là tác nhân tích cực cho biến động tăng giá. Hiện nay, công ty Núi Pháo xuất khẩu Bismuth sang các thị trường Bỉ và Lào.

Đồng (Cu)

Đồng là kim loại quan trọng với rất nhiều ứng dụng, được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp và trong sản xuất hàng hoá tiêu dùng. Trung Quốc là nước tiêu thụ đồng lớn nhất. Đồng cũng rất quan trọng trong các ứng dụng không dùng điện như hàn, tấm lợp, và khi kết hợp với kẽm, dùng để sản xuất đồng thau cho các ứng dụng công nghiệp và tiêu dùng. Hoạt động xây dựng chiếm 40% nhu cầu đồng trên thế giới.

Nhu cầu đối với đồng được ước tính sẽ tiếp tục tăng. Trung Quốc là nước đã có ảnh hưởng lớn nhất đến việc tăng nhu cầu này. Các lĩnh vực chính liên quan đến việc tăng nhu cầu này là hạ tầng, các phương tiện dùng điện và ngành năng lượng tái tạo. Hiện nay, công ty Núi Pháo bán sản phẩm đồng cho thị trường trong nước.

6.1.2. Giá Trị Sản Xuất

Bảng dưới đây thể hiện khối lượng quặng được khai thác và chế biến, sản lượng của mỗi loại sản phẩm cho các giai đoạn được thể hiện:

	Mười hai tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	Mười hai tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	Mười hai tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ba tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2019
Quặng được chế biến (theo tấn)	3.631.894	3.888.483	3.804.391	899.255
Sản lượng vonfram (quy về tấn kim loại)	6.357	6.762	5.871	1.245
Sản lượng florit (quy về tấn tinh chất)	214.894	230.107	233.886	52.124
Sản lượng đồng (quy về tấn kim loại)	8.122	8.498	9.331	1.979
Sản lượng bismut (quy về tấn kim loại)	2.306	2.646	2.748	578

6.1.3. Doanh Thu thuần Theo Sản Phẩm

Bảng dưới đây thể hiện chi tiết doanh thu của Công Ty và các công ty con đối với mỗi loại sản phẩm trong các giai đoạn được thể hiện:

Sản phẩm	Năm 2017		Năm 2018		% tăng/ (giảm)	Quý 1/2019	
	Doanh thu thuần	% DTT	Doanh thu thuần	% DTT		Doanh thu thuần	% DTT
	(triệu VND)		(triệu VND)			(triệu VND)	
Vonfram	3.220.111	59,58%	4.215.790	61,41%	30,92%	723.960	60,93%
Florit	1.086.633	20,11%	1.381.224	20,12%	27,11%	415.898	35,00%
Đồng	734.678	13,59%	942.301	13,73%	28,26%	-	
Khác ¹	363.223	6,72%	325.696	4,74%	(10,33%)	48.355	4,07%
Tổng cộng	5.404.645	100%	6.865.011	100%	27,02%	1.188.213	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho năm kết thúc 31/12/2018 và BCTC tự lập cho giai đoạn kết thúc ngày 31/3/2019 của CTCP Tài nguyên Masan và các công ty con)

Do những chuyển biến tích cực của giá khoáng sản trong năm 2018, doanh thu thuần của tất cả các sản phẩm của Công Ty đều được cải thiện đáng kể, cụ thể doanh thu thuần từ sản phẩm vonfram tăng 30,92%, florit tăng 27,11%, đồng tăng 28,26%. Vonfram vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tỷ trọng doanh thu thuần của Công Ty, cụ thể 59,58% năm 2017 và 61,41% năm 2018 do đây là sản phẩm chính của Công Ty. Giá APT (sản phẩm hóa chất vonfram có hàm lượng 88,5% vonfram trở lên) bình quân tăng từ 239 USD/mtu trong năm 2017 lên 309 USD/mtu trong năm 2018. Giá bình quân của các khoáng sản khác cũng tăng trong năm 2018, cụ thể florit tăng từ 260 USD/tấn lên 350 USD/tấn, và đồng tăng từ 6.166 USD/tấn lên 6.514 USD/tấn. Giá mặt hàng bismut tăng từ 4,3 USD/lb năm 2017 lên 4,8

¹ Bao gồm bismut và các sản phẩm phụ của bismut

USD/lb, sau đó lại giảm xuống còn 3,9 USD/lb nên doanh thu bismuth giảm nhẹ so với năm 2017. Về tổng thể, doanh thu thuần của Công Ty tăng do lượng đơn đặt hàng tăng cao từ khách hàng hiện hữu và khách hàng mới tìm nguồn cung sản phẩm hóa chất thiết yếu cho sản xuất vốn không có sản phẩm thay thế.

Sản lượng sản xuất trong quý 1 năm 2019 của Công Ty về cơ bản khá tương đồng so với quý 1 năm 2018. Sản lượng đồng tinh chất quý 1/2019 là 1.979 tấn so với 1.968 tấn của quý 1/2018, vonfram tinh chất quý 1/2019 là 1.245 tấn so với 1.421 tấn trong quý 1/2018, florit tinh chất quý 1/2019 là 52.124 tấn so với 50.372 tấn trong quý 1/2018, bismuth tinh chất quý 1/2019 là 578 tấn so với 570 tấn trong quý 1/2019. Doanh thu quý 1/2019 bị ảnh hưởng do giá vonfram giảm xuống còn 277 USD/mtu so với giá bình quân năm 2018 là 309 USD/mtu. Doanh thu từ đồng không phát sinh do Công Ty hiện đang tìm giải pháp chế biến nội địa và tiếp tục nghiên cứu khả năng xây dựng nhà máy tinh luyện đồng/vàng riêng. Doanh thu từ florit quý 1/2019 là 415,9 tỷ VND tăng lên so với cùng kỳ (322,1 tỷ VND) do giá bán sản phẩm tăng (từ 350 USD/tấn lên 475 USD/tấn) và sản lượng sản xuất cùng tăng.

6.1.4. Lợi Nhuận Gộp Theo Sản Phẩm

Công Ty không phân bổ chi phí cho từng sản phẩm do không thể phân bổ chính xác chi phí khấu hao cũng như các chi phí khác như nhân công, chi phí nguyên vật liệu... cho từng sản phẩm nên không có chỉ tiết số liệu lợi nhuận gộp trên từng sản phẩm.

6.2. Nguyên Vật Liệu

Nguồn nguyên liệu thô

Nguyên liệu thô cần thiết cho hoạt động sản xuất của Công Ty Núi Pháo bao gồm nguyên liệu thô cơ bản và hóa chất chuyên dùng trong hoạt động chế biến. Nhóm công ty Masan Resources đang mở rộng nguồn cung cấp, không chỉ mua nguyên liệu thô cơ bản mà còn mua một phần các hóa chất từ các nhà cung cấp trong nước, đảm bảo giá mua hợp lý và chất lượng phù hợp. Các hóa chất chuyên dùng còn lại được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài có quan hệ lâu dài, giá cả cạnh tranh và chất lượng được đảm bảo.

Bảng dưới đây thể hiện danh sách các nguyên liệu thô, các hóa chất và các nhà cung cấp chính của Công Ty Núi Pháo:

Nguyên liệu thô	Nhà cung cấp trong nước	Nhà cung cấp nước ngoài
Sodium Carbonate	x	
Đá vôi	x	
Sodium Hydroxide	x	x
Bi nghiền quặng		x
PAX		x
Sodium Sulphite		x
Copper Sulphate		x
Chất tập hợp	x	x
Sodium Cyanide	x	
Chất tạo váng/bọt		x
Sodium Chloride	x	
Chất tăng xúc tác		x
Hydrogen Peroxide	x	
Bột sắt		x
Axit Sunphuric	x	

(Nguồn: Công Ty)

Tính ổn định của các nguồn cung cấp

Nguyên liệu thô và một phần các hóa chất mà Công Ty Núi Pháo mua từ các nhà cung cấp trong nước (như sodium carbonate, đá vôi) nhìn chung là những nguyên liệu có sẵn mà có thể tìm được các nhà cung cấp và thương nhân khác để thay thế nguồn cung cấp hiện có. Công Ty tin rằng điều này làm giảm các rủi ro trong chuỗi cung ứng trong trường hợp có bất kỳ gián đoạn nào trong việc cung cấp hoặc bất kỳ biến động nào về chất lượng các nguyên liệu. Nguyên liệu mà Công Ty Núi Pháo lấy từ các nhà cung cấp nước ngoài (như sodium hydroxide, PAX...) nhìn chung là những hóa chất chuyên dùng được sản xuất bởi các nhà sản xuất công nghiệp danh tiếng trên thị trường quốc tế.

Công Ty Núi Pháo đã ký kết các hợp đồng dài hạn, thông thường với thời hạn từ hai đến ba năm, với các nhà cung cấp trong nước và quốc tế để đảm bảo nguồn cung nguyên liệu thô dự kiến phù hợp với tiến độ giao hàng như đã thỏa thuận. Để giảm thiểu rủi ro về nguồn cung nguyên liệu thô, Công Ty Núi Pháo thường xuyên xem xét các nhà cung cấp thay thế tiềm năng khác mà có thể đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và giao nhận cần thiết cho hoạt động kinh doanh của mình.

Nguyên liệu dự trữ được duy trì để đảm bảo đủ cho nhu cầu phục vụ hoạt động sản xuất, có tính đến thời gian hoàn thành việc sản xuất, giao hàng, thanh toán, thông quan nội địa bao gồm cả các thủ tục hải quan và vận chuyển đến khu vực dự án. Đối với các nhà cung cấp địa phương, Nhóm công ty Masan Resources chú trọng duy trì mức dự trữ nguyên liệu hợp lý. Ngoài ra, Nhóm công ty Masan Resources cũng duy trì danh sách các nhà cung cấp thay thế được chấp thuận để giảm thiểu rủi ro về nguồn cung nguyên liệu.

Ảnh hưởng của giá nguyên liệu đối với doanh thu và lợi nhuận

Giá cả nguyên vật liệu không ảnh hưởng trọng yếu tới doanh thu và lợi nhuận của Công Ty do chi phí nguyên vật liệu chỉ chiếm khoảng 10% tổng chi phí và Công Ty đã duy trì ổn định được nguồn cung cấp nên chỉ bị ảnh hưởng rất nhỏ bởi biến động giá cả nguyên vật liệu.

Để giảm thiểu tác động của biến động giá nguyên liệu đối với kết quả hoạt động kinh doanh, Nhóm công ty Masan Resources ký kết các hợp đồng dài hạn, thông thường với thời hạn từ hai đến ba năm, với mức giá cố định. Trước khi các hợp đồng này hết hạn, Nhóm công ty Masan Resources tiến hành quy trình đấu thầu để có được giá tốt nhất trên thị trường trong khi vẫn bảo đảm được các yêu cầu về chất lượng do công ty đưa ra, và hoàn thiện các hợp đồng mới trên cơ sở đó. Đối với bất kỳ nguyên liệu nào không có hợp đồng dài hạn, đấu thầu cạnh tranh sẽ được thực hiện và dựa trên chi phí, chất lượng và thời gian giao hàng, các đơn hàng giao ngay sẽ được áp dụng với giá thị trường để mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

6.3. Chi Phí Sản Xuất, Tỷ Lệ Chi Phí/ Doanh Thu Thuần

Bảng dưới đây thể hiện cơ cấu chi phí cho hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		% tăng/ (giảm)	Quý 1 năm 2019	
	Giá Trị	% DTT	Giá Trị	% DTT		Giá Trị	% DTT
Chi phí giá vốn hàng bán	3.713.763	68,71%	4.703.549	68,51%	26,65%	833.905	70,18%
Chi phí tài chính	1.137.924	21,05%	1.204.830	17,55%	5,88%	306.423	25,79%
Chi phí bán hàng	135.288	2,50%	104.332	1,52%	(22,88%)	20.722	1,74%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	124.952	2,31%	127.023	1,85%	1,66%	26.581	2,24%
Chi phí khác	44.850	0,83%	26.054	0,38%	(41,91%)	5.830	0,49%
Tổng cộng	5.156.777	95,41%	6.165.788	89,81%	19,57%	1.193.461	100,44%

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2018 và BCTC tự lập cho giai đoạn kết thúc ngày 31/3/2019 của CTCP Tài nguyên Masan và các công ty con)

Chi phí giá vốn hàng bán là chi phí chiếm tỷ lệ trọng yếu trong cơ cấu tổng chi phí trên doanh thu thuần

của Công Ty, chiếm 68,71% trong năm 2017 và chiếm 68,51% trong năm 2018. Chi phí giá vốn hàng bán chủ yếu bao gồm các chi phí nguyên liệu thô, công cụ dụng cụ, nhà thầu và khấu hao, ngoài ra còn bao gồm các chi phí nhân công, dịch vụ và các chi phí khác.

Nhìn chung, trong năm 2017 và 2018, Công Ty đã thực hiện tốt việc quản lý và kiểm soát chi phí kinh doanh chính. Chi phí giá vốn hàng bán trong năm 2018 tăng tỷ lệ thuận với doanh thu thuần. Tỷ trọng chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính trên doanh thu thuần đều giảm do doanh thu tăng và các chi phí được kiểm soát ở mức độ ổn định. Chi phí tài chính của Công Ty trong quý 1 năm 2019 tăng 7,85% tương ứng với 22,3 tỷ VND so với quý 1 năm 2018 (284,1 tỷ VND) do Công Ty mở rộng thêm các hoạt động tài chính, bổ sung nguồn vốn nhằm tạo thêm cơ hội kinh doanh và tăng hiệu quả kinh doanh. Tỷ trọng các chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần của quý 1/2019 tăng nhẹ so với năm 2018, tuy nhiên Công Ty vẫn đang tiếp tục áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí chặt chẽ, cải tiến kỹ thuật, nâng cao sản xuất, quản lý dòng tiền đảm bảo tối ưu hóa nguồn tiền sử dụng với chi phí tài chính thấp nhất.

Nhóm công ty Masan Resources là nhà sản xuất vonfram, florit và bismut với chi phí thấp so với các đối thủ cạnh tranh của mình nhờ điều kiện địa chất thuận lợi trong vỉa khoáng sản và vị trí của mỏ Núi Pháo (mỏ nằm lộ thiên, chi phí nhân công thấp, gần các cảng biển lớn). Mỏ Núi Pháo là mỏ lộ thiên nên dẫn đến chi phí khai thác thấp hơn và hệ số bóc đất đá tương đối thấp so với khai thác mỏ dưới lòng đất. Công Ty tin rằng chi phí sản xuất của mình thấp hơn các đối thủ cạnh tranh chính bên ngoài Trung Quốc, cụ thể là các nhà sản xuất tại Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Úc, do các dự án khai thác mỏ dưới lòng đất của nhà sản xuất này đòi hỏi chi phí sản xuất cao, chẳng hạn như quy trình khai thác phức tạp, chi phí cơ sở hạ tầng và chi phí nhân công cao hơn.

6.4. Trình Độ Công Nghệ

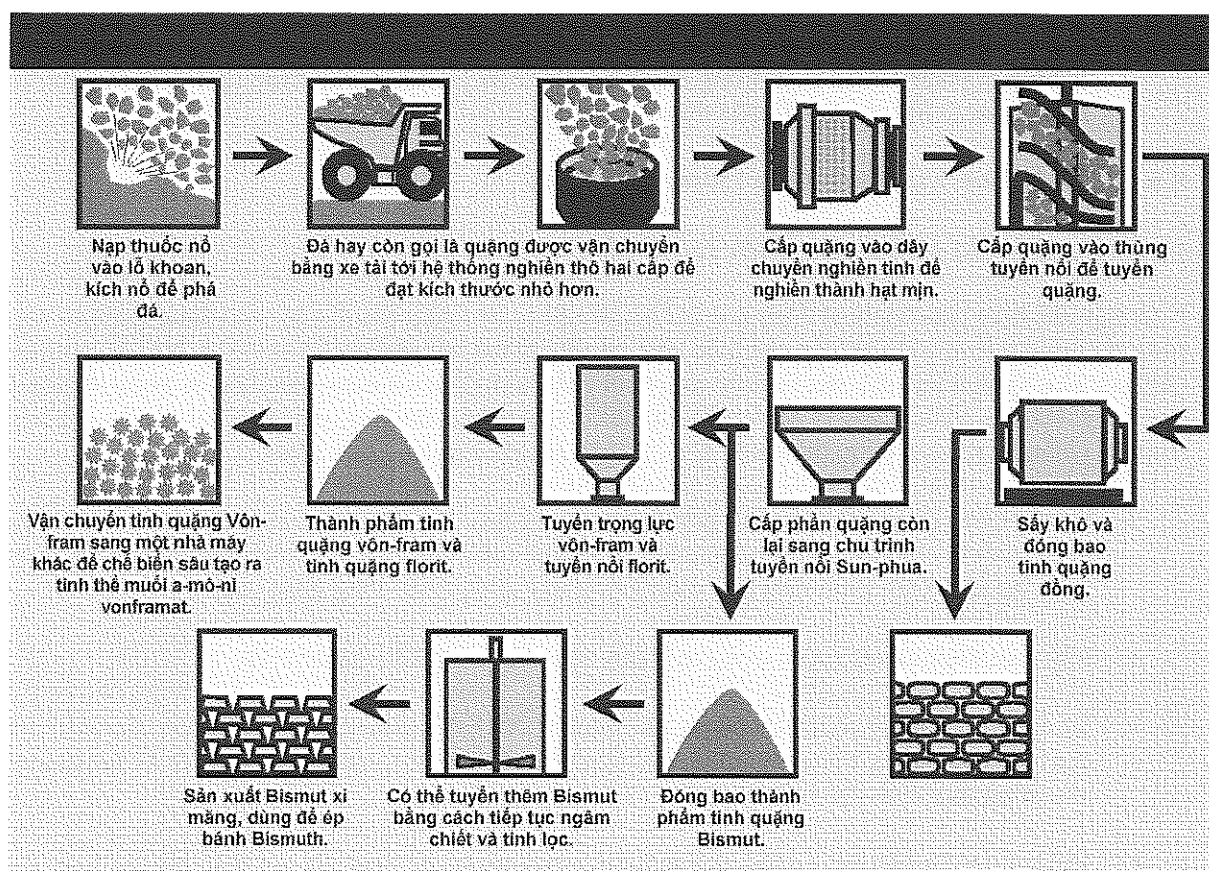
Nhà máy chế biến khoáng sản

Nhà máy chế biến khoáng sản được thiết kế để chế biến 3,5 triệu tấn quặng nguyên khai một năm, được lắp đặt công nghệ tiên tiến nhất hiện có trong ngành công nghiệp chế biến khoáng sản từ các khâu nghiền thô, nghiền tinh, tuyển nổi sun-phua (để sản xuất đồng) và tuyển nổi ôxít (để sản xuất florit cấp axit), tuyển trọng lực (để sản xuất tinh quặng vonfram), lọc và đông cứng clorua (để sản xuất bismut). Các quy trình sản xuất này được tích hợp và vận hành trong một chuỗi nối tiếp kéo dài 24 giờ mỗi ngày, 365 ngày mỗi năm. Chi tiết các giai đoạn vận hành như sau:

1. Chu trình nghiền thô hai giai đoạn: Chu trình nghiền thô biến quặng mỏ thành quặng nhỏ thông qua một quá trình nghiền hai giai đoạn;
2. Kho dự trữ và thu hồi quặng nhỏ: Quặng mịn từ chu trình nghiền thô được đưa vào một kho dự trữ hình nón mở. Quặng nhỏ được thu hồi từ kho dự trữ thông qua ba băng chuyền, đưa vào băng tải nghiền và chuyển quặng đến chu trình nghiền tinh;
3. Chu trình nghiền tinh bằng thanh nghiền hai giai đoạn: Chu trình nghiền tinh được thiết kế để xử lý 444 tấn/giờ từ quặng khô thành sản phẩm được nghiền mịn;
4. Chu trình tuyển nổi, khử nước cho tinh quặng và đóng gói đồng: Chu trình tuyển nổi đồng được thiết kế để tách đồng sunfua từ sản phẩm được nghiền mịn. Tinh quặng đồng cuối cùng sau khi tuyển nổi được bơm vào một bể lắng có tốc độ đông tụ nhanh tại khu vực đầu ra của tinh quặng. Sau đó, tinh quặng cô đặc được tách nước bằng cách sử dụng một bộ đai lọc chân không. Sản phẩm sau khi lọc được đóng gói vào bao lớn tại trạm băng chuyền và đóng gói;
5. Chu trình tuyển nổi sunfua số lượng lớn: Quy trình tuyển nổi sunfua số lượng lớn (BSF) được thiết kế để tách khoáng chất sunfua, có chứa bismut và sắt, từ ôxít vonfram và khoáng chất florit;

6. Chu trình tuyển trọng lực, làm giàu tinh quặng, sấy và đóng gói vonfram: quy trình tuyển trọng lực được thiết kế để thu hồi các khoáng chất vonfram, chủ yếu là khoáng Scheelite, từ dòng sản phẩm đầu ra của quy trình tuyển nổi sunfua. Sau quy trình làm giàu tinh quặng, tinh quặng vonfram đã tách nước được đưa vào máy sấy chạy bằng dầu diesel để loại bỏ hơi ẩm còn lại. Sau khi làm mát, thành phẩm tinh quặng vonfram được đóng gói vào bao lớn tại trạm đóng gói. Thành phẩm này là sản phẩm công nghiệp với tên giao dịch là ôxít vonfram thương phẩm;
7. Hóa chất vonfram: Tinh quặng vonfram từ chu trình tuyển trọng lực vonfram được tiếp tục chế biến sâu thành hóa chất vonfram có giá trị gia tăng tại nhà máy của MTC nằm ngay cạnh mỏ. Tinh quặng vonfram được sản xuất thành sản phẩm APT (muối Ammonium paratungstate) với hàm lượng cao qua quá trình chiết tách bằng hóa chất, tiếp đó là quá trình tinh chế vật lý và hóa học và cuối cùng là bước kết tinh. APT sau đó được đóng bao để xuất bán hoặc tiếp tục được xử lý tại lò nung để sản xuất ra BTO và YTO;
8. Chu trình tuyển nổi, lọc, luyện, và đóng gói bismut ximăng: quy trình tuyển nổi bismut được thiết kế để tách các khoáng chất giàu bismut từ tinh quặng BSF và đuôi quặng đồng được làm sạch. Tinh quặng bismut cuối cùng sau khi tuyển nổi được bơm vào một bể lắng có tốc độ đông tụ nhanh tại khu vực xử lý tinh quặng. Tinh quặng cô đặc được tách nước bằng cách sử dụng một bộ đai lọc chân không. Bánh lọc sau đó được chuyển bằng băng chuyền xoắn ốc đa chiều đến giai đoạn lọc. Tinh quặng bismut tuyển nổi được lọc và làm sạch bằng phương pháp sử dụng muối (NaCl) và axit sulphuric (H_2SO_4) trong quy trình lọc hai giai đoạn. Chất thải từ quy trình luyện bismut ximăng có chứa H_2SO_4 và NaCl còn lại được tái sử dụng để lọc bismut. Quy trình luyện bismut ximăng được tiến hành trên cơ sở hàng loạt trong một lò phản ứng dao động đơn. Sản phẩm bismut ximăng được lọc và rửa trong một bộ lọc áp lực nhỏ trước khi cân và đóng gói để giao hàng;
9. Quy trình xử lý chất thải từ chu trình lọc bismut: xử lý chất thải từ chu trình lọc bismut được yêu cầu để trung hòa axit và kết tủa kim loại nặng chứa trong chất thải trước khi thải ra ngoài;
10. Chu trình tuyển nổi florit, khử nước cho tinh quặng và lưu trữ: chu trình tuyển nổi florit được thiết kế để thu hồi calcium fluoride (CaF_2) phẩm cấp cao cuối quy trình tuyển trọng lực vonfram. Sau khi chế biến, calcium fluoride cuối cùng được bơm vào một bể lắng tại khu vực đầu ra của dây chuyền chế biến. Thành phần florit cuối cùng được tách nước bằng quy trình lọc và lắng cặn tiêu chuẩn, sau đó được thu hồi từ kho dự trữ bằng máy xúc gàu ngược và được vận chuyển đến cảng bằng đường bộ và xả lan; và
11. Quy trình trộn thuốc thử và lưu trữ: Các thuốc thử quan trọng được nhận và lưu trữ trong khu vực dự án. Các thiết bị trộn, lưu trữ và định lượng chuyên dụng được cung cấp cho mỗi thuốc thử.

Quá trình sản xuất các sản phẩm của Công Ty Núi Pháo được trình bày trong các biểu đồ dưới đây:



6.5. Tình Hình Nghiên Cứu Và Phát Triển Sản Phẩm Mới

Nhóm công ty Masan Resources vẫn đang tiếp tục tìm hiểu cách trích xuất các chất khoáng có giá trị kinh tế phụ trội từ quặng trong phạm vi được phép, cải tiến tỷ lệ thu hồi khoáng sản hiện có và giảm chi phí sản xuất. Công Ty con của Công Ty có kế hoạch tái đầu tư 1% doanh thu hàng năm cho hoạt động nghiên cứu phát triển, với chiến lược trở thành nhà sản xuất hóa chất công nghiệp vonfram tích hợp lớn trên thế giới, chế biến các sản phẩm cacbua vonfram, bột kim loại vonfram, xi măng cacbua, sản phẩm máy phay và hóa chất công nghiệp.

Bên cạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, Nhóm công ty Masan Resources cũng quan tâm nghiên cứu cải tiến quy trình sản xuất. Một số dự án quan trọng mà Nhóm công ty Masan Resources đã và đang tiến hành nhằm nâng cao hơn nữa hiệu suất nhà máy bao gồm:

- Dự án tăng tỷ lệ thu hồi vonfram đối với quặng đã nghiền mịn: sử dụng công nghệ ly tâm và thiết bị G-forces công suất cao để tăng tỷ lệ thu hồi vonfram dạng hạt mịn. Đây là công nghệ mới phát triển trong vài năm gần đây, đạt đến hiệu quả cao và áp dụng trong sản xuất với sản lượng lớn. Dự án đang được thực hiện với những kết quả bước đầu, dự kiến sẽ hoàn thành vào quý 2/2019.
- Dự án cải tiến công đoạn phân loại quặng đầu vào tăng năng suất và tỷ lệ thu hồi, hiện đang trong giai đoạn chạy thử, dự kiến hoàn thành vào quý 2/2019;
- Dự án Tăng công suất trong công đoạn lắng và cô đặc đồng: đây là nút thắt trong dây chuyền đồng. Với việc tăng công suất của công đoạn lắng và cô đặc, sẽ làm tăng công suất của cả dây

chuyển và tăng khối lượng sản phẩm đồng sản xuất được, dự án đã đạt được các kết quả bước đầu và dự kiến hoàn thành trong quý 2/2019; và

- Dự án nâng cấp dây chuyền Florit tăng khả năng đào thảo sunfua, cải thiện tỷ lệ thu hồi; vận hành giai đoạn rửa bổ sung trong quy trình florit để giảm tạp chất bằng cách rửa và giảm các phụ gia hóa chất, dự án đã hoàn thành trong quý 4/2018.

6.6. Tình Hình Kiểm Soát Chất Lượng Sản Phẩm

Hệ Thống Quản Lý Chất Lượng Hiện Tại

Nhà máy chế biến phục vụ hoạt động của Dự Án Núi Pháo bao gồm các tổ vận hành đang được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp chế biến khoáng sản để thu hồi các sản phẩm đồng, bismut, vonfram và florit phẩm cấp cao. Việc sản xuất ra sản phẩm chất lượng cao và đồng nhất là một trong những ưu tiên hàng đầu của Nhóm công ty Masan Resources. Để đảm bảo đạt được mục tiêu này, một số chương trình và chiến lược đang được thực hiện đối với toàn bộ nhà máy chế biến như:

- Để đảm bảo rằng nhà máy chế biến được tối ưu hóa, các quy trình hoạt động chi tiết từ vận hành thiết bị cho đến chuẩn bị mẫu thử đều được tuân thủ theo các chiến lược vận hành được thiết lập sẵn. Quy trình đảm bảo chất lượng này cũng được lồng ghép vào;
- Lấy mẫu thử thường xuyên trong suốt quy trình từ quặng đến thành phẩm;
- Sử dụng công nghệ phân tích quang phổ Mobile XRF để giám sát việc phân tích các quy trình chế biến quan trọng trong thời gian thực tế. Điều này cho phép phát hiện sớm bất kỳ bất thường nào trong quá trình chế biến;
- Thường xuyên tiến hành phân tích toàn diện quy trình chế biến đối với toàn bộ nhà máy chế biến trên cơ sở mỗi 4 giờ trong đó việc phân tích được hoàn thành tại các phòng thí nghiệm độc lập được công nhận được vận hành bởi Công Ty TNHH SGS Việt Nam (“SGS”) mà các phòng thí nghiệm này được đặt trong khu vực dự án của Núi Pháo;
- Từ năm 2013 đến nay, hơn 25.600 mẫu nước đã được lấy để phân tích và giám sát chất lượng môi trường;
- Phòng kiểm soát quy trình – luôn có người điều khiển, tất cả các quy trình đều được giám sát và mọi hoạt động được ghi lại trong Hệ Thống Điều Khiển Phân Tán ABB;
- Toàn bộ nhà máy chế biến được kiểm soát và giám sát từ một phòng điều khiển trung tâm sử dụng một Hệ Thống Điều Khiển Phân Tán ABB 800XA tích hợp. Phòng điều khiển luôn có người điều khiển tại mọi thời điểm để đảm bảo rằng thiết bị đang hoạt động phù hợp với các chiến lược vận hành được thiết lập sẵn;
- Các thông số thời gian thực và thay đổi quy trình được thực hiện bằng cách sử dụng Hệ Thống Điều Khiển Phân Tán được lưu trữ và dễ dàng được cung cấp để phân tích bằng cách sử dụng phần mềm thu thập dữ liệu Quản Lý Tri Thức ABB;
- Nhân sự vận hành có kinh nghiệm chuyên môn được bố trí khắp nhà máy để tăng cường giám sát quy trình và liên lạc bằng vô tuyến với phòng điều khiển trung tâm. Các nhân sự này cũng hoàn thành việc kiểm tra định kỳ và lập sổ ghi chép đối với tất cả các thiết bị và các thông số quan trọng của quá trình;
- Quản lý/giám sát có mặt trong nhà máy 24/7; và

- Sử dụng các chuyên gia của bên thứ ba để kiểm tra thường xuyên quá trình và quy trình được sử dụng bởi Công Ty Núi Pháo.

Bộ Phận Kiểm Soát Chất Lượng

Việc phân tích các mẫu thử được thực hiện bằng cách sử dụng phòng thí nghiệm tại chỗ của SGS, là một công ty cung cấp dịch vụ phân tích và chứng nhận độc lập. SGS được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO17025 về hệ thống quản lý chất lượng áp dụng chuyên biệt cho phòng thử nghiệm do tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa ISO ban hành và do đó có chương trình giám sát và kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt riêng của họ tại chỗ. Hơn nữa, SGS được công nhận đạt tiêu chuẩn phòng thí nghiệm VILAS bởi Văn Phòng Công Nhận Chất Lượng của Bộ Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam và được chứng nhận kiểm soát chất lượng đối với tất cả các sản phẩm mà Công Ty Núi Pháo bán. Ngoài ra, SGS cung cấp trên cơ sở hàng quý các chứng nhận đối với sản phẩm được Công Ty sản xuất.

Nhà máy chế biến của Công Ty Núi Pháo và MTC được vận hành bởi một đội ngũ quản lý quốc tế là các chuyên gia công nghiệp với nhiều năm kinh nghiệm chế biến khoáng sản. Yếu tố này kết hợp với thiết kế nhà máy tinh vi và trình độ giám sát trực tuyến và tự động hóa quy trình chế biến cao cũng như chương trình đào tạo quan trọng cho nhân viên vận hành đảm bảo nhà máy chế biến luôn được vận hành phù hợp với quy trình đã được thống nhất để luôn sản xuất các sản phẩm chất lượng cao và đồng nhất như khách hàng của Nhóm công ty Masan Resources yêu cầu.

Nếu có bất kỳ xáo trộn quy trình nào xảy ra, nguyên nhân gốc rễ được xác định và giải quyết nhanh chóng trong khi bất kỳ thành phẩm nào mà có thể bị ảnh hưởng sẽ được cách ly để lấy mẫu thử bổ sung. Nếu có bất kỳ nghi ngờ nào về chất lượng của thành phẩm, thành phẩm đó sẽ được lưu trữ riêng biệt và xử lý phù hợp có tham vấn với bộ phận bán hàng.

Bộ phận bán hàng và tiếp thị làm việc chặt chẽ với đội ngũ quản lý chuỗi cung ứng để giao thành phẩm cho khách hàng của Nhóm công ty Masan Resources theo các loại hợp đồng với điều kiện giao hàng FOB (miễn trách nhiệm trên boong tàu nơi đi) và CIF (giá sản phẩm bao gồm giá thành, bảo hiểm và cước phí vận chuyển), và các phương thức bán hàng nội địa mà thông thường được bán (theo điều kiện giao hàng EXW) tại địa điểm của Núi Pháo. Như là một phần của chương trình bảo đảm chất lượng, các công ty giám định độc lập, bao gồm AH Knight, được thuê thực hiện giám định lại các kết quả phân tích để giao nhận và vận chuyển hàng hóa. Tất cả dữ liệu về chất lượng sản phẩm và sản lượng đều được quản lý bằng phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp của Nhóm công ty Masan Resources để đảm bảo tính toàn vẹn và minh bạch của dữ liệu.

6.7. Các Hoạt Động Tiếp Thị Và Bán Hàng

Hiện nay, các sản phẩm đồng của Nhóm công ty Masan Resources được tiêu thụ trong Việt Nam. Vonfram, florit và bismut được xuất khẩu cho các khách hàng ở Châu Á, Bắc Mỹ, Châu Âu và Trung Đông. Bộ phận bán hàng và tiếp thị của Nhóm công ty Masan Resources được đặt tại Hà Nội. Nhóm công ty Masan Resources đã tạo dựng và duy trì mối quan hệ với mạng lưới các khách hàng quan trọng trong tại Việt Nam và trên toàn cầu. Nhu cầu đối với các sản phẩm của Dự Án Núi Pháo bắt nguồn từ chính chất lượng sản phẩm. Vonfram, florit, đồng và bismut là các nguyên liệu thiết yếu được sử dụng cho nhiều sản phẩm tiêu dùng hiện đại.

Sản phẩm của Nhóm công ty Masan Resources được bán cho các khách hàng thuộc nhiều phân khúc công nghiệp khác nhau như công nghiệp chế tạo máy, hóa chất, chế tạo hợp kim, v.v. và thường là các khách hàng truyền thống theo các hợp đồng cung cấp dài hạn đã ký. Trong mọi trường hợp giá quốc tế được coi như là mức định giá cơ sở trong các công thức tính giá của hợp đồng bao gồm các khoản phí bảo đảm chất lượng sản phẩm cũng như các điều khoản thanh toán và giao hàng.

Chiến lược quản lý quan hệ khách hàng của Nhóm công ty Masan Resources là tiếp cận đối tác dài hạn, theo đó Nhóm công ty Masan Resources nỗ lực làm việc với nhân sự chủ chốt tại tất cả các cấp trong cơ cấu tổ chức của từng khách hàng, từ đó cho phép Nhóm công ty Masan Resources đưa ra giải pháp

tốt nhất cho tất cả các bên. Như một phần trong chiến lược của Nhóm công ty Masan Resources, chúng tôi khuyến khích việc trao đổi phi độc quyền với các khách hàng để chia sẻ thông tin về phát triển sản phẩm, công nghệ chế biến và các yêu cầu chi tiết của khách hàng.

Bộ phận bán hàng và tiếp thị của Nhóm công ty Masan Resources làm việc chặt chẽ với bộ phận tài chính để thường xuyên xem xét hạn mức tín dụng cho tất cả các bên đối tác. Trong một số trường hợp, Nhóm công ty Masan Resources yêu cầu phải thanh toán trước hoặc có thư tín dụng; tuy nhiên các điều khoản thanh toán thường không quá 45 ngày kể từ ngày lập hóa đơn, để đảm bảo dòng tiền kịp thời.

Chiến lược quản lý quan hệ khách hàng của Nhóm công ty Masan Resources là mở rộng quan hệ với khách hàng trọng yếu để phát triển thêm nữa mạng lưới khách hàng tin cậy và đa dạng hoá khách hàng. Nhóm công ty Masan Resources khuyến khích trao đổi kỹ thuật với khách hàng nhằm chia sẻ thông tin quan trọng, bao gồm các kỹ thuật phân tích và phát triển sản phẩm. Hơn nữa, các lãnh đạo cấp cao trong Nhóm công ty Masan Resources đóng một vai trò tích cực trong việc phát triển mối quan hệ cấp cao với các khách hàng lớn, đặc biệt trong các ngành công nghiệp fluorit, bismut và vonfram.

6.8. Nhãn Hiệu Thương Mại, Đăng Ký Phát Minh Sáng Chế Và Bản Quyền

Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, Công Ty Núi Pháo và Công Ty đã đăng ký bảo hộ cho các nhãn hiệu sau:



Nhãn hiệu “NuiPhao Mining” của Công Ty Núi Pháo và hình ảnh theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Nhãn Hiệu số 170797 do Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam cấp ngày 31 tháng 8 năm 2011; và



Nhãn hiệu “Masan Resources” của Công Ty theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Nhãn Hiệu số 198943 do Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam cấp ngày 18 tháng 01 năm 2013.

Hiện tại, Masan Resources và Công Ty Núi Pháo không có sáng chế hoặc bản quyền nào được đăng ký. Các sáng chế và bản quyền (nếu có) trong tương lai sẽ được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngay sau khi hoàn thiện để đảm bảo và bảo vệ quyền lợi của Công Ty.

6.9. Các Hợp Đồng Lớn Quan Trọng Đang Được Thực Hiện Hoặc Đã Được Ký Kết

STT	Khách hàng	Sản phẩm	Sản lượng	Thời gian	Giá trị hợp đồng	Thực hiện
1.	CMC Cometals (“CMC”), đã chuyển quyền lợi và nghĩa vụ cho Traxys Comets Europe S.à.r.l.	Florit	Tối thiểu 200.000 tấn khô / năm	- Thời hạn đầu là 6 năm tính từ ngày đạt công suất đầy đủ 12.000 mt/tháng trong 3 tháng liên tiếp (Từ ngày 01/3/2015) - Tự động gia hạn đến ngày 31/12/2027	Theo thỏa thuận 2 bên	Từ năm 2012

2.	5N Plus, Inc ("5NP").	Bismut	Tối thiểu 2.500 tấn bismut / năm	• Thời hạn đầu là 5 năm • Tự động gia hạn thêm các 5 (năm) năm tiếp theo	Theo thỏa thuận 2 bên	Từ năm 2013
3.	Công Ty TNHH Vonfram Masan	Vonfram	100% sản lượng vonfram hàng năm	• Công Ty Núi Pháo và H.C. Starck đã thành lập liên doanh để cùng khai thác và bao tiêu 100% sản phẩm, hiện nay liên doanh đã trở thành công ty con do Công Ty Núi Pháo nắm giữ 99,99992% vốn điều lệ.	Theo thỏa thuận 2 bên	Từ năm 2013
4.	Các đối tác Việt Nam	Đồng	~100% sản lượng đồng hàng năm	Theo thỏa thuận	Theo thỏa thuận	Từ năm 2013

Ghi chú:

1. Đối với các hợp đồng bao tiêu Florit, Bismut, Vonfram: các hợp đồng được ký kết là các hợp đồng khung mang tính nguyên tắc. Tùy từng thời kỳ khi giá khoáng sản trên thế giới thay đổi, đơn giá các loại khoáng sản này sẽ được các bên thống nhất và sẽ áp dụng với từng lô hàng bàn giao tại từng thời điểm.
2. Đối với sản phẩm đồng theo công suất thiết kế của nhà máy, lượng đồng khai thác được trong năm sẽ được công ty chủ động bán cho các đối tác trong nước theo giá cả tại từng thời điểm do hai bên thống nhất.

7. Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

7.1. Tóm Tắt Một Số Chỉ Tiêu Hoạt Động Kinh Doanh Và Sản Xuất

Kết quả của CTCP Tài nguyên Masan và các công ty con

Mục	Năm 2017	Năm 2018	Đơn vị: triệu VND	
			% tăng/(giảm)	Quý 1 năm 2019
Tổng giá trị tài sản	27.144.211	27.949.126	2,97%	28.216.819
Vốn chủ sở hữu	12.011.606	12.125.954	0,95%	12.122.522
Doanh thu thuần	5.404.645	6.865.011	27,02%	1.188.213
Lợi nhuận gộp	1.690.882	2.161.462	27,83%	354.308
Doanh thu từ hoạt động tài chính	42.000	126.791	201,88%	11.839
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	334.718	852.068	154,56%	12.421
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	(42.595)	(23.956)	-	(4.862)
Lợi nhuận trước thuế	292.122	828.113	183,48%	7.559

Lợi nhuận sau thuế	301.126	810.002	168,99%	1.469
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	205.914	663.756	222,35%	1.469
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	95.212	146.245	53,60%	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân ²	1,77%	5,59%	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2018 và BCTC tự lập cho giai đoạn kết thúc ngày 31/03/2019 của CTCP Tài nguyên Masan và các công ty con)

Kết quả của CTCP Tài nguyên Masan

Đơn vị: triệu VND

Mục	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/(giảm)	Quý 1 năm 2019
Tổng giá trị tài sản	9.998.627	12.543.804	25,46%	12.556.969
Vốn chủ sở hữu	9.443.793	9.445.550	0,02%	9.446.298
Doanh thu thuần	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp	-	-	-	-
Doanh thu từ hoạt động tài chính	14	44.669	318.964,29%	62.091
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	11	1.748	15.790,91%	748
Lợi nhuận khác	-	10	-	-
Lợi nhuận trước thuế	11	1.758	15.881,82%	748
Lợi nhuận sau thuế	11	1.758	15.881,82%	748
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	0,00%	0,02%	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2018 và BCTC tự lập cho giai đoạn kết thúc ngày 31/3/2019 của CTCP Tài nguyên Masan và các công ty con)

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty năm 2017 và năm 2018 đã có những chuyển biến tích cực do giá khoáng sản đã cải thiện. Cụ thể:

Mặc dù trên báo cáo riêng lẻ không thể hiện số doanh thu và lợi nhuận sau thuế khá nhỏ do Công Ty có vai trò tư vấn quản lý, các chỉ tiêu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp, lợi nhuận sau thuế trên cơ sở hợp nhất của Công Ty như được thể hiện ở bảng số liệu trên đều cho thấy quy mô lớn và sự tăng trưởng vượt bậc trong năm 2018. Doanh thu thuần hợp nhất trong năm 2017 và năm 2018 đạt được lần lượt là 5.405 tỷ VND và 6.865 tỷ VND, doanh thu thuần hợp nhất năm 2018 tăng 27% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong năm 2017 và 2018 là 301 tỷ VND và 810 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2018 tăng 169% so với năm 2017.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất 3 tháng đầu năm 2019, doanh thu thuần hợp nhất và lợi nhuận sau thuế hợp nhất lần lượt là 1.188 tỷ VND và gần 1,5 tỷ VND, giảm so với cùng kỳ 2018 lần lượt là 20% (so với doanh thu thuần hợp nhất 3 tháng đầu 2018 là 1.487 tỷ VND) và 99% (so với lợi nhuận sau thuế hợp nhất 3 tháng đầu 2018 là 167 tỷ VND). Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2019 giảm chủ yếu là mức doanh thu giảm và chi phí tài chính tăng.

Sản lượng sản xuất trong quý 1 2019 của Công Ty về cơ bản khá tương đồng so với quý 1 năm 2018. Sản lượng đồng tinh chất quý 1/2019 là 1.979 tấn so với 1.968 tấn của quý 1/2018, vonfram tinh chất quý 1/2019 là 1.245 tấn so với 1.421 tấn trong quý 1/2018, florit tinh chất quý 1/2019 là 52.124 tấn so

² Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu được xác định sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

với 50.372 tấn trong quý 1/2018, bismuth tinh chất quý 1/2019 là 578 tấn so với 570 tấn trong quý 1/2019. Doanh thu quý 1/2019 bị ảnh hưởng do giá vonfram giảm xuống còn 277 USD/mtu so với giá bình quân năm 2018 là 309 USD/mtu. Doanh thu từ đồng không phát sinh do Công Ty hiện đang tìm giải pháp chế biến nội địa và tiếp tục nghiên cứu khả năng xây dựng nhà máy tinh luyện đồng/vàng riêng. Doanh thu từ florit quý 1/2019 là 415,9 tỷ VNĐ tăng lên so với cùng kỳ (322,1 tỷ VNĐ) do giá bán sản phẩm tăng (từ 350 USD/tấn lên 475 USD/tấn) và sản lượng sản xuất cùng tăng.

Chi phí tài chính của Công Ty trong quý 1 năm 2019 tăng 7,85% tương ứng với 22,3 tỷ VNĐ so với quý 1 năm 2018 (284,1 tỷ VNĐ) do Công Ty mở rộng thêm các hoạt động tài chính và bổ sung nguồn vốn. Công Ty tiếp tục áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí chặt chẽ dẫn đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý giảm 19 tỷ VNĐ so với quý 1/2018.

7.2. Các Nhân Tố Ảnh Hưởng Đến Các Hoạt Động Kinh Doanh Cho Các Năm Báo Cáo

Thuận lợi

Dự án Núi Pháo đã bắt đầu sản xuất thương mại đối với các sản phẩm chính vào ngày 01 tháng 3 năm 2014. Các yếu tố thuận lợi hỗ trợ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm công ty Masan Resources là:

Mỏ Núi Pháo và các khu vực lân cận có trữ lượng quặng lớn để hỗ trợ kế hoạch tăng trưởng trong tương lai. Mỏ Núi Pháo được xem là một trong các mỏ vonfram lớn nhất được xác định bên ngoài Trung Quốc, với trữ lượng quặng tiềm năng đã được chứng minh là 66 triệu tấn. Về bản chất, mỏ Núi Pháo là một mỏ lộ thiên nơi có thể tìm thấy các vỉa khoáng sản hoặc đá có giá trị thương mại gần bề mặt, do đó chi phí khai thác thấp hơn so với chi phí khai thác mỏ dưới lòng đất. Thời hạn khai thác của Dự Án Núi Pháo được dự kiến kéo dài hơn 20 năm.

Công Ty tin rằng Nhóm công ty Masan Resources đã phát triển mạng lưới khách hàng lớn ổn định trên phạm vi toàn cầu và bán phần lớn các sản phẩm của mình cho các khách hàng theo các hợp đồng bao tiêu dài hạn.

Nhóm công ty Masan Resources đã tập trung đặc biệt vào thiết kế và xây dựng Dự Án Núi Pháo để đảm bảo rằng thiết kế và xây dựng được tiến hành theo tiêu chuẩn quốc tế. Nhà máy Núi Pháo được xây dựng có tuổi thọ và khối lượng chế biến tương xứng với thời gian hoạt động cho phép của Công Ty Núi Pháo với Dự Án Núi Pháo là 30 năm, sức tăng trưởng và khả năng sản xuất dự kiến. Hơn nữa, Công Ty Núi Pháo tin rằng sự kết hợp các nhà máy chế biến của mình, cụ thể là nhà máy chế biến hiện tại, nhà máy chế biến sâu tích hợp và nhà máy tinh luyện APT công nghệ cao trong liên doanh trước đây với H.C. Starck, sẽ tăng hiệu quả của các nhà máy này và vì vậy mang lại chi phí sản xuất thấp hơn.

Trong năm 2017 và năm 2018, giá cả thị trường khoáng sản đã có nhiều biến động tích cực do Trung Quốc đang nỗ lực kiểm soát trữ lượng, tập trung đáp ứng nhu cầu trong nước, hạn chế xuất khẩu thông qua các biện pháp kiểm soát buôn lậu và áp đặt các tiêu chuẩn về môi trường, công suất cho các nhà máy sản xuất vonfram. Bên cạnh đó, giá vonfram thấp trong những năm trước khiến nhiều mỏ có chi phí hoạt động cao ngừng sản xuất và nếu muốn hoạt động lại các mỏ này cũng mất thời gian ít nhất 1 năm sau khi giá vonfram phục hồi.

Các yếu tố nêu trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công Ty trong năm 2017 và năm 2018.

Khó khăn

Khó khăn ảnh hưởng lên hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công Ty chủ yếu đến từ các biến động của giá cả hàng hóa, cụ thể là giá khoáng sản. Trong năm 2015 và 2016, giá khoáng sản toàn thế giới thấp, đặc biệt là giá vonfram giảm sâu do tăng trưởng tại Trung Quốc – đất nước chiếm một nửa tiêu thụ vonfram toàn thế giới chững lại. Tuy nhiên, trong năm 2017, giá khoáng sản đã bắt đầu xu hướng

tăng, tăng mạnh trong tháng 4 năm 2017 và có xu hướng ổn định trong các tháng tiếp theo. Trong năm 2017 và năm 2018, giá vonfram và các sản phẩm khác của Dự án Núi Pháo vẫn tiếp tục xu hướng tăng ổn định.

8. Vị Thế Của Nhóm Các Công Ty Phát Triển Dự Án Núi Pháo So Với Các Doanh Nghiệp Khác Trong Cùng Ngành

8.1. Vị Thế Của Nhóm Các Công Ty Phát Triển Dự Án Núi Pháo Trong Ngành Công Nghiệp

8.1.1. Mô Tả Sự Tham Gia Của Các Công Ty Phát Triển Dự Án Núi Pháo

Công Ty sở hữu nhóm các công ty phát triển Dự Án Núi Pháo bao gồm MRTN, TNTI, Công Ty Núi Pháo và MTC. Công Ty Núi Pháo, đơn vị trực tiếp vận hành Dự Án Núi Pháo, hiện là nhà sản xuất vonfram lớn nhất bên ngoài Trung Quốc. Mô Núi Pháo tọa lạc tại tỉnh Thái Nguyên thuộc miền bắc Việt Nam, là mỏ vonfram mới đầu tiên được phát triển khai thác và sản xuất thành công trong 15 năm qua. Mỏ đã được các nhà phân tích hàng đầu trong ngành công nghiệp khai khoáng, như Argus Media, đánh giá là một trong những mỏ vonfram lớn nhất được xác định bên ngoài Trung Quốc, với trữ lượng quặng tiềm năng đã được chứng minh là 66 triệu tấn. Công Ty tin rằng với đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm của mình, thuận lợi trong việc tiếp cận mỏ, khả năng thực hiện dự án vượt trội, các đối tác quốc tế và khả năng huy động vốn, Công Ty đã phát triển nền tảng thích hợp để hợp nhất các nguồn lực này và xây dựng Nhóm công ty Masan Resources thành công ty khai thác khoáng sản hàng đầu tại Việt Nam.

Mỏ Núi Pháo là một mỏ khoáng sản lộ thiên thuộc địa phận tỉnh Thái Nguyên, miền bắc Việt Nam, có các vỉa khoáng sản đa kim bao gồm thành phần vonfram, fluorit, bismut và đồng. Kể từ khi tiếp quản Dự Án Núi Pháo, Nhóm công ty Masan Resources đã tập trung vào những lĩnh vực then chốt để hoàn tất các yêu cầu đầu tư đối với dự án và hỗ trợ sự phát triển thành công của dự án. Trong năm 2010, Nhóm công ty Masan Resources tập trung vào các hoạt động cần thiết để triển khai dự án, đặc biệt là hoàn tất các yêu cầu pháp lý cho dự án, bố trí nguồn vốn, tái cơ cấu đội ngũ quản lý và thúc đẩy hoạt động bồi thường và tái định cư. Trong năm 2011 và 2012, Nhóm công ty Masan Resources tiếp nối thành công này và tập trung thúc đẩy phát triển dự án, mà nhờ đó cuối cùng mỏ Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại trong quý đầu năm 2014. Trong suốt năm 2014, Nhóm công ty Masan Resources tập trung tăng công suất và hoạt động sản xuất đã đạt được trạng thái ổn định trong suốt quý IV năm 2014, dẫn đến kết quả là tỷ lệ thu hồi và năng suất chế biến ổn định hơn.

Năm 2015, sản lượng sản xuất của Dự Án Núi Pháo tăng ở mức cao đối với tất cả các sản phẩm. So với năm 2014, sản lượng tinh quặng vonfram, florit và đồng đã tăng lần lượt là 24%, 112% và 31%. Nhà máy chế biến sâu đi vào vận hành chính thức trong năm 2015 góp phần làm tăng doanh thu của Công Ty.

Năm 2016 dây chuyền chế biến bismut xi măng được đưa vào sản xuất thương mại. Năm 2017, hiệu suất sản xuất của nhà máy tăng lên đáng kể so với năm 2016. Lượng cấp liệu máy nghiền tăng 7% và thời gian chạy máy tăng 1% đã giúp Nhóm công ty Masan Resources sản xuất, chế biến thêm 6,8% lượng quặng trong năm 2017. Trong Quý 1/2018, những cải tiến nâng cao năng suất và đổi mới đã giúp tăng lượng cấp liệu máy nghiền và thời gian chạy máy, do vậy, đảm bảo khối lượng sản xuất mặc dù có thời gian dừng máy để bảo trì trong quý. Các nâng cấp đã được thực hiện đối với chu trình tuyển trọng lực vonfram để tăng tỷ lệ thu hồi vonfram đang tiếp tục được chạy thử nghiệm thu và đang theo đúng tiến độ để cho tỷ lệ thu hồi vonfram tăng 4,5% so với trước đây. Việc chạy thử nghiệm thu này đã đạt một số kết quả và dự kiến hoàn thành trong Quý 2/2019.

Có thể khẳng định, hiện nay ở Việt Nam không có công ty nào khai thác, chế biến và sản xuất vonfram, bismut, đồng và florit với quy mô lớn như nhóm các công ty phát triển Dự Án Núi Pháo để tiến hành so sánh, Công Ty là số 1 tại Việt Nam, lớn nhất thế giới bên ngoài Trung Quốc.

Bảng dưới đây tóm tắt tiến trình giảm rủi ro và tài trợ vốn liên quan đến Dự Án Núi Pháo kể từ khi được

Tập Đoàn Masan Group và Nhóm công ty Masan Resources sở hữu:

Giảm rủi ro đáng kể đối với Dự Án Núi Pháo		
	Tình trạng trước khi mua lại	Tình trạng sau khi mua lại
Các Giấy Phép & Chấp Thuận	▪ Giấy phép khai thác ban đầu được cấp vào năm 2005; và ▪ Tháng 8 năm 2009, tình trạng của giấy phép khai thác bị xem xét lại do không triển khai trong vài năm.	▪ Trước khi hoàn thành việc mua lại Dự Án Núi Pháo, Tập Đoàn Masan đã xin được giấy chứng nhận đầu tư mới cho Dự Án Núi Pháo; và ▪ Giấy Phép Khai Thác Khoáng Sản số 1710/GP-BTNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010 được BTNMT cấp lại để gia hạn ngày bắt đầu sản xuất của dự án.
Bồi thường & Tái định cư	▪ Quá trình bồi thường và tái định cư đối mặt với nhiều sự chậm trễ dẫn đến gia tăng chi phí; ▪ Mặc dù đã chi trả 20 triệu USD, việc giải tỏa đất ít tiến triển; và ▪ Trước khi Masan tham gia, chỉ 2% diện tích đất đã được giải tỏa	▪ 99,9% đất cần cho các hoạt động khai khoáng và 88,2% vùng đệm đã được thu hồi; ▪ 99,2% kế hoạch bồi thường cho các gia đình bị ảnh hưởng được chấp thuận bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên cho 6 khu vực hoạt động của dự án; và ▪ Các hoạt động khai thác nhận được hỗ trợ rất tích cực từ cộng đồng.
Thực hiện Dự Án	▪ Dự án đã bị đình trệ mặc dù gần 5 năm kể từ khi giấy phép khai thác ban đầu được cấp.	▪ Ngay lập tức tái khởi động dự án với việc chỉ định nhà thầu EPSA; ▪ Xây dựng đội ngũ và làm việc với các nhà thầu trong nước và quốc tế để xây dựng dự án; và ▪ Dự án được vận hành trong vòng 20 tháng.
Huy động vốn	▪ Không tiến triển và không có khả năng huy động tài chính dẫn đến đình trệ dự án; và ▪ Hoạt động trên một ngân sách eo hẹp, với nguồn tài trợ hàng tháng từ chủ sở hữu	▪ Việc xây dựng mỏ được tài trợ vốn đầy đủ mà không yêu cầu thêm về vốn; ▪ MSN đầu tư 105 triệu USD vốn chủ sở hữu của riêng mình và huy động khoảng 150 triệu USD vốn từ Mount Kellett Capital Management L.P. và các nhà đầu tư khác; ▪ Khoản tín dụng ngắn hạn từ Techcombank và Vietinbank; ▪ Các trái phiếu do Công Ty và Công Ty Núi Pháo phát hành.

Tạo ra tài sản giá trị cao làm nền tảng cho Dự Án Núi Pháo

Chỉ tiêu	Chi tiết
Các tài sản có giá trị	Tổng tài sản cố định cơ bản của nhóm công ty phát triển Dự Án Núi Pháo khoảng 19.696 tỷ VND tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.
Nhà máy chế biến chất lượng	- Nhà máy chế biến Núi Pháo là một dây chuyền phức hợp kết hợp nhiều kỹ thuật chế biến tiêu chuẩn được sử dụng để trích xuất và tinh luyện khoáng sản trên toàn thế giới. Dây chuyền chế biến được thiết kế và phát triển sau các thí nghiệm nghiêm ngặt và các thử nghiệm mang quy mô thí điểm để đảm bảo tối đa hóa tỷ lệ thu hồi các kim loại mục tiêu. - Việc xây dựng nhà máy chế biến được hoàn thành bởi một đội ngũ kỹ sư dày dặn kinh nghiệm với tính kỷ luật cao sử dụng thiết bị có nguồn gốc từ các nhà cung cấp danh tiếng trên thế giới bao gồm ABB, FLSmidth, CPG Resources, Atlas Copco, Derrick Corporation, Delkor và Terex Jacques và các nhà cung cấp khác. - Nhà máy chế biến kiên cố và được xây dựng theo tiêu chuẩn chất lượng để đảm bảo rằng nhà máy có khả năng sản xuất sản phẩm liên tục trong suốt thời hạn của dự án.
Giá trị tiềm năng	Dự án đã đi vào sản xuất thương mại và có nguồn khách hàng ổn định.

Tháng 8 năm 2018, Công Ty Núi Pháo đã mua lại 49% phần vốn góp của H.C.Stark tại MTC với giá trị 29,1 triệu USD để sở hữu 100% công ty này. Đây là bước tiến quan trọng để nhóm công ty phát triển Dự Án Núi Pháo trở thành nhà sản xuất hóa chất công nghiệp vonfram tích hợp hàng đầu. Ngoài ra, việc MTC trở thành công ty con 100% của Công Ty Núi Pháo sẽ tạo ưu thế chủ động cho Công Ty Núi Pháo và MTC trong các chính sách bán hàng, chính sách giá và mở rộng việc bán hàng cho các đối tác khác. Công Ty kỳ vọng đạt được 8,5 triệu USD lợi ích từ việc cải thiện hiệu quả vận hành, công suất và giá bán mỗi năm và gia tăng thị phần (ngoài Trung Quốc) lên hơn 50% tới năm 2022.

Các ưu thế của MTC:

- Nhà máy chế biến sâu nhằm chế biến tinh quặng vonfram thành các sản phẩm vonfram APT giá trị gia tăng cao hơn;
- Nguồn cung ổn định từ Công Ty Núi Pháo, cơ sở sản xuất hiện đại có khả năng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng yêu cầu cụ thể của khách hàng;
- Chi phí chuyển đổi thấp, và được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế;
- Uy tín tốt trên thị trường nhờ sự hỗ trợ về công nghệ và kỹ thuật từ H.C.Starck với gần 100 năm kinh nghiệm hoạt động và là nhà cung cấp sản phẩm kim loại công nghệ cao ưu việt hàng đầu thế giới.

8.1.2. Quy Mô Dự Án Núi Pháo

Mô tả

Mỏ Núi Pháo là một mỏ đa kim nằm tại ba xã (Hùng Sơn, Hà Thượng và Tân Linh) của huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Mỏ cách Hà Nội khoảng 80 km và có thể tiếp cận bằng đường cao tốc. Hệ thống đường và đường sắt kết nối mỏ với các cảng gần nhất của Hải Phòng và Quảng Ninh, từ đó các sản phẩm có thể được vận chuyển đến với các khách hàng quốc tế.

Trữ lượng quặng tiềm năng đã được chứng minh của mỏ Núi Pháo là khoảng 66 triệu tấn, với vòng đời mỏ ước tính là 20 năm.

Các khu vực chính của Dự án:

- Moong khai thác lộ thiên.
- Khu bãi thải.
- Nhà máy chế biến hiện đại và gồm các khu vực: nghiền thô, nghiền tinh, cô đặc, tuyển nổi và tuyển trọng lực.
- Nhà máy chế biến sâu (APT) nhằm chế biến tinh quặng vonfram thành các sản phẩm vonfram APT giá trị gia tăng cao hơn.
- Khu chứa quặng đuôi (TSF) có nước và các ngăn quản lý quặng đuôi.
- Vùng đệm, các khu tái định cư, đường nội mỏ, và các khu dịch vụ khai thác.

Các sản phẩm của Núi Pháo được vận chuyển tới các thị trường trên toàn thế giới từ cảng Cái Lân (Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, cách dự án 197 km về phía Đông Nam). Cảng này cũng là nơi nhập các thiết bị và vật liệu cần thiết để vận hành mỏ

Trữ lượng

Mỏ Núi Pháo có quá trình hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản lâu dài. “Báo cáo các kết quả thăm dò chi tiết mỏ vonfram-đa kim Núi Pháo” được phê duyệt bởi Hội Đồng Đánh Giá Trữ Lượng Khoáng Sản Quốc Gia xác nhận tổng trữ lượng quặng của mỏ Núi Pháo là 110.260.000 tấn, trong đó trữ lượng Cấp 111 là 30.500.000 tấn, trữ lượng Cấp 122 là 52.720.000 tấn (hàm lượng WO₃ khả thi để khai thác tương đương 0,2% tính tại thời điểm năm 2003), và trữ lượng Cấp 333 là 27.040.000 tấn.

Trữ lượng của mỏ Núi Pháo ban đầu được ước tính bởi AMEC và được ước tính lại vào năm 2011 và năm 2014 bởi Cube Consulting, phù hợp với Mã JORC. Tổng cộng đã có 376 lỗ khoan được Cube Consulting khoan nhằm phục vụ cho việc ước tính trữ lượng năm 2014, trong đó 78 lỗ khoan với tổng chiều dài 8.762 mét được khoan từ lần ước tính lại trước đó vào năm 2011.

Các bảng dưới đây thể hiện thông tin về trữ lượng và ước tính đối với mỏ Núi Pháo:

Quặng					
Loại	Tấn ('000)	Vonfram (%)	Florit (%)	Đồng (%)	Bismut (%)
Được Đo + Được Thê Hiện (M+I)	73.751	0,17	7,80	0,16	0,08
Dự Đoán (I)	22.724	0,14	7,00	0,16	0,08
M+I+I	96.475	0,16	7,61	0,16	0,08

Quặng					
Loại	Tấn ('000)	Vonfram (%)	Florit (%)	Đồng (%)	Bismut (%)
Được chứng minh	24.700	0,24	8,19	0,23	0,10
Tiềm năng	41.300	0,14	7,33	0,13	0,06
Được chứng minh + Tiềm năng	66.000	0,18	7,65	0,17	0,08

Với những kết quả trên, mỏ Núi Pháo được xem là một trong các mỏ vonfram lớn nhất được xác định bên ngoài Trung Quốc, với trữ lượng 66 triệu tấn WO_3 với tỷ lệ trung bình là 0,18%.

8.1.3. Các Lợi Thế Cạnh Tranh Và Chiến Lược Của Dự Án Núi Pháo

Dự Án Núi Pháo là mỏ vonfram mới đầu tiên được phát triển khai thác và sản xuất thành công trong nhiều năm qua. Mỏ Núi Pháo là một trong những mỏ có trữ lượng vonfram tiềm năng đã được chứng minh cao nhất bên ngoài Trung Quốc. Trữ lượng florit và bismut của Dự Án Núi Pháo cũng là cao nhất thế giới xét về mặt trữ lượng có trong từng dự án riêng lẻ cũng như trong ngành công nghiệp sản xuất florit và bismut mang tính phân tán cao. Các sản phẩm chính của Dự Án Núi Pháo, gồm vonfram, florit và bismut, là các kim loại chiến lược cần cho ngành công nghiệp nhôm thép, cũng như nhiều ứng dụng công nghiệp và sản phẩm tiêu dùng khác trong thế giới hiện nay.

Công Ty tin rằng, so với các công ty trong cùng ngành công nghiệp, thành công tính đến ngày hôm nay và tiềm năng phát triển trong tương lai của nhóm các công ty phát triển Dự Án Núi Pháo và Công Ty là nhờ tổng hòa các lợi thế sau đây:

Công Ty Núi Pháo là một trong những nhà sản xuất vonfram, florit và bismut hàng đầu thế giới bên ngoài Trung Quốc

Núi Pháo là mỏ vonfram với vốn đầu tư nâng cấp lớn nhất thế giới. Tinh quặng bismut và florit cũng có ý nghĩa quan trọng trên toàn cầu.

Trên cơ sở dự toán về trữ lượng và tình hình thị trường hiện tại, Công Ty tin rằng mỏ Núi Pháo sẽ tiếp tục là một trong những nguồn cung cấp hàng đầu thế giới về vonfram, florit cấp axit và bismut ngoài Trung Quốc. Thêm vào đó, MTC, công ty con của Công Ty Núi Pháo, nhà sản xuất hoá chất vonfram hàng đầu, sẽ đưa Dự Án Núi Pháo tới cơ hội tiếp cận trực tiếp tới thị trường gia tăng giá trị cũng như làm tăng sự đa dạng hoá sản phẩm của mình.

Những năm gần đây, Trung Quốc duy trì chính sách công sử dụng những kim loại và khoáng sản cho nhu cầu tiêu thụ nội địa đang tăng và hạn chế xuất khẩu. Đây là một trong những yếu tố dẫn đến tăng giá khoảng 57% đối với vonfram và 24% đối với florit, là hai sản phẩm tạo nguồn doanh thu lớn nhất của Công Ty Núi Pháo, kể từ ngày mua lại Dự Án Núi Pháo đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Công Ty tin rằng vì Trung Quốc sẽ tiếp tục chính sách hạn chế xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu trong nước, nhu cầu đối với các kim loại và khoáng sản mà Dự Án Núi Pháo sản xuất sẽ tăng.

Mỏ Núi Pháo và các khu vực lân cận có trữ lượng quặng lớn để hỗ trợ kế hoạch tăng trưởng trong tương lai

Dựa trên trữ lượng được ước tính ban đầu bởi AMEC, và ước tính lại năm 2011 và năm 2014 bởi Cube Consulting phù hợp với Mã JORC, mỏ Núi Pháo được xem là một trong các mỏ vonfram lớn nhất được xác định bên ngoài Trung Quốc, với trữ lượng quặng tiềm năng đã được chứng minh là 66 triệu tấn. Về bản chất, mỏ Núi Pháo là một mỏ lộ thiên nơi có thể tìm thấy các vỉa khoáng sản hoặc đá có giá trị thương mại gần bề mặt, do đó chi phí khai thác thấp hơn so với chi phí khai thác mỏ dưới lòng đất. Thời hạn khai thác của Dự Án Núi Pháo được dự kiến kéo dài hơn 20 năm. Hơn nữa, Công Ty tin rằng khả năng mở rộng dự án thông qua việc mua lại các mỏ lân cận để khai thác và chế biến sẽ cho phép Công Ty tăng sản lượng trong sự tăng trưởng bền vững và dài hạn, tùy thuộc vào khả năng chuyển đổi các mỏ được mua lại trong tương lai thành trữ lượng quặng có thể thu hồi một cách hợp pháp và có hiệu quả kinh tế.

Mạng lưới khách hàng ổn định toàn cầu

Công Ty tin rằng Công Ty Núi Pháo đã phát triển mạng lưới khách hàng lớn ổn định trên phạm vi toàn cầu. Công Ty Núi Pháo bán phần lớn các sản phẩm của mình cho các khách hàng theo các hợp đồng bao tiêu dài hạn. Sản phẩm florit được bán cho các khách hàng tiêu thụ lượng florit cấp axit lớn nhất

thế giới thông qua Traxys Comets theo một hợp đồng có thời hạn 6 năm được tự động gia hạn đến năm 2027. Sản phẩm bismut được bán cho 5NP theo hợp đồng bao tiêu có thời hạn 5 năm được tự động gia hạn thêm các thời hạn 5 năm. Giá theo các hợp đồng này thông thường được tính theo công thức xác định trong ít nhất 12 tháng có tham chiếu đến mức giá tham chiếu trên thị trường quốc tế của sản phẩm có liên quan. Chúng tôi tin rằng nền tảng khách hàng ổn định của mình và các hợp đồng dài hạn đã chứng minh mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, chất lượng sản phẩm và trình độ cung ứng dịch vụ mà Công Ty Núi Pháo đã có thể đạt được.

Nhà sản xuất vonfram, florit và bismut với chi phí thấp với tiềm năng cải thiện và nâng cao hiệu quả

Công Ty tin rằng Công Ty Núi Pháo là nhà sản xuất vonfram, florit và bismut với chi phí thấp so với các đối thủ cạnh tranh của mình nhờ điều kiện địa chất thuận lợi trong vỉa khoáng sản của mỏ Núi Pháo. Mỏ Núi Pháo là mỏ lộ thiên nên dẫn đến chi phí khai thác thấp hơn và hệ số bóc đất đá tương đối thấp so với khai thác mỏ dưới lòng đất. Chúng tôi tin rằng chi phí sản xuất của mình thấp hơn các đối thủ cạnh tranh chính bên ngoài Trung Quốc, cụ thể là các nhà sản xuất tại Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Úc, do các dự án khai thác mỏ dưới lòng đất của nhà sản xuất này đòi hỏi chi phí sản xuất cao, chẳng hạn như quy trình khai thác phức tạp, chi phí cơ sở hạ tầng và chi phí nhân công cao hơn.

Công Ty Núi Pháo đã tập trung đặc biệt vào thiết kế và xây dựng Dự Án Núi Pháo để đảm bảo rằng thiết kế và xây dựng được tiến hành theo tiêu chuẩn quốc tế. Nhà máy Núi Pháo được xây dựng có tuổi thọ và khối lượng chế biến tương xứng với thời hạn của Dự Án Núi Pháo và sức tăng trưởng và khả năng sản xuất dự kiến. Hơn nữa, chúng tôi tin rằng sự kết hợp các nhà máy chế biến của mình, cụ thể là nhà máy chế biến hiện tại, nhà máy chế biến sâu tích hợp và nhà máy tinh luyện APT công nghệ cao trong liên doanh trước đây với H.C. Starck, sẽ tăng hiệu quả của các nhà máy này và vì vậy mang lại chi phí sản xuất thấp hơn.

Đội ngũ quản lý và điều hành giàu kiến thức và kinh nghiệm đã được kiểm chứng

Nhiều nhân sự quản lý và điều hành cấp cao của nhóm các công ty phát triển Dự Án Núi Pháo có kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài nguyên và khai thác khoáng sản tại các dự án quốc tế và tại Việt Nam. Chúng tôi tin rằng bí quyết trong quy trình kỹ thuật, trình độ kinh nghiệm và chuyên môn cao của đội ngũ quản lý và điều hành đã thúc đẩy đáng kể sự phát triển và quản lý Dự Án Núi Pháo phù hợp với các thông lệ quốc tế tốt nhất, và sẽ tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả của Nhóm công ty Masan Resources.

Cơ sở hạ tầng và giao thông vận tải

Các cảng của Hải Phòng và Quảng Ninh cách khu vực Dự Án Núi Pháo khoảng 200 km. Cả hai cảng đều thích hợp và có thể sử dụng để vận chuyển các thiết bị chính yếu cần cho việc xây dựng dự án và nguyên liệu cho nhà máy (chủ yếu là thuốc thử và bi nghiền quặng) vào Việt Nam, mà sau đó được vận chuyển đến khu vực dự án bằng đường bộ. Cảng Cái Lân hiện đang được sử dụng để xuất khẩu florit, mặc dù các cảng thay thế như cảng Cửa Lò và cảng Nghi Sơn có thể được sử dụng tùy thuộc vào hiệu quả kinh tế của tuyến đường vận chuyển và mức nước của tàu thay thế. Các sản phẩm vonfram và bismut sẽ được bao gói và đóng thùng và có thể được chuyển đi từ bất kỳ cảng nào. Việc vận chuyển tất cả các sản phẩm giữa khu vực khai thác mỏ và mỗi cảng sẽ bằng đường bộ hoặc kết hợp giữa đường bộ và đường sắt.

Công Ty đang theo dõi tiến độ các dự án phát triển hạ tầng khác nhau mà các dự án này sẽ tăng cường hơn nữa khả năng vận chuyển và giảm chi phí. Các dự án này bao gồm việc nâng cấp để tăng giới hạn trọng tải tại các cảng trên bờ biển phía Bắc được nêu trong Kế Hoạch Phát Triển Tổng Thể Cảng Việt Nam đến năm 2020.

Kiến thức và hiểu biết mang tính địa phương để tạo điều kiện thực hiện dự án

Công Ty tin rằng sự hiểu biết mang tính địa phương đối với các mối quan tâm của cộng đồng và các vấn đề nhạy cảm của địa phương có ý nghĩa thiết yếu trong việc phát triển thành công các dự án. Bằng cách chủ động làm việc với cộng đồng địa phương, Công Ty Núi Pháo đã có thể tạo ra một môi trường hoạt động kinh doanh thuận lợi để phát triển và vận hành Dự Án Núi Pháo và có được nguồn vốn lớn từ các nhà đầu tư, cho phép thực hiện các hoạt động trên công trường nhanh chóng và hiệu quả.

Tận dụng khả năng tiếp cận vốn và dòng tiền để mua và phát triển các tài sản giá trị

Chúng tôi dự định tận dụng khả năng tiếp cận vốn và dòng tiền của mình để mua và phát triển các tài sản có tiềm năng cao. Chúng tôi tin rằng việc bổ sung thêm vốn được yêu cầu không chỉ để hoàn thành việc phát triển các tài sản sẵn có được mua lại như Dự Án Núi Pháo, mà còn để mở rộng các hoạt động, giúp tối ưu hóa năng lực sản xuất về lâu dài.

Các dự án giảm thiểu rủi ro thông qua nền tảng của Masan Group

Chúng tôi giảm thiểu các rủi ro từ nền kinh tế vĩ mô bằng cách thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro một cách tự nhiên để phòng ngừa biến động giá hàng hóa đối với lượng kim loại và khoáng sản đa dạng của Dự Án Núi Pháo. Rủi ro tài chính của Công Ty Núi Pháo thấp nhờ khả năng tiếp cận dòng vốn và mạng lưới nhà đầu tư ổn định của Masan Group, trong khi đó các rủi ro trong hoạt động của Công Ty Núi Pháo được giảm thiểu nhờ khả năng tiếp cận các đối tác thương mại, các khách hàng và chuyên gia quản lý chuyên nghiệp của Masan Group.

Thành tựu mang tính đột phá trong hoạt động kinh doanh

Sau khi tiếp quản Dự Án Núi Pháo vào tháng 9 năm 2010, Masan Group đã tập trung vào các hoạt động cần thiết để hoàn tất các yêu cầu pháp lý, bảo đảm nguồn vốn và thúc đẩy phát triển của Dự Án Núi Pháo. Do đó, trong vòng ba năm, Masan Group đã biến đổi Dự Án Núi Pháo từ một dự án bị đình trệ do không triển khai dưới sự quản lý của chủ sở hữu trước đó trở thành dự án hoạt động quy mô lớn bắt đầu sản xuất thương mại vào năm 2013. Masan Group tin rằng các thành tựu của mình đối với Dự Án Núi Pháo đã chứng minh các công ty trong Masan Group, nhân sự quản lý và điều hành của Nhóm công ty Masan Resources có khả năng triển khai hiệu quả các dự án tài nguyên mới khi xuất hiện các cơ hội mới để sáp nhập hoặc mua lại.

Cơ cấu vốn vững mạnh

Kể từ khi khởi động Dự Án Núi Pháo, Công Ty Núi Pháo đã chủ động đảm bảo tài chính, quản lý các chi phí và tiến độ dự án trong suốt quá trình giải tỏa mặt bằng và tái định cư, quá trình xây dựng và phát triển dự án. Việc quản lý tài chính cẩn trọng của Công Ty Núi Pháo và dòng tiền ổn định từ việc bán các sản phẩm theo các hợp đồng bao tiêu từ khi dự án bắt đầu hoạt động thương mại đã cho phép Công Ty Núi Pháo duy trì một cơ cấu vốn vững mạnh đáp ứng đủ vốn lưu động.

Tăng trưởng tự thân và tăng trưởng thông qua mua bán và sáp nhập

Là một phần kế hoạch tận dụng tất cả các tài sản của mình, nhóm các công ty thực hiện Dự Án Núi Pháo không ngừng tìm cách tăng trưởng tự thân để tối ưu hóa cơ sở vật chất hiện có của mình để tối đa hóa năng suất và hiệu quả trong khi thiết lập cho giai đoạn tiếp theo của hoạt động kinh doanh. Bằng cách tận dụng các nguồn lực và cơ sở hạ tầng hiện có của mình, Công Ty Núi Pháo mong muốn sản xuất với chi phí thấp hơn.

Nhóm các công ty thực hiện Dự Án Núi Pháo đang tìm cách xác định và hướng đến việc mua lại các nền tảng và cơ hội kinh doanh thuộc Loại 1 (có giá trị cao, vị trí chiến lược, dài hạn, và chi phí sản xuất thấp) trong giai đoạn suy thoái giá mang tính chu kỳ. Công Ty Núi Pháo cũng đang xem xét nâng cao chất lượng danh mục đầu tư của mình và hướng đến các đối tác kém thu hút đầu tư trong ngành công nghiệp và loại trừ các tài sản không cốt lõi nhất định từ các đối tác hợp nhất lớn hơn, để giúp đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao của thế giới đối với kim loại và khoáng chất chiến lược. Lợi thế cạnh

tranh mũi nhọn của Công Ty Núi Pháo khi thực hiện các hoạt động trong tương lai này chính là các vị thế chiến lược hiện tại của Công Ty Núi Pháo cả ở Việt Nam và trong ngành công nghiệp khai khoáng.

Tập trung nhất quán vào việc quản lý chi phí và tăng năng suất

Khai khoáng là một ngành công nghiệp cần thời gian lâu dài. Việc Công Ty Núi Pháo dành tập trung nhất quán vào việc quản lý chi phí kết hợp với mong muốn tăng năng suất sẽ đảm bảo dòng tiền mạnh phát sinh từ các dự án hiện tại của mình, tăng cường khả năng trong việc đưa ra các quyết định đầu tư dài hạn và cho phép Công Ty Núi Pháo đương đầu với biến động thị trường và biến động giá. Trong môi trường bất ổn, điều này sẽ bảo vệ một cách đáng kể vị thế dẫn đầu của Công Ty.

Vị trí tiên phong

Công Ty, với tư cách là nhóm doanh nghiệp chiến lược quan trọng tại Việt Nam và trong ngành công nghiệp vonfram, sẽ tiếp tục tận dụng quy mô của mình như một lợi thế cạnh tranh. Điều này sẽ mang đến nhiều cơ hội phát triển hơn, và thu lại các lợi ích về chi phí và sản xuất có được từ lợi thế kinh tế về quy mô. Với vị thế hàng đầu của mình trong hoạt động khai thác và chế biến vonfram, Công Ty Núi Pháo cũng có sứ mệnh làm cầu nối để đưa các thế mạnh và khả năng của Việt Nam ra thị trường toàn cầu. Công Ty Núi Pháo đang tham gia tích cực vào các diễn đàn công nghiệp vonfram toàn cầu và tự tin đăng cai Hội Nghị Hiệp Hội Công Nghiệp Vonfram Quốc Tế (ITIA) năm 2015.

Khả năng tận dụng sự hỗ trợ tối đa, điều kiện tài chính và vị thế trên thị trường của Masan Group

Nhóm công ty Masan Resources là một nhóm các công ty thành viên thuộc Masan Group, là một trong những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với định hướng hoạt động tập trung vào ngành hàng tiêu dùng, tài nguyên, khoáng sản, thức ăn chăn nuôi và ngân hàng. Nguồn vốn từ Masan Group là phương tiện để thực hiện Dự Án Núi Pháo. Sự phát triển của Dự Án Núi Pháo, cũng như kế hoạch kinh doanh và các chiến lược tăng trưởng trong tương lai của Công Ty Núi Pháo, là phù hợp với tầm nhìn của Masan Group trong việc hình thành các công ty dẫn đầu thị trường và phát triển quy mô thông qua tập trung và hợp nhất. Chúng tôi tin rằng Công Ty và các công ty con sẽ có thể tận dụng chuyên môn, nguồn vốn và mối quan hệ của Masan Group khi tìm kiếm các cơ hội để phát triển hoạt động kinh doanh của mình trong các dự án tài nguyên mới.

8.2. Triển Vọng Phát Triển Của Ngành

8.2.1. Tiềm Năng Khoáng Sản Của Việt Nam

Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản tương đối phong phú và đa dạng về chủng loại gồm các nhóm khoáng sản nhiên liệu (dầu khí, than); nhóm khoáng sản sắt và hợp kim sắt (sắt, cromit, titan, mangan); nhóm khoáng sản kim loại màu (bôxít, thiếc, đồng, chì-kẽm, antimon, molipden); nhóm khoáng sản quý (vàng, đá quý); nhóm khoáng sản hoá chất công nghiệp (apatit, cao lanh, cát thủy tinh); nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng (đá vôi xi măng, đá xây dựng, đá ốp lát).

Công nghiệp khai khoáng Việt Nam bắt đầu hình thành từ cuối thế kỷ 19 do Pháp khởi xướng, từ năm 1955, Việt Nam đã tiếp quản, duy trì và phát triển các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản. Đến nay, đã tiến hành điều tra cơ bản, thăm dò và phát hiện mới trên 5.000 điểm khoáng và mỏ. Đã đánh giá được một số loại khoáng sản có giá trị công nghiệp và trữ lượng dự báo lớn như: dầu khí (1,2 tỷ-1,7 tỷ m³); than (240 tỷ tấn), sắt (2 tỷ tấn), đồng (1 triệu tấn kim loại), titan (600 triệu tấn khoáng vật nặng), bôxít (10 tỷ tấn), chì kẽm, thiếc, apatit (2 tỷ tấn), đất hiếm (11 triệu tấn) các khoáng sản làm vật liệu xây dựng (52 tỷ m³) và một số loại khoáng sản khác. Nhiều loại khoáng sản đã được khai thác phục vụ cho nhu cầu trong nước và một phần cho xuất khẩu. (Nguồn: BCT)

Trong các loại khoáng sản trên, trừ khoáng sản dầu khí, than, sắt, titan apatit v.v...đã được thăm dò tương đối cơ bản và chắc chắn, các khoáng sản kim loại còn lại gồm kim loại màu, khoáng sản

quý...thăm dò mới ở mức độ điều tra cơ bản (tìm kiếm); trước khi đầu tư khai thác, các doanh nghiệp đều phải tiến hành thăm dò tỉ mỉ, bổ sung để hạn chế rủi ro.

8.2.2. Triển Vọng Tăng Trưởng Cho Ngành Sản Xuất Vonfram Toàn Cầu

Theo một báo cáo gần đây của Roskill và các số liệu do Công Ty Núi Pháo thu thập, nhu cầu vonfram toàn cầu đã tăng từ khoảng 46.500 tấn trong năm 2000 lên hơn 93.310 tấn trong năm 2018, với tốc độ tăng trưởng kép tương ứng 4,3%/năm cho giai đoạn 2000 – 2018, cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của thế giới năm 2018.

Tốc độ tăng trưởng GDP của thế giới cho thấy một mối tương quan so sánh từng năm tương đối tốt so với sự tăng trưởng nhu cầu vonfram, đặc biệt là ở các nền kinh tế phát triển và các nền kinh tế mới nổi. Trung Quốc là nhà cung cấp và sản xuất vonfram lớn nhất, và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu vonfram tăng 9,29% trong năm 2018. Ngân Hàng Thế Giới cũng đã dự báo GDP năm 2019 tăng trưởng khỏe khoắn ở mức 2,9% dựa trên mối tương quan mạnh mẽ giữa tăng trưởng kinh tế và nhu cầu vonfram toàn cầu. Sự phát triển của các ngành công nghiệp như dầu khí, công cụ cắt kim loại cứng, hàng không và vũ trụ đang góp phần đẩy mạnh nhu cầu vonfram.

Năm 2018, chính phủ Trung Quốc cũng đã công bố và tiến hành thanh tra việc vận hành của một số ngành công nghiệp, dẫn đến sản xuất bị thu hẹp và chi phí sản xuất gia tăng. Các tác hại môi trường tại Trung Quốc vẫn đang ảnh hưởng lên nguồn cung tại nước này. Việc thanh tra, giám sát nghiêm ngặt và các tiêu chuẩn về khí thải được áp dụng đã dẫn đến việc đóng cửa các nhà máy gây ô nhiễm ở 28 thành phố tại nhiều tỉnh của Trung Quốc. Nhiều nhà máy chế biến kim loại và hóa chất tại Trung Quốc không đạt các tiêu chuẩn về khí thải đã buộc phải nâng cấp tiêu chuẩn quản lý, một hoạt động mất nhiều thời gian và tốn kém chi phí, hoặc phải buộc phải đóng cửa. Việc sản xuất bị thu hẹp tại quốc gia cung cấp khoảng 80% sản lượng vonfram toàn cầu đang dẫn đến việc bình quân giá muối vonfram APT ở thị trường châu Âu cận dưới tăng 29% trong năm 2018 so với năm 2017, và có đủ lực đẩy giá nhờ cung vonfram giảm do chất lượng xuống giảm, việc thắt chặt chính sách môi trường, và sự đóng cửa một mỏ vonfram ở Anh gần đây. Công Ty tin rằng, tăng trưởng giá vonfram trong thời gian gần đây đã phản ánh các thay đổi về cung cầu theo xu hướng bền vững.

Nguồn cung Vonfram thứ cấp giảm trong năm 2017 và đã phục hồi năm 2018 vượt mức tại 2016. Tiêu thụ Vonfram thứ cấp được ước tính là cao nhất ở Trung Quốc, chiếm 34% tổng tiêu thụ vonfram thứ cấp toàn cầu, kế tiếp tại Châu Âu 31% và Mỹ 17%.

8.3. So Sánh Về Tình Hình Tài Chính Và Hoạt Động Kinh Doanh Của Các Doanh Nghiệp Cùng Ngành

Hiện không có một doanh nghiệp nào khác tại Việt Nam khai thác, chế biến và sản xuất vonfram, bismut, florit và đồng với quy mô lớn như nhóm công ty phát triển Dự Án Núi Pháo để tiến hành so sánh.

8.4. Đánh Giá Về Sự Phù Hợp Định Hướng Phát Triển Của Công Ty Với Định Hướng Của Ngành, Chính Sách Của Nhà Nước Và Xu Thế Chung Trên Thế Giới.

8.4.1. Chính Sách Phát Triển Ngành Công Nghiệp Khai Khoáng

Chiến lược phát triển khoáng sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22/12/2011 với các nội dung chủ yếu sau:

Quan điểm chỉ đạo

- Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo, thuộc tài sản quan trọng của quốc gia phải được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển bền vững kinh tế - xã hội trước mắt, lâu dài và bảo đảm

quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường.

- Điều tra, đánh giá khoáng sản phải đi trước một bước, làm rõ tiềm năng tài nguyên khoáng sản để lập quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản và dự trữ quốc gia.
- Thăm dò, khai thác khoáng sản phải gắn với chế biến, sử dụng phù hợp với tiềm năng của từng loại khoáng sản và nhu cầu của các ngành kinh tế.
- Chế biến khoáng sản phải sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao; chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sử dụng trong nước, chỉ xuất khẩu sản phẩm sau chế biến có giá trị kinh tế cao đối với khoáng sản quy mô lớn.
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tiếp thu khoa học hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến trong điều tra, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

Chiến lược

Ưu tiên đầu tư cho điều tra cơ bản về địa chất về khoáng sản cả phần đất liền và biển, hải đảo để làm rõ tiềm năng tài nguyên khoáng sản. Thăm dò, khai thác khoáng sản gắn với chế biến và sử dụng hiệu quả. Cân đối giữa khai thác với dự trữ khoáng sản; phát triển bền vững công nghiệp khai khoáng gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Mục tiêu

- Hoàn thành công tác lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 trên diện tích lãnh thổ; hoàn thành công tác điều tra địa chất, khoáng sản biển tỷ lệ 1/500.000; đánh giá làm rõ tiềm năng tài nguyên khoáng sản phục vụ khai thác và dự trữ quốc gia.
- Thăm dò đáp ứng nhu cầu khai thác, chế biến đến năm 2050 đối với các khoáng sản: Than, urani, titan - zircon, đất hiếm, apatit, sắt, chì - kẽm, đồng, thiếc, mangan, cromit, bauxit, cát thủy tinh và một số khoáng sản khác.
- Khai thác khoáng sản phải gắn với chế biến, tạo sản phẩm có giá trị kinh tế cao; đến năm 2020 chấm dứt các cơ sở chế biến khoáng sản manh mún, công nghệ lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp, gây ô nhiễm môi trường; hình thành các khu công nghiệp chế biến khoáng sản tập trung với công nghệ tiên tiến, có quy mô tương xứng với tiềm năng của từng loại khoáng sản.
- Chỉ xuất khẩu sản phẩm sau chế biến có giá trị cao đối với khoáng sản quy mô lớn. Các khoáng sản còn lại khai thác chế biến theo nhu cầu trong nước tăng cường dự trữ khoáng sản quốc gia làm cơ sở phát triển bền vững kinh tế - xã hội.
- Khuyến khích hợp tác điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến một số loại khoáng sản ở nước ngoài, ưu tiên các khoáng sản ở Việt Nam có nhu cầu sử dụng.

Các chính sách

- Chính sách bảo vệ, sử dụng và dự trữ tài nguyên khoáng sản
 - Sử dụng tài nguyên khoáng sản đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững;
 - Cân đối để bảo đảm dự trữ tài nguyên khoáng sản phục vụ nhu cầu phát triển các ngành kinh tế trước mắt và lâu dài; và

- Ưu tiên khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phục vụ sản xuất trong nước; việc xuất, nhập khẩu khoáng sản theo nguyên tắc cân đối, đảm bảo nhu cầu sản xuất trong nước; chỉ xuất khẩu sản phẩm sau chế biến có giá trị kinh tế cao đối với khoáng sản có quy mô lớn.
- Chính sách khoa học và công nghệ
 - Khuyến khích hợp tác chuyển giao công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường trong khai thác, chế biến khoáng sản; và
 - Tăng cường năng lực, đổi mới thiết bị, công nghệ; có chính sách phát triển nguồn nhân lực trình độ cao trong quản lý, điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.
- Chính sách đầu tư
 - Ưu tiên đầu tư nhằm đẩy nhanh công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;
 - Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; và
 - Khuyến khích đầu tư công nghệ khai thác, chế biến sâu và thân thiện với môi trường.

8.4.2. Đánh Giá Sự Phù Hợp Chiến Lược Phát Triển Của Dự Án Núi Pháo Trong Bối Cảnh Định Hướng Của Ngành Công Nghiệp, Chính Sách Công Và Các Xu Hướng Toàn Cầu

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong các năm gần đây khá ổn định và có dấu hiệu tăng trưởng tích cực. Một nền kinh tế phát triển lành mạnh là điều kiện tất yếu cho các ngành nghề phát triển cùng nhịp, trong đó có ngành công nghiệp khai khoáng. Nắm bắt được rõ tình hình thị trường khai thác và chế biến khoáng sản toàn cầu, chính sách của Nhà nước, xu hướng giá và nhu cầu tiêu thụ, ban lãnh đạo Công Ty đã và đang tập trung phát triển Dự Án Núi Pháo trên cơ sở bền vững, với mục tiêu giữ vững vị thế hàng đầu của Công Ty, gia tăng lợi nhuận đồng thời tối ưu hóa chi phí sản xuất. Ban lãnh đạo Công Ty cũng nhận định rằng các mục tiêu phát triển của Công Ty là chế biến sâu, tạo ra các sản phẩm có giá trị cao, phục vụ cả nhu cầu trong nước lẫn xuất khẩu đều phù hợp với các triển vọng của ngành khoáng sản, phù hợp với chính sách và xu thế phát triển của nền kinh tế nói chung.

9. Chính Sách Đối Với Người Lao Động

9.1. Số Lượng Người Lao Động Trong Dự Án Núi Pháo

Công Ty sử dụng 1.159 lao động tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2019 cho Dự Án Núi Pháo.

Bảng dưới đây thể hiện tổng số lao động (không bao gồm lao động công nhật) và thu nhập bình quân tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2019:

Năm	2014	2015	2016	2017	2018	Q1/2019
Tổng số nhân viên, trong đó	1.095	1.095	1.027	1.072	1.150	1.159
- Nhân sự người Việt Nam	976	973	928	976	1.053	1.061
- Nhân sự người nước ngoài	119	122	99	96	97	98
Thu nhập bình quân /tháng (triệu đồng) của người Việt Nam	9,7	10,2	10,7	11,2	11,4	12,0

Cơ cấu lực lượng lao động

Dưới đây là phân tích thành phần lực lượng lao động theo độ tuổi và trình độ học vấn:

Theo trình độ học vấn		Theo độ tuổi	
Phổ thông cơ sở:	14,1%	Từ 18 đến 30:	25,4%
Trung học phổ thông:	12,1%	Từ 31 đến 40:	50,0%
Dạy nghề:	26,6%	Từ 41 đến 50:	19,8%
Cao đẳng	7,4%	Từ 51 đến 60:	4,4%
Đại học:	37,8%	Trên 60:	0,4%
Sau đại học:	2,1%		

9.2. Chính Sách Đào Tạo, Lương, Thưởng, Phụ Cấp/Phúc Lợi

9.2.1 Giờ Làm Việc, Giờ Nghỉ Ngơi, Ca Làm Việc

Điều kiện làm việc	Ngày làm việc : ngày nghỉ	Số giờ làm việc tiêu chuẩn mỗi ngày	Tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn theo tuần
Thông thường	6:1	8	48
Đặc biệt nặng nhọc và độc hại	6:1	6	36

Tuy nhiên, để đảm bảo kế hoạch sản xuất liên tục 24 giờ mỗi ngày, 365 ngày mỗi năm, Nhóm công ty Masan Resources làm việc với công đoàn và sắp xếp cho người lao động của mình làm việc theo ca và có các ngày nghỉ bù trên cơ sở đảm bảo rằng tổng số giờ làm việc trong một ngày hoặc một tuần sẽ không vượt quá mức sau:

Số	Tổng số giờ	Điều kiện làm việc		
		Bình thường	Nặng nhọc và độc hại	Đặc biệt nặng nhọc và độc hại
1.	Tăng ca cho một ngày	≤ 4 giờ	≤ 4 giờ	≤ 3 giờ
2.	Tăng ca cho một tuần	≤ 16 giờ	≤ 16 giờ	≤ 12 giờ
3.	Tăng ca cho 4 ngày liên tục	≤ 14 giờ	≤ 14 giờ	≤ 10 giờ

Nghỉ hàng năm, phúc lợi/trợ cấp

Số năm làm việc	Ngày nghỉ phép hàng năm theo điều kiện làm việc (ngày)		
	Bình thường	Nặng nhọc và độc hại	Đặc biệt nặng nhọc và độc hại
1-5	12	14	16
6-10	13	15	17
11-15	14	16	18
16-20	15	17	19
20-25	16	18	20
25-30	17	19	21

Trong trường hợp làm việc dưới 12 tháng, ngày nghỉ sẽ được tính theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc.

Công thức sau đây được sử dụng để tính ngày nghỉ được hưởng hàng tháng:

$$(\text{Tổng ngày nghỉ phép hàng năm}) \times \text{Số tháng làm việc} = \text{Ngày nghỉ hàng năm được hưởng}$$

9.2.2 Các Biện Pháp Đảm Bảo Vệ Sinh Và An Toàn Lao Động

Y tế

Các mục tiêu

Các mục tiêu y tế của Nhóm công ty Masan Resources là để đảm bảo các công nhân của mình không gặp các rủi ro nghề nghiệp có ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của họ, và Nhóm công ty Masan Resources có đội ngũ nhân viên y tế có năng lực và được trang bị tốt để sẵn sàng hỗ trợ sức khỏe và thể lực của các công nhân của mình và rộng hơn là cộng đồng (kể cả các trường hợp khẩn cấp).

Thực hiện

Năm 2018, bộ phận y tế và an toàn lao động tiếp tục kiểm tra và đảm bảo tính an toàn của môi trường làm việc trong khu vực dự án, nâng cao phát triển chuyên môn và thậm chí hiến máu để tăng cường nguồn cung cấp cho địa phương.

Nhóm công ty Masan Resources điều hành một phòng khám y tế được trang bị tốt và có đội ngũ nhân viên y tế đầy đủ trong khu vực dự án. Trong năm 2018, 5.560 bệnh nhân được chữa trị tại phòng khám (so với 5.137 trường hợp trong năm 2017) do các bệnh tai, mũi và họng (chủ yếu), nhiễm trùng da, các vấn đề tiêu hóa, vấn đề xương cơ bắp và một loạt các bệnh khác. Nhóm công ty Masan Resources tiếp tục thiết lập mối quan hệ phối hợp ngày càng chặt chẽ với các cơ quan y tế địa phương và cấp tỉnh.

Đội ngũ y tế của Nhóm công ty Masan Resources đã hỗ trợ chăm sóc khẩn cấp và xử lý những trường hợp liên quan đến tai nạn ở khu vực xung quanh dự án. Nhân viên y tế của chúng tôi mở rộng dịch vụ y tế cho gia đình các công nhân viên dự án và tiếp tục hỗ trợ chữa trị phần lớn bệnh phát sinh trong cộng đồng xung quanh. Trong năm 2018, chúng tôi đã giúp 184 bệnh nhân cộng đồng bị bệnh nặng và chấn thương.

Về các hoạt động bên ngoài Công Ty, phòng y tế đã cấp cứu cho 184 người, khám và cấp thuốc miễn phí cho 185 người dân trong khuôn khổ hợp tác với cơ sở y tế địa phương và chính quyền sở tại. Thực hiện cam kết của chúng tôi đối với cộng đồng địa phương, một chiến dịch hiến máu đã được thực hiện trong quý 4 năm 2018 và đã có 149 công nhân viên của công ty hiến máu.

Đội ngũ nhân viên y tế cũng phục vụ việc “kiểm tra sức khỏe” theo quy định của chính phủ cho các công nhân viên trong năm 2018. Năm 2018, bộ phận y tế đã thực hiện đào tạo sơ cấp cứu cho 114 nhân viên kể cả nhà thầu theo quy định thông tư 19/2016/TT-BYT.

Hàng quý đội ngũ nhân viên y tế cũng thực hiện việc theo dõi môi trường làm việc trong các khu vực tiềm ẩn rủi ro cao (như nhà máy chế biến và nhà máy công ty MTC). Các đợt theo dõi để kiểm tra các rủi ro tiềm ẩn về sức khỏe liên quan đến tiếng ồn, bụi và/hoặc ô nhiễm không khí và nếu kết quả là có rủi ro cao, công tác khắc phục sẽ được thực hiện.

Bộ phận y tế và an toàn lao động hàng tuần cũng thực hiện kiểm tra các khu vực chuẩn bị và tiêu thụ thực phẩm trong năm 2018 để đưa ra các khuyến nghị để cải thiện vệ sinh và hoạt động chế biến, bảo quản và chuẩn bị thực phẩm, tránh bất kỳ việc ngộ độc thực phẩm hoặc bùng phát dịch bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân.

Nhóm công ty Masan Resources đã liên tục tiêm vắc xin cho những người lao động có nguy cơ cao bị nhiễm khuẩn và bệnh truyền nhiễm như viêm gan A và B, thương hàn, uốn ván, viêm màng não và cúm.

Trong năm 2018, đội y tế của Nhóm công ty Masan Resources tham gia và đạt giải 2 tại cuộc thi “Tìm hiểu kiến thức về An toàn vệ sinh lao động” do Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường tổ chức tại Hà Nội.

Trong năm 2018, Bộ phận Y tế cũng đã phối hợp với Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường tổ chức cuộc quan trắc “Tâm sinh lý lao động” cho các bộ phận trong Nhóm công ty Masan Resources. Đây là việc làm thiết thực nhằm tìm ra giải pháp cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

An toàn lao động

Mục Tiêu

Bộ phận an toàn lao động tập trung vào việc xây dựng văn hóa an toàn lao động vững mạnh và các công nhân có kỹ năng tiếp thu và áp dụng các yêu cầu an toàn lao động. Mục tiêu đầu tiên của Nhóm công ty Masan Resources – tại thời điểm hiện tại và luôn luôn – là đảm bảo toàn bộ người lao động về nhà an toàn sau mỗi ca làm việc, và Nhóm công ty Masan Resources mong muốn điều tương tự từ các nhà thầu của mình.

Thực hiện

Với mục tiêu đảm bảo toàn bộ người lao động về nhà an toàn sau mỗi ca làm việc, chúng tôi đã đảm bảo không có thương tích trong lao động trong năm 2018, chỉ có 7 trường hợp thương tích nhẹ và đã được khắc phục. Đây là mốc quan trọng trong việc đặt nền móng để đạt tới mục tiêu an toàn lao động tuyệt đối không có thương tích.

Vào năm 2018, Nhóm Ứng cứu Khẩn cấp (ERT) đã tham gia đào tạo chuyên nghiệp trong lĩnh vực cứu hộ khẩn cấp qua đợt huấn luyện của Phòng Cảnh sát Cứu hỏa và Cứu nạn Thái Nguyên. Trong năm 2018, Công Ty Núi Pháo đã nhận được Bằng khen thưởng về đạt thành tích tốt về an toàn do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên trao tặng vì đã đạt được những thành tích xuất sắc về an toàn và bảo hộ lao động.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã cấp bằng khen cho đội ngũ Quản lý An toàn và các thành viên Nhóm Ứng cứu Khẩn cấp của Nhóm công ty Masan Resources vì những đóng góp của họ đối với công tác phòng cháy và cứu nạn trên địa bàn tỉnh tại một hội nghị đặc biệt tổ chức tại Thái Nguyên.

Cục an toàn và bức xạ hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ đã trao tặng bằng khen cho Công Ty Núi Pháo thuộc Nhóm công ty Masan Resources về việc thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng nguồn phóng xạ phục vụ sản xuất tại Hội nghị Pháp quy Hạt nhân toàn quốc năm 2018.

Trong năm 2018, Nhóm công ty Masan Resources đã phát hành 14 thông cáo an toàn lao động (dạng bản tin) được đặt xung quanh khu vực nhà máy và các thông cáo này cung cấp thông tin chi tiết về các sự cố hoặc tình huống cận nguy, để các công nhân có thể rút kinh nghiệm từ các sự kiện này.

Trong năm 2018, Nhóm công ty Masan Resources đã quản lý kiểm soát dữ liệu thông qua việc sử dụng hệ thống quản lý và lưu trữ tài liệu Sharepoint. Đội ngũ quản trị an toàn của chúng tôi đã tham gia đợt đào tạo chứng chỉ trên hệ thống lưu trữ và tài liệu Sharepoint. Hệ thống kiểm soát tài liệu hỗ trợ lưu trữ tài liệu của Nhóm công ty Masan Resources và cung cấp cho người dùng quyền truy cập quốc tế dựa trên hệ thống dữ liệu đám mây bất cứ lúc nào 24/7.

Hơn nữa, để theo dõi thường xuyên các xu hướng xảy ra sự cố, Nhóm công ty Masan Resources tạo ra biểu đồ tỷ lệ tần suất thương tích hàng tháng bao gồm các tổn thương nhỏ đến nghiêm trọng tại nơi làm việc. Xu hướng này giúp xác định các khu vực có vấn đề và rủi ro cao tiềm ẩn để có thể có các hành động khắc phục thích hợp để giảm hoặc loại bỏ các rủi ro đó.

Trong năm 2018, chúng tôi đã tăng cường thiết kế các chương trình đào tạo cho các công việc liên quan đến an toàn, phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất... Tổng số chương trình đã thiết lập và hoàn tất gồm 25 mô đun.

Nhóm công ty Masan Resources tin tưởng mạnh mẽ vào việc trang bị cho các nhân viên của mình những thói quen an toàn đúng đắn, không chỉ được sử dụng trong công việc mà còn giúp họ thực hiện tư duy này trong các hoạt động hàng ngày - đặc biệt là ở nhà.

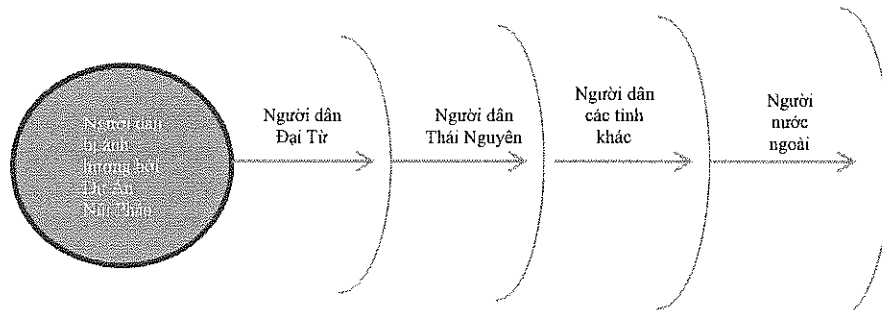
Khi nhân viên đã được đào tạo, họ sẽ có thể xác định các nguy cơ tiềm ẩn về an toàn trong công việc hàng ngày của họ.

Chúng tôi tiếp tục thực hiện các khóa đào tạo liên quan đến an toàn khác nhau như quản lý hóa chất độc hại, cập nhật an toàn mỏ, các chương trình đào tạo an toàn nội bộ về nhận dạng mối nguy và hành động, đào tạo rủi ro, quản lý thay đổi và đào tạo ứng phó khẩn cấp.

9.2.3 Chính Sách Tuyển Dụng Và Tập Huấn

Chính sách tuyển dụng

Với mục đích tuyển dụng những lao động có chất lượng cho mỗi vị trí, tiết kiệm chi phí nhân công và trách nhiệm xã hội của Nhóm công ty Masan Resources tại địa phương, chính sách tuyển dụng được lập dựa vào tỷ lệ khan hiếm của thị trường lao động được thể hiện theo đồ thị dưới đây:



Nhóm công ty Masan Resources đã tuyển tổng cộng 84 vị trí việc làm tương ứng 152 nhân viên cho Dự Án Núi Pháo trong năm 2018. Một phần của đội ngũ lao động mới tuyển này là để thay thế cho biến động lao động tự nhiên, phần còn lại là tuyển cho nhu cầu mở rộng năng lực sản xuất và các phòng ban hỗ trợ. Trong năm, công tác tuyển dụng cũng gặp khó khăn trong tuyển một số vị trí. Để giải quyết vấn đề này, Nhóm công ty Masan Resources đã tập trung xây dựng uy tín của đơn vị tuyển dụng và đa dạng kênh tuyển dụng, và kết quả là có hơn 3.000 người theo dõi Nhóm công ty Masan Resources trên các trang mạng truyền thông xã hội.

Chính sách đào tạo

Với mục đích đảm bảo nguồn lao động sẵn có đáp ứng các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn của mình, Công Ty đánh giá cao tầm quan trọng của việc đào tạo và phát triển người lao động, đặc biệt là người lao động Việt Nam. Do vậy, công tác đào tạo được thực hiện theo hai hình thức sau:

- Đào tạo nội bộ, và
- Đào tạo dựa trên các khóa đào tạo chuyên môn

Tiếp nối các hoạt động đào tạo và phát triển nhân viên đã thực hiện những năm qua, Bộ phận Nhân sự cùng với các Bộ phận khác đã thực hiện các chương trình đào tạo có nội dung phù hợp với các mục tiêu và chiến lược của Nhóm công ty Masan Resources. Đối với Dự Án Núi Pháo, nội dung của các hoạt động đào tạo và phát triển năm 2018 tập trung tăng cường cho nhân viên những kỹ năng cần thiết ở cương vị hiện tại của họ, với 1.903 lượt nhân viên được cử đi tham gia các khóa học ở các đơn vị đào tạo chuyên môn, 6.781 lượt nhân viên được đào tạo nội bộ, với tổng số giờ đào tạo trong năm là 4.917 giờ, tương ứng với số giờ công của toàn thể nhân viên được sử dụng để đào tạo là: 93.880 hay 87 giờ cho mỗi nhân viên, tăng 5% so với thời lượng năm 2017. Cụ thể như sau:

Mô tả	2017	2018
Tổng chi phí đầu tư cho hoạt động đào tạo (triệu đồng)	3.303	2.167
Tổng số giờ đào tạo chuyên môn	4.684	4.917
Tổng số giờ công dùng để đào tạo	91.339	93.880
Số giờ trung bình đào tạo cho mỗi nhân viên trong năm	83	87
Số lượt nhân viên được tham gia đào tạo	2.775	8.684
Trong đó:	441	1.903
- Tổng số nhân viên được đào tạo ở các đơn vị đào tạo chuyên môn		
- Tổng lượt nhân viên được đào tạo nội bộ	2.334	6.781
Tổng số nội dung được đào tạo nội bộ	259	347
Tổng số nội dung được đào tạo ở các đơn vị đào tạo chuyên môn	27	30
Tổng số tài liệu đào tạo nội bộ được xây dựng	203	131

9.2.4 Lương, Thưởng, Phúc Lợi Cho Người Lao Động

Chế độ lương thưởng

- Lương: Người lao động của Nhóm công ty Masan Resources được trả lương theo giờ làm việc. Để bảo đảm sự công bằng trong nội bộ và khuyến khích lao động, lương thưởng được áp dụng theo phương thức 3P:
 - Trả lương theo **Vị Trí (Position)**: Mỗi vị trí được xác định giá trị đóng góp trong công việc, tương ứng với mỗi vị trí sẽ là một mức lương cụ thể;
 - Trả lương theo **Năng Lực Cá Nhân (Person)**: tương ứng với mỗi kỹ năng cá nhân sẽ là mức lương tương ứng áp dụng cho các cá nhân cụ thể; và
 - Trả lương theo **Kết Quả Công Việc (Performance)**: kết quả công việc của nhân viên định kỳ mỗi 06 tháng. Việc đánh giá kết quả công việc là yếu tố quan trọng để xem xét lương phù hợp với đóng góp của mỗi cá nhân.
- Thưởng: Thưởng mang tính chất tri ân dựa trên tình hình tài chính và chính sách lương thưởng của Nhóm công ty Masan Resources. Hai (02) hình thức thưởng dành cho nhân viên bao gồm:
 - Thưởng Tết chỉ áp dụng đối với người lao động trong nước
 - Thưởng theo kết quả công việc hàng năm chỉ được xem xét khi và chỉ khi:
 - ✓ Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công Ty được đánh giá từ mức hiệu quả trở lên;
 - ✓ Kết quả thực hiện kế hoạch của phòng được đánh giá từ mức hiệu quả trở lên; và
 - ✓ Kết quả thực hiện công việc của cá nhân được đánh giá từ mức hiệu quả trở lên.
 - Giải thưởng ngôi sao hàng tháng: Ghi nhận kịp thời những cá nhân có thành tích nổi bật trong tháng, xây dựng môi trường làm việc vui vẻ, tích cực, an toàn và tiết kiệm không ngừng củng cố những giá trị cốt lõi của công ty là TÔN TRỌNG - HÀNH ĐỘNG - KẾT

QUẢ. Người được tuyên dương có những thành tích liên quan đến nhưng không chỉ giới hạn trong các hoạt động của Nhóm công ty Masan Resources như:

- ✓ Có sáng kiến hoặc ý tưởng giúp mang lại hiệu quả cho công việc; tiết kiệm chi phí cho Công Ty;
- ✓ Hoàn thành tốt các công tác hay những nhiệm vụ khó khăn, quan trọng trong khoản thời gian yêu cầu;
- ✓ Có các thành tích nổi bật trong công tác xây dựng môi trường làm việc của Công Ty an toàn, an ninh và vệ sinh công nghiệp; và
- ✓ Tích cực tạo dựng hình ảnh Công Ty thân thiện và có trách nhiệm với cộng đồng.

Người được trao giải được nhận một khoản tiền không quá 2.000.000 VND cho mỗi lần được thưởng.

- Giải thưởng của Chủ tịch Tập đoàn Masan cho những cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất: Giải thưởng dành cho những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lao động sản xuất cũng như có những đóng góp to lớn cho sự phát triển của Công Ty. Các đề cử được thực hiện vào tháng 12 hàng năm và trao tặng bởi Chủ tịch Tập đoàn trong đêm Gala Tất niên hàng năm.
- Năm 2018, 10 cá nhân tiêu biểu vinh dự nhận được giải thưởng của Chủ tịch Tập đoàn Masan.
- Giải thưởng của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cho những cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất. Việc bầu chọn và đề cử diễn ra vào vào tháng 2 hàng năm và được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên trao tặng vào tháng 4 hàng năm cho thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất của năm trước đó. Năm 2018 vừa qua có 4 cá nhân thuộc Nhóm công ty Masan Resources đã nhận được Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên ghi nhận thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất năm 2017. Năm 2019, Nhóm công ty Masan Resources đang tiến hành đề cử và bầu chọn các cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất năm 2018, kế hoạch đề ra là 10 cá nhân.
- Các phúc lợi khác
 - Bữa ăn, chi phí chỗ ở và đi lại: Đối với người lao động được tuyển dụng từ các tỉnh khác để làm việc cho Dự Án Núi Pháo, họ được cung cấp bữa ăn và chi phí chỗ ở tương ứng với vị trí được giao cũng như được trợ cấp chi phí đi lại khi đang làm nhiệm vụ hoặc không làm nhiệm vụ.
 - Bảo hiểm y tế và tai nạn: Nhóm công ty Masan Resources mua bảo hiểm y tế 24/24 cho người lao động và người phụ thuộc.

Công đoàn, thỏa ước lao động tập thể

Công đoàn đã được thành lập và Thỏa ước lao động tập thể đã được đăng ký phù hợp với quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của người lao động.

10. Chính Sách Vay Nợ Trong Thời Hạn Trái Phiếu, Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Của Trái Phiếu Trong Danh Mục Nợ Của Công Ty

10.1. Chính Sách Vay Nợ Trong Thời Hạn Trái Phiếu

Trong thời hạn của Trái Phiếu, trên cơ sở nhu cầu vốn cho (các) dự án đang thực hiện và sẽ triển khai của Công Ty và các công ty con và trên cơ sở tự cân đối nguồn vốn, Công Ty có thể sẽ cần huy động thêm vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu riêng lẻ hoặc phát hành trái phiếu ra công chúng hoặc các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

10.2. Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Của Trái Phiếu Trong Danh Mục Nợ Của Công Ty

Trong thời hạn của Trái Phiếu, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Công Ty, có thứ tự thanh toán ngang bằng với các nghĩa vụ chung không phải là nợ thứ cấp và được bảo đảm khác (dù là nghĩa vụ hiện tại hay tương lai) của Công Ty (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo quy định của pháp luật). Các Trái Phiếu có các quyền, lợi ích ngang nhau và không Trái Phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên nào so với bất kỳ Trái Phiếu nào khác vì bất kỳ lý do nào.

Trong thời hạn của Trái Phiếu, khi thanh lý tài sản của Công Ty nhằm mục đích giải thể hay phá sản Công Ty, Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán sau các nghĩa vụ nợ đối với người lao động và Nhà nước nhưng trước so với chủ sở hữu của Công Ty. Trong trường hợp giá trị tài sản không đủ để thanh toán các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Công Ty, từng đối tượng cùng một thứ tự ưu tiên thanh toán được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với nghĩa vụ nợ và nghĩa vụ tài chính đó.

11. Tình Hình Hoạt Động Tài Chính

11.1. Các Chỉ Tiêu Cơ Bản

11.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định

Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản được khấu hao dự trên trữ lượng theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản là lượng sản phẩm ước tính có thể được khai thác có lãi và hợp pháp từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập Đoàn Masan.

Đối với các tài sản khác, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình như sau:

•	Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20 năm
•	Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
•	Dụng cụ văn phòng	3 - 10 năm
•	Phương tiện vận chuyển	3 - 6 năm
•	Các tài sản khai thác khoáng sản khác	19 năm

11.1.2. Mức lương bình quân

Mức thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên người Việt Nam của Công Ty tại thời điểm 31 năm 12 tháng 2018 là 11,4 triệu VND (mười một phẩy bốn triệu Đồng)/người/tháng, nằm ở mức cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực.

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ của Công Ty đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, và các khoản phải trả và phải nộp khác đã được Công Ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật

Các loại thuế, bảo hiểm phải nộp theo luật định đã được Công Ty thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho cơ quan thuế đúng hạn. Chi tiết như sau:

Đơn vị: triệu Đồng			
Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.324	34.981	4.082
Thuế thu nhập cá nhân	34.813	29.783	38.763
Phí bảo vệ môi trường	-	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	-
Các loại thuế khác	3.421	2.006	1.308
Tổng cộng	74.558	66.770	44.152

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2018 và BCTC tự lập cho giai đoạn kết thúc 31/3/2019 của CTCP Tài nguyên Masan và các công ty con)

11.1.5. Trích lập các quỹ theo quy định

Việc trích lập các quỹ được Công Ty thực hiện đầy đủ theo các quy định hiện hành.

11.1.6. Tổng dư nợ vay

Đơn vị: triệu Đồng			
Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.404.794	2.467.361	3.147.474
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.967.927	9.491.008	9.506.256
Phát hành trái phiếu dài hạn	8.966.564	9.491.008	9.506.256
Nợ thuê tài chính dài hạn	9.026	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	(1.007.663)	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2018 và BCTC tự lập cho giai đoạn kết thúc ngày 31/3/2019 của CTCP Tài nguyên Masan và các công ty con)

Bảng dưới đây liệt kê chi tiết các khoản trái phiếu của Công Ty và các công ty con đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2019:

STT	Mô tả công nợ	Bên vay	Bên cho vay	Khoản tiền		Lãi suất (Năm đầu, Biên độ các năm sau ³)	Số dư còn lại tại thời điểm 31/3/2019 ⁴
				nợ gốc (triệu VND)	Năm đáo hạn		
1	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	NPM	Trái chủ	1.000.000	2020	Cố định 9,5%	995.333
2	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	NPM	Trái chủ	8.100.000	2020	8%; +3%	5.531.833

³ Lãi suất cho các năm tiếp theo được tính bằng tổng của bình quân lãi suất của các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng thương mại có tên tuổi ở Việt Nam và cộng biên độ.

⁴ Số dư trái phiếu tại thời điểm 31/3/2018 được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

3	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	NPM	Trái chủ	500.000	2023	10%; +3,25%	496.533
4	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	MSR	Trái chủ	1.000.000	2021	9,8%; +3,2%	993.556
5	Trái phiếu tiền đồng có bảo đảm	MSR	Trái chủ	1.500.000	2023	10%; +3,25%	1.489.000

11.1.7. Tình hình công nợ

Các khoản phải thu:

Đơn vị: triệu VND

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
Các khoản phải thu ngắn hạn	860.460	1.612.853	1.067.901
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	368.596	960.322	491.572
Trả trước cho người bán ngắn hạn	78.568	175.750	131.863
Phải thu ngắn hạn khác	420.152	476.781	444.466
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.856)	-	-
Các khoản phải thu dài hạn	1.346.794	1.335.308	1.335.392
Phải thu dài hạn khác	1.346.794	1.335.308	1.335.392

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2018 và BCTC tự lập cho giai đoạn kết thúc ngày 31/3/2019 của CTCP Tài nguyên Masan và các công ty con)

Biến động tăng các khoản phải thu khách hàng phản ánh sự tăng trưởng doanh thu của Nhóm công ty Masan Resources. Doanh thu tăng lên, thời hạn thanh toán không đổi dẫn đến số dư khoản phải thu khách hàng tăng lên. Một phần chủ yếu của khoản phải thu khác là khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.

Các khoản phải trả:

Đơn vị: triệu VND

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
Các khoản phải trả ngắn hạn	4.871.844	4.101.945	4.420.687
Phải trả người bán ngắn hạn	434.067	526.343	517.630
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	166.299	238.767	257.056
Thuế phải nộp Nhà nước	74.558	66.770	44.152
Phải trả người lao động	-	-	64
Chi phí phải trả ngắn hạn	788.206	734.808	451.344
Phải trả ngắn hạn khác	3.919	67.895	2.967
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.404.794	2.467.361	3.147.474
Các khoản phải trả dài hạn	10.260.761	11.721.227	11.673.611
Phải trả dài hạn khác	1.124.124	1.124.124	1.124.124
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	7.967.927	9.491.008	9.506.256
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	643.914	613.431	614.088
Dự phóng phải trả dài hạn	524.795	492.664	429.143

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2018 và BCTC tự lập cho giai đoạn kết thúc ngày 31/3/2019 của CTCP Tài nguyên Masan và các công ty con)

11.1.8. Hàng tồn kho

Đơn vị: triệu VND

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
Hàng mua đang đi trên đường	23.744	25.064	39.905
Nguyên vật liệu	191.813	166.018	157.730
Công cụ và dụng cụ	571.169	556.865	541.389
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.754	139.900	166.734
Thành phẩm và hàng hóa	420.996	746.928	1.679.100
Hàng gửi đi bán	124.587	11.239	111.210
Tổng	1.409.063	1.646.014	2.696.068

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2018 và BCTC tự lập cho giai đoạn kết thúc ngày 31/3/2019 của CTCP Tài nguyên Masan và các công ty con)

Biến động tăng số dư hàng tồn kho qua các năm phản ánh sự tăng trưởng hoạt động sản xuất của Nhóm công ty Masan Resources. Ngoài ra, Nhóm công ty Masan Resources cũng có kế hoạch bán hàng vào các thời điểm giá tốt nên số dư hàng tồn kho có thể cao hơn vào một số thời điểm nhất định. Kết thúc quý 1 năm 2019, sản lượng tồn kho tăng lên do Công Ty hiện đang tìm giải pháp chế biến nội địa và tiếp tục nghiên cứu khả năng xây dựng nhà máy tinh luyện đồng/vàng riêng.

Nhóm công ty Masan Resources không trích lập dự phòng hàng tồn kho vì hàng tồn kho đã được phản ánh theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

11.2. Các Chỉ Tiêu Tài Chính Chủ Yếu:

Chỉ tiêu	CTCP Tài nguyên Masan và các công ty con	
	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,71	1,06
Hệ số thanh toán nhanh:		
(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,42	0,66
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,56	0,57
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,26	1,30
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)		
Vòng luân chuyển hàng hoá:		
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	2,64	3,08
Vòng quay tài sản:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,20	0,25
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,81%	9,67%
Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân ⁵	1,77%	5,59%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0,76%	2,41%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,19%	12,41%

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2018 của CTCP Tài nguyên Masan và các

⁵ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu được xác định sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

(công ty con)

12. Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng

12.1. Hội Đồng Quản Trị

Bảng dưới đây thể hiện thông tin về HĐQT của Công Ty:

Tên	Chức vụ
Ông Danny Le	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT
Ông Nguyễn Đăng Quang	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên HĐQT

Ông Danny Le – Chủ tịch HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13/7/1984
- Số Hộ chiếu : 565709439
- Quốc tịch : Mỹ
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân, Loại giỏi, Đại học Bowdoin
- Quá trình công tác :
 - 2006 – 2010: Chuyên viên phân tích, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư – Morgan Stanley
 - 2010 – nay: Giám đốc Chiến lược và Phát triển – Công ty CP Tập đoàn Masan;
 - 2013 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc;
 - 2015 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế;
 - 2016 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Masan Consumer Holdings;
 - 2016 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Masan Brewery;
 - 2017 – nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science;
 - 2018 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - 19/4/2019 – nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan;
 - 19/4/2019 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công Ty : Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ tại tổ chức khác :
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
 - Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
 - Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Masan Consumer Holdings
 - Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Masan Brewery
 - Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
 - Giám đốc Chiến lược và Phát triển - Công ty CP Tập đoàn Masan
- Lợi ích liên quan đến Công Ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty : Không có
- Các khoản nợ đối với Công Ty : Không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần MSR của bản thân (tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành) : 0%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không có

Ông Nguyễn Thiệu Nam – Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 11/12/1970
- Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu : 025222887
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử Nhân Kinh Tế, Đại Học Thương Mại Việt Nam
- Quá trình công tác :
 - 1993 – 1997 : Giám đốc Công Ty CP Dạ Mỹ;
 - 1997 – 2002 : Tổng Giám Đốc Công Ty CP Việt Tiến;
 - 2002 – 2008 : Thành viên HĐQT – Công Ty CP Thương Mại MaSan;
 - 2003 – 2005 : Phó Tổng Giám Đốc – Công Ty Cổ Phần Masan (Masan Corporation);
 - 2005 – 2008 : Thành viên HĐQT – Công Ty CP Masan;
 - 2008 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công Ty CP Masan;
 - 2009 – 2018 : Chủ tịch Công Ty TNHH Masan Brewery;
 - 2009 – nay : Thành viên HĐQT và kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan;

2010 – 19/4/2019 : Thành viên HĐQT – Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo;

2011 – nay : Thành viên HĐQT – Công Ty CP Tập đoàn Baltic Titan, Chủ Tịch Công Ty TNHH MTV Xây Dựng Hoa Hướng Dương, Chủ Tịch HĐQT Công Ty CP Bất Động Sản Masan;

2013 – 19/4/2019 : Thành viên HĐQT - Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan;

9/2014 – nay : Chủ Tịch Công Ty TNHH Masan Master Brewer;

2/2015 – nay : Chủ Tịch Công Ty TNHH MTV Masan Brewery HG, Chủ Tịch Công Ty TNHH MTV Masan Brewery PY;

2/2015 – nay : Chủ tịch Công Ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution;

2/2018 – nay : Thành viên HĐQT Công Ty TNHH Masan Consumer Holdings; Thành viên HĐQT Công Ty TNHH Masan Brewery;

19/4/2019 – nay: Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT – Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan;

19/4/2019 – nay: Chủ tịch HĐQT – Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công Ty : Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác :
 - Thành viên HĐQT và phó TGD – Công Ty CP Tập đoàn Masan;
 - Thành viên HĐQT Công Ty TNHH Masan Consumer Holdings, Công Ty TNHH Masan Brewery;
 - Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo;
 - Thành viên HĐQT Công Ty CP Tập Đoàn Baltic Titan;
 - Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Bất Động Sản Masan;
 - Chủ tịch công ty của Công Ty TNHH MTV Xây dựng Hoa Hướng Dương, Công Ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution, Công Ty TNHH MTV Masan Brewery PY, Công Ty TNHH MTV Masan Brewery HG và Công Ty TNHH Masan Master Brewer.
- Lợi ích liên quan đến Công Ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công Ty : Không
- Số lượng cổ phần MSR sở hữu của bản thân (tại ngày 20/03/2019) : 892.857 cổ phần

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần MSR của bản thân (tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành) : 0,10%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

TS. Nguyễn Đăng Quang – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Nguyễn Đăng Quang
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23/08/1963
- Số Chứng minh nhân dân : 022948090
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Khoa học Kỹ thuật của Đại học Vật lý Ứng dụng thuộc Viện Hàn Lâm Khoa Học Belarus và bằng Thạc sĩ Quản lý và Quản trị Kinh doanh của Đại học Kinh tế Nga Plekhanov.
- Quá trình công tác : 1991 – 1994 : Cán bộ - Viện khoa học Việt Nam;
1994 – 1998 : Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“Techcombank”);
1999 – 2002 : Phó chủ tịch HĐQT – Techcombank;
2000 – 2017 : Chủ tịch HĐQT – Công Ty Cổ Phần Masan;
2000 – 2007: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan;
2004 – 2013 : Chủ tịch HĐQT – Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan;
2006 – 2008 : Cố vấn Chủ tịch HĐQT – Techcombank;
2008 – 2014: Phó Chủ tịch thứ nhất – Techcombank;
2008 – 2017: Chủ tịch HĐQT – Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan;
2013 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan;
2014 – 2016: Thành viên HĐQT – Techcombank;
2016 – nay: Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT – Techcombank;
2008 – 2017: Chủ tịch – Công ty TNHH Masan (US) LLC;
2010 – 19/4/2019 : Chủ tịch HĐQT – Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo;
2013 – 2017 : Thành viên HĐQT - Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan;
2017 – nay : Thành viên HĐQT – Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan;

2017 – nay: Thành viên HĐQT – Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan;

2017 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty Cổ Phần Masan.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công Ty : Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác :
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị của Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan;
 - Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Quản trị của Techcombank.
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công Ty Cổ Phần Masan
- Lợi ích liên quan đến Công Ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty : Không có
- Các khoản nợ đối với Công Ty : Không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần MSR của bản thân (tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành) : 0%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không có

Ông Nguyễn Văn Thắng – Thành viên HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/9/1957
- Số Chứng minh nhân dân : 090470619
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Đại Học Tài Chính Kế Toán, Việt Nam
- Quá trình công tác :
 - 1993 – 2004: Giám đốc Chi nhánh Geleximco Thái Nguyên và Chi nhánh Geleximco Tuyên Quang - Công Ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (Geleximco);
 - 2005 – 2010: Phó Chủ tịch HĐQT - Công Ty Liên doanh Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (Nuiphaovica);
 - 2006 – 2010: Chủ tịch HĐQT - Công Ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên (INTRACORP);
 - 2007 – nay: Chủ tịch HĐQT Công Ty TNHH Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên (INTRACO - LTD), Chủ tịch HĐQT - Công Ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh, Phó Chủ tịch HĐQT - Công Ty Cổ phần Tập đoàn Baltic Titan;
 - 2010 – 2016: Chủ tịch HĐQT - Công Ty Cổ phần Khoáng sản An Khánh, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Công Ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp An Khánh;

3/2013 – nay: Phó chủ tịch thứ nhất Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên ;

2014 – nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công Ty Núi Pháo, Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH Vonfram Masan;

2015 – nay : Chủ tịch HĐQT - Công Ty cổ phần Vật liệu xây dựng An Khánh;

Tháng 4/2016 – nay: Thành viên HĐQT – Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công Ty : Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác :
 - Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công Ty Núi Pháo
 - Chủ tịch HĐQT – Công Ty TNHH Vonfram Masan
 - Phó chủ tịch thứ nhất Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên
 - Chủ tịch HĐQT - Công Ty cổ phần Vật liệu xây dựng An Khánh
 - Chủ tịch HĐQT Công Ty TNHH Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên (INTRACO - LTD)
 - Chủ tịch HĐQT - Công Ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh
 - Phó Chủ tịch HĐQT - Công Ty Cổ phần Tập đoàn Baltic Titan;
- Lợi ích liên quan đến Công Ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công Ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần MSR của bản thân (tính trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành) : 0%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

Ông Craig Richard Bradshaw – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 28/9/1971
- Số Hộ chiếu : PE0407775
- Quốc tịch : Australia
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh doanh, Đại học Southern Queensland, Úc
- Quá trình công tác : Trước 2011: Tổng Giám đốc Toàn quốc - Toll tại Thái Lan; Giám Đốc Thương Mại Cao Cấp - Lane Xang Minerals Ltd;

2011 – 2015: Giám Đốc Vận Hành - Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo;

Tháng 5/2015 – 19/4/2019: Tổng Giám Đốc - Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo;

8/2017 – 19/4/2019 : Tổng Giám Đốc – Công Ty Cổ phần Tài Nguyên Masan;

8/2018 – nay: Tổng Giám Đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật – Công Ty TNHH Vonfram Masan;

19/4/2019 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan;

19/4/2019 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công Ty : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác :
 - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
 - Tổng Giám Đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật Công Ty TNHH Vonfram Masan
- Lợi ích liên quan đến Công Ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công Ty : Không
- Số lượng sở hữu cổ phiếu MSR của bản thân (tại ngày 20/03/2019) : 3.766.713 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSR của bản thân (tính trên số lượng cổ phần đang lưu hành) : 0,42%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

12.2. Ban Kiểm Soát

Bảng dưới đây thể hiện thông tin về Ban Kiểm Soát của Công Ty:

Tên	Chức vụ
Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Trưởng Ban Kiểm Soát
Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	Thành Viên
Bà Phạm Quỳnh Nga	Thành Viên

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên – Trưởng Ban Kiểm Soát

- Họ và tên : Đoàn Thị Mỹ Duyên
- Giới tính : Nữ
- Quốc tịch : Việt Nam

- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ từ Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh, thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Vương quốc Anh
- Quá trình công tác : 2007 – 2011: Phó Phòng Kiểm toán - KPMG Việt Nam;
2011 – 2012: Trưởng Phòng Tài chính - Công Ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
2012 – nay: Kế toán trưởng - Công Ty Cổ phần Tập đoàn Masan, Thành viên Ban Kiểm soát - Công Ty CP Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc;
4/2013 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Công Ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
2016 – nay: Trưởng Ban Kiểm Soát – Công Ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế;
2016 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát - Công Ty Cổ phần Tài nguyên Masan; Trưởng Ban Kiểm soát - Công Ty Cổ phần Masan Nutri-Science, Thành viên Ban Kiểm soát - Công Ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc Sản (Vissan).
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công Ty : Trưởng Ban Kiểm Soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác :
 - Kế Toán Trưởng của Công Ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
 - Thành viên Ban Kiểm Soát của Công Ty CP Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc, Công Ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, Công Ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc Sản;
 - Trưởng Ban Kiểm Soát của Công Ty Cổ phần Masan Nutri-Science, Công Ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế.
- Lợi ích liên quan đến Công Ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty : Không có
- Các khoản nợ đối với Công Ty : Không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần MSR của bản thân (tính trên số lượng cổ phần đang lưu hành) : 0%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không có

Ông Nguyễn Quỳnh Lâm – Thành viên Ban Kiểm Soát

- Họ và tên : Nguyễn Quỳnh Lâm
- Giới tính : Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử Nhân Kinh Tế của trường Đại Học Mỏ Địa Chất
- Quá trình công tác : 1994 – 1997: Kế toán trưởng - Công Ty Cổ phần Đa My;
1998 – 2001: Kế toán trưởng - Công Ty Cổ phần Thương mại La Giang;

- 2001 – nay: Kế toán trưởng - Công Ty Cổ phần Bất động sản Masan; Chuyên viên Tài chính Cấp cao – Công Ty Cổ Phần Masan;
- 2009 – 2013: Thành viên Ban Kiểm soát – Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan;
- 2013 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát - Công Ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Masan;
- 2016 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát – Công Ty Cổ phần Tài Nguyên Masan.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công Ty : Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Trưởng Ban Kiểm soát của Công Ty Cổ phần hàng tiêu dùng Masan; Kế Toán Trưởng của Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản Masan; Chuyên viên Tài chính cấp cao của Masan Corporation
- Lợi ích liên quan đến Công Ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty : Không có
- Các khoản nợ đối với Công Ty : Không có
- Số lượng sở hữu cổ phiếu MSR của bản thân (tại ngày 20/03/2019) : 78.750 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MSR của bản thân (tại ngày 20/03/2019, tính trên số lượng cổ phần đang lưu hành) : 0,01%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không có

Bà Phạm Quỳnh Nga – Thành Viên Ban Kiểm Soát

- Họ và tên : Phạm Quỳnh Nga
- Giới tính : Nữ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Kế toán/Kiểm toán (chứng chỉ CPA Australia)
- Quá trình công tác : 2012 - 2014: Trợ lý Kiểm toán, KPMG Việt Nam;
2014 - 2015: Trưởng nhóm Kiểm toán, KPMG Việt Nam;
2015 – nay: Nhân viên Kế toán Cấp cao, Công Ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
2017 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát, Công Ty Cổ phần Masan Nutri-Science;
4/2018 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát, Công Ty Cổ phần Tài Nguyên Masan
4/2018 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát, Công Ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công Ty : Thành viên Ban Kiểm Soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Thành viên Ban Kiểm Soát, Công Ty Cổ phần Masan Nutri-Science và Công Ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế;
Nhân viên Kế toán Cấp cao, Công Ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
- Lợi ích liên quan đến Công Ty : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty : Không có
- Các khoản nợ đối với Công Ty : Không có
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần MSR của bản thân và những người có liên quan (tính trên số lượng cổ phần đang lưu hành) : 0%
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không có

12.3. Ban Giám Đốc

Dưới đây là các thành viên Ban Giám Đốc của Công Ty tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch này:

Tên	Chức vụ
Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám Đốc

Thông tin về Ông Craig Richard Bradshaw như được trình bày ở mục 12.1.

12.4. Giám Đốc Tài Chính

Ông Stuart James Wells – Giám đốc Tài chính

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13/08/1973
- Số Hộ chiếu : N7583837
- Quốc tịch : Úc
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh doanh – Chuyên ngành Kế toán, phân ngành Kế toán công chúng
Chứng chỉ CPA Australia

- Quá trình công tác : 1995 – 1996: Kế toán – Công ty Jackson Greeve (tiền thân là Heffernan, Sumner, McLennan), Perth, Western Australia;
1997 – 1998: Kế toán tài chính – Công ty Premier Oil, London, Anh quốc;
1998 – 2000: Kiểm soát viên hệ thống – Công ty Premier Oil, Jakarta, Indonesia;
2000 – 2004: Quản lý tài chính – Công ty PT Jaya Readymix (Boral Group), Jakarta, Indonesia;
2004 – 2006: Kế toán quản trị cấp cao – Công ty BHP Billiton - Worsley Alumina, Bunbury, Western Australia;
2006 – 2007: Quản lý tài chính cấp cao – Công ty BHP Billiton - Ravensthorpe Nickel, Perth, Western Australia;
2007 – 2009: Quản lý tài chính – Công ty BHP Billiton – Dự án Pearl Nickel, Jakarta, Indonesia;
2/2009 – 7/2009: Kiểm soát tài chính vùng - Công ty Ceva Logistics, Jakarta, Indonesia;
1/2010 – 7/2010: Kiểm soát tài chính – Công ty Finesse Foods, Bunbury, Western Australia;
8/2010 – 12/2014: Quản lý tài chính – Công ty BHP Billiton – Dự án IndoMet Coal, Jakarta, Indonesia;
2015 – 2017: Chuyên viên phân tích hoạch định chiến lược tài chính – City of Busselton, Western Australia;
2017 – 2018: Quản lý tài chính – Công ty PT Agincourt Resources (Mỏ vàng Martable), Sumatra, Indonesia;
1/2019 – nay: Giám đốc Tài chính – Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan;
1/2019 – nay: Giám đốc Tài chính – Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công Ty : Giám đốc Tài chính
- Chức vụ tại tổ chức khác : Giám đốc Tài chính – Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo
- Lợi ích liên quan đến Công Ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công Ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Công Ty của bản thân : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

12.5. Kế Toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai – Kế toán trưởng

- Giới tính : Nữ

- Ngày tháng năm sinh : 21/01/1974
- Số Chứng minh nhân dân : 011670372
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – ĐH Kinh tế Quốc Dân
Chứng chỉ Kiểm toán viên – Bộ Tài chính
- Quá trình công tác : 9/1995 – 10/2005: Kiểm toán viên, Trưởng nhóm, Giám sát kiểm toán, Phó Giám đốc Kiểm toán – Công Ty TNHH Arthur Andersen Việt Nam và Công Ty TNHH KPMG Việt Nam ;

11/2005 – 4/2018: Kế Toán Trưởng – Công Ty TNHH Mỏ Nikel Bản Phúc;

6/2018 – nay: Kế Toán Trưởng – Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên, Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo, Công Ty TNHH Vonfram Masan và Công Ty Cổ phần Tài Nguyên Masan.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công Ty : Kế Toán Trưởng
- Chức vụ tại tổ chức khác : Kế Toán Trưởng tại Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo, Công Ty TNHH Vonfram Masan và Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên
- Lợi ích liên quan đến Công Ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công Ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Công Ty của bản thân : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

13. Tài sản

Bảng dưới đây ghi nhận các tài sản của Công Ty và các công ty con tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018:

STT	Loại tài sản cố định	Nguyên giá (triệu VND)	Giá trị còn lại (triệu VND)	(%)GTCL/ nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	22.411.038	17.767.943	79,28%
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	4.698.184	3.891.880	82,84%
2	Máy móc và thiết bị	12.624.666	9.758.904	77,30%
3	Dụng cụ văn phòng	41.939	5.320	12,69%
4	Phương tiện vận chuyển	19.958	7.009	35,12%
5	Các tài sản khai khoáng khác	5.026.291	4.104.830	81,67%
II	Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	67.300	0	0%
III	Tài sản cố định vô hình	688.278	499.353	72,55%
	Phần mềm máy vi tính	99.907	38.552	38,59%
	Quyền khai khoáng	588.371	460.801	78,32%
IV	Xây dựng cơ bản dở dang	1.429.179	1.429.179	100,00%
	TỔNG CỘNG	24.595.795	19.696.475	80,08%

(Nguồn: BCTC kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2018 của CTCP Tài nguyên Masan và các công ty con)

Bảng dưới đây thể hiện các tài sản là nhà máy và quyền sử dụng đất thuộc mỏ Núi Pháo:

Nhà Máy & Mỏ

Loại	Vị trí	Diện tích (m ²)	Diện tích đã có hợp đồng thuê đất (m ²)
Nhà máy	Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	357.455	284.621
Mỏ	Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	6.420.920	4.821.492
Tổng cộng		6.778.375	5.106.113

Ghi chú: Nhà máy bao gồm các trang thiết bị hỗ trợ. Mỏ bao gồm khu vực chứa đuôi quặng và vùng đệm.

Quyền sử dụng đất

Vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn
Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Thái Nguyên	6.778.375	2028 & 2034
Tổng cộng	6.778.375	

14. Kế Hoạch Sản Xuất Kinh Doanh Và Chỉ Tiêu Lợi Nhuận Năm Tiếp Theo Của Công Ty

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Kế hoạch (Tỷ đồng)	% tăng/ giảm so với năm 2018	Kế hoạch (Tỷ đồng)	% tăng/ giảm so với năm 2019
Doanh thu thuần	7.700 đến 8.500	12,16% đến 23,82%	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của Công Ty	700 đến 1.000	5,42% đến 50,6%	-	-
Vốn điều lệ	8.993	0%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	9,09% đến 11,76%	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	7,78% đến 11,12%	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (%)	-	-	-	-

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công Ty thông qua vào ngày 19/04/2019)

Cơ Sở Để Đạt Kế Hoạch

Nhóm công ty Masan Resources được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh do giá vonfram phục hồi và hiệu quả hoạt động được cải thiện.

Trong năm 2018:

+ Doanh thu bán hàng đạt 6.865 tỷ VND tăng 27% so với năm 2017 (doanh thu cùng kỳ 2017 là 5.405 tỷ VND)

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 810 tỷ VND tăng 169% so với năm 2017 (lợi nhuận sau thuế cùng kỳ 2017 là 301 tỷ VND)

Bên cạnh giá hàng hóa biến động, kết quả tài chính của Công Ty có thể được cải thiện bởi các sáng kiến của Công Ty nhằm tối ưu hóa nhà máy chế biến hóa chất vonfram, giúp thu mua và chế biến thêm gần 1.100 tấn, tương đương gần 50% lượng hoá chất Công Ty có thể cung cấp. Sáng kiến này là một phần chiến lược của Công Ty nhằm gia tăng thị phần hoá chất vonfram toàn cầu và cải thiện lợi nhuận.

Ngoài ra tháng 8 năm 2018, Công Ty Núi Pháo đã mua lại 49% phần vốn góp của H.C.Stark GmbH tại MTC với giá trị 29,1 triệu USD để sở hữu 100% công ty này (và sau đó chuyển nhượng lại một phần vốn góp tương đương 1.000.000 VND cho TNTI dưới sự đồng ý của H.C.Stark GmbH). Đây là bước tiến quan trọng để nhóm công ty phát triển Dự Án Núi Pháo trở thành nhà sản xuất hóa chất công nghiệp vonfram tích hợp hàng đầu. Việc MTC trở thành công ty con 99,99% của Công Ty Núi Pháo sẽ tạo ưu thế chủ động cho Công Ty Núi Pháo và MTC trong các chính sách bán hàng, chính sách giá và mở rộng việc bán hàng cho các đối tác khác. Công Ty kỳ vọng đạt được 8,5 triệu USD lợi ích từ việc cải thiện hiệu quả vận hành, công suất và giá bán mỗi năm và gia tăng thị phần (ngoài Trung Quốc) lên hơn 50% tới năm 2022.

Công Ty đang đi đúng hướng để đạt được mục tiêu doanh thu thuần như kỳ vọng và sẽ tiếp tục tìm kiếm các cơ hội nhằm đạt được tầm nhìn là trở thành một công ty chế biến sâu hóa chất công nghiệp và kim loại với quy mô toàn cầu.

Kế Hoạch Đầu Tư

Các dự án đầu tư quan trọng mà Công Ty đang tiến hành nhằm nâng cao hơn nữa hiệu suất nhà máy bao gồm:

- Dự án tăng tỷ lệ thu hồi vonfram đối với quặng đã nghiền mịn: sử dụng công nghệ ly tâm và thiết bị G-forces công suất cao để tăng tỷ lệ thu hồi vonfram dạng hạt mịn. Đây là công nghệ mới phát triển trong vài năm gần đây, đạt đến hiệu quả cao và áp dụng trong sản xuất với sản lượng lớn. Dự án đang được thực hiện với những kết quả bước đầu, dự kiến sẽ hoàn thành vào quý 2/2019.
- Dự án cải tiến công đoạn phân loại quặng đầu vào – tăng năng suất và tỷ lệ thu hồi, hiện đang trong giai đoạn chạy thử, dự kiến hoàn thành vào quý 3/2019;
- Dự án tăng công suất trong công đoạn lắng và cô đặc đồng: đây là nút thắt trong dây chuyền đồng. Với việc tăng công suất của công đoạn lắng và cô đặc, sẽ làm tăng công suất của cả dây chuyền và tăng khối lượng sản phẩm đồng sản xuất được, dự án đã đạt được các kết quả bước đầu và dự kiến hoàn thành trong quý 2/2019;
- Dự án nâng cấp dây chuyền florit – tăng khả năng đào thảo sunfua, cải thiện tỷ lệ thu hồi; vận hành giai đoạn rửa bổ sung trong quy trình florit để giảm tạp chất bằng cách rửa và giảm các phụ gia hóa chất, dự án đã hoàn thành trong quý 4/2018.

Tính đến 31/3/2019, Công ty đã đạt được doanh thu hợp nhất là 1.188 tỷ VND, bằng 15,4% so với kế hoạch, và mức lợi nhuận là VND1,5 tỷ. Thị trường giảm nhu cầu đối với sản phẩm APT ở thời điểm sau Tết Nguyên Đán, dẫn đến gia tăng lượng hàng tồn của sản phẩm vonfram. Lượng đồng tồn kho cũng tăng trong lúc Công Ty đang tìm kiếm các giải pháp chế biến trong nước, đồng thời tiếp tục nghiên cứu khả năng để có thể xây dựng riêng cơ sở tinh luyện Đồng/vàng.

Mặc dù vậy, với lượng hàng tồn kho ở các thị trường Châu Âu đang ở mức thấp, và công cuộc cùng cố ngành tại Trung Quốc vẫn đang tiếp diễn, trong khi khách hàng đang ngày càng quan tâm tới sản phẩm vonfram của Công Ty, Công Ty hiện đang ở vị trí vững vàng để tận dụng lợi thế khi nhu cầu thị trường tăng trở lại trong các quý tiếp theo.

Với kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2018, Công ty kỳ vọng tiếp tục tăng doanh thu và lợi nhuận dựa trên nền tảng vững chắc đã đạt được trong năm 2018. Trên cơ sở tình hình kinh tế thế giới không đi xuống và tâm lý thị trường được cải thiện trong nửa cuối của năm, Công Ty tin tưởng có thể đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

15. Đánh Giá Của Tổ Chức Tư Vấn Về Kế Hoạch Lợi Nhuận Và Trả Lãi, Gốc Trái Phiếu

Về kế hoạch kinh doanh của Công Ty

Kế hoạch lợi nhuận của Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế nói chung, các rủi ro dự đoán cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Công Ty và Công Ty Núi Pháo. Trên cơ sở phân tích kết quả hoạt động kinh doanh mà Công Ty và Công Ty Núi Pháo đã đạt được trong việc sản xuất và kinh doanh khoáng sản, đặc biệt là vonfram qua các năm, kế hoạch mở rộng và phát triển cũng như tình hình tài chính khả quan của Công Ty và Công Ty Núi Pháo. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch lợi nhuận năm 2019 như đã đề ra ở mục trên của Công Ty là khả thi nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng.

Về khả năng cân đối thanh toán trả nợ gốc và lãi của Trái Phiếu

Công Ty dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ hoạt động kinh doanh của mình (trên cơ sở hợp tác kinh doanh với Công Ty Núi Pháo và MTC) để cân đối trả nợ lãi và gốc Trái Phiếu. Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà Nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các nợ lãi và gốc đến hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và các Trái Phiếu. Các kế hoạch đầu tư của Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết thông qua Công Ty Núi Pháo như mua lại 49% phần vốn góp của H.C.Starck GmbH tại MTC và dự án cải thiện tỷ lệ thu hồi quặng dự kiến sẽ mang lại nhiều kết quả khả quan cho Công Ty Núi Pháo, ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng bán hàng, sự chủ động trong đơn giá bán cho các đối tác trên thị trường và việc hợp nhất lợi nhuận. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết nhận thấy rằng kế hoạch và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của Công Ty có thể thực hiện được nếu không xảy ra các rủi ro bất khả kháng.

Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý bảo đảm giá trị chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo đối với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư Trái Phiếu của Công Ty.

16. Thông Tin Về Những Cam Kết Nhưng Chưa Thực Hiện Của Công Ty

Không có.

17. Thông Tin Và Khiếu Kiện Nổi Bật Liên Quan Công Ty Có Thể Sẽ Ảnh Hưởng Đến Giá Trái Phiếu

Không có.

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT

1. **Loại trái phiếu:** Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được bảo đảm.
2. **Ngày phát hành:** 24/09/2018
3. **Ngày đáo hạn:** 24/09/2021
4. **Thời hạn trái phiếu:** 3 (ba) năm
5. **Mục đích phát hành:**
 - tăng quy mô vốn hoạt động của Công Ty; và/hoặc
 - thực hiện các chương trình và dự án đầu tư của Công Ty.
6. **Mệnh giá:** 100.000 VND (Một trăm nghìn đồng Việt Nam)/Trái Phiếu
7. **Tổng số trái phiếu niêm yết:** 10.000.000 (Mười triệu) Trái Phiếu (chiếm 100% tổng số Trái Phiếu đã phát hành)

Cơ cấu trái phiếu niêm yết theo danh sách chốt ngày 29/03/2019 gồm 310 (bằng chữ: ba trăm mười) trái chủ (bao gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước).
8. **Lãi Suất:**
 - Đối với hai kỳ hạn 6 (sáu) tháng đầu tiên: lãi suất cố định 9,8%/năm (chín phẩy tám phần trăm một năm); và
 - Đối với mỗi kỳ hạn 6 (sáu) tháng tiếp theo: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,2%/năm (ba phẩy hai phần trăm một năm) và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.
9. **Kỳ trả lãi:** Lãi sẽ được thanh toán sau, định kỳ 6 tháng/lần
10. **Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công Ty:** Không có
11. **Xếp hạng tín nhiệm:** Không có
12. **Tính giá trái phiếu**

Trái Phiếu MSR092021 là trái phiếu có kỳ hạn, trả lãi định kỳ và có lãi suất cố định thả nổi theo đó lãi suất được điều chỉnh theo sự thay đổi của lãi suất thị trường. Thị giá hay giá của Trái Phiếu (Market value) là giá giao dịch thứ cấp của Trái Phiếu do thị trường quyết định và luôn thay đổi theo quan hệ cung cầu trên thị trường.

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi nhà đầu tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó: PV: là Giá của Trái Phiếu
FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu
CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá trái phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

1. Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
2. Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
3. Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
4. Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...).
5. Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu

Ví dụ minh họa:

Mệnh giá Trái Phiếu 100.000 đồng/Trái Phiếu;

(FV):

Ngày phát hành: 24/09/2018;

Ngày đáo hạn 24/09/2021;

(Maturity)

Kỳ hạn 03 năm

Kỳ trả lãi 6 tháng/lần; (vào các ngày 24/9 và 24/3 hàng năm)

(Frequency):

Lãi suất (CPN): Đối với hai kỳ hạn 6 (sáu) tháng đầu tiên: lãi suất 9,8%/năm (chín phẩy tám phần trăm một năm); và

Đối với mỗi kỳ hạn 6 (sáu) tháng tiếp theo: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,2%/năm (ba phẩy hai phần trăm một năm) và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.

Ngày định giá (ngày

niêm yết)

Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại 5 kỳ vào các ngày 24/9/2019, 24/3/2020, 24/3/2020, 24/3/2021 và 24/3/2021.

Lãi coupon chưa xác định 9,8% cho 2 kỳ hạn 6 tháng đầu tiên, mỗi kỳ hạn 6 tháng tiếp theo giả sử lãi suất áp dụng là 10,00% (giả định trong giai đoạn tới chưa có nhiều biến động)

Lợi suất yêu cầu⁶ hay - Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 03 năm là 3,536%

Lãi suất chiết khấu (Nguồn: Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam)

⁶ Đây chỉ là một ví dụ tham khảo về các xác định lợi suất yêu cầu đối với trái phiếu doanh nghiệp trên cơ sở credit spread đối với trái phiếu chính phủ cùng kỳ hạn theo thông lệ quốc tế. Nhà đầu tư có thể tham khảo thêm lợi suất giao dịch của trái phiếu doanh nghiệp có cùng rating và cùng kỳ hạn hoặc các phương pháp khác để xác định lợi suất yêu cầu.

- (k)
- Theo dữ liệu của Đại học New York, Hoa Kỳ, phần bù rủi ro giữa lãi suất trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam là khoảng ~5,00%⁷;
 - Như vậy mức lợi suất yêu cầu được xác định là 8,536%/năm

Cơ sở tính ngày Actual/365

Với các đặc điểm trên, giá dự kiến của Trái Phiếu tại ngày 21/5/2019 là:

Ngày	24/9/2019	24/3/2020	24/9/2020	24/3/2021	24/9/2021
	Kỳ trả lãi 2	Kỳ trả lãi 3	Kỳ trả lãi 4	Kỳ trả lãi 5	Kỳ trả lãi 6
					/Đáo hạn
Lãi suất coupon (%/năm)	9,80%	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
Dòng tiền lãi	4.940	4.986	5.041	4.959	5.041
Gốc trái phiếu (Redemption)					100.000
Số ngày năm giữ	126	308	492	673	857
LS chiết khấu (k theo năm)	8,536%	8,536%	8,536%	8,536%	8,536%

(*) Số ngày năm giữ được xác định kể từ và bao gồm ngày nhà đầu tư sở hữu Trái Phiếu cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và/hoặc gốc.

$$PV = \frac{4.940}{(1+8,536\%)^{126/365}} + \frac{4.986}{(1+8,536\%)^{308/365}} + \frac{5.041}{(1+8,536\%)^{492/365}} + \frac{5.041}{(1+8,536\%)^{673/365}} + \frac{5.041+100.000}{(1+8,536\%)^{857/365}} = 104.897 \text{ VND}$$

13. Tính lợi suất đáo hạn

Lợi suất đáo hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây.

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính sau:

- Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu;
 - Ngày phát hành: 24/09/2018;
 - Ngày đáo hạn: 24/09/2021;
 - Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần;
 - Lãi suất: 9,8% cho 2 kỳ hạn 6 tháng đầu tiên, mỗi kỳ hạn 6 tháng tiếp theo giả sử lãi suất áp dụng là 10,00% (giả định trong giai đoạn tới chưa có nhiều biến động)
 - Ngày giao dịch dự kiến: 21/05/2019
 - Giá giao dịch dự kiến: 104.000 VND
- Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch tại ngày 21/5/2019 với giá 104.000 và nắm giữ tới khi đáo hạn thì lợi suất trái phiếu khi đáo hạn (k) là:

⁷ http://pages.stern.nyu.edu/~adamodar/New_Home_Page/datafile/ctryprem.html

$$V = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ngày	24/9/2019	24/3/2020	24/9/2020	24/3/2021	24/9/2021
	Kỳ trả lãi 2	Kỳ trả lãi 3	Kỳ trả lãi 4	Kỳ trả lãi 5	Kỳ trả lãi 6
					/Đáo hạn
Lãi suất coupon (%/năm)	9,80%	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
Dòng tiền lãi $CF(i) = CPN/2$	4.940	4.986	5.041	4.959	5.041
Gốc trái phiếu					100.000
Số ngày năm giữ	126	308	492	673	857

$$104.000 \text{ VND} = \frac{4.940}{(1+k\%)^{126/365}} + \frac{4.986}{(1+k\%)^{308/365}} + \frac{5.041}{(1+k\%)^{492/365}} + \frac{5.041}{(1+k\%)^{673/365}} + \frac{5.041 + 100.000}{(1+k\%)^{857/365}}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: **k = 8,98%/năm**

14. Phương Thức Thực Hiện Quyền

14.1 Lãi Trái Phiếu

(i) Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi với lãi suất như sau:

- Đối với hai kỳ hạn 6 (sáu) tháng đầu tiên: lãi suất cố định 9,8%/năm (chín phẩy tám phần trăm một năm); và
- Đối với mỗi kỳ hạn 6 (sáu) tháng tiếp theo: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,2%/năm (ba phẩy hai phần trăm một năm) và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.

Nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với Trái Phiếu có quy định mức tối đa đối với Lãi Suất mà mức tối đa đó thấp hơn Lãi Suất quy định tại câu liền trước thì mức lãi suất tối đa đó sẽ được áp dụng.

- (ii) Trái Phiếu sẽ hưởng lãi cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này. Lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu được tính cho số ngày thực tế đã trôi qua trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
- (iii) Lãi trên gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là:
 - đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên; và

- đối với bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào sau Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đó.

“Ngày Thanh Toán Lãi” có nghĩa là bất kỳ ngày nào tròn 6 (sáu) tháng và 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành và bất kỳ ngày tròn năm nào của các ngày như vậy trong bất kỳ năm dương lịch nào trong suốt thời hạn Trái Phiếu

- (iv) Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng), trừ khi vào ngày đó, khoản gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Trong trường hợp đó, khoản tiền gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi với lãi suất được quy định tại Mục (v).
- (v) Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải là Ngày Làm Việc thì Công Ty sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Trừ trường hợp quy định tại Điều Khoản 7.3(b) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền bị chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Làm Việc.
- (vi) Nếu Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng) không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi Trái Phiếu đang lưu hành vào ngày đó, Công Ty sẽ thanh toán lãi trên tiền gốc Trái Phiếu theo Lãi Suất đang áp dụng vào ngày đó cho giai đoạn tính từ (và bao gồm cả) ngày đó đến (nhưng không bao gồm) Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
- (vii) Trừ khi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có chấp thuận khác, Công Ty phải thanh toán lãi trên bất kỳ khoản tiền nào bị chậm thanh toán (dù là gốc, lãi hay bất kỳ khoản thanh toán nào khác theo Trái Phiếu) phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu với lãi suất quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất quy định tại Mục (i). Trong trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với Trái Phiếu có quy định mức lãi suất quá hạn tối đa đối với bất kỳ khoản tiền chậm thanh toán nào nêu trên mà mức lãi suất quá hạn tối đa đó thấp hơn 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất quy định tại Mục (i) thì mức lãi suất quá hạn tối đa đó sẽ được áp dụng. Lãi quá hạn sẽ được tính cho số ngày thực tế trôi qua trong giai đoạn từ (và bao gồm cả) ngày đến hạn thanh toán đến (nhưng không bao gồm) ngày khoản tiền chậm thanh toán được Công Ty thanh toán trên thực tế trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Để tránh nhầm lẫn, phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 11.2 của Các Điều Khoản Trái Phiếu, nếu phát sinh việc chậm thanh toán, Công Ty được thanh toán khoản tiền chậm thanh toán cùng với lãi quá hạn vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày đến hạn thanh toán.

14.2 Thanh Toán Gốc và Lãi Trái Phiếu

Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu. Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của Trung Tâm Lưu Ký. Chi tiết về việc thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Điều Khoản 7 của Các Điều Khoản Trái Phiếu.

14.3 Mua Lại Trái Phiếu

Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Vào Ngày Đáo Hạn, Công Ty sẽ mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá Trái Phiếu, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên toàn bộ Trái Phiếu tính đến Ngày Đáo Hạn.

Mua Lại Khi Có Sự Kiện Vi Phạm



Công Ty phải mua lại Trái Phiếu khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

Mua Lại Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết

Khi Trái Phiếu được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Công Ty có thể mua lại Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành theo phương thức phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

Trái Phiếu được Công Ty mua lại sẽ bị hủy bỏ ngay lập tức và không được phát hành lại hoặc bán lại. Khi Trái Phiếu bị hủy bỏ phù hợp với quy định tại câu liên trước, mọi nghĩa vụ của Công Ty theo Trái Phiếu đó sẽ chấm dứt.

Mua Lại Trái Phiếu Khi Không Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm

Trong trường hợp Công Ty không tự mình hoặc yêu cầu một hoặc một số Tổ Chức/Cá Nhân khác bổ sung Tài Sản Bảo Đảm hoặc tạo lập các Biện Pháp Bảo Đảm bổ sung theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm, Công Ty sẽ mua lại từ tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và khi đó tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, một số Trái Phiếu nhất định theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì được xác định theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm ngay sau khi mua lại số lượng Trái Phiếu đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó.

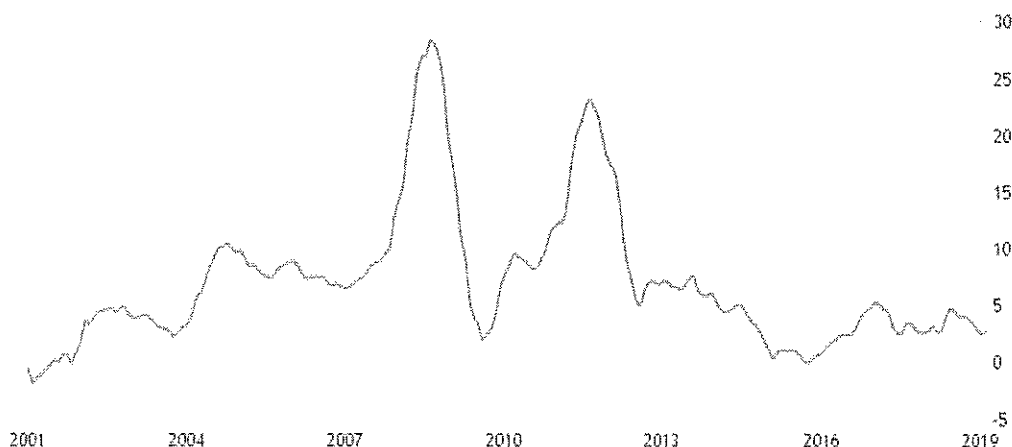
Ngoài những quy định trên đây, nhà đầu tư Trái Phiếu được thực hiện các quyền khác quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

15. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính bình quân, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước trong năm 2015 tăng 0,63% so với năm 2014, thấp nhất trong vòng 15 năm trở lại đây. Nguyên nhân là do trong năm 2015, Chính phủ đã ưu tiên ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, kết hợp với các điều kiện tích cực của thị trường. Năm 2018, lạm phát cả năm đạt 3,44% (theo cách tính dùng mức tăng của CPI bình quân cả năm để xác định chỉ số lạm phát), và thấp hơn giới hạn 5% do Quốc Hội đề ra. Dự báo lạm phát sẽ duy trì ổn định trong giai đoạn 2016-2020.

Tỷ lệ lạm phát giữ ở mức thấp và ổn định sẽ tạo điều kiện cho các chính sách tiền tệ tích cực và kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Một số thay đổi trong điều hành lãi suất những năm qua luôn được Ngân hàng Nhà nước tuân thủ nguyên tắc đảm bảo tính ổn định và thực hiện các mục tiêu kiểm soát lạm phát, tăng trưởng kinh tế. Việc quy định trần lãi suất cho vay, đặc biệt đối với lĩnh vực ưu tiên, đã góp phần gia tăng cơ hội tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp.

Diễn biến lạm phát giai đoạn từ năm 2011 đến 2019



(Nguồn: Tradingeconomics.com, Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Diễn biến lãi suất giai đoạn từ năm 2001 đến 2019



(Nguồn: Tradingeconomics.com, Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng, và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng, khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Có thể kết luận rằng, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái Phiếu.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái Phiếu không có biến động bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất do một số các nguyên nhân sau đây:

- Trái Phiếu được bán bằng mệnh giá và hưởng lãi suất ở mức cố định 9,8%/năm trong năm đầu tiên, do đó Công Ty sẽ không bị tác động bởi việc tăng giảm lãi suất thị trường. Từ năm thứ hai, mức biên độ cố định và kỳ xác định lãi suất 6 tháng/lần sẽ giúp Công Ty giảm thiểu những rủi ro bởi việc tăng giảm lãi suất thị trường.
- Ngoài ra, xét về tình hình kinh tế vĩ mô, Việt Nam đang trong quá trình phục hồi sau khủng hoảng, luôn đưa ra mục tiêu kiềm chế lạm phát qua các năm, do đó rủi ro của lạm phát tăng trưởng cao trong các năm tới dự kiến sẽ không nằm ở mức cao.

16. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo

Nghĩa vụ thanh toán của Trái Phiếu được bảo đảm bằng: 95.165.589 cổ phần của Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan (Mã UPCoM: MSR) do Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan (MH) sở hữu được tạo lập theo hợp đồng thế chấp cổ phần có liên quan. Giá trị ban đầu của mỗi cổ phần MSR theo biên bản kiểm tra, định giá tài sản bảo đảm số 03/2018/BBĐG/MH-TCBS giữa MH và TCBS là 21.016 VND (tương đương với giá trị ban đầu của tài sản bảo đảm là 2.000.000.018.424 VND). Giá của mỗi cổ phần MSR tại lần định giá lại gần nhất theo thông báo số 505/2019/TB-TCBS ngày 29/03/2019 của TCBS là 20.435 VND (tương đương với giá trị của tài sản bảo đảm là 1.944.708.822.215 VND).

Trong suốt kỳ hạn của Trái phiếu, giá trị của các cổ phần thế chấp tại bất kỳ thời điểm nào phải đạt tối thiểu bằng 150% tổng mệnh giá của các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó. Nếu như giá trị tài sản bảo đảm không đạt yêu cầu tối thiểu nêu trên, Công Ty có nghĩa vụ bổ sung tài sản bảo đảm hoặc bảo đảm rằng bên bảo đảm (hoặc một bên thứ ba khác) bổ sung tài sản bảo đảm cho Trái Phiếu. Trong

trường hợp Công Ty không tuân thủ cam kết về việc bổ sung tài sản bảo đảm, Công Ty có nghĩa vụ mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

17. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành)

Theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Điều lệ của Công Ty không giới hạn về tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 2, Nghị định 60/2015/NĐ-CP, Bổ sung Điều 2a sau Điều 2 như sau:

“Điều 2a. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

...

3. Việc đầu tư vào trái phiếu của nhà đầu tư nước ngoài như sau:

a) Nhà đầu tư nước ngoài được đầu tư không hạn chế vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật có liên quan hoặc tổ chức phát hành có quy định khác;”

Do đó, nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu không hạn chế trái phiếu của Công Ty Núi Pháo.

18. Các loại thuế có liên quan

18.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân bao gồm:

- Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân số 04/2007/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007, như được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 (sau đây gọi chung là “**Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân**”);
- Nghị Định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ hướng dẫn Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân, như được sửa đổi bổ sung bởi Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1 tháng 10 năm 2014 và Nghị Định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015; và
- Thông Tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân, Luật Sửa Đổi, Bổ Sung Một Số Điều Của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân và Nghị Định số 65/2013/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân và Luật Sửa Đổi, Bổ Sung Một Số Điều Của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân, như được sửa đổi bổ sung bởi Thông Tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông Tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 và Thông Tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015.

Theo Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành:

- (i) thu nhập từ đầu tư vốn bao gồm, ngoài các khoản khác, khoản thu nhập cá nhân nhận được từ lãi trái phiếu, tín phiếu và các giấy tờ có giá khác do các tổ chức trong nước phát hành, trừ thu nhập từ lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thu nhập từ lãi trái phiếu Chính Phủ. Đối với cá nhân cư trú và không cư trú, thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn áp dụng theo biểu thuế toàn phần là 5%; và
- (ii) thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm, ngoài các khoản khác, khoản thu nhập cá nhân nhận được từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật Chứng khoán; thu nhập từ

chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đối với cá nhân cư trú và không cư trú, thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần.

18.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- Luật Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 3 tháng 6 năm 2008, như được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị Định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp và Luật Sửa Đổi, Bổ Sung Một Số Điều Của Luật Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp, như được sửa đổi bổ sung bởi Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1 tháng 10 năm 2014 và Nghị Định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015;
- Thông Tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị Định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ, như được sửa đổi bổ sung bởi Thông Tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông Tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014, Thông Tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015 và Thông Tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015; và
- Thông Tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước

Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC, doanh nghiệp có thu nhập từ lãi vay thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định. Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Đối với nhà đầu tư là tổ chức/cá nhân nước ngoài

Theo quy định pháp luật, đối tượng chịu thuế nhà thầu bao gồm, ngoài các tổ chức, cá nhân khác, tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là “**Nhà Thầu Nước Ngoài**”, “**Nhà Thầu Phụ Nước Ngoài**”) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà Thầu Nước Ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà Thầu Nước Ngoài với Nhà Thầu Phụ Nước Ngoài để thực hiện một phần công việc của hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết giữa Nhà Thầu Nước Ngoài và bên Việt Nam.

Thu nhập chịu thuế nhà thầu bao gồm, ngoài các khoản thu nhập khác, thu nhập từ lãi trái phiếu và thu

nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Do vậy, thu nhập từ lãi trái phiếu do tổ chức/cá nhân nước ngoài nắm giữ sẽ chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là 5% và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu sẽ chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là 0,1%.

Trong trường hợp Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần có quy định khác đi và có lợi hơn, các doanh nghiệp này có thể áp dụng các điều khoản của Hiệp định và thông báo cho bên Việt Nam về việc miễn, giảm thuế theo Hiệp định tại Việt Nam.

Công Ty sẽ tiến hành khấu trừ thuế thay cho nhà thầu nước ngoài. Tuy nhiên Công Ty có quyền, vào bất kỳ thời điểm nào và không phụ thuộc vào phương pháp khấu trừ thuế, khấu trừ thuế với mức cao hơn để nộp cho Ngân sách Nhà nước nếu Công Ty tin rằng việc khấu trừ thuế như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật. Công Ty không chịu trách nhiệm về bất kỳ nghĩa vụ thuế nào của các nhà đầu tư tiềm năng liên quan đến Trái Phiếu và bất kỳ khiếu nại nào về việc áp dụng phương thức khấu trừ thuế.

18.3. Thuế giá trị gia tăng

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng bao gồm:

- Luật Thuế Giá Trị Gia Tăng số 13/2008/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 3 tháng 6 năm 2008, như được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật số 106/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;
- Nghị Định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế Giá Trị Gia Tăng, như được sửa đổi bổ sung bởi Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1 tháng 10 năm 2014, Nghị Định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 và Nghị Định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016; và
- Thông Tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế Giá Trị Gia Tăng và Nghị Định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013, như được sửa đổi bổ sung bởi Thông Tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông Tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014, Thông Tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015, Thông Tư số 193/2015/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2015, Thông Tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12 tháng 08 năm 2016 và Thông Tư số 173/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2016.

Theo quy định trên, thu nhập từ lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu sẽ không chịu thuế giá trị gia tăng.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN

Địa chỉ : Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số fax : (84-28) 3827 4115
Số điện thoại : (84-28) 6256 3862
Website : www.masangroup.com/masanresources

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 46, Tòa nhà Keangnam Hanoi Landmark, Lô E6, Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Số fax : (84-24) 3944 6583
Số điện thoại : (84-24) 3946 1600
Website : www.kpmg.com

3. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUẬT

Địa chỉ : Tầng 10 + Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Số fax : (84-4) 3944 6583
Số điện thoại : (84-4) 3944 6368
Website : www.tcbs.com.vn

4. ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUẬT

Địa chỉ : Tầng 10 + Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Số fax : (84-24) 3944 6583
Số điện thoại : (84-24) 3944 6368
Website : www.tcbs.com.vn

5. TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁP LÝ: CÔNG TY LUẬT TNHH YKVN

Địa chỉ : Phòng 401, Tòa nhà International Center, 17 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Số fax : (84-24) 3934 5410
Số điện thoại : (84-24) 3934 5412
Website : www.ykvn-law.com

VII. DANH SÁCH PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty;
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ của Công Ty và các phụ lục sửa đổi, bổ sung;
- 3. Phụ lục III:** Quyết định của Tổng Giám đốc của Công Ty quyết định việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu;
- 4. Phụ lục IV:** Bản sao hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu ký ngày 21/09/2018 giữa Công Ty và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương;
- 5. Phụ lục V:** Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ năm 2018 của Công Ty;
- 6. Phụ lục VI:** Báo cáo tài chính Công Ty tự lập cho giai đoạn kết thúc ngày 31/03/2019;
- 7. Phụ lục VII:** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan tới Công Ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2019

TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


Danny Le

TỔNG GIÁM ĐỐC

Craig Richard Bradshaw

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thanh Mai

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Thu Hiền



Phụ lục VII

Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan tới Công Ty

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 của Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản;
- Nghị định 60/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính Phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;
- Nghị định Số: 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;
- Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;
- Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 29/11/2012 quy định về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 42/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 26/12/2016 quy định kỹ thuật về đánh giá tiềm năng khoáng sản rắn phần đất liền trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;
- Thông tư số 43/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 26/12/2016 quy định kỹ thuật về thu thập, thành lập tài liệu nguyên thủy trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 47/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 05/11/2015 ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật của 12 hạng mục công việc trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản;
- Thông tư số 53/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ngày 09/09/2014 quy định nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản vào bảo tàng địa chất;
- Thông tư số 190/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 06/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu địa chất, khoáng sản.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0309966889

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 04 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 15, ngày 03 tháng 10 năm 2018

(Tên cũ: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MÀ SAN)

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MASAN RESOURCES CORPORATION

Tên công ty viết tắt: MASAN RESOURCES

2. Địa chỉ trụ sở chính

Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 02862563862

Fax: 02838274115

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 8.993.091.220.000 đồng

Bằng chữ: Tám nghìn chín trăm chín mươi ba tỷ không trăm chín mươi một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 899.309.122

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHETAN PRAKASH BAXI

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 31/10/1971

Dân tộc:

Quốc tịch:

Anh

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: 529471745

Ngày cấp: 09/03/2016

Nơi cấp: Cơ quan Hộ Chiếu Hoàng Gia Anh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 16-01 Arthur Mansions, 125 Arthur Road, Singapore

Chỗ ở hiện tại: 16-01 Arthur Mansions, 125 Arthur Road, Singapore

* Họ và tên: CRAIG RICHARD BRADSHAW

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 29/09/1971

Dân tộc:

Quốc tịch:

Australia

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: PE0407775

Ngày cấp: 12/12/2016

Nơi cấp: Chính phủ Australia

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Redcliffe, Queensland, Australia

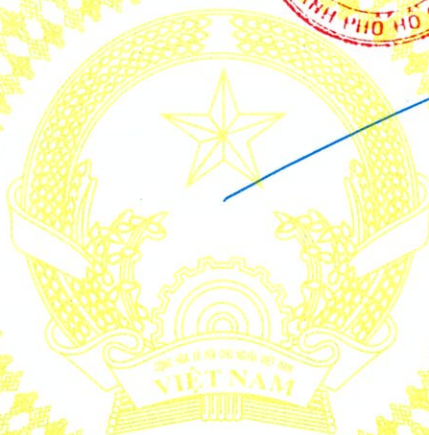
Chỗ ở hiện tại: Phòng 7, 23 Tây Hồ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

Phó Trưởng Phòng

Võ Thành Thơ





ĐIỀU LỆ HỢP NHẤT CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN

Tháng 9 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Định nghĩa	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty	2
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công Ty	3
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	3
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	4
Điều 5. Vốn Điều Lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác	4
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	5
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	5
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	5
Điều 9. Thu hồi cổ phần	6
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	6
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	6
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 11. Quyền của Cổ Đông	7
Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ Đông	8
Điều 13. Đại Hội Đồng Cổ Đông	9
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông	10
Điều 15. Đại Diện Theo Ủy Quyền, Người Được Ủy Quyền Dự Hợp	12
Điều 16. Thay đổi các quyền	13
Điều 17. Triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	14
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	15
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	15
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông	17
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông	19
Điều 22. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	20
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông	21
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị	21
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị	22
Điều 26. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	25

Điều 27. Ủy quyền dự họp Hội Đồng Quản Trị.....	25
Điều 28. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị	26
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	30
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý.....	30
Điều 30. Người Quản Lý	30
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc	30
Điều 32. Thư Ký Công Ty	31
CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ.....	32
Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng.....	32
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 36. Thành viên Ban Kiểm Soát	34
Điều 37. Ban Kiểm Soát	36
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	37
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	37
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	37
Điều 39. Công nhân viên và công đoàn	37
CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	38
Điều 40. Cổ tức	38
Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	38
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	38
Điều 42. Tài khoản ngân hàng	38
Điều 43. Năm tài khóa	38
Điều 44. Hệ thống kế toán	39
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	39
Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý và báo cáo thường niên.....	39
Điều 46. Công bố thông tin.....	39
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	39
Điều 47. Kiểm toán	40
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	40
Điều 48. Con dấu	40
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	40
Điều 49. Chấm dứt hoạt động	40
Điều 50. Thanh lý	40
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ	41
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	42
Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ	42
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	42
Điều 53. Ngày hiệu lực	42

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều Lệ Hợp Nhất (“**Điều Lệ**”) này của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (dưới đây gọi là “**Công Ty**”) hợp nhất nội dung Điều Lệ được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua ngày 26 tháng 5 năm 2015, và các sửa đổi bổ sung lần thứ nhất ngày 01/7/2015, lần thứ hai ngày 22/4/2016, và lần thứ ba ngày 20/4/2018. Điều Lệ này thay thế các bản điều lệ và các phụ lục sửa đổi điều lệ trước đây.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều Lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. “Vốn Điều Lệ” là vốn do tất cả các Cổ Đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều Lệ này.
- b. “*Luật Doanh Nghiệp*” có nghĩa là có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các sửa đổi, bổ sung (nếu có).¹
- c. “Luật Chứng Khoán” có nghĩa là Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, và các văn bản hướng dẫn thi hành và các sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- d. “Ngày Thành Lập” là ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu – ngày 27 tháng 4 năm 2010.
- e. “Người Quản Lý” là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công Ty được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.
- f. “Người Có Liên Quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh Nghiệp và Điều 6.34 của Luật Chứng Khoán.
- g. “Thời Hạn Hoạt Động” là thời hạn hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 2 của Điều Lệ này.
- h. “Việt Nam” là nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- i. “*Pháp Luật*” có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, và các sửa đổi, bổ sung (nếu có).²
- j. “Cổ Đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty.³

¹ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

² Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

³ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

- k. “Đại Diện Theo Ủy Quyền” là người được Cổ Đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền Cổ Đông của mình theo quy định của Pháp Luật.
- l. “Người Được Ủy Quyền Dự Hợp” là người được Cổ Đông (tổ chức hoặc cá nhân), hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức, ủy quyền để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- m. Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập là thành viên Hội Đồng Quản Trị đáp ứng các điều kiện do Pháp Luật quy định.
2. Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty

1. Tên Công Ty⁴

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN**
- Tên tiếng Anh: **MASAN RESOURCES CORPORATION**
- Tên viết tắt: **MASAN RESOURCES**

2. Công Ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp Luật của Việt Nam. Các Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.

3. Trụ sở đăng ký của Công Ty là:

- Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (+84 28) 6256 3862
- Fax: (+84 28) 3827 4115

4. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty:⁵

- a. *Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.*
- b. *Mỗi người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách nguyên*

⁴ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

⁵ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

- c. *Trường hợp Công Ty thay đổi bất kỳ người đại diện theo pháp luật, Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công Ty theo quy định của Pháp Luật, bao gồm xin chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).*
5. Công Ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện trong nước hoặc tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi Pháp Luật không cấm.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 49 của Điều Lệ này, thời hạn hoạt động của Công Ty là vô thời hạn kể từ Ngày Thành Lập.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công Ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công Ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận - Chi tiết: nghiên cứu thị trường (CPC 864, trừ CPC86402)	7320
2.	Hoạt động tư vấn quản lý - Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865)	7020

Ngoài các lĩnh vực kinh doanh nêu trên, Công Ty có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh khác mà Pháp Luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công Ty: Công Ty được thành lập để thực hiện các lĩnh vực kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công Ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty và Điều Lệ này, phù hợp với quy định của Pháp Luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.
2. Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà Pháp Luật không cấm và Hội Đồng Quản Trị xét thấy có lợi nhất cho Công Ty và được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn Điều Lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là 8.993.091.220.000 đồng (Bằng chữ: *Tám nghìn chín trăm chín mươi ba tỷ, không trăm chín mươi một triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng*). Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 899.309.122 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng (*mười nghìn đồng*)/cổ phần.⁶
2. Công Ty có thể tăng Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
3. Các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi cổ tức. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều Lệ này.
4. Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của mỗi Cổ Đông trong Công Ty, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác.
6. Việc phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ Đông sẽ được thực hiện theo các quy định của Luật Chứng Khoán và các quy định của Pháp Luật có liên quan.⁷
7. Hội Đồng Quản Trị quyết định giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của Công Ty tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ Đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ Đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi Cổ Đông trong Công Ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ Đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ khi Pháp Luật có quy định khác hoặc cơ quan có thẩm quyền có chấp thuận khác;⁸
 - d. Cổ phần chào bán để (i) thực hiện chuyển đổi khoản vay chuyển đổi, trái phiếu chuyển đổi hay các chứng khoán do Công Ty phát hành có chức năng chuyển đổi thành cổ phần của Công Ty, (ii) thực hiện các quyền chọn mua, quyền chọn bán hay chứng quyền mà Công Ty đã cam kết hoặc (iii) thực hiện các cam kết khác của Công Ty;

⁶ Sửa đổi lần thứ tư ngày 12/9/2018

⁷ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

⁸ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

- e. Các trường hợp khác do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định hoặc Pháp Luật quy định hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.
8. Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và các quy định Pháp Luật. Tất cả các cổ phần do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ của Công Ty và Hội Đồng Quản Trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều Lệ này, Luật Chứng Khoán và các văn bản Pháp Luật liên quan.
9. Công Ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm. Khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn, Công Ty có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền. Khi được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn, Công Ty có thể phát hành các loại trái phiếu khác.
10. Công Ty cũng có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ Đông của Công Ty được cấp chứng chỉ cổ phiếu hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (sau đây gọi chung là “chứng chỉ cổ phiếu”) tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công Ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty theo các quy định tại Luật Doanh Nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà Cổ Đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
3. Khi Công Ty phát hành cổ phần mới, trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo quy định của các điều khoản về việc phát hành cổ phần) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công Ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công Ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị rách, bị tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được dưới hình thức khác, thì Cổ Đông có thể được Công Ty cấp lại chứng chỉ cổ phiếu theo đề nghị của Cổ Đông đó theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu/giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu hoặc các chứng chỉ/giấy chứng nhận sở hữu chứng khoán khác của Công Ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều Lệ này và Pháp Luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ sẽ không được chuyển nhượng và sẽ không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần phải trả, Hội Đồng Quản Trị sẽ gửi thông báo cho Cổ Đông đó để yêu cầu Cổ Đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi do chậm thanh toán tính trên số tiền còn lại với mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng tại thời điểm đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công Ty. Tiền lãi sẽ được tính từ ngày gửi thông báo cho đến ngày toàn bộ số tiền theo thông báo được thanh toán trên thực tế.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm và phương thức thanh toán. Thông báo phải ghi rõ là trong trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi và các quyền cổ đông liên quan sẽ không phát sinh cho đến khi cổ phần được thanh toán đầy đủ.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện đầy đủ và đúng hạn, Hội Đồng Quản Trị có quyền thu hồi số cổ phần có liên quan.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội Đồng Quản Trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp.
5. Cổ Đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ Đông đối với những cổ phần đó (nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi được tính theo mức lãi suất cao nhất được phép áp dụng tại thời điểm đó) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội Đồng Quản Trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty bao gồm:

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông;
2. Hội Đồng Quản Trị;
3. Tổng Giám Đốc; và

4. Ban Kiểm Soát.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ Đông

1. Cổ Đông là chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp, hoặc thực hiện biểu quyết khi Công Ty thực hiện lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản;
 - b. Nhận cổ tức;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều Lệ này và các quy định Pháp Luật;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ Đông đó trong danh sách Cổ Đông đủ tư cách tham gia cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của Cổ Đông đó;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - g. Trong trường hợp Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vào Công Ty sau khi Công Ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ Đông nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của Pháp Luật;
 - h. *Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh Nghiệp; và⁹*
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật.
3. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.2 và Điều 36.2 của Điều Lệ này;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau:

⁹ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

- Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của Người Quản Lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc
- Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội Đồng Quản Trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ Đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm sở hữu cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm Soát;
- d. Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm sở hữu cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và
- e. Các quyền khác được quy định tại Điều Lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ Đông

Cổ Đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều Lệ Công Ty và các quy chế của Công Ty; chấp hành quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm Pháp Luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; và
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.
6. Tham gia các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp, hoặc thực hiện biểu quyết khi Công Ty tổ chức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Cổ Đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 13. Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chấp thuận theo đề nghị của Hội Đồng Quản Trị.
2. Hội Đồng Quản Trị tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong một trong các trường hợp sau:
 - a. Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
 - b. *Số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều Lệ này;¹⁰*
 - c. *Số thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát ít hơn số thành viên mà Pháp Luật quy định;¹¹*
 - d. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có thể yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ Đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ Đông có liên quan);
 - e. *Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát; và¹²*
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

¹⁰ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

¹¹ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

¹² Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

4. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

- a. *Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba so với số thành viên quy định tại Điều Lệ này.¹³*
- b. *Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại như quy định tại Điều 13.3.c) của Điều Lệ này, hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 13.3.d) hoặc Điều 13.3.e) của Điều Lệ này.¹⁴*
- c. *Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 13.4(a), Điều 13.4(b) nêu trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát phải thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.¹⁵*
- d. *Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 13.4(c) nêu trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông có yêu cầu quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có quyền thay thế Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.¹⁶*

Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu xét thấy cần thiết.

- e. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông như chi phí ăn ở và đi lại.
- f. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán của Công Ty;
- b. Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội Đồng Quản Trị đề nghị một cách trung thực và sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ Đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông;

¹³ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

¹⁴ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

¹⁵ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

¹⁶ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

- c. Quyết định số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
 - f. Quyết định tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
 - g. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều Lệ Công Ty;
 - h. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ Đông sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày Thành Lập;
 - i. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty;
 - j. Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát gây thiệt hại cho Công Ty và các Cổ Đông của Công Ty;
 - l. *Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản của Công Ty hoặc giao dịch mua do Công Ty thực hiện, có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;*¹⁷
 - m. Quyết định việc Công Ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - n. *Nếu Pháp Luật cho phép, quyết định việc Tổng Giám Đốc đồng thời làm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị;*¹⁸
 - o. *Quyết định việc Công Ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại Điều 34.4 của Điều Lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;*¹⁹
 - p. Quyết định việc Công Ty phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền;
 - q. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Pháp Luật, của Điều Lệ này và các quy chế khác của Công Ty.
2. Cổ Đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.1 Điều Lệ này khi Cổ Đông đó hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó là một bên của hợp đồng; và

¹⁷ Sửa đổi lần thứ nhất ngày 01/7/2015

¹⁸ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

¹⁹ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

- b. Việc mua lại cổ phần của Cổ Đông đó hoặc của Người Có Liên Quan của Cổ Đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ Đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 15. Đại Diện Theo Ủy Quyền, Người Được Ủy Quyền Dự Họp

1. Cổ Đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này; trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công Ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ Đông;
 - b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Công Ty;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;
 - d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
 - e. Thời hạn thực hiện đại diện; và
 - f. Họ, tên, chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông.
2. Các Cổ Đông có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một Người Được Ủy Quyền Dự Họp được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi Người Được Ủy Quyền Dự Họp. Người Được Ủy Quyền Dự Họp không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty.
3. Việc ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ Đông đó và Người Được Ủy Quyền Dự Họp;
 - b. Trường hợp Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp; và
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp.

Khi tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Người Được Ủy Quyền Dự Hội phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

4. Phiếu biểu quyết của Người Được Ủy Quyền Dự Hội trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của Người Được Ủy Quyền Dự Hội.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi bốn (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty tham dự họp thông qua, đồng thời được Cổ Đông nắm giữ ít nhất 75% số cổ phần ưu đãi đã phát hành loại đó biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức một cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai Cổ Đông (hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành tham dự. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và Cổ Đông nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Hội đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người Được Ủy Quyền Dự Hội đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều Lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty sẽ không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. *Hội Đồng Quản Trị sẽ triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cũng có thể được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4.c) hoặc Điều 13.4.d) của Điều Lệ này.*²⁰
2. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với Pháp Luật và các quy định của Công Ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; và
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp.
3. *Thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và trên website của Công Ty. Thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi ít nhất mười ngày, hoặc một thời hạn dài hơn theo quy định của Pháp Luật, trước ngày họp Đại Hội Đồng Cổ Đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử của Công Ty để các Cổ Đông có thể tiếp cận các tài liệu họp đó.*²¹
4. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công Ty ít nhất năm ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối những đề xuất được đưa ra theo Điều 17.4 của Điều Lệ này trong một trong các trường hợp sau:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không sở hữu ít nhất trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng trở lên; hoặc
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông bàn bạc và thông qua.

²⁰ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

²¹ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

6. Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông với số Cổ Đông trực tiếp tham dự hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. *Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là hợp lệ khi có số Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty tham dự.²²*
2. *Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Điều 18.1 nêu trên trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được triệu tập lại chỉ được coi là hợp lệ khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty.²³*
3. Trường hợp cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Điều 18.2 nêu trên trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Người Được Ủy Quyền Dự Hợp tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều Lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty sẽ cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp có quyền biểu quyết một hoặc nhiều phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp đó. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp sẽ đánh dấu việc tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết, hoặc ghi số lượng cổ phần bầu cho từng ứng viên Hội Đồng Quản

²² Sửa đổi lần thứ nhất ngày 01/7/2015

²³ Sửa đổi lần thứ nhất ngày 01/7/2015

Trị hoặc Ban Kiểm Soát vào phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu sẽ được ban kiểm phiếu công bố ngay tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sau khi việc kiểm phiếu hoàn tất. Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định nhưng không quá ba người.

3. Cổ Đông đến dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ Đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khác do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người trong Hội Đồng Quản Trị có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội Đồng Quản Trị có chức vụ cao nhất điều khiển cuộc họp để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử là Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp bầu Chủ tọa nêu trên, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Chủ tọa sẽ đề cử một thư ký để lập biên bản cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
5. Chủ tọa có quyền quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
6. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể hoãn họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu Chủ tọa nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện tại địa điểm tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, hoặc (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại Điều 19.6 của Điều Lệ này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa tiếp tục điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết trước đó tại cuộc họp sẽ không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Thư ký cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội Đồng Quản Trị có thể yêu cầu các Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội Đồng Quản Trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội Đồng Quản Trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc

trực xuất Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp nói trên ra khỏi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

10. Hội Đồng Quản Trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội Đồng Quản Trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm chính họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; và
- c. Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Hội Đồng Quản Trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội Đồng Quản Trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội Đồng Quản Trị khi xác định địa điểm họp có thể:

- a. Thông báo rằng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông”);
- b. Bố trí, tổ chức để những Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp không dự họp được hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể đồng thời tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

Thông báo về việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

12. Trong Điều Lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ Đông sẽ được coi là tham gia cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ở Địa điểm chính của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

13. Hàng năm Công Ty phải tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất một lần. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.
2. Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

- b. Thông qua kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công Ty; và
- c. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.²⁴

Ngoại trừ ba vấn đề nêu trên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- 3. *Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi thuộc một trong các trường hợp sau:*
 - a. *Được số Cổ Đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp chấp thuận, ngoại trừ các trường hợp nêu tại điểm b và điểm c dưới đây.*
 - b. *Các quyết định về các vấn đề sau đây được thông qua khi được số Cổ Đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các Cổ Đông dự họp chấp thuận:*
 - (i) *Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;*
 - (ii) *Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;*
 - (iii) *Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;*
 - (iv) *Dự án đầu tư, giao dịch bán tài sản hoặc giao dịch mua do Công Ty thực hiện, có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; và*
 - (v) *Tổ chức lại, giải thể Công Ty.*
 - c. *Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát, và Cổ Đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thành viên Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế Bầu cử.²⁵*
- 4. *Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản được thông qua khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 20.2 và Điều 21.8 của Điều Lệ này.²⁶*

²⁴ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

²⁵ Sửa đổi lần thứ nhất ngày 01/7/2015

²⁶ Sửa đổi lần thứ nhất ngày 01/7/2015

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
2. *Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ Đông. Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo gửi và công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để các Cổ Đông xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến hoặc một thời hạn khác dài hơn theo quy định của Pháp Luật.²⁷*
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công Ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
 - g. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
4. *Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty theo một trong các hình thức sau đây:*
 - a. *Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;*

²⁷ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

- b. *Gửi fax. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.*
 - c. *Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.²⁸*
5. Hội Đồng Quản Trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm Soát hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua; và
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công Ty và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội Đồng Quản Trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công Ty trong thời hạn hai mươi tư giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
8. *Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản được thông qua khi các Cổ Đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty chấp thuận. Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.²⁹*

Điều 22. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được công bố trên

²⁸ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

²⁹ Sửa đổi lần thứ nhất ngày 01/7/2015

website của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ kể từ ngày cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông kết thúc. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Biên bản họp phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và Thư ký cuộc họp, và được lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này. Các bản ghi chép, biên bản họp, sổ chữ ký của các Cổ Đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

*Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản hoặc kể từ ngày Công Ty công bố thông tin các tài liệu này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, thành viên Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu Toà Án hoặc Trọng Tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:*³⁰

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này; và
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Pháp Luật hoặc Điều Lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc người tổ chức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc tổ chức lại việc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này trong vòng 30 ngày kể từ ngày quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

1. *Hội Đồng Quản Trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty cho từng nhiệm kỳ sẽ được Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội Đồng Quản Trị có thể có thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập theo quy định của Pháp Luật. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.*³¹
2. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều này. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ trên 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối

³⁰ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

³¹ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên.
4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. *Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;*³²
 - b. Là Cổ Đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; hoặc nếu là Cổ Đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người không phải là Cổ Đông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công Ty.
5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này hoặc bị Pháp Luật cấm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - b. Thành viên đó có thư xin từ nhiệm bằng văn bản gửi đến Công Ty;
 - c. Thành viên đó bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không có sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị và Hội Đồng Quản Trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống; và
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
6. *[hủy bỏ]*³³
7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không nhất thiết phải là Cổ Đông.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị

1. Hội Đồng Quản Trị giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công Ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám Đốc và các Người Quản Lý khác.

³² Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

³³ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do Pháp Luật, Điều Lệ này, các quy chế nội bộ của Công Ty và quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng Giám Đốc Công Ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm những Người Quản Lý khác theo đề nghị của Tổng Giám Đốc; quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc Công Ty và những Người Quản Lý khác;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Quản Lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người Quản Lý đó;
 - f. Đề xuất việc phát hành cổ phần mới, các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền trình Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định;
 - h. Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác hoặc các hình thức khác để huy động thêm vốn.
 - i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức tạm ứng cổ tức; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;
 - l. Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công Ty tại các công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; đề cử người ứng cử các chức danh quản lý trong các công ty đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý trong các công ty do Công Ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
 - m. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công Ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công Ty;

- c. *Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công Ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 14.1.l), Điều 14.1.o) và Điều 34.4.b) của Điều Lệ này;*³⁴
 - d. *Việc Công Ty phát hành trái phiếu hoặc các công cụ nợ khác; việc thực hiện các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác của Công Ty; việc thực hiện các khoản bồi thường của Công Ty;*³⁵
 - e. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 1% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - g. Việc định giá các tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc Công Ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần của Công Ty;
 - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội Đồng Quản Trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - j. Ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Công Ty.
5. Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội Đồng Quản Trị đối với Tổng Giám Đốc và những Người Quản Lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không trình báo cáo cho Đại Hội Đồng Cổ Đông, báo cáo tài chính năm của Công Ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội Đồng Quản Trị thông qua.
 6. Trừ khi Pháp Luật và Điều Lệ này quy định khác, Hội Đồng Quản Trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các Người Quản Lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công Ty.
 7. Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Tổng mức thù lao cho Hội Đồng Quản Trị sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thoả thuận trong Hội Đồng Quản Trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
 8. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, bao gồm thù lao và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, phải được công bố theo quy định của Pháp Luật.

³⁴ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

³⁵ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

9. Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ Tịch hoặc Phó Chủ Tịch), hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội Đồng Quản Trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị, có thể được trả thêm tiền thù lao hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
10. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, các cuộc họp của các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị hoặc các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 26. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

1. *Hội Đồng Quản Trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị để bầu ra Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Nếu xét thấy cần thiết, theo đề xuất của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Hội Đồng Quản Trị có thể bầu một hoặc một số Phó Chủ Tịch từ các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trừ khi Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám Đốc của Công Ty.*³⁶
2. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp. Phó Chủ Tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ Tịch trong trường hợp được Chủ Tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ Tịch đã thông báo cho Hội Đồng Quản Trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên, nếu Chủ Tịch không chỉ định Phó Chủ Tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị sẽ chỉ định Phó Chủ Tịch. Trường hợp cả Chủ Tịch và Phó Chủ Tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ Tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội Đồng Quản Trị gửi báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo hoạt động của Công Ty cho các Cổ Đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.
4. Trường hợp cả Chủ Tịch và Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Ủy quyền dự họp Hội Đồng Quản Trị

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể ủy quyền cho một thành viên Hội Đồng Quản Trị khác, hoặc một người khác được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn, thay mặt mình dự họp Hội Đồng Quản Trị và phải chịu trách nhiệm về việc ủy quyền đó.

³⁶ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

2. Người được ủy quyền có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội Đồng Quản Trị ủy quyền vắng mặt, nhưng không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công Ty cho công việc được ủy quyền.
3. Việc ủy quyền sẽ đương nhiên mất hiệu lực trong trường hợp người ủy quyền không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị.
4. Việc ủy quyền hoặc hủy bỏ việc ủy quyền (ngoại trừ việc ủy quyền đương nhiên mất hiệu lực theo Điều 27.3 nêu trên) phải được thành viên Hội Đồng Quản Trị thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị

1. **Họp bầu Chủ Tịch:** Trường hợp Hội Đồng Quản Trị bầu Chủ Tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị để bầu Chủ Tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số.
2. **Các cuộc họp thường kỳ:** Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ Tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. **Các cuộc họp bất thường:** Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất năm (5) Người Quản Lý;
 - b. Ít nhất hai (2) thành viên Hội Đồng Quản Trị; hoặc
 - c. Ban Kiểm Soát.
4. *Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị nêu tại Điều 28.3 trên đây phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ Tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; và trong trường hợp đó, những người đề nghị tổ chức cuộc họp theo quy định tại Điều 28.3 trên đây có thể tự mình triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.³⁷*
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.

³⁷ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được làm bằng văn bản và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.
 - a. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.
 - b. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Kiểm Soát Viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.³⁸
8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị được coi là hợp lệ và được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại Điều này, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được coi là hợp lệ nếu có hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.
 - a. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:
 - b. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - c. Ủy quyền cho người khác dự họp theo quy định tại Điều Lệ này.
 - d. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.³⁹

9. Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Điều 28.9(b) của Điều Lệ này, mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

³⁸ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

³⁹ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

- b. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Một thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội Đồng Quản Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Điều 28.9(d) của Điều Lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội Đồng Quản Trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4.a) và Điều 34.4.b) của Điều Lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội Đồng Quản Trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội Đồng Quản Trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội Đồng Quản Trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội Đồng Quản Trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. *Biểu quyết đa số: Các nghị quyết hoặc quyết định của Hội Đồng Quản Trị sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ Tịch sẽ là lá phiếu quyết định.*⁴⁰
12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội Đồng Quản Trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

⁴⁰ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

Theo Điều Lệ này, thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội Đồng Quản Trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

13. Nghị quyết bằng văn bản: Hội Đồng Quản Trị có thể thông qua nghị quyết bằng việc lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản.

Việc lấy ý kiến bằng văn bản sẽ được thực hiện như sau:

- a. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản để thông qua các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
 - b. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị thư lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thư lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến, (iii) thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và (iv) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và họ tên, chữ ký của thành viên Hội Đồng Quản Trị được lấy ý kiến.
 - c. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện Ban Kiểm Soát. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau: (i) các vấn đề cần lấy ý kiến, (ii) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, (iii) tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, (iv) các nghị quyết đã được thông qua và (v) họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và đại diện Ban Kiểm Soát.
 - d. Khi lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản, nghị quyết sẽ được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số các thành viên Hội Đồng Quản Trị (trên 50%) trên tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ là ý kiến quyết định.
 - e. Nghị quyết bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội Đồng Quản Trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.
14. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội Đồng Quản Trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị được lập bằng tiếng Việt và có chữ ký của tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp hoặc biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi bản có chữ ký của ít nhất một thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp.
15. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám Đốc, những Người Quản Lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội Đồng Quản Trị theo lời mời của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị nhưng không được biểu quyết, trừ khi bản thân họ là thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc là người được thành viên Hội Đồng Quản Trị ủy quyền.

16. Các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị: Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội Đồng Quản Trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội Đồng Quản Trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội Đồng Quản Trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số (trên 50%) thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội Đồng Quản Trị.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Công Ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội Đồng Quản Trị. Công Ty có một Tổng Giám Đốc, một hoặc một số Phó Tổng Giám Đốc và một Kế Toán Trưởng do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Tổng Giám Đốc và các Phó Tổng Giám Đốc có thể đồng thời là thành viên Hội Đồng Quản Trị, và được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Điều 30. Người Quản Lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được sử dụng số lượng và loại Người Quản Lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công Ty do Hội Đồng Quản Trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người Quản Lý phải có sự miễn cưỡng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao và các lợi ích khác của Tổng Giám Đốc sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định.
3. Mức lương, tiền thù lao và các lợi ích khác của những Người Quản Lý khác sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định theo đề xuất của Tổng Giám Đốc.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc

1. Bổ nhiệm: Hội Đồng Quản Trị sẽ bổ nhiệm một thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc một người khác làm Tổng Giám Đốc.
2. Nhiệm kỳ: *Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc là năm năm trừ khi Hội Đồng Quản Trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám Đốc không được phép là những người bị Pháp Luật cấm giữ chức vụ này.*⁴¹

⁴¹ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám Đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng mà Công Ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại Người Quản Lý mà Công Ty cần thuê để Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm; đề xuất để Hội Đồng Quản Trị quyết định mức lương, thù lao và các lợi ích khác của những Người Quản Lý đó;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm hoặc một thời hạn khác do Hội Đồng Quản Trị quyết định, Tổng Giám Đốc phải trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
 - f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty; và
 - g. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều Lệ này và các quy chế của Công Ty, các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và quy định của Pháp Luật.
4. Báo cáo lên Hội Đồng Quản Trị và các Cổ Đông: Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm: Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám Đốc khi có đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám Đốc mới thay thế.

Điều 32. Thư Ký Công Ty

Hội Đồng Quản Trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư Ký Công Ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Thư Ký Công Ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư Ký Công Ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty. Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Thư Ký Công Ty khi cần thiết. Hội Đồng Quản Trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý Thư Ký Công Ty. Vai trò và nhiệm vụ của Thư Ký Công Ty bao gồm:

- a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát;
- b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- c. Tham dự các cuộc họp;
- d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với Pháp Luật; và
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công Ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội Đồng Quản Trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan biểu quyết tán thành. Nội dung các thông tin cần thông báo bao gồm:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
 - b. *Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.*⁴²

⁴² Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo tới Công Ty trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty. Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

3. Công Ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý, và Người Có Liên Quan của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác.
4. *Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty và các đối tượng sau đây:*
 - *Cổ Đông, đại diện ủy quyền của Cổ Đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ;*
 - *Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Có Liên Quan của họ;*
 - *Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;*
 - *Doanh nghiệp mà Người Có Liên Quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ;*

*sẽ không bị vô hiệu, nếu:*⁴³

- a. *đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát đã được báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan;*⁴⁴

⁴³ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

⁴⁴ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

- b. *đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người Quản Lý hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát đã được công bố cho các Cổ Đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó. Những hợp đồng này được chấp thuận khi có 65% số Cổ Đông không có lợi ích liên quan biểu quyết tán thành; hoặc⁴⁵*
- c. *hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ Đông của Công Ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội Đồng Quản Trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị hay các Cổ Đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.*

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý hay Người Có Liên Quan của họ không được sử dụng, hoặc tiết lộ cho người khác, các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công Ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính, và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty với tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công Ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp Luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), các khoản tiền phạt hoặc các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp Luật cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Thành viên Ban Kiểm Soát

1. *Ban Kiểm Soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban Kiểm Soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và trách nhiệm sau:*

⁴⁵ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

- a. *Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm Soát;*
 - b. *Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm Soát; và*
 - c. *Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông.⁴⁶*
2. *Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm Soát theo quy định tại Điều này. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ trên 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.*

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên.

3. *Các thành viên của Ban Kiểm Soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu, nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm Soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát có thể không mang quốc tịch Việt Nam. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.*

Thành viên Ban Kiểm Soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. *Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;*
- b. *Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác;*
- c. *Không được giữ các chức vụ quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công Ty;*
- d. *Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 3 năm liền trước đó;⁴⁷*
- e. *Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;*
- f. *Trưởng Ban Kiểm Soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công Ty; và*
- g. *Các tiêu chuẩn và điều kiện bắt buộc khác theo quy định của Pháp Luật.⁴⁸*

⁴⁶ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

⁴⁷ Sửa đổi lần thứ ba ngày 20/4/2018

⁴⁸ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

4. Thành viên Ban Kiểm Soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị Pháp Luật cấm làm thành viên Ban Kiểm Soát;
 - b. Thành viên đó có thư từ nhiệm bằng văn bản gửi đến Công Ty;
 - c. Thành viên đó bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm Soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của Ban Kiểm Soát và Ban Kiểm Soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; và
 - e. Thành viên đó bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 37. Ban Kiểm Soát

1. *Ban Kiểm Soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, các quy định của Pháp Luật liên quan và Điều Lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:*⁴⁹
- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công Ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công Ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý của Công Ty;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công Ty;
 - g. Xem xét báo cáo của Công Ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; và
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát. Thư ký Công Ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị và bản sao các

⁴⁹ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

biên bản họp Hội Đồng Quản Trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm Soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội Đồng Quản Trị.

3. *Ban Kiểm Soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm Soát. Ban Kiểm Soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm Soát.*⁵⁰
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm Soát sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm Soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm Soát hoặc liên quan đến hoạt động khác của Ban Kiểm Soát.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 11.3 của Điều Lệ này có quyền trực tiếp hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công Ty danh sách Cổ Đông, các biên bản của Đại Hội Đồng Cổ Đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của Cổ Đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao chứng thực của giấy uỷ quyền này kèm theo các tài liệu chứng minh quyền sở hữu cổ phần của Công Ty của Cổ Đông đó.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công Ty sẽ phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Ban Kiểm Soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp Luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều Lệ Công Ty phải được công bố trên website của Công Ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch đề Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Người Quản Lý và người lao động.

⁵⁰ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

2. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến mối quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định Pháp Luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty. Cổ tức có thể được trả bằng tiền, bằng cổ phiếu của Công Ty hoặc bằng các tài sản khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Công Ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ Đông khi Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công Ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Hội Đồng Quản Trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công Ty.
3. Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.

Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công Ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp Luật.
3. Công Ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 43. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 44. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công Ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công Ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công Ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
3. Công Ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý và báo cáo thường niên

1. Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều Lệ này. Công Ty sẽ công bố thông tin báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp Luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính, bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công Ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công Ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Pháp Luật.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng và quý của Công Ty phải được công bố trên website của Công Ty.
5. Công Ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 46. Công bố thông tin

Các báo cáo tài chính năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên, Công Ty sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội Đồng Quản Trị.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị, kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công Ty được phép tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại Hội Đồng Cổ Đông mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 48. Con dấu

1. *Hội Đồng Quản Trị có quyền quyết định Công Ty có thể có nhiều hơn một con dấu theo quy định của Pháp Luật.⁵¹*
2. Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động

1. Công Ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong một trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của Pháp Luật;
 - b. Giải thể theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - c. Các trường hợp khác do Pháp Luật quy định.
2. Việc giải thể Công Ty sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định và Hội Đồng Quản Trị thực hiện. Quyết định giải thể này có thể phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp Luật.

Điều 50. Thanh lý

⁵¹ Sửa đổi lần thứ hai ngày 22/4/2016

1. Sau khi có quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên, trong đó hai thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định và một thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ của Công Ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Toà án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc và chi phí bảo hiểm cho người lao động của Công Ty;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản nợ của Công Ty;
 - e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ Đông. Các Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công Ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ này, Luật Doanh Nghiệp hoặc các quy định Pháp Luật khác, giữa:
 - a. Cổ Đông với Công Ty; hoặc
 - b. Cổ Đông với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hay Người Quản Lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các vấn đề liên quan đến tranh chấp trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm Soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận,

bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài sẽ được thanh toán theo phán quyết của Tòa án hoặc Trọng tài.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều Lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều Lệ này phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp Luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp Luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của Pháp Luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 53. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều Lệ này gồm 21 Chương, 53 Điều, được hợp nhất và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018.
2. Điều Lệ có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất một bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công Ty.
3. Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty và thay thế bản Điều Lệ và các phụ lục sửa đổi Điều Lệ trước đây.

Trang ký



CHETAN PRAKASH BAXI

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công Ty



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN
MASAN RESOURCES CORPORATION
Số/No.: 344/2018/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2018
Ho Chi Minh City, dated 19th September 2018

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN
RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS OF
MASAN RESOURCES CORPORATION**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BOARD OF DIRECTORS**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Pursuant to Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 dated November 26, 2015 of the National Assembly of Vietnam and its implementing documents;
- Căn cứ Điều lệ hợp nhất ngày 20 tháng 4 năm 2018 Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan (“**Công Ty**”); và
*Pursuant to the consolidated Charter dated April 20, 2018 of Masan Resources Corporation (the “**Company**”); and*
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Thư xin ý kiến Hội đồng Quản trị số 344/2018/BB-HĐQT ngày 19/09/2018,
Pursuant to Minutes of Vote Counting of the Board of Directors No. 344/2018/BBH-HĐTV dated 19th September, 2018

**QUYẾT NGHỊ:
RESOLVES:**

- Điều 1.** Thông qua việc Công Ty phát hành trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu (“**Phương Án Phát Hành**”) được đính kèm tại Phụ Lục 1 (“**Trái Phiếu**”).
*Article 1. To approve the issuance of bonds by the Company in accordance with the bond issuance plan (the “**Issuance Plan**”) attached hereto as Annex 1 (the “**Bonds**”).*
- Điều 2.** Thông qua việc các nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu được bảo đảm bởi:
Article 2. To approve that the repayment obligations of the Company in relation to the Bonds shall be secured by:
- (i) cam kết bảo lãnh thanh toán từ Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo; và
a guarantee granted by Nui Phao Mining Company Ltd for such repayment obligations; and



- (ii) một số lượng cổ phần phổ thông do Công Ty phát hành thuộc sở hữu của Công Ty TNHH Tâm Nhìn Masan; và/hoặc
a number of ordinary shares issued by the Company and owned by Masan Horizon Company Limited; and/or
- (iii) các tài sản khác của Công Ty và/hoặc tài sản của (các) bên thứ ba khác theo quyết định của người được ủy quyền quy định tại Điều 5 của Nghị Quyết này,
other assets of the Company and/or assets of the other third party(ies) as may be decided by the authorized representatives as specified in Article 5 hereof,

(các hợp đồng, thỏa thuận được các bên ký kết để tạo lập các biện pháp bảo đảm theo các mục từ (i) đến (iii) nêu trên được gọi chung là các “**Hợp Đồng Bảo Đảm**”).
(contracts, agreements executed by parties to create the security arrangements as prescribed in items (i) to (iii) above shall be hereinafter referred to collectively as the “Security Agreements”).

Điều 3. Thông qua các giao dịch được quy định trong, và việc Công Ty ký kết, chuyển giao và thực hiện, tất cả các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu mà Công Ty là một bên tham gia, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

Article 3. *To approve the transactions contemplated in, and the execution, delivery and performance by the Company of, all agreements, contracts and other documents relating to the Bonds to which the Company is a party, including but not limited to:*

- (i) mỗi hợp đồng đặt mua trái phiếu được ký kết với mỗi bên đặt mua trái phiếu;
each bond subscription agreement to be signed with each bond subscriber;
- (ii) hợp đồng bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết trái phiếu;
the underwriting and listing consultancy agreement for the Bonds;
- (iii) hợp đồng đại lý lưu ký trái phiếu;
the bond depository agency agreement;
- (iv) hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu;
the bondholders agency agreement;
- (v) các Hợp Đồng Bảo Đảm;
the Security Agreements;
- (vi) các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu;
other agreements, contracts and documents relating to the Bonds;
- (vii) hợp đồng đầu tư / hợp tác kinh doanh giữa Công Ty và Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo;
the investment / business cooperation agreement between the Company and Nui Phao Mining Company Ltd
- (viii) các bản sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hoặc thay thế của các tài liệu được nêu từ mục (i) đến mục (vi) của Điều này,

the amendments, supplementations, termination or replacements of the documents as prescribed in items (i) to (vi) of this Article,

(các hợp đồng, thỏa thuận quy định tại phần này được gọi chung là “**Các Tài Liệu Giao Dịch**”).

*(the aforementioned agreements, contracts and documents shall be referred to collectively as the “**Transaction Documents**”).*

Điều 4. Phê duyệt việc Công Ty sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu để đầu tư / hợp tác kinh doanh với Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo theo hợp đồng đầu tư / hợp tác kinh doanh giữa Công Ty và Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo.

Article 4. *To approve the use of proceeds from the issuance of the Bonds to invest in / to cooperate with Nui Phao Mining Company Ltd in accordance with the investment / business cooperation agreement between the Company and Nui Phao Mining Company Ltd.*

Điều 5. Thông qua việc ủy quyền cho Ông Chetan Prakash Baxi - Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Ông Craig Richard Bradshaw - Tổng Giám đốc của Công Ty thay mặt Công Ty:

Article 5. *To approve the authorization in favor of Mr. Chetan Prakash Baxi - the Chairman of the Board of Directors or Mr. Craig Richard Bradshaw, the General Director of the Company to act for and on behalf of the Company to:*

- (i) tổ chức triển khai thực hiện Phương Án Phát Hành; trong trường hợp cần thiết, quyết định việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Phương Án Phát Hành phù hợp với quy định pháp luật, điều kiện thị trường và lợi ích của Công Ty;
organize the implementation of the Issuance Plan; and decide the amendment of, supplementation to, or modification of the Issuance Plan in accordance with laws, market conditions and for the interests of the Company;
- (ii) quyết định loại, giá trị tài sản khác của Công Ty (nếu có) và/hoặc của bên thứ ba khác làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu;
decide the type and value of other assets of the Company (if any) and/or those of third party(ies) which will be used as collateral to secure for the repayment obligations of the Company relating to the Bonds;
- (iii) quyết định nội dung các điều khoản và điều kiện cụ thể của Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch phù hợp với Phương Án Phát Hành;
decide specific terms and conditions of the Bonds and the Transaction Documents in accordance with the Issuance Plan;
- (iv) quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu, cách thức thực hiện và việc bố trí nguồn trả nợ Trái Phiếu;
decide the matters relating to the use of the proceeds from the issuance of the Bonds, the method and resources for repayment of the Bonds;
- (v) quyết định danh sách các nhà đầu tư mua Trái Phiếu;

decide the list of investors of the Bonds;

- (vi) quyết định việc đăng ký Trái Phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và niêm yết Trái Phiếu trên sở giao dịch chứng khoán được công nhận tại Việt Nam sau khi Trái Phiếu được phát hành phù hợp với Điều 1 Nghị quyết này;

decide the depositing of the Bonds at the Vietnam Securities Depository and listing of the Bonds at a stock exchange recognized in Vietnam after issuing the Bonds in accordance with Article 1 hereof;

- (vii) quyết định và tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để đăng ký và niêm yết Trái Phiếu theo quy định tại Điều này, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau: (A) quyết định khối lượng Trái Phiếu, thời gian đăng ký, niêm yết và các điều kiện cụ thể khác; (B) quyết định nội dung các hồ sơ, tài liệu nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật; và (C) làm việc và giải trình với các cơ quan chức năng và các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký và niêm yết và các vấn đề khác liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu;

decide and implement necessary tasks to get the Bonds deposited and listed in accordance with provisions of this Article, including but not limited to the following tasks: (A) decide the volume of the Bonds to be deposited and listed, and the time of depositing and listing, and other terms; (B) decide and sign the dossiers and documents to be submitted to the relevant authorities for depositing and listing of the Bonds in accordance with the laws; and (C) work with and explain to the relevant authorities and related regulatory bodies regarding the depositing and listing dossiers and other matters relating to the depositing and listing of the Bonds;

- (viii) quyết định việc mua lại Trái Phiếu trước hạn theo phương án mua lại Trái Phiếu được quy định trong Các Tài Liệu Giao Dịch; và

decide the early redemption of the Bonds in accordance with the plan of Bonds redemption as provided under the Transaction Documents; and

- (ix) quyết định và thực hiện tất cả các hành động cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của Công Ty, Các Tài Liệu Giao Dịch và Nghị quyết này để hoàn tất đợt phát hành Trái Phiếu, thực hiện việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu và mua lại Trái Phiếu trước hạn.

decide and implement all other necessary tasks in accordance with the laws, the Charter of the Company, the Transaction Documents, and this Resolution to complete the issuance of the Bonds, the depositing and listing of the Bonds.

Điều 6. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Article 6. *The members of the Board of Directors, the General Director, and relevant departments of the Company shall be responsible to implement this Resolution.*

Điều 7. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ghi tại trang đầu của Nghị quyết.

Article 7. *This Resolution shall be effective as from the date first above written.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
FOR AND ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS ✓
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS



Chetan Prakash Baxi

Phụ Lục 1

Phương Án Phát Hành Trái Phiếu

I. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông Tin Chung:

- Tên Tiếng Việt : Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan
- Tên Tiếng Anh : Masan Resources Corporation
- Trụ Sở Giao Dịch : Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Thành Lập : Theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2010, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm
- Người Đại Diện Theo Pháp Luật : 1.1 Ông Chetan Prakash Baxi
Chức vụ: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
1.2 Ông Craig Richard Bradshaw
Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Vốn Điều Lệ : 7.194.473.280.000 VND
- Ngành Nghề Kinh Doanh : - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận (chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường); và
- Hoạt động tư vấn quản lý (chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý).

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành:

Đơn vị tính: (triệu Đồng)			
Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Doanh thu thuần	2.657.875	4.048.817	5.404.645
Lợi nhuận trước thuế	58.559	100.565	292.122
Lợi nhuận sau thuế	84.322	115.346	301.126
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông			
Tổng tài sản	26.607.707	26.535.498	27.144.211
Tiền và các khoản tương đương tiền	372.014	603.345	780.414
Tài sản ngắn hạn	2.490.178	2.496.131	3.456.003
Tài sản dài hạn	24.117.529	24.039.367	23.688.207
Vốn điều lệ	7.194.473	7.194.473	7.194.473
Vốn chủ sở hữu	11.595.134	11.710.480	12.011.606
Vay ngắn hạn	2.530.218	2.227.003	3.404.794
Vay dài hạn	8.173.418	8.922.889	7.967.927

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2015, 2016 và 2017 của Tổ Chức Phát Hành)

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC

1. Mục Đích Phát Hành: Trái Phiếu được phát hành theo Phương Án Phát Hành này để
 - (a) tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
 - (b) thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.
2. Sử Dụng Số Tiền Thu Được: Số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng phù hợp với các mục đích phát hành nêu trên.

III. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN TRÁI PHIẾU

1. Loại Trái Phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành.
2. Khối Lượng Phát Hành: Tổng khối lượng phát hành tối đa là 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng) dự kiến được phát hành trong một hoặc nhiều đợt (mỗi đợt phát hành như vậy là một “**Đợt Phát Hành Trái Phiếu**”). Khối lượng phát hành cụ thể của từng Đợt Phát Hành Trái Phiếu sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc [●] của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
3. Lãi Suất:
 - (a) Đối với giai đoạn 12 (mười hai) tháng đầu tiên kể từ Ngày Phát Hành (“**Năm Tính Lãi Thứ Nhất**”): lãi suất cố định 9,8%/năm (chín phẩy tám phần trăm mỗi năm); và
 - (b) Đối với mỗi giai đoạn 6 (sáu) tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc Năm Tính Lãi Thứ Nhất cho đến Ngày Đáo Hạn: lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,2%/năm (ba phẩy hai phần trăm một năm) và trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng trả lãi sau (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.
4. Mệnh Giá Trái Phiếu: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu.
5. Giá Phát Hành: 100% mệnh giá.
6. Số Lượng Trái Phiếu Phát Hành: tối đa 10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu. Số lượng Trái Phiếu phát hành cụ thể của từng Đợt Phát Hành Trái Phiếu sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định phù hợp với Khối Lượng Phát Hành và Mệnh Giá Trái Phiếu.

7. Loại Tiền Tê Phát Hành: Đồng Việt Nam.
8. Ngày Phát Hành: dự kiến trong Quý III năm 2018. Ngày Phát Hành cụ thể của từng Đợt Phát Hành Trái Phiếu sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
9. Kỳ Hạn Trái Phiếu: tối đa 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành của từng Đợt Phát Hành Trái Phiếu.
10. Ngày Đáo Hạn: ngày kết thúc Kỳ Hạn Trái Phiếu.
11. Phương Thức Thanh Toán Gốc Và Lãi:
 - (a) Khoản nợ gốc của các Trái Phiếu sẽ được thanh toán một lần vào (i) Ngày Đáo Hạn, hoặc (ii) Ngày Thanh Toán Trước Hạn, hoặc (iii) ngày mà các Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn hoặc do nguyên nhân khác; và
 - (b) Lãi của các Trái Phiếu sẽ được thanh toán (i) mỗi 6 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, hoặc (ii) vào ngày thanh toán khoản nợ gốc như quy định tại đoạn (a) nêu trên.
12. Hình Thức Trái Phiếu: bút toán ghi sổ, có cấp Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật, Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam, sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan Nhà nước khác có yêu cầu.
13. Biện Pháp Bảo Đảm: Nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành được bảo đảm bởi các biện pháp bảo đảm sau:
 - (a) Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biễn Núi Pháo cam kết bảo lãnh thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang cho các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu; và
 - (b) Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan sử dụng một số cổ phần thuộc sở hữu của mình trong Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu; và/hoặc
 - (c) Các biện pháp bảo đảm khác (nếu có).
14. Nhà Đầu Tư: cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
15. Sử Dụng Trái Phiếu: Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tự do bán, chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác và được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm và tham gia các quan hệ dân sự/thương mại khác.
16. Quyền Mua Lại Trái Phiếu Của Tổ Chức Phát Hành:
 - (i) Trước khi Trái Phiếu được niêm yết trên một sở giao dịch chứng khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua lại, trong một hoặc nhiều lần vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày tròn 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành đối với các Trái

Phiếu được sở hữu bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận bán lại (“**Ngày Thanh Toán Trước Hạn**”).

- (ii) Sau khi Trái Phiếu được niêm yết trên một sở giao dịch chứng khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên sở giao dịch chứng khoán đó tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành theo phương thức phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và sở giao dịch chứng khoán có liên quan.
17. Phương Thức Phát Hành: Trái Phiếu được phát hành riêng lẻ thông qua phương thức bảo lãnh phát hành trên cơ sở nỗ lực tối đa theo quy định của Nghị Định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính Phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
18. Đăng Ký Và Niêm Yết: Một phần hoặc toàn bộ các Trái Phiếu sẽ được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam và niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán được công nhận tại Việt Nam theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám đốc của Tổ Chức Phát Hành. Khối lượng Trái Phiếu, thời gian đăng ký, niêm yết và các điều kiện cụ thể khác sẽ do Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám đốc của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
19. Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành Và Tư Vấn Niêm Yết: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
20. Đại Lý Lưu Ký Trái Phiếu ban đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
21. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.
22. Các Điều Kiện Khác: sẽ được quy định cụ thể trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu khác được ký kết nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu và do Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám đốc quyết định.
23. Các Cam Kết Khác: như được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch.

IV. KẾ HOẠCH BỐ TRÍ NGUỒN VỐN CHO VIỆC THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu khi đến hạn. Thông tin chi tiết về kế hoạch bố trí nguồn trả nợ được trình bày như kế hoạch dưới đây:

Năm	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Dòng tiền						<i>tỷ VND</i>
EBITDA (Lợi nhuận trước Thuế, chi phí lãi vay và khấu hao)	3.774	4.821	4.734	4.317	4.634	3.490
VAT thu về/(trả thêm)	(10)	(167)	(10)	23	(17)	96
Vốn lưu động	168	(337)	25	74	(23)	100
Thuế TNDN	(82)	(98)	(161)	(150)	(189)	(124)

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	3.850	4.219	4.588	4.265	4.406	3.562
Mua Công ty NPM HCS	(677)	-	-	-	-	-
Chi tiền đầu tư TSCĐ	(672)	(571)	(313)	(320)	(326)	(333)
Dòng tiền từ đầu tư	(1.349)	(571)	(313)	(320)	(326)	(333)
Dòng tiền kinh doanh + Đầu tư	2.501	3.648	4.275	3.945	4.080	3.229
Dòng tiền thuần chi trả lãi vay	(571)	(1.029)	(816)	(448)	(192)	64
Dòng tiền kinh doanh + Đầu tư + chi lãi vay	1.930	2.619	3.458	3.497	3.888	3.293
Vay nợ ròng	(355)	-	(3.594)	(996)	(2.494)	(1.988)
Dòng tiền từ vay nợ ròng	(355)	-	(3.594)	(996)	(2.494)	(1.988)
Tiền đầu kỳ	776¹	1.028	3.647	3.511	6.012	7.405
Tiền thuần	251²	2.619	(136)	2.501	1.394	1.306
Tiền cuối kỳ	1.028	3.647	3.511	6.012	7.405	8.711

¹ Số tiền đầu kỳ năm 2018 là số tiền tại ngày 1 tháng 6 năm 2018, các năm còn lại là từ ngày 1 tháng 1.

² Số tiền đầu kỳ năm 2018 là số tiền tại ngày 1 tháng 6 năm 2018, các năm còn lại là từ ngày 1 tháng 1.

Số: 42A /2019/QĐ-MSR

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Tài Nguyên Masan (“Công Ty”) tháng 9 năm 2018, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Căn cứ Nghị quyết số 344/2018/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công Ty (“**Nghị Quyết Số 344**”);
- Trên cơ sở thông báo số 268/2019/TB-TCBS ngày 15 tháng 02 năm 2019 (“**Thông Báo Số 268**”) của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Kỹ Thương;
- Xét rằng, Công Ty đã hoàn tất đợt phát hành các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Công Ty với tổng mệnh giá tối đa 1.000.000.000.000 VND (“**Trái Phiếu MSR092021**”) theo phương án phát hành được Hội đồng Quản trị Công Ty thông qua tại Nghị Quyết Số 344; và
- Xét yêu cầu niêm yết Trái Phiếu MSR092021 của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Kỹ Thương với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Thông Báo Số 268.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thông qua các công việc sau:

- (i) đăng ký Trái Phiếu MSR092021 tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam; và
- (ii) niêm yết Trái Phiếu MSR092021 trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc, và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Craig Richard Bradshaw



**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
và các công ty con**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0309966889

ngày 3 tháng 10 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 3 tháng 10 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41122000131

ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

Hội đồng Quản trị

Ông Chetan Prakash Baxi
Dr. Nguyễn Đăng Quang
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Dominic John Heaton

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ nhiệm ngày 26/7/2018)

Ông Nguyễn Văn Thắng

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw
Ông Nikhil Kamran

Tổng Giám đốc
Giám đốc tài chính
(từ nhiệm ngày 23/8/2018)

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Kế toán trưởng
(từ ngày 23/7/2018)

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất và riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn và Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất và riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất và riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00177-19-2



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2019

Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0557-2018-007-1

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>	<u>Công ty</u>		
			31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.333.718.245	3.456.003.440	47.959.283	2.782.039
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	467.220.260	780.414.201	3.288.566	483.619
Tiền	111		263.449.041	82.470.201	234.588	83.619
Các khoản tương đương tiền	112		203.771.219	697.944.000	3.053.978	400.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	32.500.000	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	32.500.000	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.612.852.955	860.460.818	44.670.717	2.298.420
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		960.321.689	368.595.772	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		175.750.070	78.568.122	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	476.781.196	420.152.488	44.670.717	2.298.420
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(6.855.564)	-	-
Hàng tồn kho	140	8	1.646.014.138	1.409.062.969	-	-
Hàng tồn kho	141		1.646.014.138	1.409.062.969	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		607.630.892	373.565.452	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		45.996.377	47.822.640	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		561.634.515	325.742.812	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		23.615.407.322	23.688.207.422	12.495.844.635	9.995.844.635
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.335.307.630	1.346.793.937	7.355.509.062	4.855.509.062
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.335.307.630	1.346.793.937	3.409.990.962	909.990.962
Tài sản cố định	220		18.267.296.514	18.898.064.279	-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	10	17.767.943.281	18.351.724.804	-	-
Nguyên giá	222		22.411.038.516	21.810.465.885	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.643.095.235)	(3.458.741.081)	-	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	-	4.486.667	-	-
Nguyên giá	225		67.300.000	67.300.000	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(67.300.000)	(62.813.333)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	12	499.353.233	541.852.808	-	-
Nguyên giá	228		688.278.032	688.278.032	137.950	137.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(188.924.799)	(146.425.224)	(137.950)	(137.950)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.429.178.901	987.802.403	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.429.178.901	987.802.403	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.900.000	-	5.140.335.573	5.140.335.573
Đầu tư vào công ty con	251	14	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.900.000	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.577.724.277	2.455.546.803	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.576.441.928	2.440.860.012	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20(i)	1.282.349	14.686.791	-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		27.949.125.567	27.144.210.862	12.543.803.918	9.998.626.674

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u> 31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	<u>Công ty</u> 31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		15.823.171.322	15.132.604.815	3.098.253.712	554.834.167
Nợ ngắn hạn	310		4.101.944.806	4.871.844.056	57.179.537	13.759.992
Phải trả người bán ngắn hạn	311		526.342.610	434.067.033	-	429.032
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		238.767.158	166.299.167	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	66.770.503	74.558.198	136.840	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	734.808.645	788.206.464	41.014.278	424.490
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	67.894.855	3.919.178	16.028.419	12.906.470
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19(a)	2.467.361.035	3.404.794.016	-	-
Nợ dài hạn	330		11.721.226.516	10.260.760.759	3.041.074.175	541.074.175
Phải trả dài hạn khác	337	18	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19(b)	9.491.007.736	7.967.927.242	2.500.000.000	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20(ii)	613.430.657	643.914.399	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	492.664.284	524.795.279	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.125.954.245	12.011.606.047	9.445.550.206	9.443.792.507
Vốn chủ sở hữu	410	22	12.125.954.245	12.011.606.047	9.445.550.206	9.443.792.507
Vốn cổ phần	411	23	8.993.091.220	7.194.473.280	8.993.091.220	7.194.473.280
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.993.091.220	7.035.448.980	8.993.091.220	7.035.448.980
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	159.024.300	-	159.024.300
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	145.709.384	1.944.327.324	145.709.384	1.944.327.324
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(295.683.347)	(295.683.347)	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.282.836.988	2.757.718.772	306.749.602	304.991.903
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2.757.718.772	2.551.804.716	304.991.903	304.980.638
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		525.118.216	205.914.056	1.757.699	11.265
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	410.770.018	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		27.949.125.567	27.144.210.862	12.543.803.918	9.998.626.674

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Rajul Bagrodia
Phó Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng	01	25	6.865.010.875	5.404.645.101	-	-
Giá vốn hàng bán	11		4.703.549.284	3.713.762.618	-	-
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		2.161.461.591	1.690.882.483	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	126.790.749	41.999.592	44.669.471	14.265
Chi phí tài chính	22	27	1.204.829.996	1.137.924.018	40.756.034	-
Chi phí bán hàng	25		104.331.557	135.288.194	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		127.022.646	124.952.093	2.165.738	3.000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		852.068.141	334.717.770	1.747.699	11.265
Thu nhập khác	31		2.098.777	2.254.261	10.000	-
Chi phí khác	32		26.054.374	44.849.579	-	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(23.955.597)	(42.595.318)	10.000	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (chuyển sang trang sau)	50		828.112.544	292.122.452	1.757.699	11.265

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2018	2017	2018	2017
			Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang sang từ trang trước)	50		828.112.544	292.122.452	1.757.699	11.265
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	35.190.165	36.841.033	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	28	(17.079.300)	(45.844.345)	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 - 52)	60		810.001.679	301.125.764	1.757.699	11.265
			Nghìn VND	Nghìn VND		
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:						
Cổ đông của Công ty	61		663.756.323	205.914.056		
Cổ đông không kiểm soát	62		146.245.356	95.211.708		
			VND	VND (Điều chỉnh lại)		
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	738	229		

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Rajul Bagrodia
Phó Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2018 Nghìn VND	Tập đoàn 2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	Công ty 2017 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế	01	828.112.544	292.122.452	1.757.699	11.265
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao và phân bổ	02	1.235.908.778	1.181.620.078	-	-
Các khoản dự phòng	03	41.014.656	43.347.293	-	-
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.989.532	(5.824.568)	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(27.848.288)	(5.741.539)	(44.669.471)	(14.265)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	1.079.797.011	1.012.994.177	40.619.178	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	3.163.974.233	2.518.517.893	(2.292.594)	(3.000)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(982.999.214)	(454.833.910)	2.242.378	(2.242.379)
Biến động hàng tồn kho	10	(236.951.168)	(296.677.753)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	131.197.383	187.603.914	2.800.367	(181.160)
Biến động chi phí trả trước	12	(93.222.743)	(4.225.567)	-	-
		1.981.998.491	1.950.384.577	2.750.151	(2.426.539)
Tiền lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(1.048.441.244)	(921.866.185)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.533.036)	(14.478.165)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	897.024.211	1.014.040.227	2.750.151	(2.426.539)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.076.471.346)	(940.730.520)	-	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.452.381	1.056.182	-	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(5.900.000)	(32.500.000)	-	-
Khoản đóng góp theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”)	23	-	-	(2.500.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	24	32.500.000	-	-	-
Tiền chi mua lại phần vốn góp của cổ đông không kiểm soát	25	(695.653.481)	-	-	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	25.871.532	9.502.550	54.796	28.262.675
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.718.200.914)	(962.671.788)	(2.499.945.204)	28.262.675

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2018 Nghìn VND	Tập đoàn 2017 Nghìn VND	Công ty 2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tiền thu từ đi vay	33	7.517.713.852	2.638.264.656	2.500.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay, trái phiếu và chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	(6.999.320.201)	(2.467.586.590)	-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(9.026.327)	(16.271.187)	-	-
Tiền trả cổ tức	36	-	(26.249.448)	-	(26.249.448)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	509.367.324	128.157.431	2.500.000.000	(26.249.448)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(311.809.379)	179.525.870	2.804.947	(413.312)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	780.414.201	603.345.037	483.619	896.931
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(1.384.562)	(2.456.706)	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	467.220.260	780.414.201	3.288.566	483.619

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Rajul Bagrodia
Phó Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty” hoặc “MSR”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của các công ty con như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại 31/12/2018 1/1/2018	
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Khai thác và chế biến khoáng sản	100%	100%
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (trước đây là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck – thay đổi từ ngày 11/9/2018) (Thuyết minh 5)	Chế biến kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%	51%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con.

Tất cả các công ty con của Công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 2 nhân viên (1/1/2018: 2 nhân viên) và Tập đoàn có 1.403 nhân viên (1/1/2018: 1.363 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Ngàn VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với các đơn vị này.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua. Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo hợp nhất (“Thông tư 202”), được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(v) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

(ii) Khấu hao

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Tài sản cố định hữu hình của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo đơn vị sản phẩm là như sau:

Tại ngày 31/12/2018 và 1/1/2018

Nhà máy ST
Nhà máy APT

125.140 tấn vonfram
120.265 tấn vonfram

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác	19 năm

(h) Tài sản cố định thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(ii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba (3) năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, tái định cư và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty góp vốn dưới hình thức tài sản tài chính cho các bên khác và do đó tiếp nhận một quyền hợp đồng – được nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác từ các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận tài sản tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận từ các bên khác của HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là thu nhập tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là thu nhập khi kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật khoáng sản năm 2010, một công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 203/2013, Nghị định 158/2016/ND-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158/2016”) và Thông tư 38/2017/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2017 (“Thông tư 38”).

Theo Nghị định 158/2016 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2017, quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo Thông tư 38, Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) hướng dẫn phương pháp quy đổi dựa vào các thông số khác nhau để xác định hệ số quy đổi để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 158/2016.

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của MONRE và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản nếu nghĩa vụ về đóng cửa và phục hồi môi trường là không thể tránh khỏi đối với việc xây dựng tài sản. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(o) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(p) Vốn chủ sở hữu

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu này hưởng cổ tức cố định, đồng thời vẫn có quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ phiếu phổ thông và quyền bình đẳng đối với các tài sản còn lại của Công ty. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu ưu đãi được ghi nhận như một khoản giảm thặng dư vốn.

(iii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các biến động vốn chủ sở hữu do việc mua hoặc thanh lý cổ phần cho cổ đông không kiểm soát và các giao dịch liên quan đến công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào “Vốn khác của chủ sở hữu” trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, ngày áp dụng phi hồi tố của Thông tư 202 (Thuyết minh 3(a)(iii)).

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm, nếu có, trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được xác định bằng kết quả kinh doanh trong năm phân bổ cho số lượng cổ phiếu phổ thông và các công cụ chứng khoán vốn. Phương thức phân bổ này dựa trên quyền được phân chia lợi nhuận của các loại cổ phiếu khác nếu toàn bộ lợi nhuận hoặc lỗ được phân chia.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng không bao gồm các loại công cụ tài chính đi kèm điều khoản bắt buộc chuyển đổi.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và vùng địa lý theo thứ tự tương ứng.

(x) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018

	Đồng VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	942.301.136	1.381.223.555	4.215.790.172	325.696.012	6.865.010.875
Lợi nhuận gộp của bộ phận	530.675.974	876.394.721	673.358.748	81.032.148	2.161.461.591
Chi phí không phân bổ					231.354.203
Thu nhập từ hoạt động tài chính					126.790.749
Chi phí tài chính					1.204.829.996
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					852.068.141
Thu nhập khác					2.098.777
Chi phí khác					26.054.374
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					18.110.865
Lợi nhuận thuần sau thuế					810.001.679

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	734.678.468	1.086.632.503	3.220.111.419	363.222.711	5.404.645.101
Lợi nhuận gộp của bộ phận	452.041.373	658.824.479	468.982.641	111.033.990	1.690.882.483
Chi phí không phân bổ					260.240.287
Thu nhập từ hoạt động tài chính					41.999.592
Chi phí tài chính					1.137.924.018
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					334.717.770
Thu nhập khác					2.254.261
Chi phí khác					44.849.579
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					(9.003.312)
Lợi nhuận thuần sau thuế					301.125.764

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	186.484.856	972.966.046	2.004.682.073	1.270.847.365	4.434.980.340
Tài sản không phân bổ					23.514.145.227
Tổng tài sản					27.949.125.567
Tổng nợ phải trả					15.823.171.322
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018				Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	200.633.583	1.044.504.878	2.116.034.761	1.367.325.434	4.728.498.656
Tài sản không phân bổ					22.415.712.206
Tổng tài sản					27.144.210.862
Tổng nợ phải trả					15.132.604.815

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018

Chi tiêu vốn của bộ phận
 Chi tiêu vốn không phân bổ
 Khấu hao tài sản cố định
 Khấu hao tài sản cố định không phân bổ
 Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh
 chung không phân bổ theo bộ phận

	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
	12.582.007	40.755.435	141.991.766	858.003	196.187.211
	14.148.728	73.665.368	145.814.184	96.478.087	880.284.135
					330.106.367
					863.302.836
					209.398.773

Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017

Chi tiêu vốn của bộ phận
 Chi tiêu vốn không phân bổ
 Khấu hao tài sản cố định
 Khấu hao tài sản cố định không phân bổ
 Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh
 chung không phân bổ theo bộ phận

	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
	-	24.189.965	263.377.029	4.295.613	291.862.607
	14.461.260	75.293.663	144.252.892	98.633.905	648.867.913
					332.641.720
					806.763.861
					213.613.268

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý chính như sau:

	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Cộng hòa Séc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 31/12/2018								
Doanh thu	991.899.199	1.262.874.650	813.509.380	995.738.741	655.357.744	1.404.428.741	741.202.420	6.865.010.875
bán ra ngoài								
Tài sản của bộ phận	27.949.125.567	-	-	-	-	-	-	27.949.125.567
Chi tiêu vốn	1.076.471.346	-	-	-	-	-	-	1.076.471.346

	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Cộng hòa Séc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Từ ngày 1/1/2017 đến ngày 31/12/2017								
Doanh thu	773.289.698	633.523.148	634.725.734	584.399.940	808.668.959	1.029.182.050	940.855.572	5.404.645.101
bán ra ngoài								
Tài sản của bộ phận	27.144.210.862	-	-	-	-	-	-	27.144.210.862
Chi tiêu vốn	940.730.520	-	-	-	-	-	-	940.730.520

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) mua 49% sở hữu còn lại của công ty H.C Starck GmbH (“HCS”) tại Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (trước đây là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck). Sau giao dịch mua lại này, MSR nắm giữ 100% sở hữu tại MTC tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Giao dịch mua lại này có những ảnh hưởng sau:

	Nghìn VND
Chi phí mua lại	695.653.481
Tài sản thuần thu được	(557.015.374)
Chênh lệch ghi nhận trong lợi nhuận chưa phân phối	138.638.107
	Nghìn VND
Chi phí mua lại bao gồm:	
Mua lại vốn	677.959.875
Chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại	17.693.606
	695.653.481

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền mặt	138.199	154.080	-	-
Tiền gửi ngân hàng	263.310.842	77.774.081	234.588	83.619
Tiền đang chuyển	-	4.542.040	-	-
Các khoản tương đương tiền	203.771.219	697.944.000	3.053.978	400.000
	467.220.260	780.414.201	3.288.566	483.619

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn				
Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (a)	10.000.000	10.000.000	-	-
Phân phối lợi nhuận phải thu từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) (b)	-	-	44.598.599	-
Phải thu ngắn hạn khác (c)	466.781.196	410.152.488	72.118	2.298.420
	476.781.196	420.152.488	44.670.717	2.298.420
Phải thu dài hạn				
Chi phí đi vay – NPM (d)	-	-	909.990.962	909.990.962
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND Tỉnh Thái Nguyên (e)	1.303.754.210	1.319.793.389	-	-
Phải thu theo HĐHTKD (f)	-	-	2.500.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	31.553.420	27.000.548	-	-
	1.335.307.630	1.346.793.937	3.409.990.962	909.990.962

- (a) Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường từ công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (b) Phải thu ngắn hạn phản ánh khoản phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh hiện tại mà Công ty đã ký kết với các công ty con của Công ty là NPM và MTC (Thuyết minh 7(f)).
- (c) Một phần khoản phải thu ngắn hạn khác là khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung gian không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (d) Khoản phải thu dài hạn từ một công ty con không có đảm bảo, thu được vào tháng 12 năm 2020 và không chịu lãi.
- (e) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (f) Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản đóng góp cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) theo các Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sau đó được sửa đổi 3 lần theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá lần lượt 1.000 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với NPM. Các HĐHTKD này có thời gian hợp tác lần lượt là ba mươi sáu (36) tháng và sáu mươi (60) tháng kể từ khi NPM nhận được tiền từ HĐHTKD. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản đóng góp cho Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sau đó được sửa đổi 2 lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. HĐHTKD này có thời gian hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ khi MTC nhận được tiền từ HĐHTKD. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

8. Hàng tồn kho

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	25.063.836	23.743.788	-	-
Nguyên vật liệu	166.017.804	191.813.054	-	-
Công cụ và dụng cụ	556.865.086	571.169.311	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	139.900.326	76.753.984	-	-
Thành phẩm	746.927.733	420.995.855	-	-
Hàng gửi đi bán	11.239.353	124.586.977	-	-
	1.646.014.138	1.409.062.969	-	-

9. Phải thu về cho vay dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ một công ty liên quan	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100

Khoản phải thu về cho vay từ một công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo các điều khoản của hợp đồng chuyển đổi, Công ty có quyền chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp trước hoặc vào ngày đáo hạn của khoản vay.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn:

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	4.243.033.707	12.480.157.847	41.195.861	19.787.186	5.026.291.284	21.810.465.885
Tăng trong năm	-	2.622.544	742.913	-	-	3.365.457
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	455.150.296	141.885.779	-	4.786.840	-	601.822.915
Thanh lý	-	-	-	(4.615.741)	-	(4.615.741)
Số dư cuối năm	4.698.184.003	12.624.666.170	41.938.774	19.958.285	5.026.291.284	22.411.038.516
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	554.998.417	2.137.722.944	33.164.481	15.667.481	717.187.758	3.458.741.081
Khấu hao trong năm	251.305.392	728.039.111	3.454.242	1.850.236	204.273.555	1.188.922.536
Thanh lý	-	-	-	(4.568.382)	-	(4.568.382)
Số dư cuối năm	806.303.809	2.865.762.055	36.618.723	12.949.335	921.461.313	4.643.095.235
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.688.035.290	10.342.434.903	8.031.380	4.119.705	4.309.103.526	18.351.724.804
Số dư cuối năm	3.891.880.194	9.758.904.115	5.320.051	7.008.950	4.104.829.971	17.767.943.281

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 36.275 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 36.480 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 12.361 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (1/1/2018: 12.663 tỷ VND) (Thuyết minh 19(b)(i)).

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Tập đoàn:

	Máy móc và thiết bị Nghìn VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	67.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	62.813.333
Khấu hao trong năm	4.486.667
Số dư cuối năm	67.300.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.486.667
Số dư cuối năm	-

Công ty con của Công ty - Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính căn cứ vào các điều kiện và điều khoản thuê. Thiết bị thuê này đảm bảo các nghĩa vụ thuê (Thuyết minh 19(b)(ii)).

Bao gồm trong chi phí cho thuê tài chính tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản cố nguyên giá là 67.300 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: Không) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn:

	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	99.907.214	588.370.818	688.278.032
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	49.405.523	97.019.701	146.425.224
Khấu hao trong năm	11.949.246	30.550.329	42.499.575
Số dư cuối năm	61.354.769	127.570.030	188.924.799
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	50.501.691	491.351.117	541.852.808
Số dư cuối năm	38.552.445	460.800.788	499.353.233

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 12.145 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 10.127 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 498 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (1/1/2018: 540 tỷ VND) (Thuyết minh 19(b)(i)).

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập đoàn:

	2018	2017
	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu năm	987.802.403	1.681.618.571
Tăng trong năm	1.064.767.221	802.396.482
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(601.822.915)	(1.440.359.745)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(10.337.244)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	(4.693.269)	(45.515.661)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(16.874.539)	-
Số dư cuối năm	1.429.178.901	987.802.403

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trị giá 41 tỷ VND (2017: 92 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của NPM chủ yếu phản ánh chi phí phát triển mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến khu chứa đuôi quặng, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM.

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Đầu tư vào một công ty con				
Đầu tư vào MRTN	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Dưới đây là thông tin về các công ty con được hợp nhất (Thuyết minh 1) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (trước đây là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck)	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

MTC là công ty con của NPM. TNTI và NPM là các công ty con của MRTN. MRTN là công ty con của Công ty.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn:

	Chi phí trước hoạt động Nghìn VND	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	2.093.948	1.081.306.579	2.000.000	1.303.896.280	51.563.205	2.440.860.012
Tăng trong năm	-	-	-	270.210.959	13.157.599	283.368.558
Chuyển từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13)	-	4.693.269	-	-	-	4.693.269
Chuyển từ phải thu dài hạn	-	14.419.287	-	-	-	14.419.287
Phân bổ trong năm	(2.093.948)	(68.796.442)	(2.000.000)	(84.300.275)	(9.708.533)	(166.899.198)
Số dư cuối năm	-	1.031.622.693	-	1.489.806.964	55.012.271	2.576.441.928

Tiền đóng góp cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên

Ngày 20 tháng 7 năm 2010, NPM đã ký thỏa thuận với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên, theo đó bắt đầu từ năm 2015 NPM cam kết đóng góp 1 triệu USD mỗi năm cho Kho bạc nhà nước Tỉnh Thái Nguyên trong thời hạn của Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Số tiền đóng góp sẽ được xem xét và điều chỉnh 5 năm một lần nhưng không tăng quá 15%.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tập đoàn:

	1/1/2018	Số phải nộp	Số đã nộp/bù	31/12/2018
	Nghìn VND	trong năm	trừ trong năm	Nghìn VND
		Nghìn VND	Nghìn VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	611.025.866	(611.025.866)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	186.761.323	(186.761.323)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.324.167	35.190.165	(36.533.036)	34.981.296
Thuế bảo vệ môi trường	-	6.549.018	(6.549.018)	-
Thuế thu nhập cá nhân	34.813.111	149.895.326	(154.925.476)	29.782.961
Thuế tài nguyên	-	555.686.881	(555.686.881)	-
Các loại thuế khác	3.420.920	23.308.636	(24.723.310)	2.006.246
	74.558.198	1.568.417.215	(1.576.204.910)	66.770.503

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền thưởng	83.288.151	50.729.204	-	-
Tiền lãi vay phải trả	280.911.923	314.419.346	40.619.178	-
Chi phí tài chính khác	6.486.066	2.264.974	-	-
Thuế và phí tài nguyên	10.034.090	145.839.605	-	-
Chi phí xây dựng phải trả	80.589.745	57.969.060	-	-
Phí tư vấn	2.238.200	1.126.242	-	-
Chi phí hoạt động	271.254.527	214.477.204	-	-
Chi phí phải trả khác	5.943	1.380.829	395.100	424.490
	734.808.645	788.206.464	41.014.278	424.490

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Ngắn hạn:				
Phải trả cho Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (“MH”) – công ty mẹ cấp trung gian				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	2.511.785	2.511.785	2.511.785	2.511.785
Phải trả cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo – công ty con				
Phi thương mại – ngắn hạn (a)	-	-	10.294.685	10.294.685
Phải trả khác cho các bên thứ ba				
Phải trả khác – ngắn hạn	65.383.070	1.407.393	3.221.949	100.000
	67.894.855	3.919.178	16.028.419	12.906.470

Dài hạn:

Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất

Chi phí tài chính – dài hạn (b)	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175
---------------------------------	---------------	---------------	-------------	-------------

- (a) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.
- (b) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và sẽ được thanh toán trong tháng 12 năm 2020.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tập đoàn:

	1/1/2018			Biến động trong năm			31/12/2018		
	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	Phân loại lại từ vay dài hạn Nghìn VND	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	
Vay ngắn hạn	2.397.131.326	2.397.131.326	3.517.713.852	(3.456.320.201)	8.836.058	-	2.467.361.035	2.467.361.035	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh (b))	1.007.662.690	1.007.662.690	-	(1.009.026.327)	-	1.363.637	-	-	-
	3.404.794.016	3.404.794.016	3.517.713.852	(4.465.346.528)	8.836.058	1.363.637	2.467.361.035	2.467.361.035	

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	1.160.156.910	903.910.500	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND	808.600.820	567.938.909	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	201.929.965	321.343.941	-	-
Khoản vay từ một nhà đầu tư của một công ty con (iii)	USD	-	603.937.976	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv)	USD	296.673.340	-	-	-
		2.467.361.035	2.397.131.326	-	-

- (i) Khoản vay bằng USD từ một bên liên quan chịu lãi suất từ 4,01% đến 4,78% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Tại ngày báo cáo, các khoản vay này được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan nắm giữ.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Khoản vay bằng USD và VND chịu lãi suất tương ứng trong khoảng 4,5% đến 5,5% một năm và từ 6,8% đến 10,3% một năm.
- (iii) Khoản vay bằng USD từ một nhà đầu tư trước đây của một trong các công ty con. Khoản vay không được đảm bảo và chịu lãi suất 6% một năm.
- (iv) Khoản vay bằng USD từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan nắm giữ. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD chịu lãi suất trong khoảng từ 5% đến 5,2% một năm.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn (i)	9.491.007.736	8.966.563.605	2.500.000.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	-	9.026.327	-	-
	9.491.007.736	8.975.589.932	2.500.000.000	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh (a))	-	(1.007.662.690)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	9.491.007.736	7.967.927.242	2.500.000.000	-

(i) Trái phiếu dài hạn

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

		Năm đáo hạn	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(a)	2018	-	998.636.363	-	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(b)	2020	5.519.052.180	7.967.927.242	-	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(c)	2020	994.333.333	-	-	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(d)	2023	496.333.333	-	-	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(e)	2021	992.888.890	-	1.000.000.000	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(f)	2023	1.488.400.000	-	1.500.000.000	-
			9.491.007.736	8.966.563.605	2.500.000.000	-

Giá trị phát hành trái phiếu có đảm bảo này ở cấp Tập đoàn được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp
 phát hành trái phiếu.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (a) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”) phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 2,0%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) sử dụng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với TNTI và được đảm bảo bằng 21,64% số cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan. Toàn bộ số trái phiếu này đã được hoàn trả trong tháng 6 năm 2018.
- (b) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được NPM sử dụng và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM.
- (c) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 9,5% một năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,44% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.
- (d) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,22% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.
- (e) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 9,8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,58% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với NPM (Thuyết minh 7(f)).
- (f) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 15,65% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan. Đại diện của các trái chủ là Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương. Khoản tiền nhận được từ số trái phiếu trên được sử dụng cho HĐHTKD với Công ty TNHH Vonfram Masan (Thuyết minh 7(f)).

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	1/1/2018		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính Nghìn VND	Tiền lãi thuê Nghìn VND	Nợ gốc Nghìn VND
Trong vòng 1 năm	9.398.868	372.541	9.026.327

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.282.349	14.686.791	-	-

(ii) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất	613.430.657	643.914.399	-	-

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh các năm trước của một số đơn vị trong Tập đoàn, các khoản lỗ tính thuế này có thể được chuyển sang năm sau trong khoảng thời gian đến 5 năm:

	Số lỗ được khấu trừ	
	Tập đoàn Nghìn VND	Công ty Nghìn VND
Lỗ tính thuế lũy kế 5 năm	6.501.066	1.846.420
Trong đó:		
Đã quyết toán với cơ quan thuế	4.194.764	-
Chưa quyết toán – tùy thuộc kết quả kiểm tra của cơ quan thuế (*)	2.306.302	1.846.420
	6.501.066	1.846.420

(*) Khoản lỗ tính thuế này có thể có thay đổi tùy thuộc kết quả kiểm tra và thanh tra của cơ quan thuế.

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

<u>Tập đoàn:</u>	Khôi phục hiện trường Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	24.343.637	500.451.642	524.795.279
Dự phòng lập trong năm	1.874.460	39.140.197	41.014.657
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(73.145.652)	(73.145.652)
Số dư cuối năm	26.218.097	466.446.187	492.664.284

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Tập đoàn:

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Vốn khác của chủ sở hữu Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.551.804.716	11.394.921.973	315.558.310	11.710.480.283
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	205.914.056	205.914.056	95.211.708	301.125.764
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.757.718.772	11.600.836.029	410.770.018	12.011.606.047
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	663.756.323	663.756.323	146.245.356	810.001.679
Phát hành cổ phiếu thường	1.798.617.940	(1.798.617.940)	-	-	-	-	-
Mua phần vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(138.638.107)	(138.638.107)	(557.015.374)	(695.653.481)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	8.993.091.220	145.709.384	(295.683.347)	3.282.836.988	12.125.954.245	-	12.125.954.245

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.194.473.280	1.944.327.324	304.980.638	9.443.781.242
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	11.265	11.265
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	7.194.473.280	1.944.327.324	304.991.903	9.443.792.507
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.757.699	1.757.699
Phát hành cổ phiếu thưởng	1.798.617.940	(1.798.617.940)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	8.993.091.220	145.709.384	306.749.602	9.445.550.206

23. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND	Số cổ phiếu	Nghìn VND
Vốn cổ phần được duyệt	899.309.122	8.993.091.220	719.447.328	7.194.473.280
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	899.309.122	8.993.091.220	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	15.902.430	159.024.300
	899.309.122	8.993.091.220	719.447.328	7.194.473.280
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	899.309.122	8.993.091.220	703.544.898	7.035.448.980
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	15.902.430	159.024.300
	899.309.122	8.993.091.220	719.447.328	7.194.473.280
Thặng dư vốn cổ phần	-	145.709.384	-	1.944.327.324

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ phiếu ưu đãi có mệnh giá 10.000 VND và bắt buộc phải chuyển đổi thành một số lượng cố định cổ phiếu phổ thông khi kết thúc thời hạn của thỏa thuận cổ phiếu ưu đãi hoặc khi phát sinh các sự kiện nguyên nhân quy định trong thỏa thuận. Các cổ phiếu ưu đãi cũng cho phép bên nắm giữ được quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ đông phổ thông tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ ngoài khoản cổ tức cố định trả bằng tiền với mức 3% một năm tính trên vốn gốc trong năm đầu tiên và 10% một năm tính trên vốn gốc trong thời gian còn lại tính đến ngày 25 tháng 1 năm 2017. Ngày 16 tháng 5 năm 2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt việc chuyển đổi 15.902.430 cổ phiếu ưu đãi cổ tức do Công ty phát hành thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ chuyển đổi 1/1.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

Biến động của Vốn cổ phần và Thặng dư vốn cổ phần trong năm như sau:

	2018	
	Số cổ phiếu	Ngìn VND
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số dư đầu năm	719.447.328	7.194.473.280
Phát hành cổ phiếu thưởng	179.861.794	1.798.617.940
Số dư cuối năm	899.309.122	8.993.091.220
Thặng dư vốn cổ phần		
Số dư đầu năm	-	1.944.327.324
Phát hành cổ phiếu thưởng	-	(1.798.617.940)
Số dư cuối năm	-	145.709.384

Ngày 1 tháng 8 năm 2018, Công ty công bố kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng thông qua việc tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần như đã được phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 138/2018/NQ-ĐHĐCĐ. Tại ngày danh sách cổ đông đã hưởng quyền, ngày 31 tháng 8 năm 2018, mỗi cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu phổ thông hiện tại nhận được thêm 25 cổ phiếu thưởng. Ngày 28 tháng 9 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty ra Nghị quyết phê duyệt phát hành cổ phiếu thưởng để tăng 1.798.617.940.000 VND vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu đối với 179.861.794 cổ phiếu. Ngày 8 tháng 10 năm 2018, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 638/QĐ-SGDHN phê duyệt việc tăng vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu đối với 179.861.794 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn	
	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND
Trong vòng một năm	2.460.000	2.806.500
Trong vòng hai đến năm năm	5.740.000	9.791.000
Sau năm năm	-	2.079.000
	8.200.000	14.676.500

(b) Ngoại tệ các loại

Tập đoàn:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	9.766.512	227.402.336	2.767.589	62.713.581

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn:

	31/12/2018	1/1/2018
	Nghìn VND	Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	16.433.002	9.577.438

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

<u>Tập đoàn:</u>	31/12/2018 Nghìn VND	1/1/2018 Nghìn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	24.397.849	4.676.153
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	57.111.513	267.822.247
	81.509.362	272.498.400

(e) Điều chỉnh giá bán chính thức

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(r), Tập đoàn có các cam kết theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường niêm yết trong tương lai tại London Metal Bulletin (“LMB”) tại ngày định giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu tại ngày giao dịch. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày định giá chính thức sau ngày kết thúc kỳ kế toán này.

Tổng doanh thu tính theo giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã ghi nhận trên cơ sở ước tính sơ bộ là 384 tỷ VND (31/12/2017: 65 tỷ VND).

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu của Tập đoàn thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018	2017	2018	2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Lãi từ hoạt động tài chính	26.443.265	9.505.661	70.872	14.265
Lãi chênh lệch tỷ giá	59.710.104	31.244.195	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	40.637.380	1.249.736	-	-
Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	-	-	44.598.599	-
	126.790.749	41.999.592	44.669.471	14.265

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	997.110.422	924.623.381	40.619.178	-
Chi phí đi vay	82.686.589	88.370.796	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	62.956.445	29.937.581	-	-
Chi phí tài chính khác	62.076.540	94.992.260	136.856	-
	1.204.829.996	1.137.924.018	40.756.034	-

28. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện hành	35.190.165	36.841.033	-	-
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại				
Hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(17.079.300)	(45.844.345)	-	-
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp	18.110.865	(9.003.312)	-	-

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018	2017	2018	2017
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Lợi nhuận trước thuế	828.112.544	292.122.452	1.757.699	11.265
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	165.622.509	58.424.490	351.540	2.253
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.924.546	9.351.549	-	-
Ưu đãi thuế	(81.283.126)	(48.822.813)	-	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(75.159.542)	(33.625.258)	-	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(351.540)	(9.151.359)	(351.540)	(2.253)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	37.589	-	-
Biến động chênh lệch tạm thời	7.358.018	14.782.490	-	-
	18.110.865	(9.003.312)	-	-



Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo quy định hiện hành. Một số công ty con của Công ty được hưởng các ưu đãi thuế đáng kể như sau:

- Ngày 25 tháng 3 năm 2015, một công ty con của Công ty được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao. Do đó công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2029). Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm đầu tính từ năm công ty con này được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao (2015-2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2019-2027).
- Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành, một công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng trong 12 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (2014-2025) và thuế suất thuế thu nhập thông thường theo Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành cho các năm sau. Các quy định hiện hành về thuế cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014-2016) và giảm 50% thuế thu nhập trong 8 năm tiếp theo (2017-2024).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể khiến cho rủi ro về thuế tại Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 658.330 triệu VND (2017: 201.363 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 891.956.971 cổ phiếu (điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: 879.431.085 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông

	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Lợi nhuận thuần thuộc về:		
Cổ đông ưu đãi	5.426.428	4.551.457
Cổ đông phổ thông	658.329.895	201.362.599
	663.756.323	205.914.056

(b) Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền

	2018	2017 (Điều chỉnh lại)
Số lượng cổ phiếu đã phát hành đầu năm	703.544.898	703.544.898
Chuyển đổi cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu phổ thông ngày 16/5/2018	10.020.709	-
Phát hành cổ phiếu thưởng ngày 31/08/2018	178.391.364	175.886.187
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	891.956.971	879.431.085

Sau khi phát hành cổ phiếu thưởng trong năm 2018 (Thuyết minh 23), số cổ phiếu phổ thông được phát hành cho các cổ đông hiện hữu không phát sinh phụ trội, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ hiện tại và tất cả các kỳ trình bày phải được điều chỉnh cho các sự kiện tạo ra sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến thay đổi về nguồn vốn. Theo đó, Ban Giám đốc của Công ty đã điều chỉnh số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm 2017.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số liệu trình bày cho các năm trước được điều chỉnh như sau:

	2017
Số cổ phiếu đã phát hành đầu năm và cuối năm – theo báo cáo tài chính các năm trước	703.544.898
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng ngày 31/08/2018	175.886.187
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 – đã điều chỉnh	<u>879.431.085</u>

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tập đoàn và Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính và trong năm tài chính như sau.

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn và Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Tập đoàn tương đương với 829.388 triệu VND (1/1/2018: Không) và 1.499.990 triệu VND (1/1/2018: Không).

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, một công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Công ty tương đương với 282.090 triệu VND (1/1/2018: Không) và 1.499.990 triệu VND (1/1/2018: Không).

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn:

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Lãi trái phiếu	17.260.159	-
Bên liên quan của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	109.606.407	93.871.473
	Khoản vay nhận được	1.651.044.370	1.194.606.629
	Khoản vay đã trả	1.406.718.782	977.695.578
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*)	3.800.000.000	-
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (**)	29.448.024	23.444.644
Hội đồng Quản trị			
Thành viên thuộc Hội đồng Quản trị	Bán hàng cho một công ty liên quan của một thành viên	720.924.481	-

Công ty:

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2018 Nghìn VND	2017 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Lãi trái phiếu	17.260.159	-
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*)	2.500.000.000	-
Các công ty con			
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Doanh thu tài chính nhận được	-	28.249.448
	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	32.922.901	-
	Góp vốn cho HĐHTKD	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Vonfram Masan			
	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	11.675.698	-
	Góp vốn cho HĐHTKD	1.000.000.000	-

(*) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo một thỏa thuận thu xếp giao dịch.

(**) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2018	2017	2018	2017
	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Chuyển lãi vay phải trả thành gốc vay	-	34.097.152	-	-

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Rajul Bagrodia
Phó Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

NH
L
N

P-C.T.C.P
CHI MINH

**Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
và các công ty con**

Báo cáo tài chính quý cho giai đoạn
kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan

Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0309966889

ngày 3 tháng 10 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 3 tháng 10 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41122000131

ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San”. Dự án đầu tư có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

Hội đồng Quản trị

Ông Chetan Prakash Baxi

Chủ tịch

(từ nhiệm ngày 16/4/2019 và được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 19/4/2019)

Ông Danny Le

Chủ tịch

(bổ nhiệm và được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 19/4/2019)

Tiến sỹ Nguyễn Đăng Quang

Thành viên

Ông Nguyễn Thiệu Nam

Phó Chủ tịch thứ nhất

(bổ nhiệm và được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 19/4/2019)

Ông Dominic John Heaton

Thành viên

(từ nhiệm ngày 26/7/2018 và được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 19/4/2019)

Ông Nguyễn Văn Thắng

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw

Tổng Giám đốc

Ông Stuart James Wells

Giám đốc tài chính

(Bổ nhiệm ngày 7/3/2019)

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2019

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

			<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Mã số	Thuyết minh	31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.700.418.693	4.333.718.245	61.124.044	47.959.283
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	121.183.060	467.220.260	3.725.431	3.288.566
Tiền	111		90.090.566	263.449.041	1.025.431	234.588
Các khoản tương đương tiền	112		31.092.494	203.771.219	2.700.000	3.053.978
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.067.900.642	1.612.852.955	57.398.613	44.670.717
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		491.572.338	960.321.689	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		131.863.002	175.750.070	337.537	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	6	444.465.302	476.781.196	57.061.076	44.670.717
Hàng tồn kho	140	7	2.696.068.419	1.646.014.138	-	-
Hàng tồn kho	141		2.696.068.419	1.646.014.138	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		815.266.572	607.630.892	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		89.435.525	45.996.377	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		725.831.047	561.634.515	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		23.516.400.601	23.615.407.322	12.495.844.635	12.495.844.635
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.335.391.743	1.335.307.630	7.355.509.062	7.355.509.062
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100
Các khoản phải thu dài hạn khác	216	6	1.335.391.743	1.335.307.630	3.409.990.962	3.409.990.962
Tài sản cố định	220		17.973.942.976	18.267.296.514	-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	9	17.485.132.340	17.767.943.281	-	-
Nguyên giá	222		22.409.307.465	22.411.038.516	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.924.175.125)	(4.643.095.235)	-	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	-	-	-	-
Nguyên giá	225		67.300.000	67.300.000	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(67.300.000)	(67.300.000)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	488.810.636	499.353.233	-	-
Nguyên giá	228		688.278.032	688.278.032	137.950	137.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(199.467.396)	(188.924.799)	(137.950)	(137.950)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.613.933.012	1.429.178.901	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.613.933.012	1.429.178.901	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.900.000	5.900.000	5.140.335.573	5.140.335.573
Đầu tư vào công ty con	251	13	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.900.000	5.900.000	-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.587.232.870	2.577.724.277	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.587.232.870	2.576.441.928	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	-	1.282.349	-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		28.216.819.294	27.949.125.567	12.556.968.679	12.543.803.918

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		16.094.297.721	15.823.171.322	3.110.670.266	3.098.253.712
Nợ ngắn hạn	310		4.420.686.651	4.101.944.806	69.596.091	57.179.537
Phải trả người bán ngắn hạn	311		517.629.850	526.342.610	-	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		257.056.169	238.767.158	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	44.152.292	66.770.503	-	136.840
Phải trả người lao động	314		63.784	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	451.344.214	734.808.645	56.789.621	41.014.278
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	2.966.482	67.894.855	12.806.470	16.028.419
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18(a)	3.147.473.860	2.467.361.035	-	-
Nợ dài hạn	330		11.673.611.070	11.721.226.516	3.041.074.175	3.041.074.175
Phải trả dài hạn khác	337	17	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18(b)	9.506.255.637	9.491.007.736	2.500.000.000	2.500.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	614.088.105	613.430.657	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	429.143.489	492.664.284	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.122.521.573	12.125.954.245	9.446.298.413	9.445.550.206
Vốn chủ sở hữu	410	21	12.122.521.573	12.125.954.245	9.446.298.413	9.445.550.206
Vốn cổ phần	411	22	8.993.091.220	8.993.091.220	8.993.091.220	8.993.091.220
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.993.091.220	8.993.091.220	8.993.091.220	8.993.091.220
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	145.709.384	145.709.384	145.709.384	145.709.384
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(295.683.347)	(295.683.347)	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.279.404.316	3.282.836.988	307.497.809	306.749.602
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		3.277.935.320	2.757.718.772	306.749.602	304.991.903
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.468.996	525.118.216	748.207	1.757.699
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		28.216.819.294	27.949.125.567	12.556.968.679	12.543.803.918

Ngày 23 tháng 04 năm 2019

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Thanh Mai
 Kế toán trưởng


 Stuart James Wells
 Giám đốc Tài chính



 Craig Richard Bradshaw
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng	01	28	1.188.212.681	1.487.044.395	-	-
Giá vốn hàng bán	11		833.904.835	974.394.718	-	-
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		354.307.846	512.649.677	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	11.838.844	16.241.222	62.091.230	12.710
Chi phí tài chính	22	26	306.422.573	284.118.570	61.197.069	-
Chi phí bán hàng	25		20.721.525	31.136.397	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		26.581.396	35.107.586	145.954	4.604
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		12.421.196	178.528.346	748.207	8.106
Thu nhập khác	31		968.182	814.623	-	-
Chi phí khác	32		5.830.000	5.792.667	-	-
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(4.861.818)	(4.978.044)	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	7.559.378	173.550.302	748.207	8.106
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.150.585	6.084.587	-	-
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	1.939.797	182.989	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52)	60	1.468.996	167.282.726	748.207	8.106
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:		VND'000	VND'000		
Chủ sở hữu của Công ty	61	1.468.996	117.044.997		
Cổ đông không kiểm soát	62	-	50.237.729		
		VND	VND		
Lãi trên cổ phiếu					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2	130	

Ngày 23 tháng 04 năm 2019

Người lập:


 Nguyễn Thị Thanh Mai
 Kế toán trưởng

Người kiểm tra:


 Stuart James Wells
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



 Craig Richard Bradshaw
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		Tập đoàn		Công ty	
	Mã số	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế	01	7.559.378	173.550.302	748.207	8.106
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao và phân bổ	02	295.601.501	299.180.945	-	-
Các khoản dự phòng	03	9.624.856	10.253.664	-	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.766.494	5.308.424	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.210.405)	(7.686.040)	(62.091.230)	(12.710)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	280.671.284	265.253.213	61.197.069	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	594.013.108	745.860.508	(145.954)	(4.604)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	397.804.587	8.737.600	112.351	2.235.780
Biến động hàng tồn kho	10	(1.050.054.280)	(113.676.778)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(171.584.310)	(213.446.071)	(599.393)	(429.000)
Biến động chi phí trả trước	12	(55.679.312)	(36.079.977)	-	-
		(285.500.207)	391.395.282	(632.996)	1.802.176
Tiền lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(384.893.887)	(448.815.723)	(48.643.644)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(35.050.000)	(36.344.168)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(705.444.094)	(93.764.609)	(49.276.640)	1.802.176
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(314.921.020)	(333.351.349)	-	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	968.182	763.636	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	-	(5.900.000)	-	-
Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	-	32.500.000	-	-
Tiền chi mua lại phần vốn góp của cổ đông không kiểm soát	25	(4.901.663)	-	-	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.335.791	6.916.381	49.713.505	5.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(316.518.710)	(299.071.332)	49.713.505	5.971

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Tập đoàn		Công ty	
	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	1.754.877.392	857.857.202	-
Tiền trả nợ gốc vay và chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	(1.078.662.400)	(780.309.419)	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(2.939.180)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	676.214.992	74.608.603	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(345.747.812)	(318.227.338)	436.865
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	467.220.260	780.414.201	3.288.566
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(289.388)	(732.618)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	121.183.060	461.454.245	3.725.431
				2.291.766

Ngày 23 tháng 04 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:


Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“Công ty” hoặc “MSR”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Báo cáo tài chính hợp nhất quý bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của các công ty con như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế Tại ngày 31/3/2019 và 1/1/2019
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Tư vấn quản lý	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Tư vấn quản lý	100%
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	Khai thác và chế biến khoáng sản	100%
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”)	Chế biến kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con.

Tất cả các công ty con của Công ty được thành lập tại Việt Nam.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã tiếp nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với các đơn vị này.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua. Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo hợp nhất (“Thông tư 202”), được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(v) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(b) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và riêng.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

(ii) Khấu hao

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Tài sản cố định hữu hình của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo đơn vị sản phẩm là như sau:

	Tại ngày 31/3/2019	Tại ngày 1/1/2019
Nhà máy ST	153.175 tấn vonfram	125.140 tấn vonfram
Nhà máy APT	148.300 tấn vonfram	120.265 tấn vonfram

Trong kỳ, MTC - một công ty con của Tập đoàn đã tiến hành đánh giá lại từ tháng 1 năm 2019 thời gian hoạt động dự kiến của nhà máy ST và APT sau khi MSR đạt được 100% quyền sở hữu MTC (từ tháng 8 năm 2018), theo đó thời gian hoạt động dự kiến kéo dài hơn phù hợp với Giấy phép Đăng ký kinh doanh của NPMC và làm tăng ước tính tổng sản lượng sản xuất của nhà máy ST và APT.

Sự thay đổi trên làm giảm chi phí khấu hao trong kỳ với giá trị là 7.129 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác	19 năm

(h) Tài sản cố định thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính là năm (5) năm.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(ii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí liên quan đến việc phát triển mỏ đã phát sinh trong giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí phát triển mỏ phát sinh sau này. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí phát triển mỏ phát sinh sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trả tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất từ trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba (3) năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng đối với phí dịch vụ.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty góp vốn dưới hình thức tài sản tài chính cho các bên khác và do đó tiếp nhận một quyền hợp đồng – được nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác từ các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận tài sản tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận từ các bên khác của HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là thu nhập tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là thu nhập khi kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn hoặc Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật khoáng sản năm 2010, một công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 203/2013, Nghị định 158/2016/ND-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158/2016”) và Thông tư 38/2017/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2017 (“Thông tư 38”).

Theo Nghị định 158/2016 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 1 năm 2017, quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo Thông tư 38, Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) hướng dẫn phương pháp quy đổi dựa vào các thông số khác nhau để xác định hệ số quy đổi để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 158/2016.

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của MONRE và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày báo cáo.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động khai thác. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến một thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(o) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(p) Vốn chủ sở hữu

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu do cổ phiếu này hưởng cổ tức cố định, đồng thời vẫn có quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ phiếu phổ thông và quyền bình đẳng đối với các tài sản còn lại của Công ty. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu ưu đãi được ghi nhận như một khoản giảm thặng dư vốn.

(iii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các biến động vốn chủ sở hữu do việc mua hoặc thanh lý cổ phần cho cổ đông không kiểm soát và các giao dịch liên quan đến công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào “Vốn khác của chủ sở hữu”.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm, nếu có, trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được xác định bằng kết quả kinh doanh trong kỳ phân bổ cho số lượng cổ phiếu phổ thông và các công cụ chứng khoán vốn. Phương thức phân bổ này dựa trên quyền được phân chia lợi nhuận của các loại cổ phiếu khác nếu toàn bộ lợi nhuận hoặc lỗ được phân chia.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng không bao gồm các loại công cụ tài chính đi kèm điều khoản bắt buộc chuyển đổi.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể, mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(x) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019

	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	-	415.897.513	723.960.289	48.354.879	1.188.212.681
Lợi nhuận gộp của bộ phận	-	299.949.834	18.173.794	36.184.218	354.307.846
Chi phí không phân bổ					47.302.921
Thu nhập từ hoạt động tài chính					11.838.844
Chi phí tài chính					306.422.573
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					12.421.196
Thu nhập khác					968.182
Chi phí khác					5.830.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					6.090.382
Lợi nhuận thuần sau thuế					1.468.996

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018	Đồng		Fluorit		Vonfram		Các bộ phận khác		Tổng cộng	
	Nghìn VND		Nghìn VND		Nghìn VND		Nghìn VND		Nghìn VND	
Doanh thu bộ phận	52.124.954		289.905.772		1.034.410.945		110.602.724		1.487.044.395	
Lợi nhuận gộp của bộ phận	32.711.183		168.309.727		256.459.947		55.168.820		512.649.677	
Chi phí không phân bổ									66.243.983	
Thu nhập từ hoạt động tài chính									16.241.222	
Chi phí tài chính									284.118.570	
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									178.528.346	
Thu nhập khác									814.623	
Chi phí khác									5.792.667	
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp									6.267.576	
Lợi nhuận thuần sau thuế									167.282.726	

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019		Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận		183.140.351	955.515.410	1.978.202.288	1.248.054.078	4.364.912.127
Tài sản không phân bổ						23.851.907.167
Tổng tài sản						28.216.819.294
Tổng nợ phải trả						16.094.297.721
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019		Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận		186.484.856	972.966.046	2.004.682.073	1.270.847.365	4.434.980.340
Tài sản không phân bổ						23.514.145.227
Tổng tài sản						27.949.125.567
Tổng nợ phải trả						15.823.171.322

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019

	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	230.861	-	32.162.862	2.760.320	35.154.043
Chi tiêu vốn không phân bổ					279.766.977
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					72.031.873
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ	3.344.505	17.450.635	28.443.446	22.793.287	213.027.031
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					54.106.333

Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018

	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	11.867.003	32.686.644	31.105.740	-	75.659.387
Chi tiêu vốn không phân bổ					257.691.962
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					79.069.569
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ	3.405.773	17.731.701	34.702.694	23.229.401	209.457.399
Khấu hao tài sản cố định vô hình và chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					51.741.978

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn		Công ty	
	31/3/2019	1/1/2019	31/3/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền mặt	168.186	138.199	-	-
Tiền gửi ngân hàng	89.922.380	263.310.842	1.025.431	234.588
Các khoản tương đương tiền	31.092.494	203.771.219	2.700.000	3.053.978
	121.183.060	467.220.260	3.725.431	3.288.566

6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	Tập đoàn		Công ty	
	31/3/2019	1/1/2019	31/3/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn				
Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường (a)	10.000.000	10.000.000	-	-
Phân phối lợi nhuận phải thu từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) (b)	-	-	57.052.507	44.598.599
Phải thu ngắn hạn khác (c)	434.465.302	466.781.196	8.569	72.118
	444.465.302	476.781.196	57.061.076	44.670.717
Phải thu dài hạn				
Chi phí đi vay - MRTN (d)	-	-	909.990.962	909.990.962
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND Tỉnh Thái Nguyên (e)	1.299.060.941	1.303.754.210	-	-
Phải thu theo HĐHTKD (f)	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	36.330.802	31.553.420	-	-
	1.335.391.743	1.335.307.630	3.409.990.962	3.409.990.962

- (a) Phải thu từ việc bán các khoản phải thu tiền bồi thường từ công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (b) Phải thu ngắn hạn phản ánh khoản phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh hiện tại mà Công ty đã ký kết với các công ty con của Công ty là NPM và MTC (Thuyết minh 6(f)).

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (c) Một phần khoản phải thu ngắn hạn khác là khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung gian không có đảm bảo, thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (d) Khoản phải thu dài hạn từ một công ty con không có đảm bảo, thu được vào tháng 12 năm 2020 và không chịu lãi.
- (e) Khoản phải thu dài hạn thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm.
- (f) Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản đóng góp cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) theo các Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sau đó được sửa đổi 3 lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá lần lượt 1.000 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với NPM. Các HĐHTKD này có thời gian hợp tác lần lượt là ba mươi sáu (36) tháng và sáu mươi (60) tháng kể từ khi NPM nhận được tiền từ HĐHTKD. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh khoản đóng góp cho Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sau đó được sửa đổi 2 lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. HĐHTKD này có thời gian hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ khi MTC nhận được tiền từ HĐHTKD. Lợi nhuận được phân phối theo tỷ lệ đã thỏa thuận trong HĐHTKD.

7. Hàng tồn kho

	Tập đoàn		Công ty	
	31/3/2019	1/1/2018	31/3/2019	1/1/2018
	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Hàng mua đang đi trên đường	39.905.214	25.063.836	-	-
Nguyên vật liệu	157.729.802	166.017.804	-	-
Công cụ và dụng cụ	541.389.111	556.865.086	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	166.734.130	139.900.326	-	-
Thành phẩm	954.058.647	746.927.733	-	-
Hàng hóa	725.041.696	-	-	-
Hàng gửi đi bán	111.209.819	11.239.353	-	-
	2.696.068.419	1.646.014.138	-	-

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2019	1/1/2018	31/3/2019	1/1/2018
	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ một công ty liên quan	-	-	3.945.518.100	3.945.518.100

Khoản phải thu về cho vay từ một công ty liên quan không được đảm bảo, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và chịu lãi suất trên cơ sở thỏa thuận của các bên.

Theo các điều khoản của hợp đồng chuyển đổi, Công ty có quyền chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp trước hoặc vào ngày đáo hạn của khoản vay.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

λ. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn:

Nguyên giá

Số dư đầu kỳ	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khảo sát khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tăng trong kỳ	-	1.555.000	-	-	-	1.555.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	692.963	-	-	-	692.963
Thanh lý	-	-	(207.677)	(3.771.337)	-	(3.979.014)

Số dư cuối kỳ

	4.698.184.003	12.626.914.133	41.731.097	16.186.948	5.026.291.284	22.409.307.465
--	---------------	----------------	------------	------------	---------------	----------------

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	806.303.809	2.865.762.055	36.618.723	12.949.335	921.461.313	4.643.095.235
Khấu hao trong kỳ	68.083.927	167.360.643	569.435	745.858	48.299.041	285.058.904
Thanh lý	-	-	(207.677)	(3.771.337)	-	(3.979.014)

Số dư cuối kỳ

	874.387.736	3.033.122.698	36.980.481	9.923.856	969.760.354	4.924.175.125
--	-------------	---------------	------------	-----------	-------------	---------------

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	3.891.880.194	9.758.904.115	5.320.051	7.008.950	4.104.829.971	17.767.943.281
Số dư cuối kỳ	3.823.796.267	9.593.791.435	4.750.616	6.263.092	4.056.530.930	17.485.132.340

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 12.140 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2019: 12.361 tỷ VND) (Thuyết minh 18(b)(i)).

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Tập đoàn:

	Máy móc và thiết bị Nghìn VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	67.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	67.300.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	-

Công ty con của Công ty - NPM thuê thiết bị thí nghiệm để phân tích hàm lượng kim loại trong sản phẩm. Thiết bị thí nghiệm này được coi là tài sản thuê tài chính vì nghĩa vụ thuê được đảm bảo.

Bao gồm trong chi phí cho thuê tài chính tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 67,3 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 (1/1/2019: 67,3 tỷ VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn:

	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	99.907.214	588.370.818	688.278.032
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	61.354.769	127.570.030	188.924.799
Khấu hao trong kỳ	2.905.015	7.637.582	10.542.597
Số dư cuối kỳ	64.259.784	135.207.612	199.467.396
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	38.552.445	460.800.788	499.353.233
Số dư cuối kỳ	35.647.430	453.163.206	488.810.636

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2019, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 495 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (1/1/2019: 488 tỷ VND) (Thuyết minh 18(b)).

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập đoàn:

**Từ 1/1/2019
 đến 31/3/2019
 Nghìn VND**

Số dư đầu kỳ	1.429.178.901
Tăng trong kỳ	185.573.469
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(692.963)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(126.395)
Số dư cuối kỳ	1.613.933.012

Trong kỳ, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trị giá gần 10 tỷ VND (Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018: 10 tỷ VND). Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của NPM chủ yếu phản ánh chi phí phát triển mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến khu chứa đuôi quặng, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM.

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2019	1/1/2019	31/3/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Đầu tư vào một công ty con				
Đầu tư vào MRTN	-	-	5.140.335.573	5.140.335.573

Dưới đây là thông tin về các công ty con được hợp nhất (Thuyết minh 1) tại ngày 31 tháng 3 năm 2019:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên ("MRTN")	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI")	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("NPM")	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Công ty TNHH Vonfram Masan ("MTC")	Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

MTC là công ty con của NPM. TNTI và NPM là các công ty con của MRTN. MRTN là công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn:

	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	1.031.622.693	1.489.806.964	55.012.271	2.576.441.928
Tăng trong kỳ	-	53.953.386	401.292	54.354.678
Chuyển từ phải thu dài hạn	-	-	-	-
Phân bổ trong kỳ	(17.234.951)	(23.210.578)	(3.118.207)	(43.563.736)
Số dư cuối kỳ	1.014.387.742	1.520.549.772	52.295.356	2.587.232.870

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tập đoàn:

	1/1/2019 Nghìn VND	Số phải nộp trong kỳ Nghìn VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ Nghìn VND	31/3/2019 Nghìn VND
Thuế giá trị gia tăng	-	134.384.559	(134.384.559)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	50.285.163	(50.285.163)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.981.296	4.150.585	(35.050.000)	4.081.881
Thuế thu nhập cá nhân	29.782.961	54.908.695	(45.929.102)	38.762.554
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.156.990	(2.156.990)	-
Thuế tài nguyên	-	96.912.271	(96.912.271)	-
Các loại thuế khác	2.006.246	4.402.083	(5.100.472)	1.307.857
	66.770.503	347.200.346	(369.818.557)	44.152.292

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/3/2019	1/1/2019	31/3/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền thưởng	-	83.288.151	-	-
Tiền lãi vay phải trả	168.552.004	280.911.923	56.394.521	40.619.178
Chi phí tài chính khác	1.550.261	6.486.066	-	-
Thuế và phí tài nguyên	193.152	10.034.090	-	-
Chi phí xây dựng phải trả	57.512.770	80.589.745	-	-
Phí tư vấn	872.777	2.238.200	-	-
Chi phí hoạt động	221.276.478	271.254.527	395.100	395.100
Chi phí phải trả khác	1.386.772	5.943	-	-
	451.344.214	734.808.645	56.789.621	41.014.278

17. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/3/2019	1/1/2019	31/3/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Ngắn hạn:				
Phải trả cho Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (“MH”) - công ty mẹ cấp trung				
Phí thương mại – ngắn hạn (a)	2.511.785	2.511.785	2.511.785	2.511.785
Phải trả cho NPM – công ty con				
Phí thương mại – ngắn hạn (a)	-	-	10.294.685	10.294.685
Phải trả khác cho các bên thứ ba				
Phải trả khác – ngắn hạn	454.697	65.383.070	-	3.221.949
	2.966.482	67.894.855	12.806.470	16.028.419

Dài hạn:

Phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất

Chi phí tài chính – dài hạn (b)	1.124.123.839	1.124.123.839	541.074.175	541.074.175
---------------------------------	---------------	---------------	-------------	-------------

- (a) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.
- (b) Các khoản phải trả bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán vào tháng 12 năm 2020.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tập đoàn:

	1/1/2019		31/3/2019	
	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND
Vay ngắn hạn	2.467.361.035	2.467.361.035	1.754.877.392	3.897.833
			(1.078.662.400)	
			3.147.473.860	3.147.473.860

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	1.055.832.355	1.160.156.910	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	234.672.952	201.929.965	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND	867.143.691	808.600.820	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iii)	USD	881.121.530	296.673.340	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv)	USD	108.703.332	-	-	-
		3.147.473.860	2.467.361.035	-	-

- (i) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước chịu lãi suất từ 3,88% đến 4,93% một năm. Tại ngày báo cáo, khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan nắm giữ.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo. Khoản vay bằng USD và VND chịu lãi suất tương ứng trong khoảng 4,5% đến 5,5% một năm và từ 6,8% đến 7,3% một năm.
- (iii) Khoản vay bằng USD từ một ngân hàng trong nước USD chịu lãi suất trong khoảng từ 5% đến 5,5% một năm. Tại ngày báo cáo, khoản vay được đảm bảo bằng 11,12% cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan nắm giữ.
- (iv) Khoản vay bằng USD từ một ngân hàng nước ngoài chịu lãi suất trong khoảng từ 3,8% đến 3,9% một năm. Tại ngày báo cáo, khoản vay được đảm bảo bằng một phần khoản phải thu ngắn hạn và các tài khoản của Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Masan được mở tại ngân hàng này.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND	31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn (i)	9.506.255.637	9.491.007.736	2.500.000.000	-
	9.506.255.637	9.491.007.736	2.500.000.000	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	9.506.255.637	9.491.007.736	2.500.000.000	-

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tập đoàn	
				31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(i)	2020	5.531.833.415	5.519.052.180
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(ii)	2020	995.333.333	994.333.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(iii)	2023	496.533.333	496.333.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(iv)	2021	993.555.556	992.888.890
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	VND	(v)	2023	1.489.000.000	1.488.400.000
				9.506.255.637	9.491.007.736

Giá trị phát hành trái phiếu có đảm bảo này ở cấp Tập đoàn được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

- (i) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 8% trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi ba tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3%. Số tiền thu được từ trái phiếu đã được NPM sử dụng và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM.
- (ii) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 2 năm và chịu lãi suất 9,5% một năm. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,44% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan.
- (iii) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,22% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty TNHH Tầm nhìn Masan.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (iv) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 9,8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,58% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan.
- (v) Số trái phiếu không chuyển đổi bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 15,65% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan.

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2019	1/1/2019	31/3/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch tạm thời	-	1.282.349	-	-

(ii) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2019	1/1/2019	31/3/2019	1/1/2019
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất	606.225.124	613.430.657	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các chênh lệch tạm thời	7.862.981	-	-	-
	614.088.105	613.430.657	-	-

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh các năm trước của một số đơn vị trong Tập đoàn, các khoản lỗ tính thuế này có thể được chuyển sang năm sau trong khoảng thời gian đến 5 năm:

	Số lỗ được khấu trừ	
	Tập đoàn	Công ty
	Nghìn VND	Nghìn VND
Lỗ tính thuế lũy kế 5 năm	2.113.918	1.098.212
Trong đó:		
Đã quyết toán với cơ quan thuế	-	-
Chưa quyết toán – tùy thuộc kết quả kiểm tra của cơ quan thuế (*)	2.113.918	1.098.212
	2.113.918	1.098.212

(*) Khoản lỗ tính thuế này có thể có thay đổi tùy thuộc kết quả kiểm tra và thanh tra của cơ quan thuế.

20. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

<u>Tập đoàn:</u>	Khôi phục hiện trường Nghìn VND	Quyền khai thác mỏ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	26.218.097	466.446.187	492.664.284
Dự phòng lập trong kỳ	504.698	9.120.158	9.624.856
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(73.145.651)	(73.145.651)
Số dư cuối kỳ	26.722.795	402.420.694	429.143.489

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Tập đoàn:

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Vốn khác của chủ sở hữu Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.757.718.772	11.600.836.029	410.770.018	12.011.606.047
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	117.044.997	117.044.997	50.237.729	167.282.726
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2018	7.194.473.280	1.944.327.324	(295.683.347)	2.874.763.769	11.717.881.026	461.007.747	12.178.888.773
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	8.993.091.220	145.709.384	(295.683.347)	3.282.836.988	12.125.954.245	-	12.125.954.245
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.468.996	1.468.996	-	1.468.996
Khác (*)	-	-	-	(4.901.668)	(4.901.668)	-	(4.901.668)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2019	8.993.091.220	145.709.384	(295.683.347)	3.279.404.316	12.122.521.573	-	12.122.521.573

(*) Điều chỉnh chi phí liên quan đến mua lại quyền sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong năm 2018

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty:

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Lợi nhuận chưa phân phối Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	7.194.473.280	1.944.327.324	304.991.903	9.443.792.507
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	8.106	8.106
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2018	7.194.473.280	1.944.327.324	305.000.009	9.443.800.613
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	8.993.091.220	145.709.384	306.749.602	9.445.550.206
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	748.207	748.207
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2019	8.993.091.220	145.709.384	307.497.809	9.446.298.413

22. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	1/1/2019 và 31/3/2019	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND
Vốn cổ phần được duyệt	899.309.122	8.993.091.220
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	899.309.122	8.993.091.220
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	899.309.122	8.993.091.220
Thặng dư vốn cổ phần	-	145.709.384

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

Tập đoàn:

	31/3/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	3.118.557	72.194.582	9.766.512	227.402.336

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn:

	31/3/2019 Nghìn VND	1/1/2019 Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	16.433.002	16.433.002

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu của Tập đoàn thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
Lãi từ hoạt động tài chính	2.242.223	6.922.404	33.613	12.710
Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	-	-	62.057.617	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.596.621	9.318.818	-	-
	11.838.844	16.241.222	62.091.230	12.710

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí hoạt động tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	264.147.985	244.967.245	61.150.685	-
Chi phí đi vay	16.523.299	20.285.968	46.384	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.741.467	8.596.360	-	-
Chi phí tài chính khác	16.009.822	10.268.997	-	-
	306.422.573	284.118.570	61.197.069	-

27. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 1.469 triệu VND (quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018: 114.458 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 899.309.112 cổ phiếu (quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 đã được điều chỉnh: 879.431.085 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông

	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
Lợi nhuận thuần thuộc về:		
Cổ đông ưu đãi	-	2.587.125
Cổ đông phổ thông	1.468.996	114.457.872
	1.468.996	117.044.997

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền

	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 (Đã điều chỉnh)
Số lượng cổ phiếu thường đã phát hành đầu kỳ và cuối kỳ	899.309.122	703.544.898
Ảnh hưởng từ phát hành cổ phiếu thường ngày 31/08/2018	-	175.886.187
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	899.309.122	879.431.085

Sau khi phát hành cổ phiếu thường trong năm 2018, số cổ phiếu phổ thông được phát hành cho các cổ đông hiện hữu không phát sinh phụ trội, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ hiện tại và tất cả các kỳ trình bày phải được điều chỉnh cho các sự kiện tạo ra sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến thay đổi về nguồn vốn. Theo đó, Ban Giám đốc của Công ty đã điều chỉnh số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho quý kết thúc ngày 31/3/2018.

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Tập đoàn và Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Tập đoàn:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Tập đoàn Masan	Lãi trái phiếu	36.986.055	-
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
Ngân hàng TMCP Kỹ			
Thương Việt Nam			
("TCB") và các công			
ty con			
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	14.592.869	28.501.870
	Khoản vay nhận được	539.252.866	363.747.343
	Khoản vay đã trả	635.389.753	474.036.701
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần hàng			
tiêu dùng Masan			
	Mua hàng hóa	303.668	224.715
	Mua dịch vụ	630.594	813.926
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (*)	16.152.189	10.032.654

Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019 và ngày 31 tháng 3 năm 2018.

Công ty:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2019 đến 31/3/2019 Nghìn VND	Từ 1/1/2018 đến 31/3/2018 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Tập đoàn Masan	Lãi trái phiếu	36.986.055	-
Công ty con			
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	37.038.263	-
Công ty TNHH Vonfram Masan	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	25.019.354	-
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con		560.035	-

29. Thuyết minh khác

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, một hội đồng gồm ba trọng tài viên được Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore chỉ định (“Hội đồng Trọng tài”) đã đưa ra phán quyết chung thẩm từng phần, theo đó chấp nhận khoản bồi thường cho NPM phát sinh từ các hành vi của Jacobs (“Phán quyết Chung thẩm Từng phần”). Vụ việc có liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng thiết kế và cung cấp thiết bị (“Hợp đồng EPSA”) giữa NPM và Jacobs năm 2011 cho mục đích thiết kế, cung cấp thiết bị và quản lý thi công xây dựng dây chuyền chế biến khoáng sản của NPM tại tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Ngoài phán quyết Chung thẩm Từng phần, Hội đồng Trọng tài cũng sẽ cân nhắc các khoản bồi thường liên quan đến chi phí lãi vay và chi phí khác phát sinh mà sẽ được xác định trong thời gian tới. NPM hiện chưa nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào liên quan đến Phán quyết Chung thẩm Từng phần nói trên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2019

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:


Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng


Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính


Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc



BẢN KÝ

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN
với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUẬT
với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Ngày 21 tháng 9 năm 2018

MỤC LỤC

Trang

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI.....	2
1.01 Định Nghĩa.....	2
1.02 Nguyên Tắc Diễn Giải	3
ĐIỀU 2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	4
ĐIỀU 3. DỊCH VỤ	5
3.01 Dịch Vụ Liên Quan Đến Việc Thực Hiện Quyền Và Nghĩa Vụ Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu	5
3.02 Dịch Vụ Thanh Toán	7
3.03 Các Dịch Vụ Khác	7
ĐIỀU 4. TRÁI PHIẾU	8
4.01 Giá Trị Phát Hành	8
4.02 Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu	8
4.03 Tính Chất Trái Phiếu.....	8
4.04 Trích Lục Sổ Đăng Ký Và Giấy Chứng Nhận Sở Hữu.....	9
4.05 Giao Dịch Trái Phiếu	9
4.06 Quyết Định/Nghị Quyết Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	9
4.07 Xác Định Lãi Suất Trái Phiếu.....	10
4.08 Thanh Toán Theo Trái Phiếu	12
ĐIỀU 5. QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	14
5.01 Quyền Hạn Và Nghĩa Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu	14
5.02 Giới Hạn Trách Nhiệm Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	15
ĐIỀU 6. CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT	16
6.01 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành.....	16
6.02 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu	18
ĐIỀU 7. PHÍ VÀ CHI PHÍ.....	19
ĐIỀU 8. BỒI HOÀN	20
ĐIỀU 9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	20
9.01 Các Quy Định Chung Về Thay Thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu	20
9.02 Thay Thế Do Từ Nhiệm.....	21
9.03 Thay Thế Bắt Buộc	21
9.04 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động.....	22
ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT	23
ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....	23
11.01 Chậm Thực Hiện Quyền; Các Quyền Tích Lũy	23
11.02 Bảo Mật.....	23
11.03 Chuyển Giao	24
11.04 Thông Báo.....	24
11.05 Luật Điều Chỉnh.....	24
11.06 Giải Quyết Tranh Chấp	24
11.07 Sửa Đổi	25

11.08	Hiệu Lực Riêng Rẽ	25
11.09	Ngôn Ngữ Và Số Bản	25
PHỤ LỤC I CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU		27
PHỤ LỤC II TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU.....		28
PHỤ LỤC III MẪU THỎA THUẬN THAM GIA		36

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU NÀY (“Hợp Đồng”) được lập vào ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa:

(A) CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN MASAN

Địa Chỉ : Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thành Lập : Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010, được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm

Người Đại Diện : **TỔNG GIÁM ĐỐC**
CRAIG RICHARD BRADSHAW

Chức Vụ : **Tổng Giám Đốc**

(Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan sau đây được gọi là “**Tổ Chức Phát Hành**”); và

(B) CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THUẬT hành động với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (được định nghĩa dưới đây)

Địa Chỉ : Tầng 10 và Tầng 21, Tòa Nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Thành Lập : Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 125/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018 (được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)

Người Đại Diện : Nguyễn Thị Thu Hiền

Chức Vụ : Tổng Giám Đốc

Văn Bản Ủy Quyền : Số 010/2018/UQ-CT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thuật

(Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thuật sau đây được gọi là “**TCBS**”).

CƠ SỞ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

KẾT RÀNG:

- (A) Tổ Chức Phát Hành dự định phát hành trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành với tổng khoản gốc tối đa không vượt quá 1.000.000.000.000 VND (một nghìn

tỷ Đồng) ("**Trái Phiếu**") với các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") được đính kèm tại Phụ Lục I của Hợp Đồng này;

- (B) Tổ Chức Phát Hành mong muốn chỉ định TCBS làm tổ chức đại diện ban đầu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này; và
- (C) TCBS đồng ý thực hiện nhiệm vụ đại diện ban đầu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này.

DO VẬY, NAY, các Bên thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

1.01 Định Nghĩa

Trừ khi được định nghĩa khác đi trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Hợp Đồng này (kể cả phần giới thiệu các bên tham gia Hợp Đồng này và phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng) sẽ có nghĩa như được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu. Ngoài ra, khi được sử dụng trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

"**Bên**" có nghĩa là mỗi bên trong số Tổ Chức Phát Hành và TCBS với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu.

"**Các Điều Kiện Trái Phiếu**" có nghĩa như được quy định tại đoạn (A) của phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng trên đây.

"**Dịch Vụ**" có nghĩa như được quy định tại Điều 3.

"**Đại Biểu**" có nghĩa như được quy định tại Đoạn 3.2 của Phụ Lục II.

"**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa như được quy định tại Điều 2(a) và cũng là "Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu" được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

"**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**" có nghĩa như được quy định tại Điều 9.01(a).

"**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**" có nghĩa như được quy định tại Điều 9.01(a).

"**Giấy Chứng Nhận Sở Hữu**" có nghĩa như được quy định tại Điều 4.04(b).

"**Hội Nghị**" có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.1 của Phụ Lục II.

"**Hợp Đồng**" có nghĩa là hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu này, cùng với các Phụ Lục.

"**Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu**", liên quan đến mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó.

“Ngân Hàng Tham Chiếu” có nghĩa như được quy định tại Điều 4.07(b).

“Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu” có nghĩa là tài khoản ngân hàng dưới đây hoặc bất kỳ tài khoản nào khác được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo trước bằng văn bản ít nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc từ ngày đến hạn chuyển tiền thanh toán:

Số tài khoản: 138-33336666-016
Chủ tài khoản: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương
Ngân hàng: Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch

“TCBS” có nghĩa như được quy định tại phần giới thiệu các Bên.

“Thông Báo Lấy Ý Kiến” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 6.6 của Phụ Lục II.

“Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.6 của Phụ Lục II.

“Tổ Chức Phát Hành” có nghĩa như được quy định tại phần giới thiệu các Bên.

“Trái Phiếu” có nghĩa như được quy định tại đoạn (A) của phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng trên đây.

“VIAC” có nghĩa như được quy định tại Điều 11.06.

“Yêu Cầu Lấy Ý Kiến” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 6.2 của Phụ Lục II.

“Yêu Cầu Triệu Tập” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.2 của Phụ Lục II.

1.02 Nguyên Tắc Diễn Giải

(a) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều 1.01 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp văn cảnh cụ thể quy định khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.

(b) Tiêu đề của các Điều, khoản chỉ nhằm để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản của Hợp Đồng này.

(c) Trừ khi được quy định khác đi, dẫn chiếu trong Hợp Đồng này đến các Phụ Lục, Điều, khoản và đoạn là dẫn chiếu đến các phụ lục, điều, khoản và đoạn của Hợp Đồng này.

(d) Các từ “của Hợp Đồng này”, “trong Hợp Đồng này”, và “theo Hợp Đồng này” và các từ ngữ có ý nghĩa tương tự khi sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Hợp Đồng này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Hợp Đồng.

(e) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ đính, phụ lục, và các phụ mục khác đính kèm văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được phát hành hoặc ký để thay thế văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận, hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận

đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào.

(f) Dẫn chiếu đến bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào trong Hợp Đồng này sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó mà đã được sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật thay thế Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó.

(g) Dẫn chiếu đến “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị” hay “chấp thuận” của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là dẫn chiếu đến quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách lấy ý kiến theo các hình thức khác được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

(h) Trừ trường hợp có quy định cụ thể yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bất kỳ công việc, hành động nào của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đề cập đến trong Hợp Đồng này sẽ được hiểu là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định đối với các công việc, hành động đó mà không cần phải có nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(i) Trái Phiếu “đang lưu hành” có nghĩa là bất kỳ Trái Phiếu nào đã được phát hành, được thanh toán đầy đủ bởi Bên Mua Trái Phiếu và/hoặc Bên Nhận Chuyển Nhượng nhưng chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ.

(j) Thuật ngữ “chuyển nhượng” khi được sử dụng cho Trái Phiếu có nghĩa là giao dịch bán, chuyển nhượng, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu không kèm theo cam kết mua lại hoặc chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác đối với Trái Phiếu phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng; và “việc chuyển nhượng”, “bên chuyển nhượng”, “bên nhận chuyển nhượng” và các dạng từ khác của “chuyển nhượng” sẽ được diễn giải một cách tương ứng.

(k) Việc sử dụng thuật ngữ “bao gồm”, “bao gồm cả”, “kể cả” hoặc các diễn đạt tương tự sẽ được hiểu là không có giới hạn.

ĐIỀU 2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

(a) Bằng Hợp Đồng này, Tổ Chức Phát Hành chỉ định TCBS làm tổ chức đại diện cho quyền lợi của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các công việc, nhiệm vụ và hưởng các quyền, quyền hạn và lợi ích quy định cụ thể trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”). Bằng Hợp Đồng này, TCBS đồng ý việc chỉ định này.

(b) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu, công nhận và đồng ý không ngang việc chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu và các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng này.

(c) Trong khi Hợp Đồng này vẫn còn hiệu lực, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định theo Hợp Đồng này. Việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở

Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực cho đến khi Hợp Đồng này chấm dứt.

(d) Để tránh nhầm lẫn, trừ khi được quy định khác đi tại Điều 2(g) dưới đây và Các Điều Kiện Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình mà phải thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền của mình theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị thay thế theo quy định tại Điều 9.

(f) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu, và Tổ Chức Phát Hành đồng ý rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Đại Lý Trái Phiếu có thể là cùng một tổ chức và đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích thực tế hoặc xung đột lợi ích có khả năng phát sinh trong tương lai.

(g) Nếu:

(i) theo Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng (đang có hiệu lực hoặc sẽ có hiệu lực trong tương lai) hoặc theo phán quyết, quyết định có hiệu lực của bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được phép hoặc không thể thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ hoặc quyền, lợi ích bất kỳ nào của mình được trao theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc

(ii) xảy ra sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và/hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác nhưng việc thay thế đó chưa hoàn tất,

thì (các) nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực thi theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác có thể được thực hiện trực tiếp bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức/Cá Nhân khác được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền (theo quyết định được thông qua hợp lệ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

ĐIỀU 3. DỊCH VỤ

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu các dịch vụ được quy định tại Điều 3 này ("**Dịch Vụ**").

3.01 Dịch Vụ Liên Quan Đến Việc Thực Hiện Quyền Và Nghĩa Vụ Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ cung cấp các dịch vụ sau để hỗ trợ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác:

- (i) ký kết và thực hiện Hợp Đồng này và bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (ii) phù hợp với quy định tại Điều 5.02, giám sát việc thực hiện các cam kết của Tổ Chức Phát Hành quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu, và nhanh chóng thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ cam kết nào theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào;
- (iii) triệu tập và tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức lấy ý kiến các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu (bao gồm cả việc quyết định hình thức lấy ý kiến của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều 4.06 của Hợp Đồng này), và ký biên bản Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, biên bản kiểm phiếu, các quyết định/ngợi quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- (iv) nhận và thông báo ngay cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng) gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (v) nhận và gửi ngay cho các bên liên quan mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (vi) trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, thông báo về Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trước Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan phù hợp với quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu và phối hợp với Đại Lý Trái Phiếu để lấy danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan muộn nhất 1 (một) Ngày Làm Việc sau Ngày Đăng Ký Cuối Cùng đó; sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, hỗ trợ hoặc thay mặt Tổ Chức Phát Hành (trong phạm vi pháp luật cho phép) gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền nhằm mục đích chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại từng thời điểm cho Trung Tâm Lưu Ký;
- (vii) thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Trái Phiếu thực hiện các quyết định/ngợi quyết của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các quyết định/ngợi quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu; và
- (viii) tạo điều kiện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng này, Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác trên cơ sở có thu phí đối với Chủ Sở Hữu Trái

Phiếu yêu cầu cung cấp tài liệu đó. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng có thể cho phép nhà đầu tư tiềm năng tiếp cận các tài liệu nêu trên hoặc cung cấp bản sao của các tài liệu đó cho nhà đầu tư tiềm năng trên cơ sở tuân thủ nghĩa vụ bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 11.02 và các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan và có thu phí đối với nhà đầu tư đó.

3.02 Dịch Vụ Thanh Toán

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ cung cấp các dịch vụ sau để hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong việc xác định và thực hiện hoặc phân bổ (tùy từng trường hợp áp dụng) các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu:

- (i) xác định mức Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng vào Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu tương ứng và thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định tại Điều Kiện 7.1 của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Điều 4.07 dưới đây;
- (ii) tính toán và thông báo cho Tổ Chức Phát Hành, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các bên liên quan khác về các khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán liên quan đến Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- (iii) nhận từ Tổ Chức Phát Hành, và thực hiện việc phân bổ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu theo Điều 4.08 và Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- (iv) ít nhất 5 (năm) Ngày Làm Việc trước ngày đến hạn của bất kỳ khoản thanh toán nào liên quan đến Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và Các Điều Kiện Trái Phiếu, thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành về kết quả tính toán tại đoạn (ii) trên đây và bất kỳ khoản thuế, phí, lệ phí nào được ấn định hoặc tính bởi cơ quan thuế Việt Nam liên quan đến khoản thanh toán đó;
- (v) khấu trừ và/hoặc giữ lại bất kỳ khoản thuế nào (nếu có) từ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu phù hợp với quy định tại Điều 4.08, và cung cấp các văn bản, tài liệu hoặc chứng từ khi có yêu cầu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành liên quan đến việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện việc khấu trừ và/hoặc giữ lại như vậy; và
- (vi) nhận các bản gốc Giấy Chứng Nhận Sở Hữu được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nộp lại (nếu có) và, trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận các bản gốc Giấy Chứng Nhận Sở Hữu nói trên, bàn giao các bản gốc Giấy Chứng Nhận Sở Hữu đó cho Đại Lý Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành (tùy trường hợp áp dụng) khi Tổ Chức Phát Hành đã hoàn thành việc thanh toán các khoản gốc, lãi và các khoản tiền khác đối với Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

3.03 Các Dịch Vụ Khác

Bên cạnh các dịch vụ được quy định tại các Điều 3.01 và 3.02, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ cung cấp các dịch vụ sau:

- (i) các dịch vụ khác bổ trợ cho các dịch vụ được quy định tại các Điều 3.01 và 3.02 và các dịch vụ bổ sung khác nhằm hỗ trợ việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc việc thực hiện các khoản thanh toán liên quan đến các Trái Phiếu khi Tổ Chức Phát Hành hoặc các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu hợp lý;
- (ii) cung cấp các thông tin và thực hiện các hành động khác theo yêu cầu hợp lý của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy từng trường hợp áp dụng) để bên đó có thể thực hiện một cách hợp lý các nghĩa vụ của mình liên quan đến các Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác;
- (iii) lưu trữ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được hoặc có được (trong vai trò là tổ chức đại diện cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) liên quan đến Trái Phiếu, trừ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải chuyển giao cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác hoặc phải tiêu hủy theo quy định của Hợp Đồng này, các Văn Kiện Trái Phiếu khác và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan; và
- (iv) thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

ĐIỀU 4. TRÁI PHIẾU

4.01 Giá Trị Phát Hành

Tổng mệnh giá Trái Phiếu được phát hành vào Ngày Phát Hành tối đa là 1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng). Tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm cụ thể sẽ được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký.

4.02 Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu

(a) Trái Phiếu được điều chỉnh bởi Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(b) Các Điều Kiện Trái Phiếu, cùng với các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, quy định toàn bộ các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và xác lập quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với và liên quan đến Trái Phiếu.

4.03 Tính Chất Trái Phiếu

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, được bảo đảm và không kèm chứng quyền. Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau mà không Trái Phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào.

4.04 Trích Lục Sổ Đăng Ký Và Giấy Chứng Nhận Sở Hữu

(a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm bảo đảm Đại Lý Trái Phiếu cấp trích lục Sổ Đăng Ký cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (khi và chỉ khi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu bằng văn bản hoặc có thông báo bằng hình thức khác được chấp thuận bởi Đại Lý Trái Phiếu) theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Lý.

(b) Trong trường hợp Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền, Trung Tâm Lưu Ký hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán có yêu cầu (kể cả cho mục đích lưu ký Trái Phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký), Tổ Chức Phát Hành, trên cơ sở thông tin trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Trái Phiếu cung cấp, sẽ cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu một giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Trái Phiếu theo mẫu do Tổ Chức Phát Hành quy định ("**Giấy Chứng Nhận Sở Hữu**").

(c) Nếu Giấy Chứng Nhận Sở Hữu đã được cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bị mất, cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác hoặc bị rách, nhòe thì Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan có thể đề nghị Tổ Chức Phát Hành cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu với điều kiện là việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu phù hợp với yêu cầu tại mục (b) trên đây. Giấy Chứng Nhận Sở Hữu bị rách hoặc bị nhòe đó phải được nộp lại cho Tổ Chức Phát Hành. Nếu Giấy Chứng Nhận Sở Hữu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác hoặc bị nhòe hoặc rách đến mức Tổ Chức Phát Hành không thể xác định được các thông tin cần thiết trên đó thì văn bản đề nghị cấp lại của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan phải có các cam kết chịu trách nhiệm về mọi tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện phát sinh từ việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu và đồng ý bồi thường và bồi hoàn cho Tổ Chức Phát Hành đối với mọi thiệt hại, tổn thất, chi phí, khiếu nại, kiện tụng mà Tổ Chức Phát Hành phải gánh chịu liên quan đến việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu. Tổ Chức Phát Hành sẽ cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

4.05 Giao Dịch Trái Phiếu

Trong khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả chuyển nhượng) sẽ theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Lý. Trong giai đoạn Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả chuyển nhượng) sẽ thực hiện theo quy định có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

4.06 Quyết Định/Nghị Quyết Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua các quyết định/nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình đối với các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu bằng hình thức biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách lấy ý kiến thông qua các hình thức phù hợp với quy định của Hợp Đồng này và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, hình thức bỏ phiếu điện tử, và các hình thức khác phù hợp với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan). Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định việc lựa chọn hình thức lấy ý kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của Hợp Đồng này khi nhận được yêu cầu lấy ý kiến các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu.

Trình tự và thủ tục tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng này. Trình tự và thủ tục lấy ý kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (nếu áp dụng) hoặc các hình thức khác sẽ theo quy chế bỏ phiếu điện tử hoặc các quy chế khác có liên quan do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu công bố tại từng thời điểm và sẽ được gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu lấy ý kiến có liên quan với điều kiện là các quy chế đó phải đảm bảo thời hạn lấy ý kiến tối đa không quá thời hạn lấy ý kiến bằng văn bản quy định tại Phụ Lục II.

4.07 Xác Định Lãi Suất Trái Phiếu

(a) Vào mỗi Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nhiệm vụ xác định mức Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định dưới đây.

(b) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thu thập thông tin về mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng Đồng Việt Nam do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó (để làm rõ, mỗi ngân hàng trên được gọi là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” trong Hợp Đồng này).

(c) Để được sử dụng cho việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu, lãi suất tiền gửi quy định tại Điều 4.07(b) phải đáp ứng được các điều kiện sau:

- (i) Mức lãi suất đó là mức lãi suất áp dụng chung, được công bố công khai mà không phải là mức lãi suất áp dụng cho một hoặc một số đối tượng khách hàng cụ thể (dù có hay không có ưu đãi);
- (ii) Nếu Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan không có mức lãi suất cho kỳ hạn 12 (mười hai) tháng đáp ứng được điều kiện nêu trên, lãi suất tiền gửi này sẽ là mức lãi suất tương đương. Mức lãi suất tương đương là mức lãi suất cho kỳ hạn tương đương gần nhất với kỳ hạn 12 (mười hai) tháng; và
- (iii) Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn xuống đến ba chữ số ở phần thập phân (nếu không phải là số nguyên).

(d) Việc thu thập lãi suất tiền gửi của các Ngân Hàng Tham Chiếu để xác định Lãi Suất Tham Chiếu sẽ theo nguyên tắc sau:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ưu tiên chọn mức lãi suất được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan;
- (ii) Nếu, tại thời điểm thu thập, trên trang thông tin điện tử của một Ngân Hàng Tham Chiếu bất kỳ không có mức lãi suất tiền gửi cần thu thập hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không thể xác định được mức lãi suất cụ thể của Ngân Hàng Tham Chiếu đó thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ đồng thời thực

hiện việc thu thập lãi suất của Ngân Hàng Tham Chiếu đó theo các phương thức sau:

- (A) cử đại diện đến trực tiếp địa điểm kinh doanh tương ứng của Ngân Hàng Tham Chiếu đó để thu thập; và
- (B) gửi đề nghị xác nhận mức lãi suất tiền gửi cần thu thập đến các địa điểm kinh doanh của Ngân Hàng Tham Chiếu đó.

Nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được văn bản xác nhận mức lãi suất cần thu thập từ Ngân Hàng Tham Chiếu nơi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gửi đề nghị xác nhận theo đoạn (B) trên trước ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành về kết quả xác định Lãi Suất theo Điều 4.07(g) thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng mức lãi suất theo đoạn (A) trên để xác định Lãi Suất Tham Chiếu. Nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng không thu thập được mức lãi suất theo đoạn (A) trên hoặc có lý do hợp lý để nghi ngờ kết quả thu thập được thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền xem như không có mức lãi suất tiền gửi cần thu thập của Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan.

(e) Bằng chứng về thông tin thu thập được có thể là văn bản, thông báo của các Ngân Hàng Tham Chiếu (dù công bố công khai tại các địa điểm kinh doanh tương ứng nêu trên, công bố trên trang thông tin điện tử hay gửi riêng cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), bản chụp màn hình trang thông tin điện tử của các Ngân Hàng Tham Chiếu hoặc bất kỳ bằng chứng hợp lệ nào khác (theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

(f) Nếu một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có mức lãi suất tiền gửi để xác định Lãi Suất Tham Chiếu vào Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu có liên quan theo quy định tại các đoạn (b), (c) và (d) trên thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân của các mức lãi suất tiền gửi do các Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại công bố theo quy định tại các đoạn (b), (c) và (d) trên.

(g) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo về Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo phương thức phù hợp với quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc sau Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu có liên quan. Khi gửi cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng gửi cả các bằng chứng về việc thu thập các mức lãi suất tiền gửi có liên quan. Nếu không đồng ý với kết quả xác định Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thì Tổ Chức Phát Hành phải gửi ý kiến phản đối cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong thời hạn 1 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được kết quả đó. Quá thời hạn trên mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được ý kiến phản đối của Tổ Chức Phát Hành thì kết quả xác định Lãi Suất Tham Chiếu và Lãi Suất đã thông báo trước đó sẽ mặc nhiên có hiệu lực và ràng buộc Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (trừ trường hợp Các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua một quyết định/ngợi quyết) và Tổ Chức Phát Hành có thỏa thuận khác). Để tránh nhầm lẫn, Tổ Chức Phát Hành chỉ được gửi ý kiến phản đối nếu (i) có sai sót trong tính toán của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc (ii) có sự khác biệt trong thông tin mà Tổ Chức Phát Hành có được về mức lãi suất tham chiếu của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào dùng để xác định Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan, và ý kiến phản đối của Tổ Chức Phát Hành chỉ được xem là hợp lệ nếu được thông báo

bằng văn bản hoặc bằng thư điện tử (từ địa chỉ thư điện tử được đăng ký hợp lệ) bởi một trong số những người đại diện được ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành theo danh sách sẽ được Tổ Chức Phát Hành thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu trong vòng 7 (bảy) ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng này.

(h) Trong trường hợp Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được ý kiến phản đối của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Điều 4.07(g) nêu trên, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành sẽ nhanh chóng trao đổi để cùng nhau thống nhất Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan phù hợp với quy định tại Điều 4.07 này chậm nhất là 2 (hai) Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó. Trong trường hợp Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành không thể thống nhất về Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng đó thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi văn bản yêu cầu các Ngân Hàng Tham Chiếu xác nhận mức lãi suất tham chiếu của từng Ngân Hàng Tham Chiếu áp dụng vào Ngày Xác Định Lãi Suất Tham Chiếu có liên quan chậm nhất là 2 (hai) Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó. Trong trường hợp này Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất được áp dụng sẽ được xác định theo quy tắc nêu tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Điều 4.07 này và sẽ có giá trị ràng buộc với Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất Tham Chiếu và mức Lãi Suất áp dụng cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo phương thức quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày hoàn thành việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu như trên.

(i) Nếu các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam không cho phép áp dụng một mức Lãi Suất cụ thể nào, thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nhiệm vụ xác định lãi suất được áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam nhằm thay thế cho mức Lãi Suất cụ thể không được phép đó, cụ thể là (i) áp dụng mức lãi suất tối đa theo quy định trong trường hợp Lãi Suất cao hơn mức lãi suất tối đa đó hoặc (ii) áp dụng mức lãi suất tối thiểu theo quy định trong trường hợp Lãi Suất thấp hơn mức lãi suất tối thiểu đó, và thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày mức lãi suất tối đa hoặc mức lãi suất tối thiểu đó có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất theo quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(j) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải xác định Lãi Suất Tham Chiếu và Lãi Suất một cách cân trọng và hợp lý. Nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã hành động một cách cân trọng khi xác định Lãi Suất Tham Chiếu và Lãi Suất theo các quy định nêu trên thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào phát sinh từ hoặc liên quan đến việc xác định các mức lãi suất đó.

4.08 Thanh Toán Theo Trái Phiếu

(a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký hoặc sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký nhưng theo quy định của Trung Tâm Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán các khoản liên quan đến Trái Phiếu không thông qua Trung Tâm Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ phối hợp thực hiện các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và các quy định sau:

- (i) vào hoặc trước 15:00 giờ (giờ Việt Nam) của Ngày Làm Việc ngay trước ngày đến hạn của bất kỳ khoản thanh toán nào theo Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành

phải chuyển đầy đủ khoản thanh toán đó vào Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng nguồn tiền có thể sử dụng ngay;

- (ii) ngay sau khi nhận được các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu từ Tổ Chức Phát Hành vào Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ phân bổ khoản tiền đó cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này;
- (iii) trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chuyển tiền vào Tài Khoản Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký tại Sổ Đăng Ký hoặc tài khoản chứng khoán mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) trong trường hợp thông tin về Tài Khoản Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký không chính xác;
- (iv) sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, nếu thông báo của Trung Tâm Lưu Ký không có thông tin về tài khoản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chuyển khoản vào tài khoản mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký tại Sổ Đăng Ký ngay trước thời điểm Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký hoặc tài khoản chứng khoán của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) trong trường hợp thông tin về tài khoản đăng ký tại Sổ Đăng Ký không đúng, trừ trường hợp Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thông báo khác về tài khoản nhận tiền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (v) mọi khoản phân bổ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này sẽ được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khấu trừ và giữ lại các khoản thuế (nếu việc khấu trừ và giữ lại các khoản thuế này là bắt buộc) từ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan trước khi thực hiện việc phân bổ và phải cung cấp văn bản, tài liệu hoặc chứng từ khi có yêu cầu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến việc khấu trừ và giữ lại như vậy; và
- (vi) việc thanh toán chỉ được xem là hoàn tất khi Tổ Chức Phát Hành đã chuyển đầy đủ các khoản thanh toán tương ứng vào Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại đoạn (i) trên đây, và kể từ thời điểm đó, Tổ Chức Phát Hành sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phân bổ khoản tiền đó cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Nếu các khoản thanh toán đến Tài Khoản Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sau thời điểm nêu tại đoạn (i) trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ nỗ lực tối đa để phân bổ khoản thanh toán đó cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong cùng ngày mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được khoản thanh toán đó, *tuy nhiên với điều kiện là* Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu không thể phân bổ khoản tiền thanh toán đó cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong ngày đến hạn có liên quan do Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đúng quy định tại đoạn (i) trên đây.

(b) Sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký mà, theo quy định của Trung Tâm Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành không phải trực tiếp thực hiện các khoản thanh

toán liên quan đến Trái Phiếu, việc thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy chế của Trung Tâm Lưu Ký, và các quy định có liên quan của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này (trong phạm vi các quy định đó không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký).

(c) Không phụ thuộc vào việc Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký hay chưa, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải tính bất kỳ khoản tiền nào phát sinh và phải được Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu, và thông báo kết quả tính toán cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều 3.02(i) và 3.02(iii) của Hợp Đồng này (trừ trường hợp thanh toán khoản tiền chậm thanh toán cùng với lãi quá hạn quy định tại Điều Kiện 8.4(b) của Các Điều Kiện Trái Phiếu). Nếu không có sai sót rõ ràng, kết quả tính toán của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Nếu có bất kỳ thay đổi nào đối với kết quả tính toán nêu trên vì bất kỳ lý do nào sau khi kết quả tính toán đã được gửi cho các Bên có liên quan theo quy định của Hợp Đồng này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải nhanh chóng cập nhật kết quả tính toán và thông báo cho các bên có liên quan.

ĐIỀU 5. QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

5.01 Quyền Hạn Và Nghĩa Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải cung cấp các Dịch Vụ một cách cẩn trọng và phù hợp với thông lệ thị trường trong nước đã được công nhận áp dụng cho các dịch vụ tương tự như các Dịch Vụ tại Việt Nam.

(b) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được ủy quyền cho Tổ Chức/Cá Nhân khác thực hiện bất kỳ Dịch Vụ nào mà không có chấp thuận trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành.

(c) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện mọi quyền, quyền hạn và thẩm quyền và hưởng các lợi ích được quy định cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, kể cả các quyền và quyền hạn sau:

- (i) quyết định các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu trừ các vấn đề mà các Văn Kiện Trái Phiếu quy định phải xin ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được đưa ra quyết định phù hợp với ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (ii) dựa vào bất kỳ văn kiện, thông báo hay tài liệu nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đánh giá là xác thực, chính xác và đã được ký kết, phê duyệt hợp lệ và không phải kiểm tra hay xác minh việc ký kết hay phê duyệt bất kỳ tài liệu nào như vậy; và
- (iii) bằng chi phí của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, thuê các tổ chức tư vấn (luật, tài chính, kiểm toán hoặc khác) có uy tín và kinh nghiệm hỗ trợ việc Đại Diện

Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện Dịch Vụ và các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu, và dựa vào các tư vấn đó để quyết định việc thực hiện hay không thực hiện bất kỳ Dịch Vụ, công việc hoặc nhiệm vụ nào.

(d) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền đầu tư vào Trái Phiếu, nhận Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia bất kỳ giao dịch nào với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi được các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan cho phép.

(e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không bị hạn chế thực hiện vai trò đại diện (hay bất kỳ vai trò tương tự nào) cho người sở hữu bất kỳ chứng khoán nào không phải là Trái Phiếu trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này.

5.02 Giới Hạn Trách Nhiệm Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành và mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu, công nhận và đồng ý rằng:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ thuộc bất kỳ loại nào ngoài Dịch Vụ và các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (ii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là có thể trái với, bất kỳ quy định nào của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quyết định, phán quyết của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền nào hay quy chế của Trung Tâm Lưu Ký hoặc bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán nào;
- (iii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ phải thông báo về việc xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm hay vi phạm đối với bất kỳ cam kết nào của Tổ Chức Phát Hành khi có bằng chứng rõ ràng về việc xảy ra Sự Kiện Vi Phạm hoặc vi phạm đó và việc thông báo về Sự Kiện Vi Phạm hay vi phạm đó (tùy trường hợp áp dụng) không dẫn đến việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vi phạm nghĩa vụ bảo mật đối với các Tổ Chức/Cá Nhân khác (mà không phải là Tổ Chức Phát Hành). Nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu giám sát việc thực hiện các cam kết của Tổ Chức Phát Hành được quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu được giới hạn trong phạm vi hiểu biết thông thường và trong khả năng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (iv) khi có chỉ thị của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ hành động theo chỉ thị đó nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được cam kết hoặc bảo đảm (đáp ứng yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc bồi hoàn bất kỳ tổn thất, trách nhiệm hay nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải gánh chịu hoặc chi trả khi hành động theo chỉ thị đó; và

- (v) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ Dịch Vụ, công việc hay nhiệm vụ nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó theo đúng chỉ thị của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

ĐIỀU 6. CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT

6.01 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành

(a) Cam Đoan Và Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành đưa ra các cam đoan và bảo đảm dưới đây với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vào ngày ký kết Hợp Đồng này và vào Ngày Phát Hành rằng các cam đoan và bảo đảm dưới đây là trung thực, chính xác và không gây nhầm lẫn:

- (i) ngoại trừ các chấp thuận của các Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền mà Tổ Chức Phát Hành bắt buộc phải có để đăng ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành đã có được tất cả các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận cần thiết của các Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền để (A) phát hành các Trái Phiếu, (B) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên, và (C) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên (nếu có);
- (ii) ngoại trừ chấp thuận của hội đồng quản trị và/hoặc cơ quan quản lý nội bộ khác của Tổ Chức Phát Hành đối với việc đăng ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán mà Trung Tâm Lưu Ký, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và/hoặc Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền khác có thể yêu cầu tại từng thời điểm, Tổ Chức Phát Hành đã có được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để (A) phát hành các Trái Phiếu, đăng ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán, (B) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên, và (C) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên;
- (iii) khi được ký kết hợp lệ, Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên sẽ xác lập các nghĩa vụ hợp pháp, có hiệu lực, có giá trị ràng buộc và có khả năng thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các điều khoản của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu đó, trừ trường hợp việc thi hành các nghĩa vụ đó có thể bị hạn chế bởi các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật về phá sản, tái cơ cấu hoặc về các vấn đề tương tự mà liên quan hoặc ảnh hưởng đến việc thi hành các quyền của chủ nợ nói chung; và

- (iv) việc Tổ Chức Phát Hành phát hành Trái Phiếu và việc Tổ Chức Phát Hành ký kết, chuyển giao và thực hiện Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên sẽ không (A) vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong các văn kiện nội bộ của Tổ Chức Phát Hành hiện đang có hiệu lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (B) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm hoặc cấu thành hành vi vi phạm theo bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào, hoặc (C) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến vi phạm bất kỳ hợp đồng hoặc thoả thuận quan trọng nào mà Tổ Chức Phát Hành là một bên tham gia.

(b) Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành cam kết với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng:

- (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ hợp tác và hỗ trợ Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tối đa trong việc cung cấp các Dịch Vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác;
- (ii) Tổ Chức Phát Hành sẽ có được và duy trì hiệu lực của tất cả phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận liên quan đến các Trái Phiếu phù hợp với các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các văn kiện công ty của Tổ Chức Phát Hành, và cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông tin chi tiết về các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận đó theo yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (iii) Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu các thông tin sau, với điều kiện là việc công bố thông tin không dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào, quyết định hoặc yêu cầu của bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào:
- (A) (các) bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành và kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Phương Án Phát Hành Trái Phiếu trong thời hạn như được quy định tại Điều Kiện 11(p) của Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- (B) trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày có bất kỳ thay đổi nào về (xx) tỷ lệ sở hữu của bất kỳ cổ đông nào sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (yy) tổng giám đốc của Tổ Chức Phát Hành và (zz) người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về sự thay đổi đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trừ trường hợp các thay đổi đó đã được công bố thông tin theo yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật;
- (C) sau khi các Báo Cáo Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành đã được lập và được cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành thông qua, Tổ Chức Phát Hành cam kết gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bản sao các Báo Cáo Tài Chính đó trong

thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày các Báo Cáo Tài Chính đó được thông qua hợp lệ nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính có liên quan, trừ trường hợp các Báo Cáo Tài Chính đó đã được công bố công khai theo quy định về công bố thông tin. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bản sao các Báo Cáo Tài Chính đó khi có yêu cầu bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó;

- (D) tối thiểu 5 (năm) Ngày Làm Việc sau khi hoàn tất bất kỳ giao dịch tổ chức lại doanh nghiệp và/hoặc chuyển nhượng tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành thỏa mãn quy định tại Điều Khoản 11(h) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về việc hoàn tất giao dịch đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu kèm theo các thông tin hoặc tài liệu liên quan (nếu có);
- (E) thông tin về bất kỳ vụ kiện tụng nào (xx) theo đánh giá của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là có khả năng gây Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể ngay sau khi nhận được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (yy) theo đánh giá của Tổ Chức Phát Hành là có khả năng gây Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể ngay sau khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó; và
- (F) thông tin về bất kỳ sự kiện nào mà dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó.

Bất kể có quy định nào khác đi trong Hợp Đồng này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được tiết lộ bất kỳ thông tin nào (mà không phải là thông tin đã được công khai một cách hợp pháp) nhận được từ Tổ Chức Phát Hành theo đoạn (iii) này (ngoại trừ các thông tin nêu tại tiểu đoạn (F)) cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào trừ trường hợp bắt buộc phải tiết lộ theo yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan hoặc yêu cầu của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền hoặc được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận trước; và

- (iv) Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ đầy đủ các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán về nghĩa vụ công bố thông tin của một tổ chức phát hành có trái phiếu được niêm yết.

6.02 Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Cam Đoan Và Bảo Đảm

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đưa ra các cam đoan và bảo đảm dưới đây với Tổ Chức Phát Hành vào ngày ký kết Hợp Đồng này và vào Ngày Phát Hành:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một công ty được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, có đầy đủ quyền, thẩm quyền và quyền hạn nội bộ cần thiết và đã thực hiện tất cả các thủ tục nội bộ và đã có được tất cả các phê duyệt, giấy

phép, đăng ký và chấp thuận cần thiết để (A) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và (B) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này. Các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận đó đều còn đầy đủ hiệu lực và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ phê duyệt, giấy phép, đăng ký hay chấp thuận nào như vậy;

- (ii) khi được ký kết hợp lệ, Hợp Đồng này sẽ xác lập các nghĩa vụ pháp lý có giá trị ràng buộc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và có khả năng thi hành theo các điều khoản của Hợp Đồng này; và
- (iii) việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký kết, chuyển giao hoặc thực hiện Hợp Đồng này sẽ không (A) vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong các văn kiện công ty của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hiện đang có hiệu lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điều lệ và giấy phép hoạt động của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, (B) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm hoặc cấu thành hành vi vi phạm theo bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào, hoặc (C) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo bất kỳ hợp đồng hoặc thoả thuận quan trọng nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên tham gia.

(b) Cam Kết

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cam kết không tự chấm dứt vai trò hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của mình trừ trường hợp được quy định trong Hợp Đồng này và Các Điều Kiện Trái Phiếu.

ĐIỀU 7. PHÍ VÀ CHI PHÍ

(a) Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khoản phí liên quan đến Dịch Vụ mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này với mức phí và theo lịch thanh toán cụ thể được quy định tại một thư thỏa thuận phí được ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(b) Liên quan đến bất kỳ công việc hay dịch vụ nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể cung cấp cho các Tổ Chức/Cá Nhân khác (không phải là Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến Trái Phiếu, với điều kiện là việc thực hiện các công việc hay dịch vụ này không gây tổn hại hoặc có ảnh hưởng bất lợi đối với các quyền mà Tổ Chức Phát Hành có được theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền ấn định và giữ lại cho mình tất cả các khoản phí mà các Tổ Chức/Cá Nhân khác đó phải thanh toán cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(c) Mọi chi phí và phí tổn liên quan đến việc gửi thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, lấy ý kiến bằng văn bản của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và phân bổ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các nhiệm vụ hay công việc khác phù hợp với Hợp Đồng này mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý trên thực tế sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 20 (hai mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận

được các hóa đơn và bằng chứng hợp lệ có liên quan từ Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là các khoản phí và chi phí này đã được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo bằng văn bản và nhận được chấp thuận trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành. Để tránh nhầm lẫn, trong trường hợp Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, chi phí mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý để thực hiện các nhiệm vụ hay công việc có liên quan sẽ do các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thỏa thuận giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó.

(d) Mọi khoản phí và chi phí liên quan đến việc chuyển tiền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Tổ Chức Phát Hành thanh toán. Mọi khoản phí và chi phí liên quan đến việc chuyển tiền để thanh toán khoản gốc, Lãi và các khoản tiền khác phát sinh trên các Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán.

(e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được giữ lại bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và khoản tiền đó đến hạn thanh toán và còn nợ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

ĐIỀU 8. BỒI HOÀN

(a) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý bồi thường và bồi hoàn (tính theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất hoặc trách nhiệm nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu trên thực tế (trừ trường hợp và trong phạm vi thiệt hại, tổn thất hoặc trách nhiệm đó là phát sinh trực tiếp từ lỗi vô ý nghiêm trọng, lỗi cố ý và/hoặc bất kỳ vi phạm nào đối với Hợp Đồng này của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) khi hành động theo chỉ thị của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu khác nào.

(b) Mỗi Bên phải bồi thường và bồi hoàn cho Bên còn lại mọi thiệt hại, tổn thất, chi phí, phí và phí tổn hợp lý, bao gồm cả phí luật sư và phí trọng tài (nếu có) dưới bất kỳ hình thức nào mà Bên còn lại phải gánh chịu trên thực tế phát sinh trực tiếp từ hoặc liên quan đến bất kỳ hành vi vi phạm nào của Bên phải bồi thường theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu khác nào.

ĐIỀU 9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

9.01 Các Quy Định Chung Về Thay Thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đương nhiệm ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**") có thể bị thay thế bởi một tổ chức khác ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**") theo các quy định tại Điều 9 này.

(b) Việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ có hiệu lực từ ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và Tổ Chức Phát Hành ký kết thỏa thuận tham gia về cơ bản theo mẫu quy định tại Phụ Lục III của Hợp Đồng này, trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thỏa thuận khác.

(c) Việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) nếu phù hợp với Điều 9 này sẽ (i) không yêu cầu phải có chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) sẽ ràng buộc Tổ Chức Phát Hành, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Trái Phiếu và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu.

(d) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, có uy tín và kinh nghiệm và đáp ứng các điều kiện cần thiết để làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(e) Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) sẽ gửi thông báo cho Bên còn lại, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Trái Phiếu (nếu áp dụng) và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc từ ngày hoàn thành việc chỉ định đó.

(f) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm phải bàn giao các hồ sơ, tài liệu, hoặc vật dụng mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có được khi thực hiện Dịch Vụ liên quan đến Trái Phiếu cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế ngay khi có thể thực hiện được trên thực tế (nhưng sau khi đã nhận đủ tất cả các khoản thanh toán đến hạn cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này).

9.02 Thay Thế Do Từ Nhiệm

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể từ nhiệm và ngừng thực hiện toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc trước ngày dự kiến từ nhiệm.

(b) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo từ nhiệm của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

(c) Nếu Tổ Chức Phát Hành không chỉ định được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trong thời hạn quy định tại Điều 9.02(b) thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có quyền chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

9.03 Thay Thế Bất Buộc

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể bị thay thế theo một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối nếu:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm vi phạm nghiêm trọng nhiệm vụ của mình như được quy định trong Hợp Đồng này và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác;
- (ii) có sự thay đổi đối với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng mà sự thay đổi này chưa được thi hành và chưa có hiệu lực vào ngày ký kết Hợp Đồng hoặc thỏa thuận tham gia có liên quan (tùy từng trường hợp áp dụng) nhưng gây

ra ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, điều kiện tài chính, hoặc triển vọng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, hoặc khả năng thực hiện các nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác; hoặc

- (iii) theo đánh giá của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình.

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo đây đồng ý rằng, ngay khi bất kỳ sự kiện nào quy định tại các mục (i) và (ii) của Điều 9.03(a) này xảy ra trên thực tế hoặc có khả năng xảy ra trên thực tế, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành về việc xảy ra sự kiện đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 1 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm biết về việc sự kiện đó đã xảy ra hoặc có khả năng xảy ra trên thực tế.

(b) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối về việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

(c) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm phải bị thay thế nếu có kết luận hoặc quyết định đã có hiệu lực của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền về việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không được thực hiện vai trò đại diện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có bất kỳ kết luận hoặc quyết định nào như vậy. Trong trường hợp này, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trước thời điểm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm bắt buộc phải thôi thực hiện vai trò đại diện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo kết luận hoặc quyết định có liên quan của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền.

9.04 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có bất kỳ quyết định nào về việc chấm dứt hoạt động của mình.

(b) Ngay khi có thể sau khi nhận được thông báo nêu trên của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo đó, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

(c) Tổ Chức Phát Hành công nhận và cam kết rằng kể cả và trong khi chưa có tổ chức nào được chỉ định làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm đã chấm dứt hoạt động thì Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm là một bên sẽ tiếp tục có hiệu lực và ràng buộc Tổ Chức Phát Hành như thể sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Điều 9.04 này chưa xảy ra.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT

(a) Hợp Đồng này có hiệu lực từ ngày ký và bị chấm dứt khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây:

- (i) không có bất kỳ Trái Phiếu nào được phát hành trước hoặc vào 31 tháng 12 năm 2018;
- (ii) theo thỏa thuận của các Bên và được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận; hoặc
- (iii) không còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành nào.

(b) Ngay sau khi Hợp Đồng này chấm dứt (với điều kiện là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận đầy đủ các khoản thanh toán đến hạn cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này), Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chuyển giao cho Tổ Chức Phát Hành tất cả sổ sách, hồ sơ, băng, đĩa mềm máy tính, chứng chỉ và tất cả các tài liệu và vật dụng khác thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ liên quan đến Hợp Đồng này.

(c) Việc chấm dứt Hợp Đồng này sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền và trách nhiệm mà mỗi Bên có trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại các Điều 8, 10(b), 10(c), 11.02, 11.04, 11.05 và 11.06 vẫn có giá trị ràng buộc các Bên sau khi Hợp Đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

11.01 Chậm Thực Hiện Quyền; Các Quyền Tích Lũy

(a) Việc một Bên không thực hiện hay chậm thực hiện bất kỳ quyền nào mình theo Hợp Đồng này sẽ không được hiểu là Bên đó từ bỏ quyền đó hoặc miễn cho Bên kia thực hiện nghĩa vụ có liên quan. Việc một Bên từ bỏ quyền hoặc miễn cho Bên kia thực hiện nghĩa vụ phải được lập bằng văn bản và được ký bởi Bên đó.

(b) Các quyền của một Bên theo Hợp Đồng này hoặc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan có thể được thực hiện cùng nhau mà không loại trừ lẫn nhau trừ trường hợp việc thực hiện cùng nhau đó không được phép theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

11.02 Bảo Mật

Mỗi Bên phải bảo đảm giữ bí mật nội dung của Hợp Đồng này và không tiết lộ sự tồn tại, hiệu lực và nội dung của Hợp Đồng này và việc thực hiện Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào ngoại trừ:

- (i) việc tiết lộ đó đã được Bên kia chấp thuận trước bằng văn bản;
- (ii) việc tiết lộ cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Trái Phiếu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (iii) việc tiết lộ là bắt buộc theo quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy định của Trung Tâm Lưu Ký và bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan nào, hoặc theo yêu cầu của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền;
- (iv) việc tiết lộ bởi Tổ Chức Phát Hành cho nhà đầu tư hiện tại hoặc nhà đầu tư tiềm năng vào Tổ Chức Phát Hành và đối tác tham gia giao dịch với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu;
- (v) việc tiết lộ bởi một Bên cho Công Ty Con, công ty liên kết và cán bộ, nhân viên, nhà đầu tư hiện tại hoặc nhà đầu tư tiềm năng liên quan đến Trái Phiếu, kế toán, luật sư, đơn vị tư vấn và người đại diện tương ứng của Bên đó trong phạm vi mà các Tổ Chức/Cá Nhân này là những người cần được biết nội dung của Hợp Đồng này nhằm thực hiện nghĩa vụ của bên đó theo Hợp Đồng này; hoặc
- (vi) thông tin đã trở nên công khai (ngoại trừ trường hợp là hậu quả của việc vi phạm Điều 11.02 này),

tuy nhiên, với điều kiện là, trước khi tiết lộ thông tin theo các Điều 11.02(iv) và 11.02(v) trên đây, Bên tiết lộ thông tin phải thông báo cho các Tổ Chức/Cá Nhân tiếp nhận thông tin về điều khoản bảo mật này và tính chất bảo mật của nội dung của Hợp Đồng này đồng thời đảm bảo các Tổ Chức/Cá Nhân đó cam kết tuân thủ nghĩa vụ bảo mật được quy định của Điều 11.02 này.

11.03 Chuyển Giao

Trừ trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, không Bên nào được chuyển giao hoặc chuyển nhượng bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này khi chưa được Bên còn lại chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ việc chuyển giao hoặc chuyển nhượng vì lý do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

11.04 Thông Báo

Việc gửi thông báo theo Hợp Đồng này sẽ theo phương thức quy định tại Điều Kiện 13 của Các Điều Kiện Trái Phiếu.

11.05 Luật Điều Chỉnh

Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh bởi và được giải thích phù hợp với pháp luật Việt Nam.

11.06 Giải Quyết Tranh Chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này (kể cả bất kỳ vấn đề nào liên quan đến sự tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Hợp Đồng này) sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC bởi 3 (ba) trọng tài viên được chỉ định theo quy tắc đó. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt.

11.07 Sửa Đổi

Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này đều phải được lập bằng văn bản và được ký kết bởi Các Bên. Các Bên có thể sửa đổi Hợp Đồng này mà không cần chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nếu (i) việc sửa đổi không ảnh hưởng bất lợi đến quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào hoặc việc sửa đổi hoàn toàn mang tính hình thức để sửa chữa các sai sót hiển nhiên hoặc mang tính kỹ thuật hoặc (ii) việc sửa đổi đó đã được dự kiến trong Hợp Đồng này mà không yêu cầu phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận. Bất kỳ sửa đổi nào khác đối với Hợp Đồng này phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận trước.

11.08 Hiệu Lực Riêng Rẽ

Mỗi quy định trong Hợp Đồng này và mỗi phần của nó là riêng rẽ và phân biệt so với các quy định khác. Nếu có bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này là không có giá trị, không hợp pháp hoặc không có giá trị thì hành theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan thì giá trị, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các quy định còn lại của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào.

11.09 Ngôn Ngữ Và Số Bản

Hợp Đồng này được lập thành 4 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 2 (hai) bản gốc và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu giữ 2 (hai) bản gốc.

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống.
Phần chữ ký nằm ở trang tiếp theo.]*

ĐỀ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, Các Bên, thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, đã ký kết Hợp Đồng này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Hợp Đồng này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI NGUYÊN
MASAN**

với tư cách là Tổ Chức Phát Hành



Chữ ký:
Họ tên:

TỔNG GIÁM ĐỐC

Chức vụ: **CRAIG RICHARD BRADSHAW**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
KỸ THUƠNG** với tư cách là Đại Diện Chủ
Sở Hữu Trái Phiếu



Chữ ký:

Họ tên: Nguyễn Thị Thu Hiền

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC I

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU**1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

- 1.1 Các điều khoản và điều kiện này ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") điều chỉnh các trái phiếu ("**Trái Phiếu**") do Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan ("**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**MSR**") phát hành theo phương án phát hành trái phiếu được Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt theo Nghị Quyết số 344/2018/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 9 năm 2018 ("**Phương Án Phát Hành Trái Phiếu**"). Các thuật ngữ viết hoa khi được sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 17.1.
- 1.2 Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức làm đại lý lưu ký để thực hiện việc đăng ký và quản lý chuyển nhượng đối với Trái Phiếu ("**Đại Lý Trái Phiếu**"). Căn cứ hợp đồng đại lý lưu ký trái phiếu ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS ("**Hợp Đồng Đại Lý**"), Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Đại Lý Trái Phiếu ban đầu.
- 1.3 Cho đến khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, sẽ luôn có một tổ chức đại diện cho quyền lợi của tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**"). Căn cứ hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS ("**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**"), Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu.
- 1.4 Mọi nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu được bảo đảm bằng các Biện Pháp Bảo Đảm được xác lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm. Việc bảo đảm cho Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Điều Kiện 6.
- 1.5 Các Điều Kiện Trái Phiếu này, cùng với các quy định có liên quan của các Văn Kiện Trái Phiếu khác, quy định các quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các bên liên quan khác đối với Trái Phiếu. Các Văn Kiện Trái Phiếu được lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể nghiên cứu, xem xét hoặc sao chụp hợp lệ.
- 1.6 Bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (i) chấp nhận việc lựa chọn TCBS làm Đại Lý Trái Phiếu ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, (ii) đồng ý rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Đại Lý Trái Phiếu có thể là cùng một tổ chức, (iii) ủy quyền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để, nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, ký kết các Văn Kiện Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, (iv) đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích thực tế hoặc xung đột lợi ích có thể xảy ra trong tương lai, (v) được xem là đã nghiên cứu, đồng ý và chấp thuận toàn bộ nội dung của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, và (vi) có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ gắn với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

2. TÍNH CHẤT

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang bằng mà không Trái Phiếu nào sẽ có quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào. Nếu khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm nhưng nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu còn tồn đọng do số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ thì phần nghĩa vụ còn tồn đọng đó sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất *ngang bằng* với các nghĩa vụ khác, không phải là nợ thứ cấp và không được bảo đảm ở thời điểm hiện tại hoặc tương lai của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan).

3. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu cho các mục đích sau:

- (i) tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc
- (ii) thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.

4. HÌNH THỨC, MỆNH GIÁ, THỜI HẠN, QUYỀN SỞ HỮU, SỔ ĐĂNG KÝ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG TRÁI PHIẾU

4.1. Hình Thức, Mệnh Giá Và Thời Hạn

- (a) Trái Phiếu được phát hành riêng lẻ thông qua phương thức bảo lãnh phát hành theo hình thức cố gắng tối đa. Trái Phiếu được phát hành theo hình thức bút toán ghi sổ (quyền sở hữu đối với Trái Phiếu được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký) với mệnh giá mỗi Trái Phiếu là 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng).
- (b) Số lượng Trái Phiếu được phát hành tối đa là 10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu.
- (c) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Trái Phiếu có liên quan trong trường hợp Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, Trung Tâm Lưu Ký, Sổ Giao Dịch Chứng Khoán và các Cơ Quan Nhà Nước khác có yêu cầu.
- (d) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc có thông báo bằng hình thức khác được Đại Lý Trái Phiếu chấp nhận, sẽ được Đại Lý Trái Phiếu cấp 1 (một) bản trích lục hợp lệ Sổ Đăng Ký ghi nhận việc sở hữu số Trái Phiếu được đăng ký của mình phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này, Hợp Đồng Đại Lý và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, việc cấp trích lục Sổ Đăng Ký hoặc tài liệu tương đương sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sổ Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).
- (e) Thời hạn của Trái Phiếu sẽ bắt đầu từ Ngày Phát Hành và kết thúc vào ngày tròn 36 (ba mươi sáu) tháng từ Ngày Phát Hành ("**Ngày Đáo Hạn**").

(ii)

4.2. Quyền Sở Hữu, Sổ Đăng Ký Và Chuyển Nhượng Trái Phiếu

- (a) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tự do chuyển nhượng, hoặc được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia các quan hệ dân sự, thương mại hợp pháp khác phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (b) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký:
 - (i) Đại Lý Trái Phiếu sẽ lập, cập nhật và lưu giữ Sổ Đăng Ký. Sổ Đăng Ký sẽ ghi nhận tổng số Trái Phiếu đang lưu hành, Ngày Phát Hành, Ngày Đáo Hạn, mọi giao dịch chuyển nhượng, tên, địa chỉ, thư điện tử, thông tin định danh khác, tài khoản và số lượng Trái Phiếu thuộc sở hữu của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và các thông tin chi tiết khác mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Trái Phiếu cho là phù hợp hoặc cần phải được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan; và
 - (ii) Quyền sở hữu Trái Phiếu chỉ được chuyển giao thông qua chuyển nhượng và được đăng ký vào Sổ Đăng Ký theo thủ tục quy định trong Hợp Đồng Đại Lý. Bên nhận chuyển nhượng bất kỳ Trái Phiếu nào chỉ được xem là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu đó khi thông tin về bên nhận chuyển nhượng và việc sở hữu Trái Phiếu của bên nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ Đăng Ký. Bên chuyển nhượng chỉ chấm dứt tư cách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được chuyển nhượng nếu thông tin về bên chuyển nhượng trong Sổ Đăng Ký được xóa hoặc được cập nhật tương ứng với số Trái Phiếu còn lại mà bên chuyển nhượng sở hữu vào Sổ Đăng Ký.
- (c) Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, việc lập, cập nhật và lưu giữ Sổ Đăng Ký, nội dung và hình thức của Sổ Đăng Ký và việc chuyển nhượng Trái Phiếu sẽ tuân theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng). Việc tạm ngừng giao dịch Trái Phiếu (nếu có) nhằm phục vụ việc đăng ký Trái Phiếu tại Trung Tâm Lưu Ký sẽ tuân theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký.
- (d) Trừ trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan quy định khác, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được xem là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất của số Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó trong Sổ Đăng Ký. Sổ Đăng Ký có giá trị hợp lệ và cao nhất để xác định quyền sở hữu Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

5. ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ VÀ NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

- 5.1. Phụ thuộc vào việc nhận được thông báo bằng văn bản của Đại Lý Trái Phiếu về việc đã có đủ số lượng Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tối thiểu nhằm niêm yết Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày (hoặc một thời hạn khác dài hơn được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ phối hợp với Đại Lý Trái Phiếu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để đăng ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký. Sau đó, Tổ Chức Phát

Hành sẽ duy trì việc đăng ký đó cho đến khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành (trừ khi được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận khác).

- 5.2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày (hoặc một thời hạn khác dài hơn được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) sau khi Trái Phiếu được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký, phụ thuộc vào việc đáp ứng các điều kiện để đăng ký và niêm yết Trái Phiếu theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (với điều kiện là Tổ Chức Phát Hành đã nỗ lực để đáp ứng các điều kiện này), Tổ Chức Phát Hành sẽ phối hợp với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để hoàn tất việc niêm yết Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Sau khi Trái Phiếu được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì việc niêm yết cho đến khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành (trừ khi được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận khác).

- 5.3. Sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tự lưu ký Trái Phiếu với Trung Tâm Lưu Ký theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký.

6. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

Theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm, Trái Phiếu được bảo đảm bằng tài sản và được bảo lãnh thanh toán với các nội dung cơ bản như sau (phụ thuộc vào các sửa đổi, bổ sung đối với Các Hợp Đồng Bảo Đảm tại từng thời điểm):

6.1. Phương Thức Bảo Đảm

- (a) Để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các Tổ Chức/Cá Nhân khác ("**Các Bên Bảo Đảm**") sẽ xác lập các biện pháp bảo đảm theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm (các "**Biện Pháp Bảo Đảm**"), bao gồm nhưng không giới hạn bởi các Biện Pháp Bảo Đảm được liệt kê dưới đây sao cho, tại bất kỳ thời điểm nào kể từ khi Các Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng được ký kết có hiệu lực cho đến khi Tổ Chức Phát Hành hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành đối với các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Trái Phiếu, Tổng Giá Trị Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó, trừ khi được chấp thuận khác đi bằng văn bản bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu:

- (i) NPM cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) như được quy định cụ thể trong Thỏa Thuận Bảo Lãnh Thanh Toán NPM; và
- (ii) MH sẽ thế chấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động nhân danh và thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một số lượng nhất định các cổ phần của MSR như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR; và/hoặc
- (iii) Khi Tổ Chức Phát Hành có nhu cầu bổ sung hoặc thay thế một phần hoặc toàn bộ các Tài Sản Bảo Đảm đang được sử dụng để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, NPM sẽ thế chấp Tài Sản Dự Án Núi Pháo để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo các điều kiện được quy định cụ thể tại Điều Kiện

6.1(b) dưới đây. Việc thế chấp này sẽ được quy định cụ thể tại Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản NPM và Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản NPM; và/hoặc

- (iv) (các) Biện Pháp Bảo Đảm khác (nếu có) giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác vào từng thời điểm để bổ sung hoặc thay thế cho Biện Pháp Bảo Đảm nêu tại các mục (i), (ii) và/hoặc (iii) trên đây để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.
- (b) Trong trường hợp NPM thế chấp Tài Sản Dự Án Núi Pháo theo Điều Khoản 6.1(a)(iii) trên đây, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu, chấp thuận rằng:

- (i) Tài Sản Dự Án Núi Pháo cũng có thể được sử dụng để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Nợ ("**Việc Chia Sẻ Tài Sản Dự Án Núi Pháo**"), với điều kiện là Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì (theo công thức được quy định tại Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR) không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu xem xét và chấp thuận Việc Chia Sẻ Tài Sản Dự Án Núi Pháo, và giao cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xem xét và chấp thuận Việc Chia Sẻ Tài Sản Dự Án Núi Pháo nêu trên.

Trong trường hợp bên nhận thế chấp Tài Sản Dự Án Núi Pháo để đảm bảo cho các Nghĩa Vụ Nợ có thứ tự ưu tiên thanh toán sau hoặc thấp hơn so với các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hành động thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (được định nghĩa dưới đây) với tư cách là bên nhận và quản lý Tài Sản Dự Án Núi Pháo để đảm bảo cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm khi xử lý Tài Sản Dự Án Núi Pháo (theo quy định tại các Hợp Đồng Bảo Đảm và Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật liên quan), thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được từ chối hoặc trì hoãn đưa ra quyết định chấp thuận một cách bất hợp lý Việc Chia Sẻ Tài Sản Dự Án Núi Pháo nếu điều kiện về Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì quy định tại đoạn liền trước được thỏa mãn;

- (ii) nhằm mục đích xác định (A) giá trị bảo đảm của Tài Sản Dự Án Núi Pháo ("**Giá Trị Bảo Đảm Của Tài Sản Dự Án Núi Pháo**") tại thời điểm được thế chấp ban đầu để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, (B) Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì, và (C) Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút (theo công thức được quy định tại Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR), chấp thuận rằng Giá Trị Bảo Đảm Của Tài Sản Dự Án Núi Pháo sẽ được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Dự Án Núi Pháo nhân với tỷ lệ phân bổ của Tài Sản Dự Án Núi Pháo để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm chia cho 200% (hai trăm phần trăm);
- (iii) nhằm mục đích xác định Tổng Giá Trị Bảo Đảm (theo công thức được quy định tại Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR), chấp thuận rằng Giá Trị Bảo Đảm Của Tài Sản Dự Án Núi Pháo sẽ được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Dự Án Núi Pháo nhân với tỷ lệ phân bổ của Tài Sản Dự Án Núi Pháo để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm chia cho 150% (một trăm năm mươi phần trăm). Trường hợp giá trị của các Tài Sản Bảo Đảm sụt giảm dẫn đến Tổng Giá Trị Bảo Đảm thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành phải bổ

sung thêm tài sản bảo đảm sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu;

- (iv) Các Bên Bảo Đảm có thể rút bớt một phần hoặc toàn bộ các Tài Sản Bảo Đảm khác đang được sử dụng để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo quy định tại các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan, *với điều kiện là Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì sau khi rút bớt Tài Sản Bảo Đảm đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó*;
 - (v) ủy quyền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, nhân danh và vì quyền lợi của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, (A) được quyền chỉ định một Tổ Chức/Cá Nhân đáp ứng các yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan làm đại lý nhận và quản lý Tài Sản Dự Án Núi Pháo ("**Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**") để cùng với hoặc thay thế cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận và quản lý các Tài Sản Bảo Đảm theo các điều khoản và điều kiện do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm thỏa thuận, *với điều kiện là việc chỉ định này chỉ được thực hiện trên cơ sở bàn bạc và trao đổi với Tổ Chức Phát Hành, và (B) quyết định các nội dung cụ thể của Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản NPM và Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản NPM và các tài liệu khác liên quan đến việc thế chấp Tài Sản Dự Án Núi Pháo, bao gồm cả văn bản thỏa thuận về Việc Chia Sẻ Tài Sản Dự Án Núi Pháo để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và các Nghĩa Vụ Nợ; và*
 - (vi) Tổ Chức Phát Hành chỉ định Valuco, *với điều kiện là Valuco vẫn nằm trong danh sách tổ chức định giá độc lập được Bộ Tài Chính cấp phép, hoặc một hoặc một số tổ chức định giá độc lập khác được Bộ Tài Chính cấp phép, có uy tín, có kinh nghiệm trong việc định giá tài sản tương tự và được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận, để xác định giá trị của Tài Sản Dự Án Núi Pháo một cách tổng thể (mà không cần tách riêng giá trị tài sản là bất động sản theo Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản NPM và giá trị tài sản là động sản và quyền tài sản theo Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Quyền Tài Sản NPM) ("**Giá Trị Tài Sản Dự Án Núi Pháo**") tại thời điểm nhận thế chấp ban đầu hoặc tại thời điểm định giá lại như được quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan, với chi phí định giá do NPM gánh chịu.*
- (c) Việc bổ sung, thay thế, rút bớt hoặc giải trừ các Tài Sản Bảo Đảm sẽ được thực hiện theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan. Trong trường hợp rút bớt Tài Sản Bảo Đảm, nếu Tài Sản Bảo Đảm tại thời điểm đó bao gồm các tài sản được bảo đảm bởi các Biện Pháp Bảo Đảm được xác lập theo các đoạn (ii), (iii) và đoạn (iv) (nếu có) của Điều Kiện 6.1(a), việc rút bớt Tài Sản Bảo Đảm sẽ được thực hiện theo thứ tự như được thỏa thuận bởi Tổ Chức Phát Hành, Bên Bảo Đảm có liên quan, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm.

6.2. Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm

Các nghĩa vụ được bảo đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm là toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu ("**Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm**") bao gồm nhưng không giới hạn: (i) nghĩa vụ thanh toán gốc của các Trái Phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm áp dụng, (ii) nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản lãi đã phát

sinh nhưng chưa được thanh toán tính trên các Trái Phiếu (bao gồm cả trong hạn và quá hạn), (iii) tiền phạt và bồi thường thiệt hại của Tổ Chức Phát Hành đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và (iv) các nghĩa vụ thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

6.3. Thủ Tục Thi Hành Biện Pháp Bảo Đảm

Khi một Sự Kiện Vi Phạm được xác định là đã xảy ra theo quy định tại Điều Khoản 12.1 và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận được thông báo bằng văn bản của bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn theo Điều Khoản 12.2, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, Các Bên Bảo Đảm và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Nếu các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành chưa được thanh toán vào hoặc trước Ngày Thanh Toán Cuối Cùng, phụ thuộc vào các quy định tại Điều Khoản 12.2, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, sẽ thực hiện các hành động nhằm (i) xử lý toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của Tài Sản Bảo Đảm; và/hoặc (ii) yêu cầu Bên Bảo Đảm có liên quan thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gửi Thông Báo Xử Lý Tài Sản và/hoặc Yêu Cầu Thực Hiện Bảo Lãnh (như được định nghĩa trong Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan) cho Tổ Chức Phát Hành, Các Bên Bảo Đảm, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Đại Lý Trái Phiếu (nếu áp dụng) và đăng ký Thông Báo Xử Lý Tài Sản và/hoặc việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm với các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm có thẩm quyền (nếu các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có yêu cầu).

6.4. Đăng Ký Giao Dịch Bảo Đảm

Biện Pháp Bảo Đảm được quy định tại mỗi Hợp Đồng Bảo Đảm sẽ được các bên liên quan ký kết và công chứng (nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có yêu cầu phải công chứng) hợp lệ, được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ và hợp lệ với các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm có thẩm quyền theo quy định tương ứng của Hợp Đồng Bảo Đảm đó và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng.

6.5. Quyền Và Nhiệm Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Liên Quan Đến Tài Sản Bảo Đảm

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có các quyền và nhiệm vụ sau:

- (i) ký kết Các Hợp Đồng Bảo Đảm;
- (ii) quản lý hồ sơ, giấy tờ và tài liệu liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm; quản lý Tài Sản Bảo Đảm được giao cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc ủy quyền cho Tổ Chức/Cá Nhân khác quản lý theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm;
- (iii) thực hiện và thi hành bất kỳ quyền, quyền lợi, quyền hạn và thẩm quyền nào của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Khoản Trái Phiếu này đối với Tài Sản Bảo Đảm và các Biện Pháp Bảo Đảm được xác

lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm, kể cả xử lý Tài Sản Bảo Đảm phù hợp với quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm;

- (iv) xem xét chấp thuận việc chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm bởi Các Bên Bảo Đảm cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào với điều kiện là Tổ Chức/Cá Nhân nhận chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm đó sẽ phải cầm cố và/hoặc thế chấp lại các Tài Sản Bảo Đảm đó cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện tương đương với các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng đã được ký kết đối với Tài Sản Bảo Đảm đó và các điều khoản, điều kiện khác theo yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu); và
- (v) các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

Ngoại trừ việc chỉ định tổ chức nhận và quản lý Tài Sản Dự Án Núi Pháo quy định tại Điều Khoản 6.1(b)(iv), nếu các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật liên quan có yêu cầu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định một Tổ Chức/Cá Nhân đáp ứng các yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan làm đại lý nhận và quản lý tài sản bảo đảm để cùng với hoặc thay thế cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận và quản lý các Tài Sản Bảo Đảm theo các điều khoản và điều kiện do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và đại lý nhận và quản lý tài sản bảo đảm đó thỏa thuận, với điều kiện là việc chỉ định Tổ Chức/Cá Nhân đó phải được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận trước bằng văn bản (tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành không được từ chối đưa ra chấp thuận đó một cách bất hợp lý).

7. LÃI TRÁI PHIẾU

7.1. Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi với lãi suất ("**Lãi Suất**") như sau:

- (i) đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng 9,8% (chín phẩy tám phần trăm) một năm; và
- (ii) đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó cộng với 3,2% (ba phẩy hai phần trăm) một năm.

Trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này,

"**Lãi Suất Tham Chiếu**" có nghĩa, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân với lãi trả sau bằng tiền Đồng kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) do Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hà Nội, Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở Giao Dịch, Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – Sở Giao Dịch, và Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi Nhánh Sở Giao Dịch 1 công bố vào Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, (i) lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân để tính Lãi Suất Tham Chiếu nêu trên là lãi suất áp dụng chung (mà không chỉ áp dụng cho một hoặc một số đối tượng cụ thể) và (ii) trong trường hợp đặc biệt khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không xác định được hoặc không có cơ sở để

xác định một hay nhiều mức lãi suất tiền gửi nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được xác định theo quy định có liên quan của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến ba chữ số ở phần thập phân (nếu không phải là số nguyên), và được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn. Để tránh nhầm lẫn, Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày liền sau ngày kết thúc Kỳ Tính Lãi liền trước đó.

Nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức tối đa đối với Lãi Suất mà mức tối đa đó thấp hơn Lãi Suất quy định tại câu liền trước thì mức lãi suất tối đa đó sẽ được áp dụng.

7.2. Trái Phiếu sẽ hưởng lãi cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này. Lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu được tính cho số ngày thực tế đã trôi qua trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

7.3. Lãi trên gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là:

- (i) đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên; và
- (ii) đối với bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào sau Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đó.

Trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này, “**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa là bất kỳ ngày nào tròn 6 (sáu) tháng và 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành và bất kỳ ngày tròn năm nào của các ngày như vậy trong bất kỳ năm dương lịch nào trong suốt thời hạn Trái Phiếu.

8. THANH TOÁN

8.1. Thanh Toán Gốc, Lãi Và Các Khoản Tiền Khác Theo Trái Phiếu

- (a) Việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định dưới đây. Tuy nhiên, nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc xung đột với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký).
- (b) Gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thanh toán (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) vào ngày đến hạn có liên quan bằng cách chuyển khoản vào

tài khoản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký (tài khoản này được quy định cụ thể hơn tại Điều Khoản 8.2).

- (c) Thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán gốc Trái Phiếu (cùng với lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) trong các trường hợp mua lại vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, dù là tự nguyện hay bắt buộc (tùy trường hợp áp dụng). Để tránh nhầm lẫn, gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó, và lãi (bao gồm cả lãi trên gốc Trái Phiếu và lãi quá hạn, nếu có) sẽ được tính theo Điều Khoản 7, Điều Khoản 8.3(b) và/hoặc Điều Khoản 8.4(b) (tùy trường hợp áp dụng). Khi thanh toán lãi trên gốc Trái Phiếu cùng với thanh toán gốc theo Điều Khoản 8.1(c) này, Tổ Chức Phát Hành được xem là đã hoàn thành việc thanh toán lãi quy định tại Điều Khoản 8.1(d).
- (d) Thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán lãi trên gốc Trái Phiếu vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán trên Trái Phiếu là lãi được xác định theo quy định tương ứng tại Điều Khoản 7 cho Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng.
- (e) Tổ Chức Phát Hành được xem là hoàn thành việc thanh toán bất kỳ khoản tiền nào theo Trái Phiếu khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận được toàn bộ khoản tiền đó phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

8.2. Tài Khoản Đăng Ký

Tài khoản đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa là tài khoản ngân hàng bằng tiền Đồng được duy trì bởi hoặc nhân danh Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với thông tin chi tiết được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng.

8.3. Thanh Toán Vào Ngày Làm Việc

- (a) Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải là Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Trừ trường hợp quy định tại Điều Khoản 8.3(b), Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền bị chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Làm Việc.
- (b) Nếu Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, dù là tự nguyện hay bắt buộc (tùy trường hợp áp dụng) không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi Trái Phiếu đang lưu hành vào ngày đó, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán lãi trên khoản gốc Trái Phiếu theo Lãi Suất đang áp dụng vào ngày đó cho giai đoạn tính từ (và bao gồm cả) ngày đó đến (nhưng không bao gồm) Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

8.4. Các Quy Định Khác

- (a) Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng), trừ khi vào ngày đó, khoản gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh

toán không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Trong trường hợp đó, khoản gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi với lãi suất được quy định tại Điều Khoản 8.4(b).

- (b) Trừ khi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có chấp thuận khác, Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán lãi trên bất kỳ khoản tiền nào bị chậm thanh toán (dù là gốc, lãi hay bất kỳ khoản thanh toán nào khác theo Trái Phiếu) phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này với lãi suất quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất quy định tại Điều Khoản 7.1. Trong trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức lãi suất quá hạn tối đa đối với bất kỳ khoản tiền chậm thanh toán nào nêu trên mà mức lãi suất quá hạn tối đa đó thấp hơn 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất quy định tại Điều Khoản 7.1 thì mức lãi suất quá hạn tối đa đó sẽ được áp dụng. Lãi quá hạn sẽ được tính cho số ngày thực tế trôi qua trong giai đoạn từ (và bao gồm cả) ngày đến hạn thanh toán đến (nhưng không bao gồm) ngày khoản tiền chậm thanh toán được Tổ Chức Phát Hành thanh toán trên thực tế trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Để tránh nhầm lẫn, (i) phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 12.2, nếu phát sinh việc chậm thanh toán, Tổ Chức Phát Hành có thể thanh toán khoản tiền chậm thanh toán cùng với lãi quá hạn vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày đến hạn thanh toán có liên quan, và (ii) sẽ không có khoản lãi nào phát sinh trên lãi chậm trả trong bất kỳ trường hợp nào.
- (c) Thuế áp dụng đối với bất kỳ khoản thanh toán nào mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu sẽ do Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu. Việc nộp thuế sẽ theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (d) Chỉ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ để thực hiện một đợt thanh toán mới được nhận khoản tiền thanh toán tương ứng trong đợt thanh toán đó.

9. MUA LẠI, MUA VÀ HỦY BỎ

9.1. Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Vào Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá Trái Phiếu, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên toàn bộ Trái Phiếu tính đến Ngày Đáo Hạn.

9.2. Mua Lại Khi Có Sự Kiện Vi Phạm

Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2 khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Khoản 12.1.

9.3. Mua Lại Theo Quyền Chọn Của Tổ Chức Phát Hành

- (a) Tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày Phát Hành và khi Trái Phiếu đang không được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành bằng việc gửi một thông báo chào mua Trái Phiếu ("**Thông Báo Chào Mua**") cho Đại Lý Trái Phiếu nêu rõ số lượng Trái Phiếu được

chào mua, phương thức chào mua, giá chào mua, thời hạn để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu ("**Thời Hạn Đăng Ký Bán**") và ngày mua lại dự kiến.

- (b) Sau khi nhận được Thông Báo Chào Mua của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu sẽ thực hiện các thủ tục chào mua phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (c) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Phát Hành. Trường hợp chấp nhận bán lại Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo xác nhận bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác do Đại Lý Trái Phiếu quy định, trong đó nêu rõ số lượng Trái Phiếu mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại ("**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**") đến Đại Lý Trái Phiếu trước khi kết thúc Thời Hạn Đăng Ký Bán. Kể từ thời điểm Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gửi thông báo đăng ký bán lại Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý không hủy ngang sẽ chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán cho Tổ Chức Phát Hành theo các điều kiện được quy định trong Thông Báo Chào Mua, và Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán đó cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác ngoài Tổ Chức Phát Hành.
- (d) Sau khi thực hiện chào mua Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 9.3 này, nếu Tổ Chức Phát Hành chỉ mua lại một phần các Trái Phiếu đang lưu hành và muốn rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm, với điều kiện là Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì sau khi rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó, thì Tổ Chức Phát Hành được quyền yêu cầu định giá lại Tài Sản Bảo Đảm (trong trường hợp cần thiết) và rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm tương ứng theo quy định của Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.

9.4. **Mua Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết**

Khi Trái Phiếu được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại bất kỳ thời điểm nào sau 12 (mười hai) tháng từ Ngày Phát Hành theo phương thức phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

9.5. **Mua Lại Theo Yêu Cầu Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Khi Không Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm**

- (a) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không tự mình hoặc yêu cầu một hoặc một số Tổ Chức/Cá Nhân khác bổ sung Tài Sản Bảo Đảm hoặc tạo lập các Biện Pháp Bảo Đảm bổ sung theo quy định tại Điều Khoản 11(j) và Các Hợp Đồng Bảo Đảm, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại từ tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và khi đó tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại cho Tổ Chức Phát Hành, một số Trái Phiếu nhất định theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì được xác định theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm ngay sau khi mua lại số lượng Trái Phiếu đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó.
- (b) Trừ trường hợp việc thanh toán giá mua lại Trái Phiếu sau khi Trái Phiếu được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán được quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật

có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán, trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc thời hạn bổ sung Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại Điều Khoản 11(j) và Các Hợp Đồng Bảo Đảm, Tổ Chức Phát Hành sẽ, thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mức giá mua lại bằng tổng của (i) khoản gốc của các Trái Phiếu được mua lại, (ii) bất kỳ khoản lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán tính trên khoản gốc của các Trái Phiếu được mua lại kể từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất cho đến (nhưng không bao gồm) ngày thanh toán tương ứng, và (iii) tất cả các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu được mua lại mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm đó theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (nếu có). Ngoại trừ khoản thanh toán giá mua lại các Trái Phiếu theo quy định tại câu liên trước, Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến các Trái Phiếu được mua lại nêu trên vào hoặc sau ngày diễn ra việc mua lại các Trái Phiếu đó.

9.6. **Hủy Bỏ**

Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ bị hủy bỏ ngay lập tức và không được phát hành lại hoặc bán lại. Khi Trái Phiếu bị hủy bỏ phù hợp với quy định tại câu liên trước, mọi nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu đó sẽ chấm dứt.

9.7. **Xử Lý Phần Lẻ Trái Phiếu**

Trong mọi trường hợp mua lại Trái Phiếu, số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành có quyền hoặc phải mua lại từ một Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được làm tròn xuống số nguyên gần nhất (nếu không phải là số nguyên). Đối với số lượng Trái Phiếu còn lại (được hình thành từ phần lẻ Trái Phiếu do số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành mua từ một Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ không phải là một số nguyên), Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền chỉ định một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhất định để mua lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu còn lại đó.

10. **HỘI NGHỊ CÁC CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU**

- (a) Tổ Chức Phát Hành hoặc một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**") hoặc tổ chức lấy ý kiến của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác phù hợp với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới các hình thức phù hợp như hội nghị qua điện thoại (teleconference), hội nghị trực tuyến (video conference) hoặc các hình thức khác được Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thỏa thuận bằng văn bản. Việc triệu tập và tiến hành Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo trình tự và thủ tục quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 10(a) nêu trên, Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được xem là được triệu tập hợp lệ nếu có sự tham dự của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu Trái Phiếu với tỷ lệ tương ứng như sau:

- (i) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập lần thứ nhất về (A) (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị, và (B) (các) Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 70% (bảy mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị;
 - (ii) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu lần thứ hai (do lần triệu tập thứ nhất không đủ điều kiện số người tham dự cần thiết), trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định triệu tập lần thứ nhất, về (A) (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị, và (B) (các) Vấn Đề Loại Trừ, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị; và
 - (iii) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu lần thứ ba (do lần triệu tập thứ hai không đủ điều kiện số người tham dự cần thiết), trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định triệu tập lần thứ hai, về tất cả các vấn đề (bao gồm (các) Vấn Đề Loại Trừ và (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ), là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu bất kỳ số lượng Trái Phiếu nào.
- (c) Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác được tiến hành phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có giá trị như nghị quyết được thông qua tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Thủ tục lấy ý kiến của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (d) Ngoại trừ Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối, nghị quyết hoặc quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được coi là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) của (i) tổng mệnh giá các Trái Phiếu được nắm giữ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự hội nghị nếu được biểu quyết tại hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (ii) tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó nếu được biểu quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Mọi Vấn Đề Loại Trừ phải được quyết định bởi một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối. Tỷ lệ cần thiết để thông qua Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được xác định trong định nghĩa “Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối” tại Điều Khoản 17.1.
- (e) Nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (kể cả Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối) được thông qua hợp lệ sẽ có giá trị ràng buộc tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (cho dù Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tham dự Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan hay đưa ra ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác hay không). Bất kỳ nghị quyết nào của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua hợp lệ theo quy định tại Điều Khoản 10 này mà:
- (i) có quyết định mâu thuẫn hoặc không nhất quán với bất kỳ quy định nào trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này hay bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác;

- (ii) đòi hỏi hoặc dẫn đến việc sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này hay bất kỳ Văn Khoản Trái Phiếu nào; hoặc
- (iii) làm phát sinh thêm hoặc làm tăng thêm nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu hoặc bất kỳ Văn Khoản Trái Phiếu nào so với trước khi thông qua nghị quyết đó,

sẽ chỉ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành nếu được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận bằng văn bản.

Để tránh nhầm lẫn, Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua hợp lệ nhằm xác định Sự Kiện Vi Phạm hoặc yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu do xảy ra Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Khoản 12 sẽ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Khoản Trái Phiếu khác mà không cần chấp thuận bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành.

- (f) Chỉ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ cho một lần triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác mới được tham dự và biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó hoặc đưa ra ý kiến trong lần lấy ý kiến đó.

11. CAM KẾT

Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ tuân thủ các nghĩa vụ dưới đây tại mọi thời điểm từ Ngày Phát Hành đến khi không còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành nào:

- (a) Tư Cách Pháp Lý

Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì tư cách pháp lý của Tổ Chức Phát Hành và bảo đảm mỗi Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì tư cách pháp lý là một công ty hoạt động theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, trừ các trường hợp được phép theo quy định tại các Điều Khoản 11(g) và 11(h).

- (b) Tuân Thủ Luật

Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành tuân thủ bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào trên tất cả các khía cạnh quan trọng.

- (c) Sửa Đổi Điều Lệ

Tổ Chức Phát Hành đảm bảo rằng, trừ khi được yêu cầu khác đi bởi các quy định bắt buộc của bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng nào hoặc trừ khi được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động theo một nghị quyết thông thường của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận bằng văn bản, không có sửa đổi nào đối với điều lệ của Tổ Chức Phát Hành tại bất kỳ thời điểm nào sẽ được thông qua dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng mà

sẽ gây ảnh hưởng bất đáng kể đến các quyền của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu.

(d) Quản Lý Tài Chính Và Kế Toán

Tổ Chức Phát Hành sẽ ngay lập tức thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và kiểm soát, hệ thống quản lý thông tin, và sổ sách kế toán và các chứng từ khác, mà cùng với nhau đủ để thể hiện một cách khách quan, chính xác và đúng đắn điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với CMKTVN và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan trên tất cả các khía cạnh quan trọng.

(e) Bảo Hiểm

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, nếu có thể mua được tại Việt Nam, mua bảo hiểm và duy trì bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm có uy tín và lành mạnh về tài chính, đối với tất cả các tài sản và công việc kinh doanh quan trọng của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành khỏi các tổn thất lớn.

(f) Thuế

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, thanh toán và hoàn thành hợp lệ và đúng hạn mọi khoản thuế ấn định cho Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con có liên quan đó hoặc ấn định lên tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng liên quan đến thuế.

(g) Không Giải Thể

Tổ Chức Phát Hành phải bảo đảm rằng sẽ không có bất kỳ quyết định giải thể nào (được quy định tại Khoản 1 Điều 202 của Luật Doanh Nghiệp) được thông qua đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành trừ khi việc giải thể là vì mục đích, hoặc là kết quả, của việc tổ chức lại doanh nghiệp được phép theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, Các Điều Kiện Trái Phiếu này hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(h) Tổ Chức Lại Doanh Nghiệp Và Chuyển Nhượng Tài Sản

Tổ Chức Phát Hành không được:

- (i) cam kết hoặc cho phép bất kỳ giao dịch sáp nhập, chia, tách, hợp nhất hay tổ chức lại doanh nghiệp theo hình thức khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành;
- (ii) chuyển nhượng tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành với tổng giá trị chuyển nhượng trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Tổ Chức Phát Hành (tính trên cơ sở hợp nhất) hoặc

Công Ty Con Chính đó (tính trên cơ sở hợp nhất) theo Báo Cáo Tài Chính gần nhất của Tổ Chức Phát Hành/Công Ty Con Chính cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào; hoặc

- (iii) giảm tỷ lệ sở hữu (trực tiếp và gián tiếp) của Tổ Chức Phát Hành trong Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành xuống dưới 65% (sáu mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của Công Ty Con Chính đó,

trừ trường hợp các hành động nêu trên thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- (A) dẫn đến hoặc không dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành bị chấm dứt tồn tại và (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan kế thừa hoặc liên đới chịu trách nhiệm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật tại thời điểm đó đối với nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu;
- (B) dẫn đến hoặc không dẫn đến việc Công Ty Con Chính đó bị chấm dứt tồn tại với điều kiện là (xx) (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan kế thừa hoặc liên đới chịu trách nhiệm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật tại thời điểm đó đối với nghĩa vụ có liên quan của Công Ty Con Chính đó, và (yy) (I) Công Ty Con Chính đó hoặc (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan đồng ý bảo lãnh, hoặc tạo lập các biện pháp bảo đảm khác, để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, hoặc (II) được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận;
- (C) không gây ra một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể cho Tổ Chức Phát Hành;
- (D) nhằm tái cơ cấu hoạt động nội bộ của Tổ Chức Phát Hành hoặc các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành;
- (E) khoản tiền nhận được từ việc chuyển nhượng tài sản được dùng để (xx) nhận chuyển nhượng hoặc mua các tài sản sẽ được sử dụng trong hoạt động kinh doanh thông thường của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính hoặc tăng quy mô vốn hoạt động hoặc thực hiện các chương trình dự án đầu tư của Tổ Chức Phát hành hay Công Ty Con Chính, hoặc (yy) thanh toán bất kỳ khoản nợ nào mà có thứ tự ưu tiên thanh toán không thấp hơn nghĩa vụ thanh toán Trái Phiếu, trong thời hạn 364 (ba trăm sáu mươi tư) ngày kể từ ngày chuyển nhượng; hoặc
- (F) được chấp thuận bởi một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau khi cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua các chấp thuận nội bộ về việc thực hiện bất kỳ hành động nào được quy định tại các đoạn (i), (ii), và (iii) và thuộc bất kỳ trường hợp nào được quy định tại các đoạn (A) đến (F) nêu trên kèm theo thời gian dự kiến thực hiện và các tài liệu hoặc thông tin thể hiện các giao dịch đó được phép thực hiện theo các quy định nêu trên.

(i) Biện Pháp Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành sẽ không tạo lập hoặc cho phép tồn tại bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào đối với các Tài Sản Bảo Đảm (ngoại trừ các Biện Pháp Bảo Đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm) trừ trường hợp được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận khác đi bằng văn bản.

(j) Định Giá Lại Tài Sản Bảo Đảm Và Thay Đổi Đối Với Tài Sản Bảo Đảm

Các Tài Sản Bảo Đảm tương ứng sẽ được định giá lại trong các trường hợp được quy định tại mỗi Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan và trong trường hợp có yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành khi bất kỳ Trái Phiếu nào được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước Ngày Đáo Hạn theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này, và nếu cần thiết, sẽ được bổ sung, thay thế hoặc rút bớt theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm. Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Các Bên Bảo Đảm sẽ thanh toán mọi chi phí hợp lý phát sinh liên quan đến việc định giá lại Tài Sản Bảo Đảm nêu trên.

(k) Các Chấp Thuận

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, xin được, duy trì hiệu lực (kể cả gia hạn hoặc xin cấp mới) và tuân thủ các Chấp Thuận cần thiết và quan trọng cho (i) hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, và (ii) việc tuân thủ tất cả các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu (để tránh nhầm lẫn, nếu xảy ra bất kỳ sự kiện không tuân thủ nào đối với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật trong phạm vi liên quan đến Chấp Thuận thì sẽ áp dụng quy định tại Điều Khoản 11(k) này mà không phải quy định tại Điều Khoản 11(b) để xử lý).

(l) Thông Báo Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng

Nếu một sự kiện xảy ra mà dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được sự tồn tại của sự kiện đó trong đó nêu các chi tiết hợp lý của sự kiện đó.

(m) Vị Trí Ngang Bằng

Các Trái Phiếu sẽ tạo thành các nghĩa vụ chung, trực tiếp, không mang tính thứ cấp và được bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành và, tại mọi thời điểm, được xếp ít nhất là *ngang bằng* với tất cả các nghĩa vụ chung, trực tiếp, không mang tính thứ cấp và không được bảo đảm của của Tổ Chức Phát Hành trong hiện tại cũng như trong tương lai.

(n) Giao Dịch Với Người Có Liên Quan

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa để đảm bảo rằng các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, ký kết các Giao Dịch Với Người Có Liên Quan theo các điều kiện thương mại thông thường, chỉ trên cơ sở bình đẳng và phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(o) Cung Cấp Thông Tin

- (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố tất cả các thông tin mà Tổ Chức Phát Hành được yêu cầu phải công bố theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sẽ cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tất cả các thông tin mà Tổ Chức Phát Hành được yêu cầu phải cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- (ii) Sau khi các Báo Cáo Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành đã được lập và được cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành thông qua, Tổ Chức Phát Hành cam kết gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bản sao các Báo Cáo Tài Chính đó trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày các Báo Cáo Tài Chính đó được thông qua hợp lệ nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính có liên quan, trừ trường hợp các Báo Cáo Tài Chính đó đã được công bố công khai theo quy định về công bố thông tin. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bản sao các Báo Cáo Tài Chính đó theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (iii) Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày có bất kỳ thay đổi nào về (A) tỷ lệ sở hữu của bất kỳ cổ đông nào sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (B) tổng giám đốc của Tổ Chức Phát Hành, và (C) người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về sự thay đổi đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trừ trường hợp các thay đổi đó đã được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng.

(p) Sử Dụng Số Tiền Thu Được

Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ sử dụng số tiền thu được từ Trái Phiếu cho mục đích quy định tại Điều Khoản 3. Vì mục đích của quy định này, Tổ Chức Phát Hành sẽ bảo đảm rằng:

- (i) cho đến khi Tổ Chức Phát Hành đã sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tròn mỗi giai đoạn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, cung cấp cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Lý Trái Phiếu hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn 6 (sáu) tháng đó kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Điều Khoản 3 của Các Điều Khoản Trái Phiếu này; và
- (ii) Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, cung cấp cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Lý Trái Phiếu hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn kể từ ngày gần nhất Tổ Chức Phát Hành cung cấp báo cáo theo quy định tại đoạn (i) nêu trên cho đến ngày sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu kèm với các chứng từ

hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Điều 3 của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

(q) Cam Kết Khác

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có đủ nguồn tiền để thanh toán bất kỳ khoản gốc và lãi Trái Phiếu nào khi đến hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành với tư cách là cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong một hoặc một số Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành để chấp thuận việc phân chia lợi nhuận của các Công Ty Con đó (trong phạm vi được các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng cho phép) để Tổ Chức Phát Hành sử dụng cho việc thanh toán khoản gốc và lãi Trái Phiếu đã đến hạn.

12. **SỰ KIỆN VI PHẠM**

12.1. **Sự Kiện Vi Phạm**

Nếu (i) có bất kỳ sự kiện nào dưới đây đã xảy ra và đang tiếp diễn và (ii) đã có một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được thông qua hợp lệ xác định sự kiện đó đã xảy ra và cấu thành một vi phạm theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và do đó Trái Phiếu cần bị tuyên bố đến hạn để Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn (điều kiện nêu tại mục (ii) này không áp dụng đối với bất kỳ sự kiện nào quy định tại đoạn (a) hay (b) dưới đây) thì sự kiện đó được xem là một sự kiện vi phạm ("**Sự Kiện Vi Phạm**"):

(a) Không Thanh Toán

Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ gốc hoặc lãi Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán có liên quan và việc không thanh toán đó không được Tổ Chức Phát Hành khắc phục trong thời hạn 7 (bảy) Ngày Làm Việc liên tục từ ngày đến hạn thanh toán có liên quan.

(b) Vi Phạm Pháp Luật Và/Hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành vi phạm nghiêm trọng Nghị Định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính Phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp (trong phạm vi liên quan đến Trái Phiếu) hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành không chấm dứt và/hoặc không khắc phục vi phạm đó trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan.

(c) Vi Phạm Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành không tuân thủ bất kỳ cam kết nào được quy định tại Điều Khoản 11 sau khi Trái Phiếu đã được phát hành và việc không tuân thủ đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan, *tuy nhiên với điều kiện là* việc không tuân thủ các cam kết quy định tại các điều kiện sau:

- (i) Điều Khoản 11(b) (Tuân Thủ Luật);
- (ii) Điều Khoản 11(d) (Quản Lý Tài Chính Và Kế Toán);
- (iii) Điều Khoản 11(e) (Bảo Hiểm);
- (iv) Điều Khoản 11(f) (Thuế);
- (v) Điều Khoản 11(k) (Các Chấp Thuận); và
- (vi) Điều Khoản 11(n) (Giao Dịch Với Người Có Liên Quan),

sẽ chỉ được xem là Sự Kiện Vi Phạm nếu gây ra, hoặc có thể được dự tính một cách hợp lý và rõ ràng là sẽ gây ra, một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể cho Tổ Chức Phát Hành. Cho dù có quy định tại câu liền trước, việc Tổ Chức Phát Hành không tuân thủ các cam kết nêu trên là kết quả của hoặc có liên quan đến việc thực hiện các hành động phù hợp với các Điều Khoản 11(g) và 11(h) sẽ không được xem là Sự Kiện Vi Phạm trong bất kỳ trường hợp nào và theo bất kỳ cách thức nào.

(d) Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng Theo Các Thỏa Thuận Khác

- (i) Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành không thanh toán bất kỳ Khoản Nợ nào (cho dù là một Khoản Nợ riêng lẻ hay một nhóm các Khoản Nợ có liên quan) khi đến hạn (nhưng chỉ sau khi kết thúc khoảng thời gian ân hạn có liên quan) hoặc có bất kỳ Khoản Nợ nào phải được thanh toán trước ngày đáo hạn của Khoản Nợ đó do vi phạm của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Khoản Nợ đó.

Vì mục đích của quy định này, “**Khoản Nợ**” có nghĩa là bất kỳ khoản nợ nào với tổng số tiền gốc trên 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến:

- (A) các khoản tiền vay;
- (B) giấy nhận nợ, trái phiếu, hối phiếu nhận nợ hoặc các chứng khoán nợ tương tự khác;
- (C) thư tín dụng chấp nhận thanh toán (acceptance credit);
- (D) các khoản phải thu đã bán hoặc chiết khấu (trừ trường hợp được bán hoặc chiết khấu trên cơ sở không truy đòi);
- (E) chi phí mua bất kỳ tài sản nào phải thanh toán trước hoặc sau thời điểm người có nghĩa vụ thanh toán mua hoặc sở hữu tài sản đó nếu khoản thanh toán trước hoặc khoản tiền trả chậm chủ yếu được thu xếp như một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;

- (F) bất kỳ hợp đồng thuê tài sản nào được ký kết chủ yếu như là một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;
- (G) bất kỳ giao dịch hoán đổi tiền tệ hay hoán đổi lãi suất nào, giao dịch về mức trần hoặc mức sàn hoặc bất kỳ giao dịch phái sinh nào được ký kết nhằm tránh bị ảnh hưởng bởi hoặc nhằm thu lợi từ việc biến động lãi suất hoặc giá (trừ trường hợp đối với một khoản tiền không được thanh toán, khoản tiền đó sẽ được tính bằng cách sử dụng giá trị được điều chỉnh theo giá trị thị trường của bất kỳ giao dịch phái sinh nào);
- (H) bất kỳ khoản tiền nào được huy động theo bất kỳ giao dịch nào khác có giá trị về mặt thương mại như là một khoản vay hoặc hoạt động huy động vốn;
- (I) bất kỳ nghĩa vụ bồi hoàn đối ứng nào đối với bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn, trái phiếu, thư tín dụng hoặc bất kỳ công cụ nào khác do một ngân hàng hoặc một định chế tài chính cấp; hoặc
- (J) bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn hoặc biện pháp đảm bảo có tính chất tương tự nào cho tổn thất tài chính của một Tổ Chức/Cá Nhân nào liên quan đến bất kỳ mục nào nêu tại các đoạn từ (A) đến (I) trên.
- (ii) Có bất kỳ tài sản nào có giá trị lớn hơn 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị xử lý theo diện xử lý tài sản bảo đảm.

(e) Mất Khả Năng Thanh Toán

Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán (kể cả do ngừng hoặc đe dọa ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó) làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục tuyên bố phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó của chủ nợ nói chung (kể cả các chủ nợ đối với các khoản phải thanh toán của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó theo bất kỳ bản án hoặc quyết định nào của tòa án được ban hành và có hiệu lực thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó) theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật về phá sản doanh nghiệp và tình trạng đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

(f) Quốc Hữu Hóa

Bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào tịch thu, quốc hữu hóa, tịch biên, sung công hoặc bằng cách khác đoạt quyền chiếm hữu hoặc kiểm soát tất cả hoặc về cơ bản là tất cả các công việc kinh doanh, hoạt động, bất động sản hoặc tài sản khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc vốn điều lệ/phần vốn góp của Tổ Chức Phát Hành và biện pháp hoặc hành động đó không được giải trừ hoặc hủy bỏ trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.



(g) Bất Hợp Pháp

Việc Tổ Chức Phát Hành thực hiện hoặc tuân thủ các nghĩa vụ quan trọng của Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Kiện Trái Phiếu là hoặc trở nên bất hợp pháp theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sự kiện này không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

12.2. **Biện Pháp Khắc Phục Sự Kiện Vi Phạm**

- (a) Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào xảy ra và Tổ Chức Phát Hành không khắc phục được Sự Kiện Vi Phạm đó trước khi kết thúc thời hạn khắc phục tương ứng (nếu có) theo quy định tại Điều Kiện 12.1, bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi thông bằng văn bản cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.
- (b) Ngay sau khi nhận được thông báo từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều Kiện 12.2(a), Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và phải được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn ("**Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn**") và khi đó tất cả tiền gốc, lãi và các khoản thanh toán khác theo Trái Phiếu sẽ lập tức đến hạn và phải được thanh toán trong thời hạn quy định tại Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn. Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải nêu rõ Ngày Đăng Ký Cuối Cùng và ngày Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán toàn bộ các khoản tiền liên quan đến việc mua lại trước hạn Trái Phiếu ("**Ngày Thanh Toán Cuối Cùng**"). Để làm rõ:
- (i) nếu Trái Phiếu chưa được lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký tại thời điểm mua lại trước hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ là ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn và Ngày Thanh Toán Cuối Cùng sẽ là Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) kể từ ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn; hoặc
- (ii) nếu Trái Phiếu đã lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký tại thời điểm mua lại trước hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ là ngày do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ấn định phù hợp với quy chế thực hiện quyền của Trung Tâm Lưu Ký và Ngày Thanh Toán Cuối Cùng sẽ là Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) sau Ngày Đăng Ký Cuối Cùng. Trong trường hợp này, trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc ngay sau ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn, Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành) phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đến Trung Tâm Lưu Ký để thực hiện việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền có liên quan.
- (c) Tổ Chức Phát Hành phải mua lại tất cả Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với giá mỗi Trái Phiếu bằng tổng mệnh giá, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu đó tính đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Cuối Cùng (trừ trường hợp Trái Phiếu đã niêm yết tại thời điểm mua lại và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại thời điểm đó có quy định khác).
- (d) Nếu đến hết Ngày Thanh Toán Cuối Cùng mà Tổ Chức Phát Hành vẫn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ mua lại Trái Phiếu theo quy định tại Điều Kiện

12.2(c) và phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 12.2(e) dưới đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền xử lý các Tài Sản Bảo Đảm thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc yêu cầu Bên Bảo Đảm có liên quan thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, các điều khoản của Các Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, *tuy nhiên, với điều kiện là* việc xử lý các Tài Sản Bảo Đảm và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đó chỉ trong phạm vi các khoản nợ gốc chưa thanh toán của các Trái Phiếu, bất kỳ khoản lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán và các khoản thanh toán khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.

- (e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không bị buộc phải tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng hoặc hành động nào khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm trừ khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ thị hoặc được yêu cầu thực hiện các thủ tục hoặc hành động khác đó theo một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối, và chỉ khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bồi hoàn và/hoặc đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với toàn bộ trách nhiệm mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải gánh chịu hoặc có thể phải chịu khi thực hiện theo Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối đó.
- (f) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình mà phải thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền của mình theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và/hoặc Các Hợp Đồng Bảo Đảm (kể cả quyền yêu cầu xử lý Tài Sản Bảo Đảm và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán).
- (g) Cho dù đã có các quy định trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền thực hiện bất kỳ hành động hoặc tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng nào đối với Tổ Chức Phát Hành trừ khi trước lúc tiến hành hành động hoặc thủ tục tố tụng đó, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã xử lý các Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc thi hành Biện Pháp Bảo Đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc đã tiến hành các thủ tục để xử lý các Tài Sản Bảo Đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm nhưng Các Bên Bảo Đảm hoặc Tổ Chức Phát Hành có hành động gây cản trở việc xử lý các Tài Sản Bảo Đảm đó.

13. THÔNG BÁO VÀ ĐỊA CHỈ ĐĂNG KÝ

13.1. Thông Báo

- (a) Trừ trường hợp có quy định khác tại các Văn Kiện Trái Phiếu, mọi thông báo và thư từ liên lạc gửi cho hoặc gửi từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được xem là được gửi hợp lệ bằng cách (i) giao tận tay, (ii) gửi bằng thư bảo đảm, (iii) gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, (iv) gửi qua thư điện tử, (v) gửi qua tin nhắn điện thoại (vi) gửi qua fax (và bản gốc phải được gửi bằng đường bưu điện trong thời hạn 2 (hai) Ngày Làm Việc sau đó) đến địa chỉ và số fax được quy định tại Điều Khoản 13.1(c) dưới đây hoặc (vii) công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, phương thức thông báo tại mục (iv) và (v) trong câu liên trước chỉ áp dụng đối với các thông báo và thư từ liên lạc gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

- (b) Bất kỳ thông báo hoặc thư từ liên lạc nào như vậy sẽ được xem là đã nhận được:
- (i) nếu được giao tận tay, tại thời điểm giao;
 - (ii) nếu được gửi bằng thư bảo đảm, tại thời điểm kết thúc thời hạn 3 (ba) Ngày Làm Việc sau khi gửi (có xác nhận của bưu điện);
 - (iii) nếu được gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, tại thời điểm xác nhận nhận được gói bưu kiện đựng thông báo hoặc thư từ liên lạc có liên quan;
 - (iv) nếu được gửi qua thư điện tử, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thư điện tử đến đúng địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được thư điện tử của người gửi do địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại thư điện tử của người gửi);
 - (v) nếu được gửi qua tin nhắn điện thoại, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi tin nhắn đến đúng số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được tin nhắn của người gửi do số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại tin nhắn của người gửi);
 - (vi) nếu được gửi qua fax, khi người gửi nhận được báo cáo chuyển fax xác nhận rằng thông báo hoặc thông điệp đã được gửi đầy đủ đến máy fax của người nhận, hoặc cách thức nhận báo cáo xác nhận tương tự khác; hoặc
 - (vii) nếu được công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, thời điểm tròn 24 (hai mươi bốn) giờ từ thời điểm công bố
- (c) Địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng. Địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu là các địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax tương ứng được quy định tại Điều Khoản 13.2.

13.2. Địa Chỉ Đăng Ký

Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này được ghi dưới đây hoặc bất kỳ địa chỉ nào khác được bên tương ứng thông báo bằng văn bản cho các bên có liên quan theo phương thức quy định tại Điều Khoản 13.1:

Đối với Tổ Chức Phát Hành:

Công Ty Cổ Phần Tài Nguyên Masan

Địa chỉ: Phòng 802, tầng 802, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 84 - 28 - 6256 3862
Fax: 84 - 28 - 3827 4115
Người nhận: Kế Toán Trưởng
Website: <https://www.masangroup.com/masanresources>

Đối với Đại Lý Trái Phiếu ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84 - 24 - 3944 6368
Số fax: 84 - 24 - 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn/home>

Đối với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 10 và Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84 - 24 - 3944 6368
Số fax: 84 - 24 - 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn/home>

14. SỬA ĐỔI

- (a) Bất kỳ sửa đổi nào đối với Các Điều Khoản Trái Phiếu này phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận và phải được Tổ Chức Phát Hành đồng ý bằng văn bản. Tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành có thể tự mình sửa đổi Các Điều Khoản Trái Phiếu này để xử lý bất kỳ lỗi hoặc sai sót rõ ràng nào, bao gồm nhưng không bị giới hạn bởi các sai sót về lỗi chính tả, kỹ thuật soạn thảo văn bản và dẫn chiếu trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này mà không cần chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là bất kỳ sửa đổi nào như vậy sẽ chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và việc sửa đổi đó sẽ được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có thể nhưng không muộn hơn 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ khi việc sửa đổi được hoàn tất.
- (b) Việc sửa đổi, bổ sung mỗi Văn Kiện Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo phương thức quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu đó.

15. LUẬT ÁP DỤNG

Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được điều chỉnh bởi và được giải thích phù hợp với pháp luật Việt Nam.

16. TRỌNG TÀI

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Khoản Trái Phiếu này (kể cả tranh chấp liên quan đến việc tính toán bất kỳ khoản tiền nào theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này) sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC bởi 3 (ba) trọng tài viên được chỉ định theo quy tắc đó. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là tại Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt.

17. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

17.1. Định Nghĩa

Khi được sử dụng trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này:

“**Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể**” có nghĩa, liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc NPM (tùy trường hợp áp dụng) là việc xảy ra một sự kiện mà có thể được dự tính một cách hợp lý là sẽ dẫn đến việc giảm doanh thu hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành hoặc NPM trong năm có liên quan ở mức bằng hoặc cao hơn 20% (hai mươi phần trăm) doanh thu hợp nhất tương ứng của Tổ Chức Phát Hành hoặc NPM trong năm trước đó. Để tránh nhầm lẫn, việc đánh giá một sự kiện có gây ra Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể hay không sẽ được xác định bằng một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối.

“**Báo Cáo Tài Chính**” có nghĩa là các báo cáo tài chính, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận và khoản lỗ) và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được kiểm toán, và bản thuyết minh của các báo cáo đó, của Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành trong Năm Tài Chính gần nhất được lập phù hợp với CMKTVN.

“**Biện Pháp Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1.

“**Các Điều Khoản Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Các Bên Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1.

“**Các Hợp Đồng Bảo Đảm**” có nghĩa là các hợp đồng/thỏa thuận sau:

- (i) Thỏa Thuận Bảo Lãnh Thanh Toán NPM; và
- (ii) Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR; và/hoặc
- (iii) Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản NPM; và/hoặc
- (iv) Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản NPM; và/hoặc
- (v) bất kỳ hợp đồng và/hoặc thỏa thuận nào khác giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành và/hoặc một Bên Bảo Đảm có hiệu lực xác lập Biện Pháp Bảo Đảm để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu; và

(vi) bất kỳ hợp đồng, thoả thuận, xác nhận hoặc tài liệu nào thuộc loại khác được Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý là một “Hợp Đồng Bảo Đảm” vì mục đích của Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

“**Chấp Thuận**” có nghĩa là (i) chấp thuận, giấy phép, cho phép, đồng ý, phê duyệt hoặc chấp thuận thuộc bất kỳ loại nào khác do bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào cấp hoặc (ii) đăng ký, báo cáo với hay thông báo cho bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào có thẩm quyền.

“**Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa là chủ sở hữu của Trái Phiếu và là Tổ Chức/Cá Nhân có thông tin được ghi trong Sổ Đăng Ký. Để tránh nhầm lẫn, nếu Trái Phiếu đã được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký, việc xác định “Chủ Sở Hữu Trái Phiếu” còn phải tuân theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).

“**CMKTVN**” có nghĩa là các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty hoạt động tại Việt Nam.

“**Công Ty Con**” có nghĩa, đối với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào, là bất kỳ công ty hoặc thực thể kinh doanh nào khác của Tổ Chức/Cá Nhân đó mà Tổ Chức/Cá Nhân đó trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc kiểm soát (cho dù trực tiếp hoặc thông qua một hoặc nhiều công ty hoặc thực thể kinh doanh khác) hơn năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc quyền sở hữu khác có quyền biểu quyết để bổ nhiệm giám đốc, người quản lý hoặc người đại diện của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó hoặc bất kỳ công ty hoặc thực thể kinh doanh khác nào mà tại bất kỳ thời điểm nào sổ sách kế toán của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó được hợp nhất với sổ sách kế toán của Tổ Chức/Cá Nhân đó hoặc theo quy định của bất kỳ luật có liên quan nào khác, các quy chế hoặc chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung tại từng thời điểm thì các sổ sách kế toán của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó phải được hợp nhất với sổ sách kế toán của Tổ Chức/Cá Nhân đó.

“**Công Ty Con Chính**” có nghĩa, là bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành có doanh thu thuần riêng lẻ và lợi nhuận sau thuế riêng lẻ trong Năm Tài Chính liền trước chiếm từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với doanh thu thuần hợp nhất và lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành trong Năm Tài Chính liền trước (trên cơ sở xem xét Báo Cáo Tài Chính trong năm có liên quan của Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Con).

“**Cơ Quan Nhà Nước**” bao gồm chính phủ Việt Nam hoặc các tổ chức hoặc cơ quan thuộc chính phủ Việt Nam, cơ quan chịu sự quản lý một phần của chính phủ hoặc cơ quan tư pháp hoặc cơ quan lập pháp có liên quan.

“**Dự Án Núi Pháo**” có nghĩa là dự án khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 17121000026 ngày 21 tháng 7 năm 2010 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thái Nguyên cấp (và các bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm).

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 1.3.

“**Đại Lý Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 1.2.

“Đồng” hoặc **“VND”** có nghĩa là đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

“Giá Trị Bảo Đảm Của Tài Sản Dự Án Núi Pháo” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(b)(ii).

“Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu” nghĩa là tổng mệnh giá của tất cả các Trái Phiếu đang lưu hành.

“Giá Trị Tài Sản Dự Án Núi Pháo” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(b)(vi).

“Giao Dịch Với Người Có Liên Quan” nghĩa là bất kỳ giao dịch nào được quy định tại Khoản 1 Điều 67, Khoản 1 Điều 86 và Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh Nghiệp.

“Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 10(a).

“Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR” có nghĩa hợp đồng bảo đảm bằng cổ phần được ký vào hoặc vào khoảng Ngày Phát Hành (như có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) giữa MH với tư cách là bên bảo đảm và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với tư cách là tổ chức đại diện và thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, theo đó MH thể chấp một số lượng nhất định các cổ phần của MSR thuộc sở hữu của MH cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động thay mặt cho và nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.3.

“Hợp Đồng Đại Lý” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.2.

“Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản NPM” có nghĩa hợp đồng thế chấp bất động sản sẽ được ký giữa Tổ Chức Phát Hành, NPM và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sau Ngày Phát Hành (nếu có), theo đó NPM thể chấp toàn bộ hoặc một phần bất động sản hình thành trên các khu đất thuộc Dự Án Núi Pháo để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản NPM” có nghĩa hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản sẽ được ký giữa [Tổ Chức Phát Hành, NPM và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sau Ngày Phát Hành (nếu có), theo đó NPM thể chấp toàn bộ hoặc một phần động sản và quyền tài sản liên quan đến Dự Án Núi Pháo để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“Khoản Nợ” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.1(d)(i).

“Kỳ Tính Lãi” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“Lãi Suất” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“Lãi Suất Tham Chiếu” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1(ii).

“Luật Doanh Nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2014, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

“MH” có nghĩa là Công Ty TNHH Tầm Nhìn Masan, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966871 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010 (như được sửa đổi tại từng thời điểm).

“Năm Tài Chính” có nghĩa là giai đoạn tính từ và bao gồm ngày 1 tháng 1 của một năm dương lịch cho đến và bao gồm ngày 31 tháng 12 của cùng năm dương lịch đó.

“Ngày Đáo Hạn” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 4.1(e).

“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng”, liên quan đến việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc thực hiện nghĩa vụ theo Trái Phiếu (kể cả khi Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu), có nghĩa là:

- (i) trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký:
 - (A) Ngày Làm Việc thứ mười một (11) trước ngày đến hạn thanh toán hoặc ngày thực hiện quyền khác có liên quan, tùy trường hợp áp dụng (áp dụng cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu mà không phải là trường hợp (i)(B) và (i)(C) dưới đây);
 - (B) Ngày Làm Việc được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác; hoặc
 - (C) ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn; hoặc
- (ii) trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký:
 - (A) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký (áp dụng cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu mà không phải là trường hợp (ii)(B), (ii)(C) hoặc (ii)(D) dưới đây); hoặc
 - (B) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong phạm vi phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký nhằm thực hiện việc mua lại Trái Phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại Điều Khoản 12.2(c); hoặc
 - (C) Ngày Làm Việc được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành lựa chọn phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và thông báo theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

hoặc lấy ý kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác; hoặc

- (D) Ngày Làm Việc được xác định theo quy chế của Trung Tâm Lưu Ký để chốt danh sách đó trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có quyền ấn định ngày chốt danh sách đó.

“Ngày Làm Việc” có nghĩa là bất kỳ ngày nào (trừ ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và bất kỳ ngày nghỉ chính thức nào tại Việt Nam) mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường tại Việt Nam.

“Ngày Phát Hành” có nghĩa là ngày 24 tháng 9 năm 2018.

“Ngày Thanh Toán Cuối Cùng” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.2(b).

“Ngày Thanh Toán Lãi” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.3.

“Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối” có nghĩa là nghị quyết hoặc quyết định bằng văn bản được thông qua bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 70% (bảy mươi phần trăm) của (i) tổng mệnh giá các Trái Phiếu được nắm giữ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự hội nghị nếu được biểu quyết tại hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (ii) tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó nếu được biểu quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

“Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.2.

“Nghĩa Vụ Nợ” có nghĩa chung là (các) nghĩa vụ thanh toán (dù là hiện hữu hay có thể phát sinh trong tương lai) theo các khoản vay của và/hoặc các trái phiếu được phát hành bởi Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành mà không phải là Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“NPM” có nghĩa là Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4600864513 ngày 5 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên cấp, như được sửa đổi tại từng thời điểm.

“Phương Án Phát Hành Trái Phiếu” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“Sổ Đăng Ký” có nghĩa là sổ đăng ký Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu hợp pháp của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với số Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó trong sổ đăng ký Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Trong các quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này về tài khoản đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc về việc xác định Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc có nghĩa vụ tương ứng khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc thanh toán theo Trái Phiếu (kể cả thanh toán khi mua lại) sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký với Trung Tâm Lưu Ký, dẫn chiếu đến “Sổ Đăng Ký” còn bao gồm cả danh sách tổng hợp Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) được Trung Tâm Lưu Ký lập và gửi

cho Tổ Chức Phát Hành theo quy chế thực hiện quyền có liên quan của Trung Tâm Lưu Ký cho lần thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ tương ứng.

“**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**” có nghĩa là bất kỳ sở giao dịch chứng khoán nào của Việt Nam mà trên đó Trái Phiếu được phép niêm yết để giao dịch tập trung theo lựa chọn của Tổ Chức Phát Hành. Sở Giao Dịch Chứng Khoán ban đầu sẽ là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

“**Sự Kiện Vi Phạm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.1.

“**Tài Sản Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định trong Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR.

“**Tài Sản Dự Án Núi Pháo**”, dù là tài sản hiện có hay tài sản hình thành trong tương lai, có nghĩa là (i) toàn bộ bất động sản hình thành trên, gắn liền với hoặc liên quan đến các khu đất của Dự Án Núi Pháo và quyền sử dụng đất đối với các khu đất đó và (ii) toàn bộ động sản và quyền tài sản thuộc Dự Án Núi Pháo như được quy định cụ thể tại Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản NPM và Hợp Đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản NPM.

“**TCBS**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương, một công ty chứng khoán được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 125/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi bổ sung tùy thời điểm.

“**Thỏa Thuận Bảo Lãnh Thanh Toán NPM**” có nghĩa là thỏa thuận bảo lãnh thanh toán được ký vào hoặc vào khoảng Ngày Phát Hành (như có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) giữa NPM với tư cách là bên bảo lãnh, Tổ Chức Phát Hành với tư cách là bên được bảo lãnh và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với tư cách là bên nhận bảo lãnh, theo đó NPM cam kết bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho quyền lợi của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) cho đối với các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“**Thời Điểm Khóa Sổ**” có nghĩa là (i) nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, thời điểm 18:00 giờ (giờ Việt Nam) của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan hoặc (ii) nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký, thời điểm mà Trung Tâm Lưu Ký thực hiện việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan.

“**Thời Hạn Đăng Ký Bán**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(a).

“**Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.2(b).

“**Thông Báo Chào Mua**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(a).

“**Tổ Chức/Cá Nhân**” có nghĩa là cá nhân hoặc pháp nhân theo quy định của Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2015.

“Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(b)(iv).

“Tổ Chức Phát Hành” hay **“MSR”** có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“Tổng Giá Trị Bảo Đảm” có nghĩa như được quy định trong Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR.

“Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì” có nghĩa xxxiiin như được quy định trong Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Cổ Phần MSR.

“Trái Phiếu” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“Trái Phiếu Đăng Ký Bán” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(c).

“Trung Tâm Lưu Ký” có nghĩa là bất kỳ tổ chức nào thực hiện chức năng đăng ký và lưu ký chứng khoán tập trung của Việt Nam mà tại đó chứng khoán giống hoặc tương tự như Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung để đáp ứng điều kiện niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Trung Tâm Lưu Ký ban đầu tại đó Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký sẽ là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.

“Valuco” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá Và Tư Vấn Quốc Tế, một công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305995166 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2008, như được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm.

“Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật” có nghĩa là bất kỳ văn bản nào được liệt kê tại các Điều 2, 4, 172.2 và 172.4 của Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật số 80/2015/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 22 tháng 6 năm 2015, và trong trường hợp các Điều trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì sẽ bao gồm cả bất kỳ văn bản nào mà sau đó được định nghĩa là một văn bản quy phạm pháp luật theo quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của các Điều đó.

“Văn Kiện Trái Phiếu” có nghĩa là mỗi trong số các văn kiện sau:

- (i) Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (ii) Hợp Đồng Đại Lý;
- (iii) Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và
- (iv) Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

“Vấn Đề Loại Trừ” có nghĩa là bất kỳ vấn đề nào dưới đây:

- (i) điều chỉnh Ngày Đáo Hạn hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào;
- (ii) giảm hoặc ngừng thanh toán gốc Trái Phiếu;

- (iii) điều chỉnh Lãi Suất;
- (iv) thay đổi loại tiền tệ thanh toán đối với Trái Phiếu;
- (v) thay đổi điều kiện tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hợp lệ;
- (vi) thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (vii) đánh giá một sự kiện có gây ra Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể hay không;
- (viii) sửa đổi định nghĩa về Vấn Đề Loại Trừ; hoặc
- (ix) bất kỳ vấn đề nào khác được yêu cầu một cách cụ thể là phải được thông qua bởi Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối theo Các Điều Khoản Trái Phiếu hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác.

“VIAC” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 16.

“Việc Chia Sẻ Tài Sản Dự Án Núi Pháo” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(b)(i).

“Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

17.2. Nguyên Tắc Diễn Giải

- (a) Các tiêu đề của bất kỳ Điều Khoản hay đoạn nào chỉ để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung của Điều Khoản hay đoạn đó.
- (b) Trừ khi được quy định khác đi, dẫn chiếu trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này đến các Điều Khoản và đoạn là dẫn chiếu đến các điều kiện và đoạn của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (c) Các cụm từ “của Các Điều Khoản Trái Phiếu này”, “trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này” và “theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này” và các từ ngữ có ý nghĩa tương tự khi sử dụng trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Các Điều Khoản Trái Phiếu này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (d) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ lục đính kèm văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được phát hành hoặc ký để thay thế văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận, hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào.
- (e) Dẫn chiếu đến bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó mà có thể được sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật thay thế Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó.

- (f) Đề cập đến một chủ thể (kể cả Đại Lý Trái Phiếu hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này là đề cập đến cả chủ thể kế nhiệm, chủ thể nhận chuyển nhượng hoặc chủ thể nhận chuyển giao quyền và/hoặc nghĩa vụ từ chủ thể đó.
- (g) Dẫn chiếu đến “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị” hay “chấp thuận” của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là dẫn chiếu đến quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ tại hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (h) Trừ trường hợp có quy định cụ thể yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bất kỳ công việc, hành động nào của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đề cập đến trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được hiểu là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định đối với các công việc, hành động đó mà không cần phải có nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (i) Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu cách diễn giải khác, việc xác định thời hạn sẽ được thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 do Quốc Hội Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.
- (j) Trái Phiếu “đang lưu hành” có nghĩa là bất kỳ Trái Phiếu nào đã được phát hành hợp lệ và được thanh toán đầy đủ bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhưng chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (k) Thuật ngữ “chuyển nhượng” khi được sử dụng cho Trái Phiếu có nghĩa là giao dịch bán, chuyển nhượng, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu không kèm theo cam kết mua lại hoặc chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác đối với Trái Phiếu phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng; và “việc chuyển nhượng”, “bên chuyển nhượng”, “bên nhận chuyển nhượng” và các dạng từ khác của “chuyển nhượng” sẽ được diễn giải một cách tương ứng.
- (l) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều Khoản 17.1 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể quy định khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.
- (m) Việc sử dụng thuật ngữ “bao gồm”, “bao gồm cả”, “kể cả” hoặc các diễn đạt tương tự sẽ được hiểu là không có giới hạn.

PHỤ LỤC II

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

1. Triệu Tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

- 1.1 Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị**") sẽ do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập trong các trường hợp quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- 1.2 Khi có nhu cầu triệu tập Hội Nghị, người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu bằng văn bản về việc triệu tập Hội Nghị ("**Yêu Cầu Triệu Tập**"). Yêu Cầu Triệu Tập phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) có thông tin về người yêu cầu triệu tập, và (iii) đính kèm dự thảo nội dung và chương trình họp của Hội Nghị và các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định.
- 1.3 Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị, (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Trái Phiếu về Yêu Cầu Triệu Tập và Thời Điểm Khóa Sổ đó, và (iii) chỉ trong trường hợp một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu triệu tập Hội Nghị, đề nghị Đại Lý Trái Phiếu xác nhận thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị của (các) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó phù hợp với quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Triệu Tập có liên quan.
- 1.4 Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với người yêu cầu triệu tập và Tổ Chức Phát Hành để xác định địa điểm, phương thức tổ chức Hội Nghị và thống nhất nội dung và chương trình họp của Hội Nghị, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của người yêu cầu triệu tập.
- 1.5 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Trái Phiếu để bảo đảm Đại Lý Trái Phiếu sẽ gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.
- 1.6 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu triệu tập về việc chi trả chi phí tổ chức Hội Nghị (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 1.5 trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị (với điều kiện là ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan) và gửi thông báo mời tham dự Hội Nghị ("**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**") cho tất cả các Đại Biểu (như được định nghĩa tại Đoạn 3.2 của Phụ Lục II này). Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có đầy đủ thông tin về địa điểm, ngày,

giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị. Kèm theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có mẫu văn bản chỉ định đại diện hợp pháp dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Chương Trình Và Nội Dung

- 2.1 Người yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải chuẩn bị dự thảo nội dung và chương trình họp của Hội Nghị và gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- 2.2 Nếu không phải là người yêu cầu triệu tập, Tổ Chức Phát Hành hoặc Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Mục 3 của Phụ Lục II này sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền gửi văn bản kiến nghị bổ sung một hoặc một số vấn đề để đưa vào chương trình họp của Hội Nghị. Văn bản kiến nghị đó phải được gửi đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chậm nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc Hội Nghị.
- 2.3 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa kiến nghị bổ sung nêu tại Đoạn 2.2 trên đây vào chương trình họp của Hội Nghị. Tuy nhiên, kiến nghị bổ sung sẽ chỉ được thảo luận trong chương trình họp của Hội Nghị nếu được Hội Nghị chấp thuận.

3. Quyền Tham Dự Hội Nghị

- 3.1 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng sẽ có quyền tham dự Hội Nghị được triệu tập theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 3.2 Chỉ có các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Đoạn 3.1 trên đây và đại diện hợp pháp của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Đại Biểu**") được tham dự và phát biểu tại Hội Nghị, tuy nhiên, chỉ có Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện hợp pháp của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được biểu quyết tại Hội Nghị.

4. Thủ Thức Tiến Hành Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

- 4.1 Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hợp pháp của mình tham dự Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là nếu tham dự thông qua người đại diện, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi văn bản ủy quyền được công chứng/chứng thực đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày tiến hành Hội Nghị.
- 4.2 Trước thời điểm dự kiến khai mạc Hội Nghị, Đại Biểu phải đăng ký tham dự Hội Nghị bằng cách (i) xuất trình Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị, văn bản chỉ định đại diện dự họp đã được ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ và giấy tờ hợp pháp thể hiện thông tin nhận diện cá nhân của Đại Biểu để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối chiếu, và (ii) ký vào danh sách đại biểu tham dự Hội Nghị tương ứng với tên của Đại Biểu đó (nếu Đại Biểu đó chính là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), tên của cá nhân mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

cá nhân), hoặc tên của tổ chức mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức).

- 4.3 Thời điểm xác định số Đại Biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(b) của Các Điều Khoản Trái Phiếu là lúc kết thúc khoảng thời gian 45 (bốn mươi lăm) phút sau giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị được quy định trong Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 4.4 Nếu lần triệu tập Hội Nghị thứ nhất không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ nắm giữ Trái Phiếu tối thiểu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(b) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải triệu tập Hội Nghị lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị lần thứ nhất bằng cách gửi một thông báo tương tự Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị (mà không cần phải nhận được một Yêu Cầu Triệu Tập) theo quy định tại Đoạn 1.6 của Phụ Lục II này.
- 4.5 Nếu lần triệu tập Hội Nghị thứ hai không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ nắm giữ Trái Phiếu tối thiểu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(b) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải triệu tập Hội Nghị lần thứ ba trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị lần thứ hai bằng cách gửi một thông báo tương tự Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị (mà không cần phải nhận được một Yêu Cầu Triệu Tập) theo quy định tại Đoạn 1.6 của Phụ Lục II này.
- 4.6 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định chủ tọa Hội Nghị và một hoặc một số người làm thư ký Hội Nghị khi bắt đầu Hội Nghị.
- 4.7 Hội Nghị sẽ bầu ban kiểm phiếu không quá 3 (ba) người trong số các Đại Biểu tham dự Hội Nghị. Chủ tọa và thư ký không được tham gia ban kiểm phiếu.
- 4.8 Nội dung và chương trình họp của Hội Nghị phải được Hội Nghị thông qua trước khi Hội Nghị bắt đầu thảo luận. Hội Nghị thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung và chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Hội Nghị. Với mỗi Trái Phiếu sở hữu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có một phiếu biểu quyết.
- 4.9 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ đại diện hợp pháp dự họp của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào đến sau khi Hội Nghị đã khai mạc sẽ phải đăng ký dự họp theo quy định tại Đoạn 4.2 của Phụ Lục II này và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký đó. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người nêu trên đăng ký dự họp; và trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 4.10 Cho dù có các quy định trong Các Điều Khoản Trái Phiếu, khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình họp của Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết hay được đề cập trong văn bản kiến nghị bổ sung theo quy định tại Đoạn 2.2 của Phụ Lục II này (kể cả việc bầu ban kiểm phiếu và ấn định nội dung và chương trình họp

của Hội Nghị), vấn đề đó sẽ được xem là được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá của các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

5. Biên Bản Hội Nghị

5.1 Diễn biến và nội dung Hội Nghị phải được ghi vào biên bản, lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) thông tin về Tổ Chức Phát Hành (tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh);
- (ii) thông tin về Trái Phiếu;
- (iii) thời gian và địa điểm tổ chức Hội Nghị;
- (iv) chương trình và nội dung Hội Nghị;
- (v) chủ toạ và thư ký;
- (vi) tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Hội Nghị về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- (vii) số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và tổng số phiếu biểu quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị, phụ lục danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị với số Trái Phiếu và số phiếu biểu quyết tương ứng;
- (viii) tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị; và
- (ix) các quyết định đã được thông qua.

5.2 Biên bản Hội Nghị phải được lập và thông qua trước khi bế mạc Hội Nghị và phải được ký bởi hoặc nhân danh tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị. Trong trường hợp biên bản đã có đủ các nội dung nêu tại Đoạn 5.1 của Phụ Lục II này mà bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc đại diện của bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào từ chối ký biên bản thì chữ ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc đại diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó để xác nhận việc tham dự Hội Nghị theo quy định tại Đoạn 4.2(ii) của Phụ Lục II này sẽ được xem là chữ ký của họ trong biên bản. Biên bản Hội Nghị được lập theo quy trình nêu trên kèm theo các biên bản kiểm phiếu (nếu có) sẽ là bằng chứng chính thức về các nội dung và quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị có liên quan. Để tránh nhầm lẫn, quyết định về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Đoạn 4.10 của Phụ Lục II này) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm được thông qua, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

5.3 Trên cơ sở biên bản Hội Nghị, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua tại Hội Nghị và công bố tại Hội Nghị. Văn bản

tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

6. Tổ Chức Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Nếu Trái Phiếu Chưa Được Đăng Ký Với Trung Tâm Lưu Ký

6.1 Việc lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành trong các trường hợp quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

6.2 Khi có nhu cầu lấy ý kiến bằng văn bản của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu bằng văn bản về việc lấy ý kiến ("**Yêu Cầu Lấy Ý Kiến**"). Yêu Cầu Lấy Ý Kiến phải (i) được Tổ Chức Phát Hành ký và đóng dấu hợp lệ, (ii) nêu vấn đề cần lấy ý kiến và ngày dự kiến kết thúc thời hạn nhận ý kiến và (iii) đính kèm dự thảo phiếu lấy ý kiến (theo mẫu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp).

6.3 Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích lấy ý kiến bằng văn bản, và (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Trái Phiếu về Yêu Cầu Lấy Ý Kiến và Thời Điểm Khóa Sổ đó. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến có liên quan.

6.4 Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với Tổ Chức Phát Hành để thống nhất nội dung phiếu lấy ý kiến và dự thảo nội dung quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của Tổ Chức Phát Hành.

6.5 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Trái Phiếu để bảo đảm Đại Lý Trái Phiếu sẽ gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.

6.6 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu lấy ý kiến về việc chi trả chi phí tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 6.5 trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định thời hạn mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (với điều kiện là ngày kết thúc thời hạn đó trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan) và gửi thông báo lấy ý kiến ("**Thông Báo Lấy Ý Kiến**") cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông báo theo quy định tại Đoạn 6.7 dưới đây. Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có thông tin về thời hạn mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Kèm theo Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có phiếu lấy ý kiến và dự thảo quyết định/nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền gia hạn thời gian lấy ý kiến trong trường hợp đã kết thúc thời hạn nhận ý kiến quy định tại Thông Báo Lấy Ý Kiến mà chưa đủ phiếu lấy ý kiến cần thiết để thông qua một, một số hoặc toàn bộ

nội dung xin ý kiến nhưng trong mọi trường hợp thời gian gia hạn lấy ý kiến không được vượt quá 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận ý kiến quy định tại Thông Báo Lấy Ý Kiến và phải thông báo cho Những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc gia hạn này.

- 6.7 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cũng sẽ có quyền được lấy ý kiến theo Thông Báo Lấy Ý Kiến đó.
- 6.8 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi Thông Báo Lấy Ý Kiến cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Trái Phiếu, các Bên Bảo Đảm, tuy nhiên, chỉ có các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mới được đưa ra ý kiến.
- 6.9 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải được Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ vào một trong hai nội dung sau: tán thành hoặc không tán thành (theo chọn lựa của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến.
- 6.10 Phiếu lấy ý kiến gửi về Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải được đựng trong phong bì dán kín và không được mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến bị xem là không hợp lệ và không được tính khi kiểm phiếu nếu:
 - (i) được gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sau khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến được quy định trong Thông Báo Lấy Ý Kiến; hoặc
 - (ii) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến trong phiếu lấy ý kiến đó, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chọn nhiều hơn một trong hai nội dung sau: tán thành hoặc không tán thành.
- 6.11 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành kiểm phiếu tại các thời điểm như sau, tùy từng trường hợp áp dụng:
 - (a)
 - (i) Khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được số lượng phiếu lấy ý kiến của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu chiếm tỷ lệ cần thiết để thông qua quyết định theo Các Điều Khoản Trái Phiếu (để làm rõ, trong trường hợp có nhiều nội dung lấy ý kiến thì số lượng phiếu lấy ý kiến cần thiết là số lượng phiếu lấy ý kiến của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu chiếm tỷ lệ cần thiết đối với vấn đề cần tỷ lệ thông qua cao nhất) hoặc (ii) khi hết thời hạn lấy ý kiến mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý gia hạn thời gian lấy ý kiến theo quy định tại Mục 6.6 thì:
 - (A) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu theo quy định tại Mục 6.12; và
 - (B) Trong trường hợp một, một số hoặc toàn bộ các nội dung xin ý kiến đã được thông qua bởi những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu cần thiết theo Các Điều Khoản Trái Phiếu, căn cứ vào biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ký và ban hành nghị quyết đối với một, một số hoặc toàn bộ các nội dung xin ý kiến đã được chấp thuận (nếu có).

- (b) Đến thời điểm cuối cùng nhận ý kiến mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không gia hạn thời gian lấy ý kiến theo quy định tại Mục 6.6 hoặc (ii) khi kết thúc thời gian gia hạn thời gian lấy ý kiến theo quy định tại Mục 6.6 hoặc (iii) khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận đủ phiếu lấy ý kiến của toàn bộ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, ký và ban hành nghị quyết đối với các nội dung lấy ý kiến trên cơ sở biên bản kiểm phiếu đã lập, trừ nội dung đã được chấp thuận tại Mục 6.11(a)(ii) (nếu có).

6.12 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Tổ Chức Phát Hành. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- (ii) số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham gia biểu quyết;
- (iii) tổng số phiếu hợp lệ tán thành và không tán thành đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;
- (iv) tổng số phiếu không gửi về cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trước khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến; và
- (v) các quyết định đã được thông qua.

Biên bản kiểm phiếu phải được đại diện hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và đại diện của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ. Để tránh nhầm lẫn, quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm lập biên bản kiểm phiếu, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

6.13 Tỷ lệ cần thiết để thông qua một quyết định/nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được quy định cụ thể tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

6.14 Trên cơ sở biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong lần lấy ý kiến có liên quan và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vào cùng ngày lập biên bản kiểm phiếu.

7. Triệu Tập Hội Nghị Và Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Trong Trường Hợp Trái Phiếu Đã Được Đăng Ký Tại Trung Tâm Lưu Ký

7.1 Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại Trung Tâm Lưu Ký thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm tổ chức Hội Nghị hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan,

các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng), và các quy định có liên quan của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này (trong phạm vi các quy định đó không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng)).

- 7.2 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Trung Tâm Lưu Ký để nhận danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chốt tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cho mục đích tổ chức Hội Nghị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng).

8. Các Quy Định Chung

- 8.1. Thời điểm xác định số đại biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị là lúc kết thúc 45 (bốn mươi lăm) phút tính từ thời điểm ấn định khai mạc Hội Nghị.
- 8.2. Khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình tổ chức Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết (hay trong kiến nghị bổ sung chương trình) (kể cả bầu ban kiểm phiếu và ấn định chương trình và nội dung Hội Nghị), vấn đề đó được xem là được quyết định hoặc chấp thuận bởi Hội Nghị nếu được tán thành bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá số Trái Phiếu đang lưu hành của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.
- 8.3. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi bản sao của biên bản Hội Nghị hoặc biên bản kiểm phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) và văn bản tổng hợp các quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (đã được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ) cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Trái Phiếu trong thời hạn 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc Hội Nghị hoặc kết thúc thời hạn nhận ý kiến bằng văn bản (tùy từng trường hợp áp dụng). Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ (i) lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của mình bản gốc mọi biên bản Hội Nghị, biên bản kiểm phiếu và văn bản tổng hợp các quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu liên quan đến việc tổ chức Hội Nghị và lấy ý kiến bằng văn bản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) cung cấp bản sao của các tài liệu nêu trên theo yêu cầu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Trái Phiếu trên cơ sở có thu phí.
- 8.4. Mọi chi phí, phí tồn thực tế (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay lấy ý kiến là Tổ Chức Phát Hành) hoặc mọi chi phí, phí tồn hợp lý (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay lấy ý kiến không phải là Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến việc triệu tập và tổ chức Hội Nghị hay lấy ý kiến bằng văn bản sẽ do Tổ Chức Phát Hành gánh chịu.

PHỤ LỤC III

MẪU THỎA THUẬN THAM GIA

THỎA THUẬN THAM GIA NÀY (“Thỏa Thuận Tham Gia”) được lập vào ngày [●] tháng [●] năm [●] bởi và giữa:

- (1) **[Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]**
(“Tổ Chức Phát Hành”)

Mã số doanh nghiệp : [Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]
(hoặc tương đương)

Địa chỉ đăng ký : [Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

và

- (2) **[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]** (“Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế”)

Mã số doanh nghiệp : [Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]
(hoặc tương đương)

Địa chỉ đăng ký : [Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

CƠ SỞ KẾT LẬP THỎA THUẬN

XÉT RẰNG,

- (A) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế đã nghiên cứu Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được ký ngày [●] tháng [●] năm 2018 giữa Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, như có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm (“**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”) và đồng ý thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm ngay trước ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này) để thực hiện các công việc, nhiệm vụ và hưởng các quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và
- (B) Theo quy định tại Điều 9.01(b) của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này với Tổ Chức Phát Hành,

DO VẬY, NAY, các bên thỏa thuận như sau:

1. Công Nhận Quyền Và Nghĩa Vụ

- 1.1 Bằng Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế công nhận và đồng ý với Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế (i) sẽ trở thành Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thay thế cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm và (ii) do vậy, sẽ thực hiện mọi nhiệm vụ, công việc và được hưởng mọi quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- 1.2 Kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

2. Thông Báo

Vì mục đích được quy định tại Điều Khoản 13.2 của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Điều 11.04 của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, địa chỉ, số fax và người nhận của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế như sau:

Đối với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu:

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế]

Địa chỉ: [●]

Số fax: [●]

Người nhận: [●]

3. Các Quy Định Khác

- 3.1 Thỏa Thuận Tham Gia này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và được xem là một Văn Kiện Trái Phiếu. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Thỏa Thuận Tham Gia này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Thỏa Thuận Tham Gia này sẽ có nghĩa như được quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- 3.2 Các quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được áp dụng với những sửa đổi cần thiết cho phù hợp với ngữ cảnh cho Thỏa Thuận Tham Gia này như thể được quy định rõ ràng trong Thỏa Thuận Tham Gia này.
- 3.3 Thỏa Thuận Tham Gia này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 3.4 Thỏa Thuận Tham Gia này được ký thành 4 (bốn) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 2 (hai) bản gốc và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế giữ 2 (hai) bản gốc.

ĐỀ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, các bên, thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, đã ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Thỏa Thuận Tham Gia này.

[Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành] với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế] với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]